

TẬP ĐOÀN VINGROUP – CÔNG TY CP



**BÁO CÁO ĐỀ XUẤT
CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG**

**Của Khu đô thị Cầu Rào 2 tại phường Vĩnh
Niệm, quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng**

Hải Phòng, tháng 08 năm 2024

TẬP ĐOÀN VINGROUP – CÔNG TY CP



BÁO CÁO
ĐỀ XUẤT CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG
Của Khu đô thị Cầu Rào 2 tại phường Vĩnh
Niệm, quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng

CHỦ CƠ SỞ
TẬP ĐOÀN VINGROUP – CÔNG TY CP



PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC
Mai Hương Nội

ĐƠN VỊ TƯ VẤN
TRUNG TÂM QUAN TRẮC
MÔI TRƯỜNG



PHÓ GIÁM ĐỐC
Trịnh Văn Đại

Hải Phòng, tháng 07 năm 2024

MỤC LỤC

DANH MỤC TỪ VÀ CÁC KÝ HIỆU VIẾT TẮT	3
DANH MỤC CÁC BẢNG.....	4
CHƯƠNG I. THÔNG TIN CHUNG VỀ CƠ SỞ	6
1.1. Tên chủ cơ sở.....	6
1.2. Tên cơ sở.....	6
1.3. Quy mô, công nghệ sản xuất, sản phẩm dịch vụ của cơ sở.....	8
1.3.1. Quy mô của cơ sở	8
1.3.2. Công nghệ sản xuất của Cơ sở	11
1.4. Nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, điện năng, hóa chất sử dụng, nguồn cung cấp điện, nước của cơ sở	11
1.4.1. Nhu cầu sử dụng nhiên liệu	11
1.4.2. Nhu cầu sử dụng điện, nước	12
1.5. Các thông tin khác liên quan đến Cơ sở.....	14
1.5.1. Các hạng mục công trình của Cơ sở.....	14
1.5.2. Tổ chức quản lý và vận hành cơ sở	16
1.5.3. Lý do lập báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường	16
CHƯƠNG II. SỰ PHÙ HỢP CỦA CƠ SỞ VỚI QUY HOẠCH, KHẢ NĂNG CHỊU TẢI CỦA MÔI TRƯỜNG	18
2.1. Sự phù hợp của cơ sở với quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia, quy hoạch tỉnh, phân vùng môi trường.....	18
2.2. Sự phù hợp của cơ sở đối với khả năng chịu tải của môi trường	18
CHƯƠNG III. KẾT QUẢ HOÀN THÀNH CÁC CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ	19
3.1. Công trình, biện pháp thoát nước mưa, thu gom và xử lý nước thải.....	20
3.1.1. Công trình, biện pháp thu gom, thoát nước mưa.....	20
3.1.2. Công trình, biện pháp thu gom, thoát nước thải	23
3.1.3. Công trình, biện pháp xử lý nước thải.....	30
3.2. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý bụi, khí thải.....	39
3.2.1. Các nguồn phát sinh bụi, khí thải	39
3.2.2. Công trình, biện pháp thu gom bụi, khí thải.....	40
3.3. Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải rắn thông thường	42
3.3.1. Nguồn và khối lượng phát sinh chất thải rắn thông thường.....	42
3.3.2. Công trình, biện pháp quản lý, xử lý chất thải rắn thông thường.....	44
3.4. Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải nguy hại.....	45
3.4.1. Nguồn và khối lượng phát sinh chất thải nguy hại	45
3.4.2. Công trình, biện pháp quản lý, xử lý chất thải nguy hại	46
3.5. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung	46
3.6. Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường.....	47
3.6.1. Biện pháp phòng ngừa ứng phó sự cố môi trường đối với nước thải.....	47

3.6.2. Biện pháp phòng ngừa ứng phó sự cố môi trường đối với khí thải.....	47
3.6.3. Biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường khác	48
3.7. Các nội dung thay đổi so với quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường.....	48
CHƯƠNG IV. NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG	53
4.1. Nội dung đề nghị cấp phép đối với nước thải	53
4.1.1. Nguồn phát sinh nước thải.....	53
4.1.2. Dòng nước xả thải vào nguồn nước tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải.....	53
4.1.3. Các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm theo dòng nước thải	54
4.2. Nội dung đề nghị cấp phép đối với khí thải	55
4.3. Nội dung đề nghị cấp phép đối với tiếng ồn, độ rung	55
4.3.1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung.....	55
4.3.2. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung	56
4.3.3. Giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung.....	56
4.4. Nội dung đề nghị cấp phép đối với quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường.....	56
4.4.1. Quản lý chất thải	56
4.4.2. Phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường	58
4.5. Các nội dung đề nghị cấp phép khác về bảo vệ môi trường.....	58
4.5.1. Nội dung về cải tạo, phục hồi môi trường.....	58
4.5.2. Nội dung về bồi hoàn đa dạng sinh học	58
4.5.3. Các nội dung chủ dự án đầu tư/cơ sở tiếp tục thực hiện theo quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường.....	59
4.5.4. Các nội dung khác về bảo vệ môi trường.....	59
CHƯƠNG V. KẾT QUẢ QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ	61
5.1. Kết quả quan trắc môi trường định kỳ đối với nước thải	61
5.2. Kết quả quan trắc môi trường định kỳ đối với bụi, khí thải.....	63
CHƯƠNG VI. CHƯƠNG TRÌNH QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ	64
6.1. Kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải	64
6.2. Chương trình quan trắc chất thải theo quy định của pháp luật.....	64
6.2.1. Chương trình quan trắc môi trường định kỳ.....	64
6.2.2. Chương trình quan trắc tự động, liên tục chất thải	64
6.3. Kinh phí thực hiện quan trắc môi trường hàng năm	65
CHƯƠNG VII. KẾT QUẢ KIỂM TRA, THANH TRA VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI CƠ SỞ.....	66
CHƯƠNG VIII. CAM KẾT CỦA CHỦ CƠ SỞ	66
PHỤ LỤC BÁO CÁO.....	68

DANH MỤC TỪ VÀ CÁC KÝ HIỆU VIẾT TẮT

Các thông số môi trường

BOD ₅	Nhu cầu oxy sinh hoá (5 ngày)
COD	Nhu cầu oxy hóa học
DO	Hàm lượng oxy hòa tan
TSS	Tổng hàm lượng chất rắn lơ lửng
TSP	Tổng hàm lượng bụi lơ lửng

Các tiêu chuẩn so sánh

QCCP	Quy chuẩn cho phép
QCVN	Quy chuẩn Việt Nam
TCVN	Tiêu chuẩn Việt Nam

Các cơ quan, tổ chức

Bộ TN&MT	Bộ Tài nguyên và Môi trường
HACEM	Trung tâm Quan trắc môi trường
UBND	Ủy ban nhân dân

Các ký hiệu viết tắt khác

QĐ	Quyết định
GHCP	Giới hạn cho phép
CTR	Chất thải rắn
CTNH	Chất thải nguy hại
PCCC	Phòng cháy chữa cháy

DANH MỤC CÁC BẢNG

Bảng 1.1. Các hạng mục công trình của Cơ sở	9
Bảng 1.2. Nhu cầu sử dụng nhiên liệu tại Cơ sở	11
Bảng 1.3. Lượng nước sử dụng tại Cơ sở.....	13
Bảng 1.4. Hiện trạng sử dụng đất của Khu đô thị Cầu Rào 2	14
Bảng 1.5. Hiện trạng các hạng mục công trình của Cơ sở	14
Bảng 3.1. Lưu lượng xả nước thải thực tế năm 2023	24
Bảng 3.2. Các công trình xử lý nước thải đã được xây dựng và lắp đặt tại Cơ sở.....	30
Bảng 3.3. Vị trí xây dựng và kích thước các bể tự hoại	31
Bảng 3.4. Vị trí xây dựng và kích thước các bể tách mỡ	32
Bảng 3.5. Danh mục máy móc thiết bị lắp đặt tại hệ thống xử lý nước thải tập trung.....	35
Bảng 3.6. Thông số kỹ thuật của hệ thống xử lý nước thải tập trung	37
Bảng 3.7. Danh mục hóa chất phục vụ xử lý nước thải	37
Bảng 3.8. Chế độ bổ sung dưỡng chất vào hệ thống xử lý nước thải tập trung	38
Bảng 3.9. Các thiết bị lắp đặt tại hệ thống quan trắc nước thải tự động, liên tục	39
Bảng 3.10. Các thông số kỹ thuật của hệ thống xử lý khí thải (mùi) công suất 4.500 m ³ /giờ ..	41
Bảng 3.11. Khối lượng chất thải rắn thông thường phát sinh theo định mức	42
Bảng 3.12. Khối lượng chất thải nguy hại phát sinh tại Cơ sở.....	45
Bảng 3.13. Các nội dung thay đổi so với so với quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường	49
Bảng 4.1. Các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm theo dòng nước thải	55
Bảng 4.2. Giá trị giới hạn đối với tiếng ồn	56
Bảng 4.3. Giá trị giới hạn đối với độ rung	56
Bảng 4.4. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại dự kiến phát sinh	57
Bảng 4.5. Khối lượng, chủng loại chất thải khác dự kiến phát sinh	57
Bảng 5.1. Bảng tổng hợp kết quả quan trắc nước thải định kỳ của khu đô thị Cầu Rào 2 từ	62
Bảng 6.1. Chương trình quan trắc định kỳ đối với nước thải.....	64
Bảng 6.2. Chương trình quan trắc tự động, liên tục đối với nước thải.....	64

DANH MỤC CÁC HÌNH VẼ

Hình 3.1. Sơ đồ hệ thống thu gom và thoát nước mưa của Cơ sở.....	20
Hình 3.2. Sơ đồ mặt bằng thu gom nước mưa của Cơ sở.....	22
Hình 3.3. Sơ đồ minh họa tổng thể mạng lưới thu gom và thoát nước thải của Khu đô thị Cầu Rào 2	28
Hình 3.4. Sơ đồ tổng mặt bằng thu gom và thoát nước thải của Cơ sở.....	29
Hình 3.5. Sơ đồ công nghệ hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 2.159m ³ /ngày đêm	33

CHƯƠNG I.
THÔNG TIN CHUNG VỀ CƠ SỞ

1.1. Tên chủ cơ sở

- Chủ cơ sở: **Tập đoàn Vingroup – Công ty CP**
- Địa chỉ: Số 7 đường Bằng Lăng 1, Khu đô thị sinh thái Vinhomes Riverside, phường Việt Hưng, quận Long Biên, TP. Hà Nội.
- Người đại diện theo pháp luật của chủ cơ sở: Ông **Nguyễn Việt Quang**; Chức vụ: Tổng giám đốc.
- Điện thoại: 084 4 3974 9999 Fax: 084 4 3974 8888
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần mã số doanh nghiệp 0101245486 do Phòng đăng ký kinh doanh thuộc Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội đăng ký lần đầu ngày 03/05/2002, đăng ký thay đổi lần thứ 72 ngày 16/08/2022.
- Mã số thuế: 0101245486.

1.2. Tên cơ sở

- Tên cơ sở: **Khu đô thị Cầu Rào 2**
 - Địa điểm cơ sở: phường Vĩnh Niệm, quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng.
- Khu đô thị Cầu Rào 2 đã được UBND thành phố Hải Phòng phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường tại Quyết định số 2843/QĐ-UBND ngày 31/10/2018 về việc phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường Dự án Khu đô thị Cầu Rào 2 tại phường Vĩnh Niệm, quận Lê Chân do Tập đoàn Vingroup – Công ty CP làm Chủ đầu tư.
- Khu đô thị Cầu Rào 2 được triển khai trên 2 khu đất có tổng diện tích **491.801m²**. Trong đó, cơ sở đã được UBND thành phố Hải Phòng bàn giao 487.695,4m² trong tổng diện tích 491.801m² bằng các quyết định bàn giao đất gồm: Quyết định số 2832/QĐ-UBND ngày 30/10/2018, Quyết định số 2047/QĐ-UBND ngày 29/8/2019 và Quyết định số 3003/QĐ-UBND ngày 03/12/2019. Như vậy, Khu đô thị Cầu Rào 2 còn **4.105,9m²** đất gồm 1.569,7 m² đất của khu miếu Linh Từ và 2.536,2m² đất của nghĩa trang Gốc Găng chưa được bàn giao.
- Ngày 28/7/2020, UBND thành phố Hải Phòng đã có văn bản số 268/TB-UBND thông báo kết luận của Chủ tịch UBND thành phố, trong đó đồng ý chủ trương không giải phóng mặt bằng và điều chỉnh phân diện tích thuộc nghĩa trang Gốc Găng ra khỏi khu đất số 2; giữ lại khu miếu Linh Từ trên khu đất số 1. Như vậy, Khu đô thị Cầu Rào 2

BÁO CÁO ĐỀ XUẤT CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG
của Khu đô thị Cầu Rào 2 – Tập đoàn Vingroup – Công ty CP

có sự thay đổi tổng diện tích khu đất từ **491.801m²** giảm xuống còn **489.264,8m²**. Trong đó:

- Khu đất số 1 (Khu đất xây dựng Công trình Vinhomes Marina) giữ nguyên diện tích là 441.296,4m².
- Khu đất số 2 (Khu đất xây dựng nhà ở xã hội) giảm diện tích từ 50.504,6m² xuống còn 47.968,4m².

Sơ đồ vị trí 2 khu đất triển khai Khu đô thị Cầu Rào 2 được thể hiện trên hình sau:



Hình 1.1. Sơ đồ vị trí 2 khu đất của Khu đô thị Cầu Rào 2

Khu đất số 1 và khu đất số 2 có vị trí cách xa nhau. Do đó, hạ tầng cấp nước, thoát nước mưa, thoát nước thải tại 2 khu đất được xây dựng độc lập, riêng rẽ. Đối với hạ tầng thoát nước thải:

- Nước thải tại khu đất số 1 được dẫn về hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 2.159m³/ngày (hệ thống xử lý nước thải được xây mới, nằm tại khu đất số 1, theo nội dung đã nêu trong báo cáo ĐTM đã được phê duyệt tại trang 46). Nước sau hệ thống xử lý được xả ra sông Lạch Tray qua cống Đồng Vò.
- Nước thải tại khu đất số 2 được dẫn về nhà máy xử lý nước thải Vĩnh Niệm.

Các hạng mục công trình xây dựng trên khu đất số 1 gồm: Các công trình nhà ở thấp tầng; Các công trình giáo dục (mầm non, tiểu học và THCS); Các công trình công cộng; Các công trình thương mại, dịch vụ đô thị; Cây xanh, mặt nước (hồ cảnh quan);

Bãi đỗ xe và đường giao thông. Các hạng mục công trình trên khu đất số 1 được gọi chung là Công trình Vinhomes Marina (Khu đô thị Cầu Rào 2).

Các hạng mục công trình xây dựng trên khu đất số 2 gồm: Công trình nhà ở cao tầng – nhà ở xã hội; Cây xanh và đường giao thông. Tuy nhiên, Tập đoàn Vingroup – Công ty CP chỉ tiến hành san lấp mặt bằng và xây dựng hạ tầng kỹ thuật trên khu đất số 2, không xây dựng công trình nhà ở cao tầng – nhà ở xã hội. Sau này, nước thải của khu này sẽ được thu gom chảy trực tiếp về Trạm xử lý nước thải Vĩnh Niệm để xử lý (theo đúng nội dung đã nêu trong báo cáo ĐTM đã được phê duyệt tại trang 47). Sau khi xây dựng xong hạ tầng kỹ thuật, Tập đoàn Vingroup – Công ty CP sẽ bàn giao đất xây dựng các công trình hạ tầng kỹ thuật cho UBND quận Lê Chân quản lý; bàn giao đất xây dựng công trình nhà ở cao tầng – nhà ở xã hội cho Trung tâm phát triển quỹ đất thuộc Sở TNMT quản lý cho đến khi có quyết định khác của UBND thành phố.

- Các văn bản có liên quan đến công tác bảo vệ môi trường của Cơ sở:

+ Quyết định số 2843/QĐ-UBND ngày 31/10/2018 của Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng về việc phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường Dự án Khu đô thị Cầu Rào 2 tại phường Vĩnh Niệm, quận Lê Chân do Tập đoàn Vingroup – Công ty CP làm Chủ đầu tư.

+ Giấy phép xả nước thải vào nguồn nước số 1748/GP-UBND ngày 23/06/2021 của Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng.

+ Giấy xác nhận số 06/GXN-STNMT ngày 17 tháng 02 năm 2022 của Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng hoàn thành công trình bảo vệ môi trường của khu vực phía Đông (khu nhà thấp tầng) thuộc Dự án Khu đô thị Cầu Rào 2 tại phường Vĩnh Niệm, quận Lê Chân (không bao gồm công trình bảo vệ môi trường của trường mầm non và 02 trường liên cấp (tiểu học và trung học cơ sở).

- Quy mô của cơ sở:

Cơ sở có tổng vốn đầu tư là 4.600 tỷ đồng thuộc lĩnh vực xây dựng khu nhà ở. Theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công, Cơ sở được phân loại tương đương với dự án nhóm A (theo khoản 2 Điều 8 Luật đầu tư công 2019). Theo tiêu chí về môi trường, Cơ sở được phân loại tương đương với dự án đầu tư nhóm II (thuộc mục số 10, Phụ lục IV Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ).

1.3. Quy mô, công nghệ sản xuất, sản phẩm dịch vụ của cơ sở

1.3.1. Quy mô của cơ sở

BÁO CÁO ĐỀ XUẤT CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG
của Khu đô thị Cầu Rào 2 – Tập đoàn Vingroup – Công ty CP

- Tổng diện tích của cơ sở: 489.264,8 m². Trong đó gồm các hạng mục công trình cụ thể như sau:

Bảng 1.1. Các hạng mục công trình của Cơ sở

STT	Loại đất	Tổng diện tích của dự án (m ²)	Diện tích đã hoàn thành (m ²)	Diện tích chưa thực hiện (m ²)
A	Khu 1 (Khu Đất xây dựng công trình Vinhomes Marina)	441.296,4	417.263	24.033,4
I	Đất nhóm nhà ở	302.122,2	278.088,8	24.033,4
1	1.153 căn nhà ở thấp tầng	149.391,4	149.391,4	-
2	Công trình giáo dục	24.033,4	-	24.033,4
2.1	01 Trường mầm non	4.969,3	-	4.969,3
2.2	01 Trường liên cấp (Tiểu học và THCS)	8.107,6	-	8.107,6
2.3	01 Trường liên cấp (Tiểu học và THCS)	10.956,5	-	10.956,5
3	Công trình công cộng nhóm nhà ở	2.701,4	2.701,4	-
3.1	Công trình công cộng CC1 (Nhà ban quản lý dự án, sân tennis)	1.888,7	1.888,7	-
3.2	Công trình công cộng CC2	812,7	812,7	-
	- Nhà hàng Thủy Tạ	307,3	307,3	-
	- Sân cầu dẫn	52	52	-
	- Sân	453,3	453,3	-
4	Bãi đỗ xe	1.378,1	1.378,1	-
5	Đất cây xanh nhóm nhà ở	7.025,9	7.025,9	-
6	Đất giao thông nhóm nhà ở	117.592	117.592	-
II	Đất xây dựng công trình thương mại dịch vụ	10.363,0	10.363,0	-
1	39 căn thương mại dịch vụ	5.033,9	5.033,9	-
2	Cảnh quan, sân vườn, đường dạo	4.209,5	4.209,5	-

BÁO CÁO ĐỀ XUẤT CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG
của Khu đô thị Cầu Rào 2 – Tập đoàn Vingroup – Công ty CP

STT	Loại đất	Tổng diện tích của dự án (m ²)	Diện tích đã hoàn thành (m ²)	Diện tích chưa thực hiện (m ²)
3	Giao thông, bãi đỗ xe	1.119,6	1.119,6	-
III	Đất cây xanh đơn vị ở, mặt nước cảnh quan	95.916,7	95.916,7	-
1	<i>Đất cây xanh đơn vị ở</i>	23.827,2	23.827,2	-
2	<i>Mặt nước cảnh quan kết hợp hồ điều hòa</i>	72.089,6	72.089,6	-
2.1	Hồ điều hòa số 1	38.939,1	38.939,1	-
2.2	Hồ điều hòa số 2	33.150,5	33.150,5	-
IV	Đất giao thông đơn vị ở	32.894,5	32.894,5	-
B	Khu 2 (Khu đất xây dựng nhà ở xã hội)	47.968,4	7.985,5	39.982,9
I	Đất nhóm nhà ở	47.968,4	7.985,5	39.982,9
1	<i>Đất cao tầng – nhà ở xã hội</i>	39.982,9	-	39.982,9
2	<i>Cây xanh và đường giao thông</i>	7.985,5	7.985,5	-
Tổng diện tích		489.264,8	425.248,5	64.016,3

Các hạng mục, công trình đã hoàn thiện, bao gồm:

- Khu 1 (Khu Đất xây dựng công trình Vinhomes Marina)
- + 1.153 căn nhà ở thấp tầng trên diện tích 149.391,4 m².
- + Công trình công cộng CC1 (nhà ban quản lý dự án, sân tennis) trên diện tích 1.888,7 m².
- + Công trình công cộng CC2 (Nhà hàng Thủy Tạ; sân cầu dẫn, sân) trên diện tích 812,7 m².
- + Bãi đỗ xe trên diện tích 1.378,1 m².
- + Đất cây xanh nhóm nhà ở trên diện tích 7.025,9 m².
- + Đất giao thông nhóm nhà ở trên diện tích 117.592 m².
- + 39 căn nhà thương mại dịch vụ trên diện tích 5.033,9 m².
- + Cảnh quan, sân vườn, đường dạo trên diện tích 4.209,5 m².

- + Đất giao thông, bãi đỗ xe trên diện tích 1.119,6 m².
- + Đất cây xanh đơn vị ở trên diện tích 23.827,2 m².
- + Mặt nước cảnh quan kết hợp hồ điều hòa (hồ điều hòa số 1, hồ điều hòa số 2) trên diện tích 72.089,6 m².
- + Đất giao thông đơn vị ở trên diện tích 32.894,5 m².
- *Khu 2 (Khu đất xây dựng nhà ở xã hội)*
- + Cây xanh và đường giao thông trên diện tích 7.985,5m²

1.3.2. Công nghệ sản xuất của Cơ sở

Khu đô thị Cầu Rào 2 là khu đô thị với hạ tầng kỹ thuật đồng bộ, đáp ứng nhu cầu kinh doanh thương mại và nhà ở của người dân. Tại Khu đô thị không có hoạt động sản xuất.

1.3.3. Sản phẩm của Cơ sở

Khu đô thị Cầu Rào 2 gồm có các công trình sau:

- 1.153 căn nhà ở thấp tầng (nhà ở thấp tầng loại 1, nhà ở thấp tầng loại 2, nhà ở thấp tầng loại 3, nhà ở kết hợp TMDV (shophouse))
- Nhà ban quản lý dự án 02 tầng.
- 39 căn thương mại dịch vụ.
- 01 Nhà hàng Thủy Tạ 02 tầng.
- 02 Hồ điều hòa.
- Hệ thống hạ tầng gồm: đường giao thông, hệ thống thoát nước mưa, thoát nước thải (bao gồm trạm xử lý nước thải), hệ thống cấp điện, cấp nước, điện chiếu sáng công cộng, hệ thống phòng cháy chữa cháy ngoài nhà, hệ thống thông tin liên lạc, hào kỹ thuật, công viên cây xanh, quảng trường, mặt nước, bãi đỗ xe.

1.4. Nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, điện năng, hóa chất sử dụng, nguồn cung cấp điện, nước của cơ sở

1.4.1. Nhu cầu sử dụng nhiên liệu

Tại Cơ sở có 04 máy phát điện dự phòng công suất 2.500 KVA đặt tại khu vực trạm máy phát. Khi nguồn điện lưới bị gián đoạn, máy phát điện dự phòng công suất 2.500 KVA sẽ cung cấp điện dự phòng cho hạng mục, công trình nhà ở cho toàn bộ cơ sở.

Bảng 1.2. Nhu cầu sử dụng nhiên liệu tại Cơ sở

STT	Nhiên liệu	Số lượng	Đơn vị	Mục đích sử dụng	Nguồn cung cấp
-----	------------	----------	--------	------------------	----------------

BÁO CÁO ĐỀ XUẤT CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG
của Khu đô thị Cầu Rào 2 – Tập đoàn Vingroup – Công ty CP

1	Dầu DO	5.880	Lít	Vận hành máy phát điện dự phòng (khi mất điện lưới)	Cơ sở kinh doanh xăng dầu
---	--------	-------	-----	---	---------------------------

1.4.2. Nhu cầu sử dụng điện, nước

1.4.2.1. Nhu cầu sử dụng điện

Cơ sở sử dụng nguồn điện lưới của khu vực do Công ty TNHH Một thành viên Điện lực Hải Phòng. Điện được sử dụng cho hoạt động sinh hoạt, kinh doanh, dịch vụ. Căn cứ hóa đơn sử dụng điện, lượng điện sử dụng bình quân hàng tháng là **903.950,50 kW/tháng**.

1.4.2.2. Nhu cầu sử dụng nước

a. Các hoạt động sử dụng nước

Cơ sở sử dụng nước do Công ty Cổ phần cấp nước Hải Phòng cung cấp. Nước được cấp cho hoạt động sinh hoạt, kinh doanh, dịch vụ. Cụ thể:

- Nước cấp cho hoạt động sinh hoạt của người dân ở tại 1.153 căn nhà ở thấp tầng.
- Nước cấp cho hoạt động của cán bộ, nhân viên làm việc tại Nhà ban quản lý dự án.
- Nước cấp cho hoạt động của khách sử dụng dịch vụ, cán bộ, nhân viên tại nhà hàng Thủy tạ.
- Nước cấp cho hoạt động sinh hoạt của khách sử dụng dịch vụ và người dân ở tại 39 căn nhà thương mại dịch vụ.
- Nước cấp cho bể bơi gồm nước cấp bổ sung lượng hao hụt; nước cấp sục rửa hệ thống lọc áp lực của bể bơi.

Tại Cơ sở có 02 bể bơi gồm: 01 bể bơi trong nhà thể tích 270m³ tại khu nhà ban quản lý dự án; 01 bể bơi ngoài trời thể tích 350m³ tại khu cảnh quan, sân vườn của 39 căn thương mại dịch vụ.

Nước bể bơi không thay thế khi bẩn mà được xử lý tuần hoàn liên tục qua hệ thống lọc áp lực và hàng ngày cấp bổ sung lượng hao hụt (chủ yếu là do bốc hơi). Quy trình công nghệ xử lý nước bể bơi như sau: Nước bể bơi được đưa vào bể cân bằng qua các rãnh tràn xung quanh bể bơi. Từ bể cân bằng nước được bơm liên tục vào bình lọc. Tại bình lọc các chất huyền phù được giữ lại trên bề mặt vật liệu lọc. Phần nước trong tiếp tục được khử trùng bằng dung dịch clo, cuối cùng nước sạch được bơm tuần hoàn trở lại bể bơi. Định kỳ khoảng 2 ngày 1 lần hệ thống lọc áp lực bể bơi sẽ được rửa ngược bằng nước sạch để loại bỏ bùn cặn bám trên bề mặt vật liệu lọc. Theo kinh nghiệm vận hành thực tế, lượng nước cấp cho quá trình rửa ngược vật liệu lọc của hệ thống lọc áp lực bể bơi là 1,0 m³/lần/bể. Như vậy, tổng khối lượng nước thải do rửa ngược vật liệu lọc từ

BÁO CÁO ĐỀ XUẤT CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG
của Khu đô thị Cầu Rào 2 – Tập đoàn Vingroup – Công ty CP

02 bể bơi là 2,0 m³/lần. Và hoạt động này sẽ phát sinh nước thải từ rửa ngược vật liệu lọc của hệ thống lọc áp lực.

- Nước cấp cho hoạt động tắm tráng tại bể bơi.

- Nước cấp cho bể chứa dung dịch hấp thụ của hệ thống xử lý khí thải (mùi) phát sinh từ hệ thống xử lý nước thải. Hệ thống xử lý khí thải (mùi) sử dụng phương pháp hấp thụ (sử dụng hóa chất airsolution 9312) và hấp phụ (sử dụng than hoạt tính). Dung dịch hấp thụ được sử dụng tuần hoàn, không thải ra môi trường. Định kỳ 6 tháng/lần người công nhân vận hành sẽ kiểm tra, bổ sung lượng hao hụt trong bể và tiến hành hút bùn cặn thải phát sinh.

- Nước cấp tưới cây, rửa sân đường.

b. Nhu cầu sử dụng nước

Nhu cầu sử dụng nước của Cơ sở theo Hóa đơn thu tiền nước từ tháng 05/2023 đến tháng 04/2024 như sau:

Bảng 1.3. Lượng nước sử dụng tại Cơ sở

TT	Tháng	m³/tháng	m³/ngày
1	05/2023	20.767	692,2
2	06/2023	23.108	770,3
3	07/2023	22.037	734,6
4	08/2023	23.886	796,2
5	09/2023	22.357	745,2
6	10/2023	22.304	743,5
7	11/2023	24.901	830,0
8	12/2023	24.056	801,9
9	01/2024	24.370	812,3
10	02/2024	21.339	711,3
11	03/2024	22.408	746,9
12	04/2024	23.448	781,6
Trung bình		22.915,08	763,84
Lớn nhất		24.901	830,0

BÁO CÁO ĐỀ XUẤT CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG
của Khu đô thị Cầu Rào 2 – Tập đoàn Vingroup – Công ty CP

Căn cứ vào hóa đơn thu tiền nước, nhu cầu sử dụng nước của Cơ sở từ tháng 05/2023 đến tháng 04/2024 trung bình là 22.915,08 m³/tháng, tương đương **763,84 m³/ngày** và lớn nhất là 24.901 m³/tháng (tháng 11/2023), tương đương **830,0 m³/ngày**.

1.5. Các thông tin khác liên quan đến Cơ sở

1.5.1. Các hạng mục công trình của Cơ sở

Tổng diện tích sử dụng đất của Khu đô thị Cầu Rào là 489.264,8 m², đã được UBND thành phố Hải Phòng giao đất tại các Quyết định số 2832/QĐ-UBND ngày 30/10/2018; số 2047/QĐ-UBND ngày 29/08/2018; số 3003/QĐ-UBND ngày 03/12/2019. Hiện trạng sử dụng đất và hiện trạng các hạng mục công trình của Khu đô thị Cầu Rào 2 như sau:

Bảng 1.4. Hiện trạng sử dụng đất của Khu đô thị Cầu Rào 2

STT	Chức năng sử dụng đất	Diện tích (m ²)	Tỷ lệ (%)
1	Đất nhóm nhà ở	350.090,6	71,6
2	Đất xây dựng công trình thương mại dịch vụ	10.363,0	2,1
3	Đất cây xanh đơn vị ở, mặt nước cảnh quan	95.916,7	19,6
4	Đất giao thông đơn vị ở	32.894,5	6,7
Tổng		489.264,8	100

Bảng 1.5. Hiện trạng các hạng mục công trình của Cơ sở

STT	Hạng mục công trình chính	Số lượng	Số tầng	Diện tích (m ²)	Thời gian bắt đầu hoạt động
I	Khu 1 (Khu Đất xây dựng công trình Vinhomes Marina)				
1	Nhà ở thấp tầng loại 1	643	5 tầng	59.829,7	2019
2	Nhà ở thấp tầng loại 2	217	3 tầng	45.125,7	2019
3	Nhà ở thấp tầng loại 3	52	3 tầng	15.378,9	2019
4	Nhà ở kết hợp TMDV (Shophouse)	241	5 tầng	29.057,2	2019
5	Trường mầm non	01	-	4.969,3	Chưa triển khai xây dựng
6	Trường liên cấp (Tiểu học và THCS)	01	-	8.107,6	

BÁO CÁO ĐỀ XUẤT CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG
của Khu đô thị Cầu Rào 2 – Tập đoàn Vingroup – Công ty CP

STT	Hạng mục công trình chính	Số lượng	Số tầng	Diện tích (m ²)	Thời gian bắt đầu hoạt động
7	Trường liên cấp (Tiểu học và THCS)	01	-	10.956,5	
8	Nhà ban quản lý dự án	01	2 tầng	1323	2020
9	Nhà hàng Thủy Tạ	01	2 tầng	307,3	2021
10	39 căn thương mại dịch vụ	39 căn	4 tầng	5.033,9	2020
11	Hồ điều hòa số 1	-	-	38.939,1	2020
12	Hồ điều hòa số 2	-	-	33.150,5	2020
II	Khu 2 (Khu đất xây dựng nhà ở xã hội)				
1	Nhà cao tầng – nhà ở xã hội	-	-	39.982,9	Chưa triển khai xây dựng
2	Cây xanh và đường giao thông	-	-	7.985,5	2021

Ghi chú:

- Nhà ở thấp tầng loại 1 gồm 643 căn cao 5 tầng có diện tích 105m² và 120m², tổng diện tích đất là 59.829,7m².

- Nhà ở thấp tầng loại 2 gồm 217 căn cao 3 tầng có diện tích 160m² - 220m², tổng diện tích đất là 45.125,7m².

- Nhà ở thấp tầng loại 3 gồm 52 căn cao 3 tầng có diện tích 280m² - 400m², tổng diện tích đất là 15.378,9m².

- Nhà ở kết hợp TMDV (Shophouse) gồm 241 căn cao 5 tầng có diện tích 105m² - 120m², tổng diện tích đất là 29.057,2m².

- Nhà ban quản lý dự án diện tích xây dựng là 1.052 m²; cao 2 tầng, diện tích sàn tầng 1 là 1.052m², diện tích sàn tầng 2 là 872 m².

+ Tầng 1 bố trí bể bơi trong nhà (thể tích 270m³) và văn phòng.

+ Tầng 2 bố trí làm văn phòng

- Nhà hàng Thủy Tạ diện tích xây dựng là 307,3m²; cao 02 tầng

+ Tầng 1 bố trí: 01 phòng bếp/01 phòng chế biến/01 gian hàng phục vụ ăn uống/ 01 nhà vệ sinh.

+ Tầng 02 bố trí: 01 nhà vệ sinh/01 gian hàng phục vụ ăn uống/01 phòng nghỉ nhân viên.

- 39 căn thương mại dịch vụ gồm 39 căn, cao 4 tầng, có diện tích dao động từ 105m² đến 529m² được bán cho người dân. Tại đây sẽ có hoạt động kinh doanh buôn bán tùy thuộc vào nhu cầu của người dân. Ngoài ra, tại khu vực cảnh quan, sân vườn có bố trí 1 bể bơi ngoài trời thể tích 350m³.

- Hồ điều hòa 1 có diện tích 38.939,1m².

- Hồ điều hòa 2 có diện tích 33.150,5 m².

- Nhà cao tầng – nhà ở xã hội, trường mầm non, 02 trường liên cấp (Tiểu học và THCS) hiện tại chưa triển khai xây dựng.

1.5.2. Tổ chức quản lý và vận hành cơ sở

- Tập đoàn Vigroup - Công ty CP là Chủ đầu tư chịu trách nhiệm quản lý vận hành Khu đô thị Cầu Rào 2. Để thuận tiện cho việc quản lý cũng như hạch toán kinh tế, Tập đoàn Vigroup - Công ty CP đã giao cho các Chi nhánh tại Hải Phòng quản lý trực tiếp các hạng mục công trình tại khu đô thị Cầu Rào 2, cụ thể như sau:

+ Ban quản lý dự án, 1.153 căn nhà ở thấp tầng, 39 căn thương mại dịch vụ do Chi nhánh tại Hải Phòng – Công ty cổ phần Vinhomes quản lý.

+ Nhà hàng Thủy tạ do Bùi Thị Quyên quản lý.

- Các Chi nhánh tại Hải Phòng có trách nhiệm:

+ Thu gom, lưu giữ, phân loại chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại đảm bảo theo đúng quy định của luật bảo vệ môi trường.

+ Ký hợp đồng thu gom chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại với các đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển, xử lý theo đúng quy định.

+ Gửi bản scan hợp đồng thu gom chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại, chứng từ chất thải nguy hại cho Tập đoàn Vigroup - Công ty CP.

+ Định kỳ gửi số liệu khối lượng chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại cho Tập đoàn Vigroup - Công ty CP.

+ Cung cấp thông tin, tài liệu khi Tập đoàn Vigroup - Công ty CP yêu cầu.

1.5.3. Lý do lập báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường

Cơ sở có tổng vốn đầu tư là 4.600 tỷ đồng thuộc lĩnh vực xây dựng khu nhà ở. Theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công, Cơ sở được phân loại tương đương với dự án nhóm A (theo khoản 2 Điều 8 Luật đầu tư công 2019). Theo tiêu chí về môi trường, Cơ sở được phân loại tương đương với dự án đầu tư nhóm II (thuộc mục số 10, Phụ lục IV Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ).

Cơ sở đã được Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường tại Quyết định số 2843/QĐ-UBND ngày 31/10/2018. Căn cứ

BÁO CÁO ĐỀ XUẤT CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG
của Khu đô thị Cầu Rào 2 – Tập đoàn Vingroup – Công ty CP

khoản 2 Điều 39 và khoản 3 Điều 41 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, Cơ sở thuộc đối tượng phải có giấy phép môi trường thuộc thẩm quyền cấp phép của Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng.

Thực hiện Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 ngày 17/12/2020; Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật BVMT; Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường, Khu đô thị Cầu Rào 2 tiến hành lập Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường trình Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng cấp phép.

CHƯƠNG II.
SỰ PHÙ HỢP CỦA CƠ SỞ VỚI QUY HOẠCH, KHẢ NĂNG CHỊU TẢI CỦA
MÔI TRƯỜNG

2.1. Sự phù hợp của cơ sở với quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia, quy hoạch tỉnh, phân vùng môi trường

** Sự phù hợp của Cơ sở đối với quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia:*

Căn cứ Quyết định số 611/QĐ-TTg ngày 08/7/2024 về phê duyệt Quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050, khoản 3 Điều 1 đã nêu nhiệm vụ về bảo vệ môi trường là giảm thiểu tác động đến môi trường từ hoạt động phát triển kinh tế - xã hội và quản lý chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp, chất thải nguy hại. Cơ sở đã tổ chức phân loại chất thải rắn sinh hoạt tại nguồn, thực hiện các biện pháp giảm thiểu phát sinh chất thải, tăng cường tái sử dụng, tái chế chất thải đáp ứng quy định về bảo vệ môi trường và yêu cầu kỹ thuật.

** Sự phù hợp của Cơ sở đối với quy hoạch thành phố Hải Phòng*

Căn cứ theo Quyết định 1516/QĐ-TTg ngày 02/12/2023 về việc Phê duyệt Điều chỉnh Quy hoạch chung thành phố Hải Phòng đến năm 2040, tầm nhìn đến năm 2050 về nội dung định hướng phát triển các ngành, lĩnh vực thương mại, dịch vụ như sau:

- Hệ thống trung tâm thương mại, tài chính tổng hợp: Nâng cấp trung tâm tài chính – thương mại và hội chợ triển lãm tại quận Lê Chân .

- Điều chỉnh bổ sung các định hướng về khu vực đô thị hiện hữu: Nâng cấp hệ thống hạ tầng nhằm cải thiện điều kiện sống trong các đơn vị ở, khu ở; điều chỉnh chức năng sử dụng đất một số khu vực đô thị trung tâm để dành diện tích xây dựng công viên cây xanh, công trình công cộng, hạ tầng xã hội và các chức năng đô thị khác.

Do đó, Khu đô thị Cầu Rào 2 tại phường Vĩnh Niệm, quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng hoàn toàn phù hợp với định hướng chung của quy hoạch thành phố đến năm 2040, tầm nhìn đến năm 2050.

- Về sự phù hợp đối với phân vùng môi trường: Khu đô thị Cầu Rào 2 có vị trí tại phường Vĩnh Niệm, quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng. Căn cứ Phụ lục XVII của Quyết định số 1516/QĐ-TTg ngày 02/12/2023, về phê duyệt Quy hoạch thành phố Hải Phòng thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050, Cơ sở nằm trong vùng bảo vệ nghiêm

ngặt theo phân vùng môi trường thành phố Hải Phòng. Do đó, nước thải của Dự án sẽ được xử lý đạt QCVN 14:2008/BTNMT đảm bảo đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường theo phân vùng môi trường đã quy định.

2.2. Sự phù hợp của cơ sở đối với khả năng chịu tải của môi trường

Nguồn tiếp nhận nước thải của Khu đô thị Cầu Rào 2 là sông Lạch Tray. Căn cứ Phụ lục 1 của Quyết định số 642/QĐ-UBND ngày 14 tháng 03 năm 2023 của UBND thành phố Hải Phòng phê duyệt khả năng tiếp nhận nước thải, sức chịu tải của nguồn nước sông, hồ nội tỉnh trên địa bàn thành phố Hải Phòng giai đoạn 2021-2025, sông Lạch Tray không nằm trong danh mục đánh giá khả năng tiếp nhận nước thải, sức chịu tải của nguồn nước mặt (các sông) nội tỉnh trên địa bàn thành phố.

Để đánh giá khả năng tiếp nhận nước thải của các sông (theo Khoản 2, Điều 82, Thông tư 02/2022/TT-BTNMT quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường) thì phải xác định giá trị giới hạn tối đa của các thông số trong nước mặt của các sông, tuy nhiên sông Lạch Tray là sông phục vụ giao thông thủy. Theo QCVN 08:2023 - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước mặt, sông Lạch Tray được đánh giá mức D – không quy định giá trị giới hạn. Do đó, báo cáo không đánh giá khả năng tiếp nhận nước thải của sông Lạch Tray

CHƯƠNG III.
KẾT QUẢ HOÀN THÀNH CÁC CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP
BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ

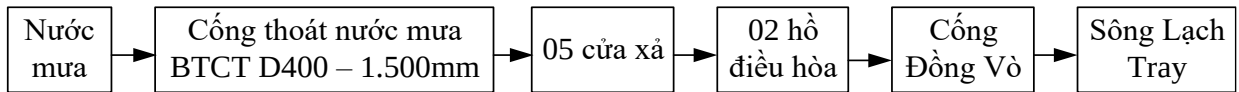
3.1. Công trình, biện pháp thoát nước mưa, thu gom và xử lý nước thải

3.1.1. Công trình, biện pháp thu gom, thoát nước mưa

- Mạng lưới thu gom, thoát nước mưa của Cơ sở:

Hệ thống thoát nước mưa sử dụng cống tròn bê tông cốt thép kích thước D400 – D1500. Nước mưa trên mái các công trình và sân đường nội bộ sẽ theo hệ thống cống BTCT dẫn vào 02 hồ điều hòa của Khu đô thị qua 05 cửa xả. Từ hồ điều hòa, nước mưa chảy vào sông Lạch Tray qua 1 cửa xả.

- Sơ đồ thu gom và thoát nước mưa của Cơ sở như sau:



Hình 3.1. Sơ đồ hệ thống thu gom và thoát nước mưa của Cơ sở

- Thông số kỹ thuật của công trình thu gom và thoát nước mưa:

- + Hệ thống cống BTCT D400- D1.500, dài 11.393m.
- + Cửa xả số 1 là đường cống D1.000, dài 18m.
- + Cửa xả số 2 là đường cống D1.500, dài 12m.
- + Cửa xả số 3 là đường cống D1.500, dài 12m.
- + Cửa xả số 4 là đường cống D1.000, dài 2m.
- + Cửa xả số 5 là đường cống D1.500, dài 2m.

- Khu nhà ở thấp tầng loại 1 (lô TT1-03, TT1-06, TT1-09, TT1-11, TT1-12, TT1-13), Khu nhà ở thấp tầng loại 2 (từ lô TT2-02 đến lô TT2-06), Khu nhà ở kết hợp TMDV (Shophouse) (từ lô TT4-06 đến lô TT4-11), Nhà hàng Thủy Tạ nước mưa thu gom vào hệ thống cống thoát nước mưa xây bằng BTCT, kích thước D400-D1.000 thiết kế xung quanh tòa nhà, sân đường giao thông dẫn ra cửa xả số 1 vào hồ điều hòa số 1.

- Khu nhà ở thấp tầng loại 1 (lô TT1-01, TT1-02, TT1-04, TT1-05, TT1-07, TT1-08, TT1-10), Khu nhà ở thấp tầng loại 2 (lô TT2-01), Khu nhà ở thấp tầng loại 3 (lô TT3-01, TT3-02), Khu nhà ở kết hợp TMDV (Shophouse) (từ lô TT4-01 đến lô TT4-05) nước mưa thu gom vào hệ thống cống thoát nước mưa xây bằng BTCT, kích thước D400-D1.500 thiết kế xung quanh tòa nhà, sân đường giao thông dẫn ra cửa xả số 2 vào hồ điều hòa số 1.

- Khu nhà ở thấp tầng loại 2 (1/2 lô TT2-07), 39 căn thương mại dịch vụ, Nhà ban

quản lý dự án nước mưa thu gom vào hệ thống cống thoát nước mưa xây bằng BTCT, kích thước D400-D1.500 thiết kế xung quanh tòa nhà, sân đường giao thông dẫn ra cửa xả số 3 vào hồ điều hòa số 2.

- Khu nhà ở thấp tầng loại 2 (1/2 lô TT2-07, từ lô TT2-08 đến lô TT2-17); Khu nhà ở thấp tầng loại 3 (từ lô TT3-03 đến lô TT3-06) nước mưa thu gom vào hệ thống cống thoát nước mưa xây bằng BTCT, kích thước D400-D1.000 thiết kế xung quanh tòa nhà, sân đường giao thông dẫn ra cửa xả số 4 vào hồ điều hòa số 2.

- Khu nhà ở thấp tầng loại 1 (từ lô TT1-14 đến lô TT1-42), Khu nhà ở thấp tầng loại 2 (lô TT2-18, TT2-19), Khu nhà ở thấp tầng loại 3 (lô TT3-07), Khu nhà ở kết hợp TMDV (Shophouse) (từ lô TT4-12 đến lô TT4-24) nước mưa thu gom vào hệ thống cống thoát nước mưa xây bằng BTCT, kích thước D400-D1.500 thiết kế xung quanh tòa nhà, sân đường giao thông dẫn ra cửa xả số 5 vào hồ điều hòa số 2.

Cửa xả số 1 và số 2 dẫn nước từ hệ thống cống BTCT D400-D1.500 về hồ điều hòa số 1. Cửa xả số 3, số 4 và số 5 dẫn nước từ hệ thống cống BTCT D400-D1.500 về hồ điều hòa số 2.

+ Hồ điều hòa số 1 diện tích 38.939,1m², Hmax = 3,5m, Htb = 2,0m, dung tích chứa nước tối đa là 136.286,85 m³.

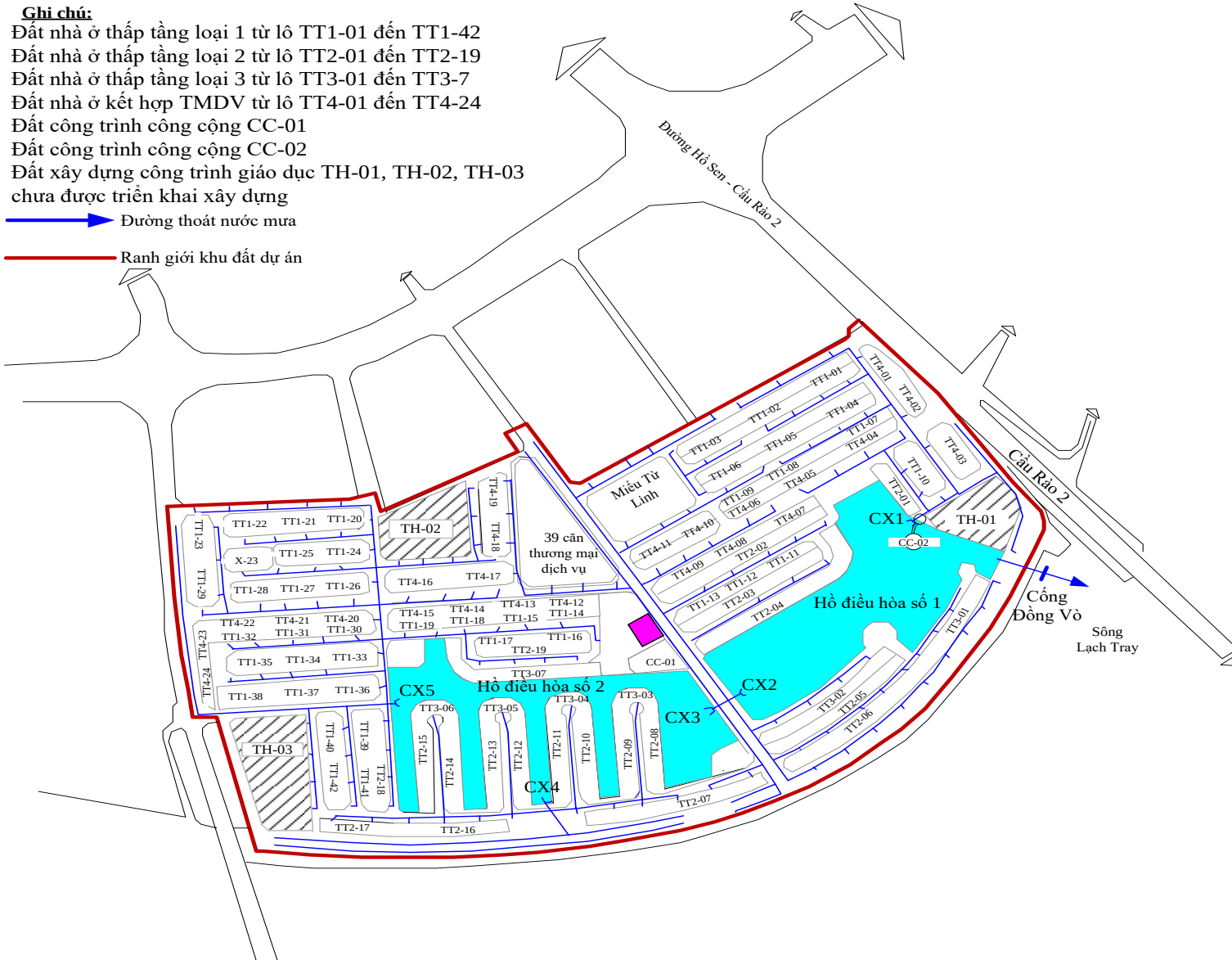
+ Hồ điều hòa số 2 diện tích 33.150,5m², Hmax = 3,5m, Htb = 2,0m, dung tích chứa nước tối đa là 116.026,75 m³.

Tổng dung tích chứa nước của hồ điều hòa số 1 và số 2 là 252.313,6 m³. Hai hồ điều hòa được nối với nhau bởi cống hộp 1.500x1.500, dài 24m.

- Vị trí, số lượng điểm thoát nước mưa bề mặt ra môi trường: Có 01 điểm thoát nước mưa từ hồ điều hòa số 1 vào cống Đồng Vò ra sông Lạch Tray. Tại điểm thoát nước mưa vào cống Đồng Vò có 01 cánh phai ngăn nước. Khi thủy triều xuống, cánh phai được mở ra để nước từ hồ sẽ tự chảy vào cống Đồng Vò ra sông Lạch Tray.

Sơ đồ tổng mặt bằng thu gom nước mưa của Khu đô thị như sau:

BÁO CÁO ĐỀ XUẤT CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG
của Khu đô thị Cầu Rào 2 – Tập đoàn Vingroup – Công ty CP



Hình 3.2. Sơ đồ mặt bằng thu gom nước mưa của Cơ sở

3.1.2. Công trình, biện pháp thu gom, thoát nước thải

3.1.2.1. Nguồn phát sinh nước thải

- Nguồn số 01: Nước thải sinh hoạt (gồm nước thải từ bồn cầu vệ sinh, bồn chậu rửa mặt, thoát sàn, bếp ăn) từ hoạt động của khu nhà ở thấp tầng loại 1 (gồm 198 căn từ lô TT1-01 đến lô TT1-10).

- Nguồn số 02: Nước thải sinh hoạt (gồm nước thải từ bồn cầu vệ sinh, bồn chậu rửa mặt, thoát sàn, bếp ăn) từ hoạt động của khu nhà ở thấp tầng loại 1 (gồm 24 căn từ lô TT1-11 đến lô TT1-13).

- Nguồn số 03: Nước thải sinh hoạt (gồm nước thải từ bồn cầu vệ sinh, bồn chậu rửa mặt, thoát sàn, bếp ăn) từ hoạt động của khu nhà ở thấp tầng loại 1 (gồm 421 căn từ lô TT1-14 đến lô TT1-42).

- Nguồn số 04: Nước thải sinh hoạt (gồm nước thải từ bồn cầu vệ sinh, bồn chậu rửa mặt, thoát sàn, bếp ăn) từ hoạt động của khu nhà ở thấp tầng loại 2 (gồm 6 căn từ lô TT2-01).

- Nguồn số 05: Nước thải sinh hoạt (gồm nước thải từ bồn cầu vệ sinh, bồn chậu rửa mặt, thoát sàn, bếp ăn) từ hoạt động của khu nhà ở thấp tầng loại 2 (gồm 50 căn từ lô TT2-02 đến lô TT2-06).

- Nguồn số 06: Nước thải sinh hoạt (gồm nước thải từ bồn cầu vệ sinh, bồn chậu rửa mặt, thoát sàn, bếp ăn) từ hoạt động của khu nhà ở thấp tầng loại 2 (gồm 102 căn từ lô TT2-07 đến lô TT2-13).

- Nguồn số 07: Nước thải sinh hoạt (gồm nước thải từ bồn cầu vệ sinh, bồn chậu rửa mặt, thoát sàn, bếp ăn) từ hoạt động của khu nhà ở thấp tầng loại 2 (gồm 59 căn từ lô TT2-14 đến lô TT2-19).

- Nguồn số 08: Nước thải sinh hoạt (gồm nước thải từ bồn cầu vệ sinh, bồn chậu rửa mặt, thoát sàn, bếp ăn) từ hoạt động của khu nhà ở thấp tầng loại 3 (gồm 16 căn từ lô TT3-01 đến lô TT3-02).

- Nguồn số 09: Nước thải sinh hoạt (gồm nước thải từ bồn cầu vệ sinh, bồn chậu rửa mặt, thoát sàn, bếp ăn) từ hoạt động của khu nhà ở thấp tầng loại 3 (gồm 18 căn từ lô TT3-03 đến lô TT3-05).

- Nguồn số 10: Nước thải sinh hoạt (gồm nước thải từ bồn cầu vệ sinh, bồn chậu rửa mặt, thoát sàn, bếp ăn) từ hoạt động của khu nhà ở thấp tầng loại 3 (gồm 18 căn từ lô TT3-06 đến lô TT3-07).

- Nguồn số 11: Nước thải sinh hoạt (gồm nước thải từ bồn cầu vệ sinh, bồn chậu rửa mặt, thoát sàn, bếp ăn) từ hoạt động của khu nhà ở kết hợp TMDV (Shophouse) (gồm 62 căn từ lô TT4-01 đến lô TT4-06).

BÁO CÁO ĐỀ XUẤT CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG
của Khu đô thị Cầu Rào 2 – Tập đoàn Vingroup – Công ty CP

- Nguồn số 12: Nước thải sinh hoạt (gồm nước thải từ bồn cầu vệ sinh, bồn chậu rửa mặt, thoát sàn, bếp ăn) từ hoạt động của khu nhà ở kết hợp TMDV (Shophouse) (gồm 62 căn từ lô TT4-07 đến lô TT4-19).

- Nguồn số 13: Nước thải sinh hoạt (gồm nước thải từ bồn cầu vệ sinh, bồn chậu rửa mặt, thoát sàn, bếp ăn) từ hoạt động của khu nhà ở kết hợp TMDV (Shophouse) (gồm 117 căn từ lô TT4-20 đến lô TT4-24).

- Nguồn số 14: Nước thải sinh hoạt (gồm nước thải từ bồn cầu vệ sinh, bồn chậu rửa mặt, thoát sàn, bếp ăn) từ hoạt động của 39 căn thương mại dịch vụ.

- Nguồn số 15: Nước thải sinh hoạt (gồm nước thải từ bồn cầu vệ sinh, bồn chậu rửa mặt, thoát sàn) từ hoạt động của nhà ban quản lý dự án.

- Nguồn số 16: Nước thải sinh hoạt (gồm nước thải từ bồn cầu vệ sinh, bồn chậu rửa mặt, thoát sàn, bếp ăn) từ hoạt động của nhà hàng Thủy Tạ.

- Nguồn số 17: Nước thải từ hoạt động súc rửa hệ thống lọc áp lực bể bơi ngoài trời và trong nhà.

3.1.2.2. Nhu cầu xả nước thải

Căn cứ vào số lượng người thực tế năm 2023 được cụ thể như sau:

+ Tại 1.153 căn nhà ở thấp tầng, hiện tại có 812 căn cư dân đến ở trong số 1.153 căn; tỷ lệ lấp đầy chiếm 70 % tổng lượng cư dân sinh sống khoảng 5.144 người.

+ Tại 39 căn thương mại dịch vụ, hiện tại có 21 căn cư dân đến ở trong số 39 căn; tỷ lệ lấp đầy chiếm 54 % tổng lượng cư dân sinh sống khoảng 120 người.

+ Tại nhà ban quản lý dự án cán bộ nhân viên làm việc là 84 người; khách sử dụng dịch vụ là 18.250 người.

Căn cứ vào số liệu đồng hồ đo lưu lượng nước thải được ghi chép trong nhật ký vận hành của Hệ thống xử lý nước thải tập trung của Cơ sở từ tháng 01/2024 đến tháng 06/2024 lưu lượng xả nước thải lớn nhất của 06 tháng được thể hiện tại bảng sau:

Bảng 3.1. Lưu lượng xả nước thải thực tế năm 2023

STT	Tháng	m³/ngày
1	01/2024	497
2	02/2024	483
3	03/2024	540
4	04/2024	538
5	05/2024	668
6	06/2024	752
Trung bình		579

3.1.2.3. Công trình, biện pháp thu gom nước thải

- Nguồn số 01: Nước thải sinh hoạt gồm nước thải từ các bồn cầu vệ sinh được thu gom, xử lý sơ bộ qua bể tự hoại (gồm 198 bể tự hoại có tổng dung tích khoảng 594 m³) và nước thải từ các bồn chậu rửa mặt, thoát sàn, bếp ăn sẽ theo đường ống nhựa PVC D200-D300 chảy về trạm bơm số 01 về hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 2.159 m³/ngày đêm để xử lý.

- Nguồn số 02: Nước thải sinh hoạt gồm nước thải từ các bồn cầu vệ sinh được thu gom, xử lý sơ bộ qua bể tự hoại (gồm 24 bể tự hoại có tổng dung tích khoảng 72m³) và nước thải từ các bồn chậu rửa mặt, thoát sàn, bếp ăn sẽ theo đường ống nhựa PVC D200-D300 chảy về hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 2.159 m³/ngày đêm để xử lý.

- Nguồn số 03: Nước thải sinh hoạt gồm nước thải từ các bồn cầu vệ sinh được thu gom, xử lý sơ bộ qua bể tự hoại (gồm 421 bể tự hoại có tổng dung tích khoảng 1.263m³) và nước thải từ các bồn chậu rửa mặt, thoát sàn, bếp ăn sẽ theo đường ống nhựa PVC D200-D300 chảy về trạm bơm số 03 về hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 2.159 m³/ngày đêm để xử lý.

- Nguồn số 04: Nước thải sinh hoạt gồm nước thải từ các bồn cầu vệ sinh được thu gom, xử lý sơ bộ qua bể tự hoại (gồm 6 bể tự hoại có tổng dung tích khoảng 18m³) và nước thải từ các bồn chậu rửa mặt, thoát sàn, bếp ăn sẽ theo đường ống nhựa PVC D200-D300 chảy về trạm bơm số 01 về hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 2.159 m³/ngày đêm để xử lý.

- Nguồn số 05: Nước thải sinh hoạt gồm nước thải từ các bồn cầu vệ sinh được thu gom, xử lý sơ bộ qua bể tự hoại (gồm 50 bể tự hoại có tổng dung tích khoảng 150m³) và nước thải từ các bồn chậu rửa mặt, thoát sàn, bếp ăn sẽ theo đường ống nhựa PVC D200-D300 chảy về hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 2.159 m³/ngày đêm để xử lý.

- Nguồn số 06: Nước thải sinh hoạt gồm nước thải từ các bồn cầu vệ sinh được thu gom, xử lý sơ bộ qua bể tự hoại (gồm 102 bể tự hoại có tổng dung tích khoảng 306 m³) và nước thải từ các bồn chậu rửa mặt, thoát sàn, bếp ăn sẽ theo đường ống nhựa PVC D200-D300 chảy về trạm bơm số 02 về hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 2.159 m³/ngày đêm để xử lý.

- Nguồn số 07: Nước thải sinh hoạt gồm nước thải từ các bồn cầu vệ sinh được thu gom, xử lý sơ bộ qua bể tự hoại (gồm 59 bể tự hoại có tổng dung tích khoảng 177 m³) và nước thải từ các bồn chậu rửa mặt, thoát sàn, bếp ăn sẽ theo đường ống nhựa PVC D200-D300 chảy về trạm bơm số 03 về hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 2.159 m³/ngày đêm để xử lý.

- Nguồn số 08: Nước thải sinh hoạt gồm nước thải từ các bồn cầu vệ sinh được thu gom, xử lý sơ bộ qua bể tự hoại (gồm 16 bể tự hoại có tổng dung tích khoảng 48

m³) và nước thải từ các bồn chậu rửa mặt, thoát sàn, bếp ăn sẽ theo đường ống nhựa PVC D200-D300 chảy về trạm bơm số 02 về hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 2.159 m³/ngày đêm để xử lý.

- Nguồn số 09: Nước thải sinh hoạt gồm nước thải từ các bồn cầu vệ sinh được thu gom, xử lý sơ bộ qua bể tự hoại (gồm 18 bể tự hoại có tổng dung tích khoảng 54 m³) và nước thải từ các bồn chậu rửa mặt, thoát sàn, bếp ăn sẽ theo đường ống nhựa PVC D200-D300 chảy về trạm bơm số 02 về hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 2.159 m³/ngày đêm để xử lý.

- Nguồn số 10: Nước thải sinh hoạt gồm nước thải từ các bồn cầu vệ sinh được thu gom, xử lý sơ bộ qua bể tự hoại (gồm 18 bể tự hoại có tổng dung tích khoảng 54 m³) và nước thải từ các bồn chậu rửa mặt, thoát sàn, bếp ăn sẽ theo đường ống nhựa PVC D200-D300 chảy về trạm bơm số 03 về hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 2.159 m³/ngày đêm để xử lý.

- Nguồn số 11: Nước thải sinh hoạt gồm nước thải từ các bồn cầu vệ sinh được thu gom, xử lý sơ bộ qua bể tự hoại (gồm 62 bể tự hoại có tổng dung tích khoảng 186 m³) và nước thải từ các bồn chậu rửa mặt, thoát sàn, bếp ăn sẽ theo đường ống nhựa PVC D200-D300 chảy về trạm bơm số 01 về hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 2.159 m³/ngày đêm để xử lý.

- Nguồn số 12: Nước thải sinh hoạt gồm nước thải từ các bồn cầu vệ sinh được thu gom, xử lý sơ bộ qua bể tự hoại (gồm 62 bể tự hoại có tổng dung tích khoảng 186 m³) và nước thải từ các bồn chậu rửa mặt, thoát sàn, bếp ăn sẽ theo đường ống nhựa PVC D200-D300 chảy về hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 2.159 m³/ngày đêm để xử lý.

- Nguồn số 13: Nước thải sinh hoạt gồm nước thải từ các bồn cầu vệ sinh được thu gom, xử lý sơ bộ qua bể tự hoại (gồm 117 bể tự hoại có tổng dung tích khoảng 351 m³) và nước thải từ các bồn chậu rửa mặt, thoát sàn, bếp ăn sẽ theo đường ống nhựa PVC D200-D300 chảy về trạm bơm số 03 về hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 2.159 m³/ngày đêm để xử lý.

- Nguồn số 14: Nước thải sinh hoạt gồm nước thải từ các bồn cầu vệ sinh được thu gom, xử lý sơ bộ qua bể tự hoại (gồm 39 bể tự hoại có tổng dung tích khoảng 117m³) và nước thải từ các bồn chậu rửa mặt, thoát sàn, bếp ăn sẽ theo đường ống nhựa PVC D200-D300 chảy về hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 2.159 m³/ngày đêm để xử lý.

- Nguồn số 15: Nước thải sinh hoạt gồm nước thải từ các bồn cầu vệ sinh được thu gom, xử lý sơ bộ qua bể tự hoại (gồm 01 bể tự hoại, dung tích khoảng 11,64 m³ và nước thải từ các bồn chậu rửa mặt, thoát sàn sẽ theo đường ống nhựa PVC D200-D300 chảy về hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 2.159 m³/ngày đêm để xử lý.

- Nguồn số 16: Nước thải sinh hoạt gồm nước thải từ các bồn cầu vệ sinh được thu gom, xử lý sơ bộ qua bể tự hoại (gồm 01 bể tự hoại, dung tích khoảng 3 m^3); nước thải từ bếp ăn được thu gom, xử lý sơ bộ qua bể tách dầu mỡ (gồm 01 bể tách dầu mỡ có tổng dung tích khoảng $8,64 \text{ m}^3$) và nước thải từ các bồn chậu rửa mặt, thoát sàn sẽ theo đường ống nhựa PVC D200-D300 chảy về trạm bơm số 01 rồi về hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất $2.159 \text{ m}^3/\text{ngày đêm}$ để xử lý.

- Nguồn số 17: Nước thải từ hoạt động súc rửa hệ thống lọc áp lực của 02 bể bơi sẽ theo đường ống nhựa PVC D200-D300 chảy về hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất $2.159 \text{ m}^3/\text{ngày đêm}$ để xử lý.

- Thông số kỹ thuật của công trình thu gom nước thải:

+ Hệ thống đường ống nhựa PVC D200 dài 9.950 m.

+ Hệ thống đường ống nhựa PVC D300 dài 942 m.

+ Trạm bơm số 1: Công suất $Q = 15 \text{ m}^3/\text{h}$, tương đương $360 \text{ m}^3/\text{ngày}$, $H = 15 \text{ m}$, kích thước hố bơm $2 \times 1,5 \times 3,7 \text{ m}$.

+ Trạm bơm số 2: Công suất $Q = 10 \text{ m}^3/\text{h}$, tương đương $240 \text{ m}^3/\text{ngày}$, $H = 15 \text{ m}$, kích thước hố bơm $2 \times 1,5 \times 3,6 \text{ m}$.

+ Trạm bơm số 3: Công suất $Q = 50 \text{ m}^3/\text{h}$, tương đương $1.200 \text{ m}^3/\text{ngày}$ $H = 15 \text{ m}$, kích thước hố bơm $2,5 \times 2,5 \times 4,1 \text{ m}$.

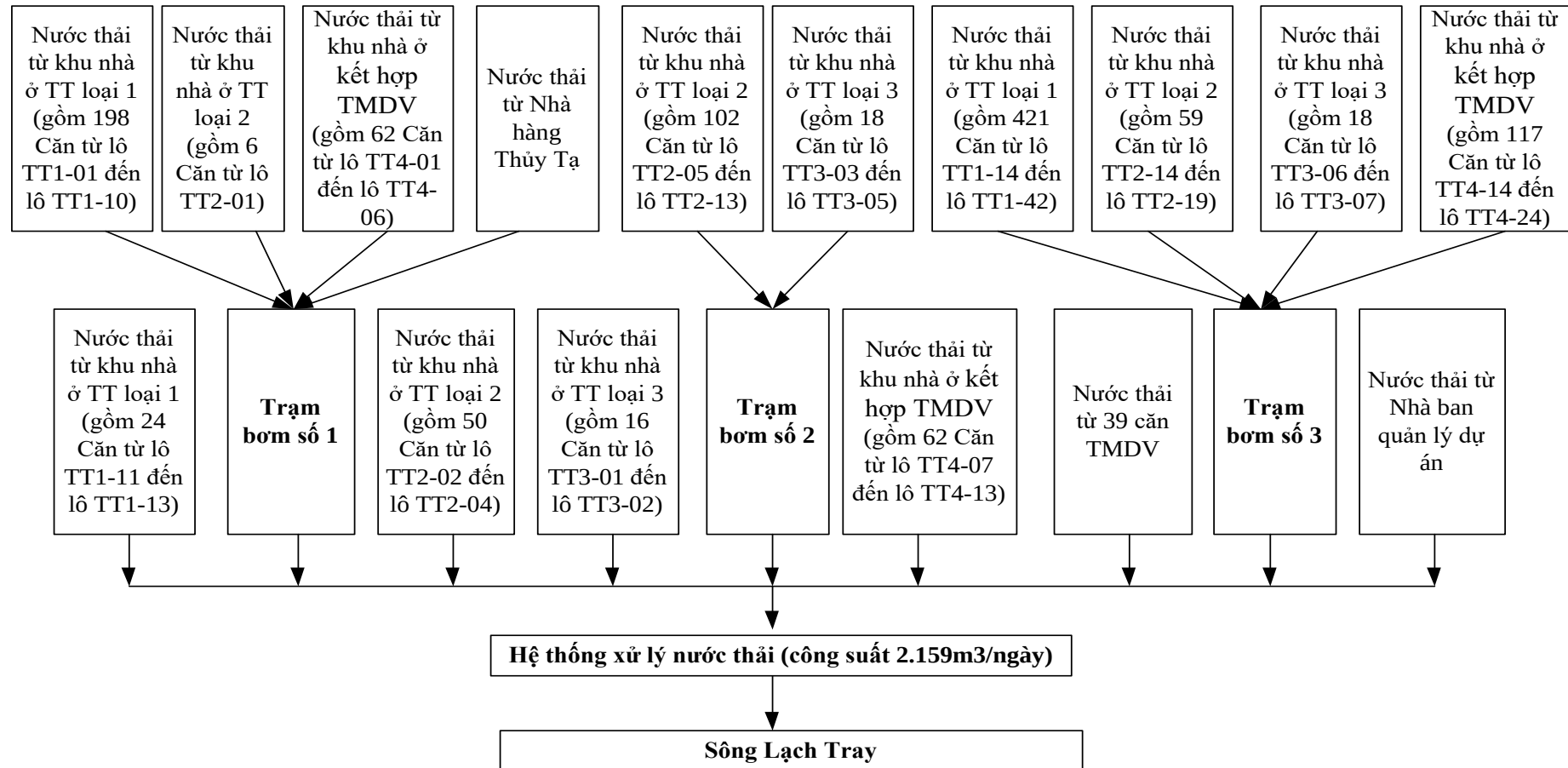
Tại mỗi trạm bơm lắp đặt 02 bơm chìm (1 bơm hoạt động, 1 bơm dự phòng) để bơm nước thải về trạm xử lý nước thải tập trung.

3.1.2.4. Công trình, biện pháp thoát nước thải

Hệ thống xử lý nước thải tập trung có công suất $2.159 \text{ m}^3/\text{ngày đêm}$ sẽ xử lý toàn bộ lượng nước thải phát sinh tại Khu đô thị. Nước thải sau xử lý tại hệ thống xử lý nước thải tập trung sẽ theo đường ống nhựa D200 dài khoảng 251 m dẫn nước thải sau xử lý về cống hộp 1500×1500 , sau đó qua cống Đồng Vò chảy ra sông Lạch Tray.

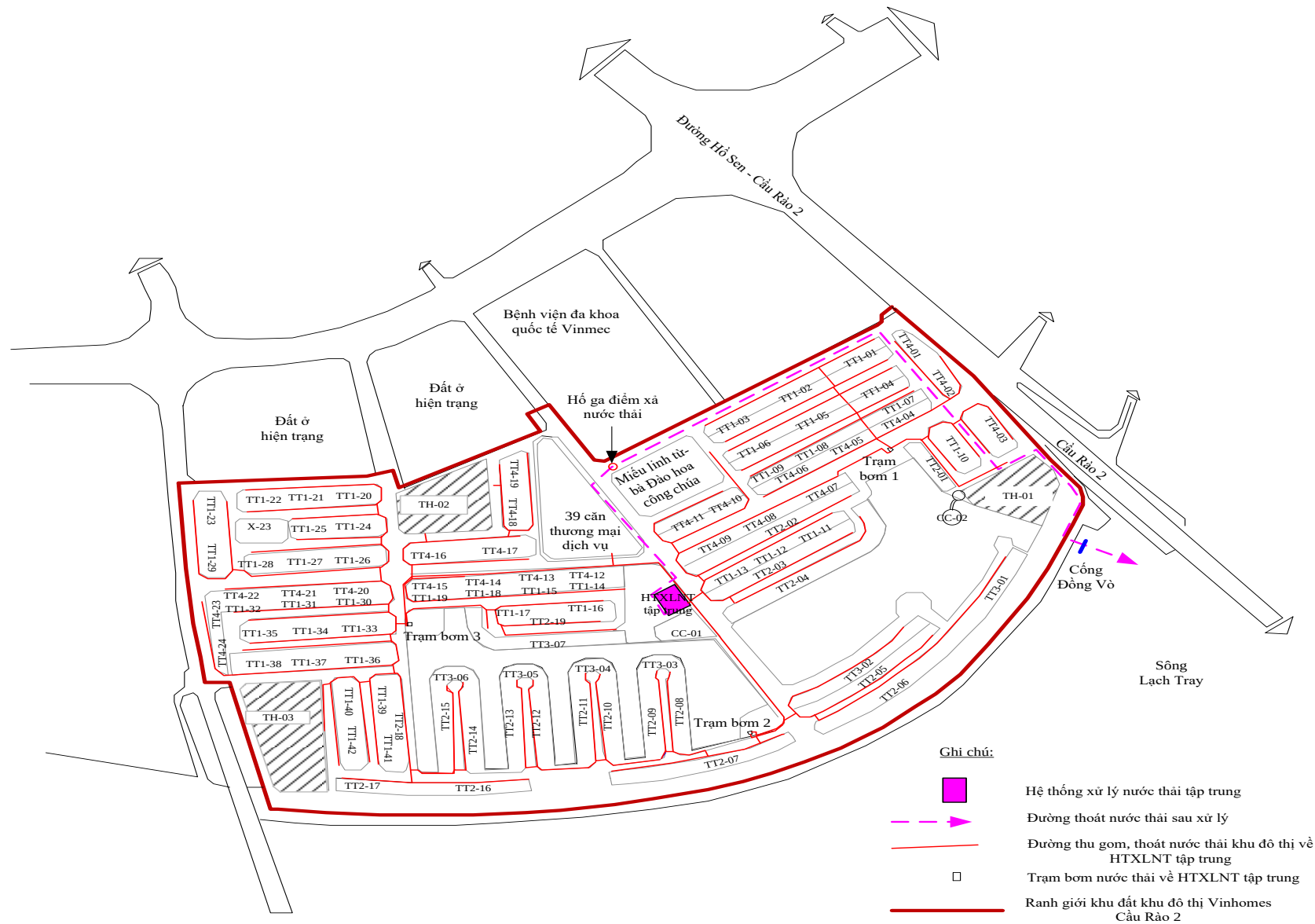
*** Sơ đồ minh họa tổng thể mạng lưới thu gom, thoát nước thải của Cơ sở:**

BÁO CÁO ĐỀ XUẤT CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG
của Khu đô thị Cầu Rào 2 – Tập đoàn Vingroup – Công ty CP



Hình 3.3. Sơ đồ minh họa tổng thể mạng lưới thu gom và thoát nước thải của Khu đô thị Cầu Rào 2

BÁO CÁO ĐỀ XUẤT CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG
của Khu đô thị Cầu Rào 2 – Tập đoàn Vingroup – Công ty CP



Hình 3.4. Sơ đồ tổng mặt bằng thu gom và thoát nước thải của Cơ sở

3.1.2.5. Vị trí điểm xả nước thải sau xử lý

- Vị trí xả nước thải: Hồ ga trên góc đường phía Đông Bắc khu đô thị (gần Miếu Linh Từ), trước khi đầu nối vào cống hộp 1.500 x 1.500 (cống thoát nước hiện trạng của khu dân cư lân cận khu đô thị).

- Toạ độ vị trí xả nước thải: X = 2303396.880 m; Y = 597459.660 m (*Hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực $105^{\circ}45'$, múi chiếu 3°*).

- Phương thức xả thải: Bơm cưỡng bức.

- Chế độ xả nước thải: Chế độ xả gián đoạn

- Nguồn tiếp nhận nước thải: Sông lạch Tray, đoạn chảy qua địa bàn phường Vĩnh Niệm, quận Lê Chân.

3.1.3. Công trình, biện pháp xử lý nước thải

Các công trình xử lý nước thải đã được xây dựng và lắp đặt tại Cơ sở được thể hiện tại bảng sau:

Bảng 3.2. Các công trình xử lý nước thải đã được xây dựng và lắp đặt tại Cơ sở

TT	Tên công trình đã xây lắp	Đơn vị	Số lượng	Ghi chú
1	Bể tự hoại	Bể	1.195	Tổng dung tích 3.604,13 m ³
2	Bể tách dầu mỡ	Bể	01	Tổng dung tích 8,0 m ³
3	Hệ thống xử lý nước thải tập trung	Hệ thống	01	Công suất 2.159 m ³ /ngày đêm

Hệ thống xử lý nước thải tập trung được xây dựng bởi Công Ty Cổ Phần Liên Danh Xây Lắp Và Môi Trường MTC – Á Châu.

a. Bể tự hoại

- Cấu tạo: Bể tự hoại gồm 03 ngăn thông nhau, bê tông cốt thép đáy dày 100mm, mác M200, trát vữa dày 15mm, thành bể xây gạch đặc 200mm, trát vữa dày 10mm.

- Nguyên lý hoạt động: Nước thải được làm sạch bởi hai quá trình chính lắng cặn và lên men. Do tốc độ nước qua bể rất chậm nên quá trình lắng cặn trong ngăn lắng có thể xem như quá trình lắng tĩnh. Dưới tác dụng của trọng lực các cặn sẽ lắng dần xuống đáy bể. Tại đây các chất hữu cơ sẽ bị phân huỷ nhờ hoạt động của các vi sinh vật kỵ khí. Cặn lắng được phân huỷ sẽ giảm mùi hôi, chất hữu cơ và thể tích. Tốc độ phân huỷ chất hữu cơ nhanh hay chậm phụ thuộc vào nhiệt độ, độ pH của nước thải

BÁO CÁO ĐỀ XUẤT CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG
của Khu đô thị Cầu Rào 2 – Tập đoàn Vingroup – Công ty CP

và lượng vi sinh vật có mặt trong lớp cặn. Hiệu suất xử lý của bể tự hoại phụ thuộc vào thời gian lưu nước thải trong bể, theo nghiên cứu có thể xử lý đạt 10% - 20% đối với các chất hữu cơ dễ phân huỷ (BOD) và 40% - 50% đối với các chất rắn lơ lửng (TSS).

- Số lượng bể tự hoại: 1.195 bể.

- Vị trí xây dựng và kích thước:

Bảng 3.3. Vị trí xây dựng và kích thước các bể tự hoại

TT	Vị trí xây dựng	Kích thước (BxLxH)	Số lượng (bể)	Dung tích (m ³ /bể)	Tổng dung tích (m ³)
1	Căn nhà ở thấp tầng	2 x 1,5 x 1m	1.153	3	3.459
2	Căn thương mại dịch vụ	2 x 1,5 x 1m	39	3	117
3	Khu văn phòng BQL dự án	5,2 x 1,6 x 1,4m	01	11,64	11,64
4	Khu bể bơi ngoài trời	5,14 x 1,75 x 1,5m	01	13,49	13,49
5	Nhà hàng Thủy Tạ	2 x 1,5 x 1m	01	3	3
	Tổng		1.195	-	3.064,13

Ghi chú: Khu nhà ở thấp tầng, khu thương mại dịch vụ các bể tự hoại, thoát nước trong nhà do dân tự xây và theo quy định của Tập đoàn Vingroup – công ty CP các bể tự hoại phải đảm bảo kích thước sau: 2 x 1,5 x 1m.

b. Bể tách dầu mỡ

- Cấu tạo: Bể dầu tách mỡ gồm 3 ngăn thông nhau, có đáy bể chống thấm trát vữa dày 1,5cm, mác 200, bê tông cốt thép đáy dày 100, mác 200. Thành bể xây gạch đặc dày 200, trát vữa dày 1cm mác 75.

- Nguyên lý hoạt động: Nước thải chứa dầu mỡ chảy vào ngăn thứ nhất để lắng bớt cặn rắn có trong nước thải. Theo trọng lực, váng dầu mỡ nổi trên bề mặt sẽ tràn vào máng thu dầu. Nước trong sẽ lần lượt chảy vào ngăn thứ 2 thông qua cửa thoát. Tại đây, váng dầu mỡ còn sót lại trong nước thải sẽ được tách vào máng thu dầu ngăn này. Sau khi qua bể tách dầu mỡ, nước thải được thu gom về trạm xử lý nước thải tập trung. Tần suất khoảng 06 tháng/lần sẽ thuê đơn vị có chức năng tiến hành hút mỡ và đem xử lý theo quy định.

- Số lượng bể tách dầu mỡ: 01 bể

- Vị trí xây dựng và kích thước:

BÁO CÁO ĐỀ XUẤT CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG
của Khu đô thị Cầu Rào 2 – Tập đoàn Vingroup – Công ty CP

Bảng 3.4. Vị trí xây dựng và kích thước các bể tách mỡ

TT	Vị trí xây dựng	Kích thước (BxLxH)	Số lượng (bể)	Dung tích (m ³)
1	Căn nhà ở thấp tầng	3,2 x 1,8 x 1,5	01	8,64
Tổng			01	8,64

c. Hệ thống xử lý nước thải tập trung

Tại Cơ sở có 01 hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 2.159m³/ngày đêm.

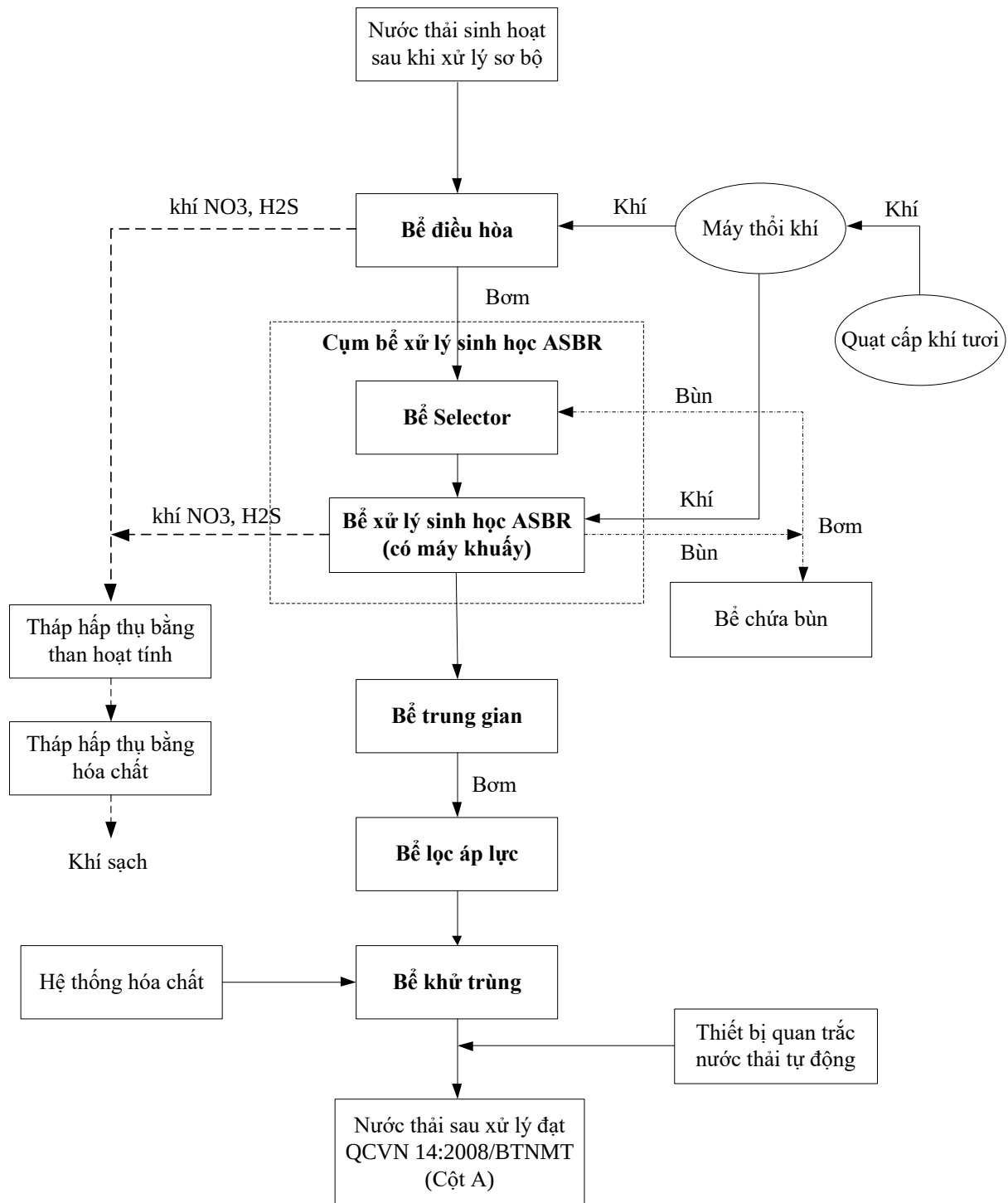
Hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 2.159 m³/ngày đêm xử lý theo công nghệ vi sinh dạng mẻ liên tục ASBR. Toàn bộ các công đoạn điền đầy, phân hủy sinh học, lắng, rút nước được thực hiện trong cùng 1 bể ASBR. Hệ thống lắp đặt 2 cụm bể ASBR hoạt động song song và lệch pha nhau, đảm bảo quá trình xử lý diễn ra liên tục.

* *Cấu tạo*: Hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 2.159 m³/ngày đêm bao gồm 01 bể điều hoà; 02 bể Selector; 02 bể ASBR; 01 bể trung gian; 04 bồn lọc áp lực; 01 bể khử trùng; 01 bể chứa bùn thải. Các bể được xây bằng bê tông cốt thép.

* *Quy trình vận hành*: Nước thải sinh hoạt sau khi xử lý sơ bộ → Bể điều hoà → Bể Selector → Bể ASBR → Bể trung gian → 04 bồn lọc áp lực → Bể khử trùng → Công Đồng Vò → Sông Lạch Tray.

* *Quy trình công nghệ*:

BÁO CÁO ĐỀ XUẤT CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG
của Khu đô thị Cầu Rào 2 – Tập đoàn Vingroup – Công ty CP



Hình 3.5. Sơ đồ công nghệ hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 2.159m³/ngày đêm

Thuyết minh:

Nước thải sinh hoạt sau khi xử lý sơ bộ được bơm về bể điều hòa để ổn định lưu lượng. Nước sau bể điều hòa được dẫn về cụm bể xử lý sinh học ASBR. Tại đây xảy ra quá trình xử lý thiếu khí và hiếu khí. Nước thải sau xử lý được bơm về bể trung gian. Từ bể trung gian nước được bơm lên bồn lọc áp lực để loại bỏ các chất rắn lơ lửng. Nước sau bồn lọc được dẫn về bể khử trùng. Sử dụng NaClO để khử trùng nước thải.

Nước sau bể khử trùng sẽ theo đường ống D200 đầu nối vào cống hộp 1.500 x1.500 của khu dân cư bên ngoài khu đô thị, chảy ra cống Đồng Vò và ra sông Lạch Tray.

+ Bể điều hoà: Nước thải sinh hoạt sau khi xử lý sơ bộ sẽ được bơm về bể điều hoà. Tại bể điều hoà, nước thải được ổn định nồng độ và thành phần các chất ô nhiễm trong nước thải trước khi sang bể xử lý sinh học. Trong bể điều hoà có lắp đặt hệ thống sục khí thô dưới đáy bể để đảo trộn các dòng nước thải với nhau. Nước sau bể điều hoà được dẫn sang cụm bể xử lý sinh học ASBR.

+ Cụm bể xử lý sinh học ASBR:

Nước thải chảy vào bể selector sau đó mới chảy sang bể ASBR. Bể selector được sục khí và luôn duy trì môi trường thiếu khí, tạo điều kiện cho quá trình phân hủy nito và photpho diễn ra. Thời gian nạp nước vào bể selector là 50 phút. Một phần bùn từ bể ASBR được tuần hoàn trở lại bể selector để tham gia vào quá trình phản ứng.

Từ bể selector nước thải được chảy sang bể ASBR. Chu trình xử lý tại bể ASBR gồm các pha điền đầy và sục khí, pha lắng và pha rút nước. Thời gian điền đầy nước vào bể khoảng 70 phút. Sau 70 phút bắt đầu đến pha sục khí và khuấy trộn. Tại pha sục khí, các quá trình oxy hóa các hợp chất hữu cơ, quá trình nitrat hóa, khử nito, khử photpho được diễn ra đồng thời dưới tác dụng của các vi sinh vật hiếu khí. Ngoài ra, hệ thống phân phối khí dạng bọt được lắp đặt dưới đáy bể giúp làm tăng khả năng hấp thụ oxy trong nước thải. Pha sục khí diễn ra trong khoảng 110 phút. Ngừng sục khí và khuấy trộn, để bắt đầu pha lắng. Thời gian lắng trong khoảng 60 phút. Sau khi nước thải phân thành 2 pha nước và bùn, nước trong sẽ được rút ra khỏi bể nhờ thiết bị gạt decanter.

Thiết bị gạt decanter có cấu tạo gồm phao nổi decanter, giá đỡ decanter, ống thu nước, gối đỡ, khớp nối chuyển động. Cuối pha xả nước, đầu pha cấp nước decanter ở vị trí thấp nhất, cuối pha cấp nước ở vị trí cao nhất theo lượng nước cấp vào. Khi kết thúc pha lắng, mở van thu nước trên decanter, phần nước trong sẽ theo ống thu nước chảy sang bể khử trùng. Công suất của thiết bị decanter là 200-250m³/h. Thời gian xả nước trong 70 phút.

Có 2 cụm bể ASBR hoạt động song song và lệch pha nhau đảm bảo quá trình xử lý nước thải được diễn ra liên tục. Tổng thời gian một chu kỳ tại bể ASBR là 6h. Như vậy sẽ có 08 chu kỳ trong một ngày cho cả 02 cụm bể ASBR. Mỗi chu kỳ xả 70 phút. Vậy một ngày có 560 phút xả tương đương 9,3h xả. Công suất của thiết bị decanter là 200-250m³/h → Sự đáp ứng của decanter là $200 \times 9,3 - 250 \times 9,3 = 1.860 - 2.325$ m³/ngày đáp ứng lưu lượng nước thải lớn nhất là 2.159m³/ngày.

Phần nước trong sau khi ra khỏi bể ASBR được chảy sang bể trung gian. Chức năng của bể trung gian là lưu nước và chuẩn bị cho quá trình lọc.

BÁO CÁO ĐỀ XUẤT CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG
của Khu đô thị Cầu Rào 2 – Tập đoàn Vingroup – Công ty CP

- Bồn lọc áp lực:

Có 4 bồn lọc áp lực bằng inox 304, kích thước D1,8x2,4m được sử dụng song song. Vật liệu lọc sử dụng là sỏi đỡ, than hoạt tính, cát thạch anh. Nước thải sau khi qua bồn lọc sẽ được giữ lại các chất cặn rắn lơ lửng còn sót lại trong nước thải. Phần nước trong sẽ sang bể khử trùng. Định kỳ sẽ tiến hành súc rửa các lớp vật liệu lọc. Khi súc rửa lớp vật liệu lọc, sử dụng nước thải từ bể trung gian để súc rửa. Nước thải sẽ được bơm vào bồn lọc theo chiều từ dưới lên trên đi qua lớp vật liệu lọc. Nước sau rửa lọc được dẫn về bể chứa bùn.

- Bể khử trùng:

Sử dụng NaClO để khử trùng nước thải trước khi xả ra môi trường. Nước thải sau khi xử lý đạt cột A, QCVN 14:2008/BTNMT sẽ theo đường ống D200 chảy về cống hộp 1500x1500 của khu dân cư bên ngoài khu đất dự án, qua cống Đồng Vò và ra sông Lạch Tray.

- Bể chứa bùn:

Bùn thải từ bể ASBR sẽ được hồi lưu 1 phần về bể selector, phần còn lại dẫn về bể chứa bùn. Định kỳ sẽ thuê đơn vị chức năng tới hút đưa đi xử lý.

** Máy móc, thiết bị lắp đặt:*

Bảng 3.5. Danh mục máy móc thiết bị lắp đặt tại hệ thống xử lý nước thải tập trung

STT	Hạng mục	Số lượng	Thông số
I	Bể điều hòa		
2	Hệ thống phân phối khí	90 cái	- Lưu lượng 1-25m ³ /h
3	Bơm nước thải	03 cái	- Loại bơm đặt chìm - Lưu lượng: 70-75m ³ /h
4	Máy thổi khí	02 cái	- Kiểu: root - Lưu lượng: 11-12m ³ /phút
5	Thiết bị đo pH online	01 cái	- Dùng để đo độ pH trong bể điều hòa
6	Quạt cấp khí tươi	01 cái	- Công suất : 0,37kw - Tốc độ: 1.450 vòng/ph - Lưu lượng 4.500 m ³ /h
II	Cụm bể xử lý sinh học ASBR		
3	Hệ thống phân phối khí loại khí mịn	400 cái	- Đĩa khuếch tán khí mịn dạng đĩa - Lưu lượng: 5-12m ³ /h
5	Decanter - Thiết bị tách nước	02 hệ thống	- Vật liệu: Inox 304 - Công suất: 200-250m ³ /h.

BÁO CÁO ĐỀ XUẤT CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG
của Khu đô thị Cầu Rào 2 – Tập đoàn Vingroup – Công ty CP

6	Van điều khiển cấp nước đầu vào	02 hệ thống	- Đường kính: DN200
7	Van điều khiển cấp khí bể ASBR	02 cái	- Đường kính: DN250
8	Van xả khí dư bể SBR	02 cái	- Đường kính DN32
9	Van điều khiển nước đầu ra bể SBR	02 cái	- Đường kính: DN350
10	Bơm hồi lưu bùn bể sinh học	02 cái	- Loại bơm đặt chìm - Lưu lượng: 150 - 160m ³ /h
11	Bơm bùn dư bể ASBR	02 cái	- Loại bơm đặt chìm - Lưu lượng: 150 - 160m ³ /h
12	Máy thổi khí	03 cái	- Cấp khí cho bể sinh học - Kiểu: root - Lưu lượng: 17m ³ /phút
III	Bể trung gian		
2	Bơm nước thải	03 cái	- Loại bơm chìm đẩy nước từ bể chứa sau xử lý lên điểm tiếp nhận - Lưu lượng: 70-75m ³ /h
3	Máy khuấy chìm	08 bộ	- Lưu lượng: 9,8m ³ /phút
IV	Bồn lọc áp lực		
1	Bồn lọc áp lực	04 bồn	- Bồn SUS 304 - Kích thước: D1,8 x 2,4m - Vật liệu lọc: Sỏi đỡ: 1400 kg/1 bồn, Cát thạch anh: 2100 kg/1 bồn, Than hoạt tính (tỉ trọng: 700-800kg/m ³): 500 kg/1 bồn.
V	Bể khử trùng		
2	Bơm định lượng hóa chất	04 cái	- Q = 100-150lít/hr - H = 3bar, 3Φ, 380v.
3	Bồn chứa hóa chất	02 cái	- Bồn nhựa PVC - Dung tích 1500lít
4	Động cơ khuấy trộn hóa chất + cánh khuấy Inox	02 bộ	- Tốc độ: N = 80-100 vòng/phút
5	Bơm định lượng hóa chất bồn dinh dưỡng	02 cái	- Q = 100-150lít/hr - H = 3bar, 3Φ, 380v.
6	Bồn dinh dưỡng	01 cái	- Bồn nhựa PVC - Dung tích 1000lit
7	Bơm nước thải	03 cái	- Loại bơm chìm đẩy nước từ bể chứa sau xử lý lên điểm tiếp nhận

BÁO CÁO ĐỀ XUẤT CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG
của Khu đô thị Cầu Rào 2 – Tập đoàn Vingroup – Công ty CP

			- Lưu lượng: 70-75m ³ /h
8	Hệ thống phân phối khí loại khí thô	90 cái	- Đĩa khuếch tán khí thô, dạng đĩa. Lưu lượng 1-25m ³ /h

** Thông số kỹ thuật của hệ thống xử lý nước thải tập trung*

Bảng 3.6. Thông số kỹ thuật của hệ thống xử lý nước thải tập trung

STT	Hạng mục	Số lượng	Kích thước S (m ²) x h (m)	Thể tích (m ³)
1	Bể điều hoà	01	110,4 x 4,5	496,8
2	Bể Selector	02	33,3 x 4,5	299,7
3	Bể ASBR	02	244,2 x 4,5	2.197,8
4	Bể trung gian	01	35,085 x 4,5	157.88
6	Bể khử trùng	01	75,9 x 4,5	341,55
7	Bể chứa bùn	01	22,2 x 4,5	99,9

** Chế độ vận hành:* Hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 2.159 m³/ngày đêm được vận hành liên tục 24/24 giờ.

** Các loại hóa chất, chế phẩm sinh học sử dụng:*

- Khử trùng

Hóa chất được sử dụng để khử trùng nước thải tại hệ thống xử lý nước thải tập trung, cụ thể nhu cầu sử dụng như sau:

+ Dung dịch sử dụng: Javen - NaOCl (nồng độ 10 %)

+ Lượng sử dụng: 150 lít NaOCl (nồng độ 10 %)/3000 lít nước.

+ Lượng Javen 10% cần thiết cho 1 ngày: 107,95 kg (đối với hệ thống xử lý hoạt động với công suất lớn nhất là 2.159m³/ngày)

Bảng 3.7. Danh mục hóa chất phục vụ xử lý nước thải

STT	Tên hóa chất	Đơn vị	Số lượng
1	Chất khử mùi (AirSolution 9312)	Lọ/tháng	1
2	Chất dinh dưỡng (Mật rỉ)	g/m ³	24
3	Chất khử trùng (Clo)	g/m ³	3-5

BÁO CÁO ĐỀ XUẤT CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG
của Khu đô thị Cầu Rào 2 – Tập đoàn Vingroup – Công ty CP

- Chế độ bổ sung dưỡng chất

Ngoài ra, đối với hệ thống xử lý nước thải tập trung theo phương pháp xử lý vi sinh, cần có chế độ bổ sung dưỡng chất khi khối lượng nước thải phát sinh nhỏ hơn nhiều so với công suất của hệ thống xử lý nước thải tập trung (2.159 m³/ngày đêm). Hiện nay, hệ thống xử lý nước thải tập trung hoạt động khoảng 30-50% công suất thiết kế do đó phải tiến hành bổ sung dưỡng chất vào các bể xử lý để duy trì khả năng xử lý của các vi sinh vật. Tiến hành bổ sung dưỡng chất vào các bể xử lý cụ thể như sau:

Bảng 3.8. Chế độ bổ sung dưỡng chất vào hệ thống xử lý nước thải tập trung

TT	Lượng nước thải phát sinh	Dinh dưỡng bổ sung	Tần suất bổ sung
1	> 70% công suất trạm xử lý (> 1512 m ³ /ngày)	Bổ sung định kỳ 10 lít mật rỉ đường và 50ml chế phẩm men vi sinh vào bể Selector	Không cần bổ sung
2	≤ 70% công suất trạm xử lý (≤ 1512 m ³ /ngày)		10 ngày/lần
3	≤ 50% công suất trạm xử lý (≤ 1080 m ³ /ngày)		5 ngày/lần
4	≤ 30% công suất trạm xử lý (≤ 648 m ³ /ngày)		3 ngày/lần
5	≤ 10% công suất trạm xử lý (≤ 216 m ³ /ngày)		1 ngày/lần

** Các thiết bị, hệ thống quan trắc nước thải tự động, liên tục:*

+ Số lượng: Tại Cơ sở đã lắp đặt 01 hệ thống quan trắc nước thải tự động, liên tục. Hệ thống quan trắc nước thải tự động liên tục đã kết nối và truyền dữ liệu quan trắc tự động, liên tục về Sở Tài nguyên và Môi trường Hải Phòng và được Sở Tài nguyên và Môi trường Hải Phòng xác nhận tại Biên bản xác nhận ngày 17/12/2021 (đính kèm phụ lục).

+ Vị trí lắp đặt: Sau bể khử trùng.

+ Các thông số quan trắc: COD, TSS, pH, nhiệt độ, Amoni và lưu lượng (đầu vào và đầu ra).

+ Camera theo dõi: Đã lắp đặt camera theo dõi, giám sát theo quy định.

+ Thiết bị lấy mẫu tự động: Đã lắp đặt.

+ Kết nối, truyền số liệu: Đã thực hiện kết nối và truyền dữ liệu quan trắc nước thải tự động, liên tục về Sở Tài nguyên và Môi trường Thành phố Hải Phòng để theo dõi, giám sát (được Sở Tài nguyên và Môi trường Thành phố Hải Phòng xác nhận tại Biên bản xác nhận ngày 17 tháng 12 năm 2021).

BÁO CÁO ĐỀ XUẤT CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG
của Khu đô thị Cầu Rào 2 – Tập đoàn Vingroup – Công ty CP

+ Thiết bị lắp đặt:

Bảng 3.9. Các thiết bị lắp đặt tại hệ thống quan trắc nước thải tự động, liên tục

TT	Vật tư thiết bị	Xuất xứ	Đơn vị	Khối lượng
1	Thiết bị đo COD, TSS	Austria	Cái	1
2	Đầu đo chỉ tiêu amoni, pH, nhiệt độ	Austria	Cái	1
3	Thiết bị đo lưu lượng đầu vào	-	Cái	1
4	Thiết bị đo lưu lượng đầu ra	-	Cái	1
5	Bộ điều khiển	Austria	Cái	1
6	D-320-out-modbus	Austria	Modul	1
7	Bộ chuyển đổi tín hiệu và truyền về Sở cho từng trạm	-	Cái	1
8	Ruck sack làm sạch đầu đo	Austria	Cái	1
9	Camera	Trung Quốc	Cái	2
10	Đầu ghi hình	Trung Quốc	Cái	1
11	Ổ cứng 1T Toshiba AV	Trung Quốc	Cái	1
12	Bồn quan trắc inox	Việt Nam	Cái	1
13	Thiết bị lấy mẫu tự động	EU	Cái	1
14	Vỏ tủ điện	Việt Nam	Tủ	1

3.2. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý bụi, khí thải

3.2.1. Các nguồn phát sinh bụi, khí thải

Các nguồn phát sinh bụi, khí thải trong quá trình hoạt động của Cơ sở bao gồm: (1) Bụi, khí thải phát sinh từ các phương tiện giao thông của người dân sống tại Khu đô thị; của cán bộ, nhân viên và khách sử dụng dịch vụ tại các công trình (khu thương mại dịch vụ, ban quản lý dự án, nhà hàng Thủy Tạ) trong Khu đô thị; (2) Bụi, khí thải phát sinh từ hoạt động của máy phát điện dự phòng; (3) Mùi từ bếp ăn; (4) Khí thải (mùi) từ hệ thống xử lý nước thải tập trung.

3.2.2. Công trình, biện pháp thu gom bụi, khí thải

Khu đô thị Cầu Rào 2 hiện đang thực hiện các biện pháp giảm thiểu bụi, khí thải như sau:

a. Đối với bụi, khí thải từ các phương tiện giao thông của người dân sống tại Khu đô thị; của cán bộ, nhân viên và khách sử dụng dịch vụ tại các công trình (khu thương mại dịch vụ, ban quản lý dự án, nhà hàng Thủy Tạ) trong Khu đô thị

- Bố trí khu vực để xe hợp lý. Tại nhà dân, khu thương mại dịch vụ, các công trình công cộng,... bãi để xe bố trí trên vỉa hè, khu vực đường nội bộ (những nơi có biển được đỗ xe).

- Bố trí nhân viên vệ sinh thường xuyên, quét dọn sân đường nội bộ trong Khu đô thị.

- Trồng cây xanh tạo cảnh quan và hạn chế ô nhiễm bụi.

b. Đối với bụi, khí thải phát sinh từ hoạt động của máy phát điện dự phòng

Cơ sở có trang bị 04 máy phát điện dự phòng hãng MTU. Trong đó, 04 máy phát điện dự phòng công suất 2.500 KVA/máy đặt tại trạm máy phát.

Máy phát điện chỉ được vận hành trong trường hợp mất điện mạng lưới, do đó, nguồn ô nhiễm phát sinh từ máy phát điện mang tính chất gián đoạn, mức độ tác động đến môi trường xung quanh không thường xuyên.

- Đối với bụi, khí thải phát sinh từ 04 máy phát điện dự phòng tại khu vực trạm máy phát: 04 Máy phát điện dự phòng được đặt tại phòng riêng. Tại mỗi máy phát điện dự phòng có đường ống thép mạ kẽm D400 (có bọc bảo ôn) thu gom riêng khí thải và xả ra môi trường qua 4 ống xả.

- Định kỳ bảo dưỡng máy phát điện dự phòng theo đúng quy định của nhà cung cấp. Sử dụng dầu DO có hàm lượng lưu huỳnh thấp để giảm thiểu khí thải phát sinh.

- Do máy phát điện dự phòng sử dụng nhiên liệu DO nên không phải lắp đặt hệ thống xử lý khí thải. Do đó, căn cứ điều 39 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, khí thải phát sinh từ máy phát điện dự phòng không thuộc đối tượng phải cấp phép.

c. Đối với mùi từ bếp ăn

Tại khu vực bếp nấu của 1.153 căn nhà ở thấp tầng, 39 căn thương mại dịch vụ, nhà hàng Thủy Tạ lắp đặt hệ thống hút, khử mùi thức ăn đảm bảo môi trường không khí xung quanh.

BÁO CÁO ĐỀ XUẤT CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG
của Khu đô thị Cầu Rào 2 – Tập đoàn Vingroup – Công ty CP

+ Khu vực bếp tại mỗi phòng sử dụng chụp hút bếp hút mùi được làm chất liệu inox cao cấp thép không gỉ theo đường ống được quạt hút dẫn khí trên mái nhà. Trên đường ống hút được lắp đặt lọc bông G4 và bộ xử lý mùi bằng lọc tĩnh điện trước khi ra môi trường.

d. Đối với khí thải (mùi) từ hệ thống xử lý nước thải tập trung

Hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 2.159m³/ngày đêm sử dụng công nghệ xử lý sinh học. Quá trình xử lý nước thải sẽ phát sinh mùi hôi chủ yếu từ bể điều hoà, bể ASBR. Mùi chủ yếu do khí H₂S, NH₃ sinh ra. Các khí này sẽ được hút từ các vị trí phát sinh về hệ thống xử lý mùi thông qua quạt hút tạo áp suất âm. Hệ thống xử lý mùi có công suất 4.500m³/h, gồm 2 tháp hấp thụ/hấp phụ. Dòng khí thải được dẫn vào tháp hấp phụ bằng than hoạt tính trước sau đó sang tháp hấp thụ bằng hóa chất. Sau khi qua hệ thống xử lý mùi, dòng khí sạch được xả ra môi trường.

- Quy trình vận hành: Mùi từ hệ thống xử lý nước thải → Ống thu gom → Tháp hấp phụ (bằng than hoạt tính) → Tháp hấp thụ (airsolution 9312) → Quạt hút công suất 4.500m³/giờ → Ống xả ra môi trường.

- Thuyết minh công nghệ xử lý:

Dòng khí thải được dẫn về tháp hấp phụ bằng than hoạt tính theo chiều từ trên xuống. Tại đây, dòng khí thải đi qua 2 lớp than hoạt tính và được hấp phụ mùi. Sau đó, dòng khí thải ra khỏi tháp hấp phụ bằng than hoạt tính và đi vào tháp hấp thụ bằng hóa chất theo chiều từ dưới lên.

Lúc này, dòng dung dịch chứa hóa chất được bơm vào tháp hấp thụ theo chiều từ trên xuống. Thông qua dàn phun sus Dn34 lắp đặt sẵn trong tháp, dòng dung dịch chứa hóa chất sẽ được phun dạng tia vào dòng khí thải. Hóa chất sử dụng là chất khử mùi (airsolution 9312) sẽ xử lý triệt để mùi có trong dòng khí. Khí sạch sau đó được đi ra ngoài qua ống xả. Dung dịch sau khi hấp thụ được thu về bồn chứa và được bơm tuần hoàn trở lại tháp hấp thụ để tiếp tục quá trình xử lý, không thải ra môi trường.

* Máy móc, thiết bị lắp đặt:

Bảng 3.10. Các thông số kỹ thuật của hệ thống xử lý khí thải (mùi) công suất 4.500 m³/giờ

STT	Hạng mục	Số lượng	Thông số kỹ thuật
1	Tháp xử lý khí thải	02 cái	- Kích thước: D2500x H3,446 (mm). - Vật liệu: CT3+ Keo FRP bên trong; bên ngoài sơn Epoxy
2	Quạt hút khí thải	01 cái	- Công suất: P =1450v/ph - Lưu lượng: Q = 4.500m ³ /h - Vật liệu tiếp xúc: CT3 + keo FRP

BÁO CÁO ĐỀ XUẤT CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG
của Khu đô thị Cầu Rào 2 – Tập đoàn Vingroup – Công ty CP

STT	Hạng mục	Số lượng	Thông số kỹ thuật
3	Bồn chứa hóa chất	02 cái	- Bồn nhựa PVC - Dung tích 1500lit
4	Bơm vận chuyển hóa chất	03 cái (02 hoạt động, 01 dự phòng)	- Kiểu: bơm hóa chất dẫn động từ - Lưu lượng: 5-10m ³ /h

3.3. Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải rắn thông thường

3.3.1. Nguồn và khối lượng phát sinh chất thải rắn thông thường

* Nguồn phát sinh chất thải rắn thông thường

Chất thải rắn thông thường phát sinh tại Cơ sở gồm có những loại chất thải sau:

- Chất thải rắn sinh hoạt phát sinh từ hoạt động của người dân sống tại 1.153 căn nhà ở thấp tầng, 39 căn thương mại dịch vụ, khách sử dụng dịch vụ, cán bộ nhân viên làm việc tại Nhà ban quản lý dự án, nhà hàng Thủy Tạ. Thành phần chất thải rắn sinh hoạt gồm túi nilong, vỏ hoa quả, thức ăn thừa, chai nước giải khát, giấy, báo, tài liệu.

* Khối lượng chất thải rắn thông thường phát sinh theo định mức:

Quy mô dân cư lớn nhất của Cơ sở tại thời điểm cao điểm là 13.279 người. Ước tính khối lượng chất thải rắn thông thường phát sinh theo định mức như sau:

Bảng 3.11. Khối lượng chất thải rắn thông thường phát sinh theo định mức

TT	Chất thải phát sinh	Quy mô	Định mức phát sinh	Khối lượng phát sinh	
				kg/ngày	kg/năm
I	Chất thải rắn sinh hoạt	13.279 người			3.540.617,4
1	Từ hoạt động sinh hoạt của người dân sống tại khu nhà thấp tầng loại 1	2.572 người	1,3 kg/người/ngày ⁽²⁾	3.343,6	1.220.414
2	Từ hoạt động sinh hoạt của người dân sống tại khu nhà thấp tầng loại 2	868 người	1,3 kg/người/ngày ⁽²⁾	1.128,4	411.866
3	Từ hoạt động sinh hoạt của người dân sống tại khu nhà thấp tầng loại 3	208 người	1,3 kg/người/ngày ⁽²⁾	270,4	98.696

BÁO CÁO ĐỀ XUẤT CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG
của Khu đô thị Cầu Rào 2 – Tập đoàn Vingroup – Công ty CP

4	Từ hoạt động sinh hoạt của người dân sống tại khu nhà ở kết hợp TMDV (Shophouse)	964 người	1,3 kg/người/ngày ⁽²⁾	1.253,2	457.418
5	Từ hoạt động sinh hoạt của khách sử dụng dịch vụ tại khu nhà ở kết hợp TMDV (Shophouse)	1.205 người	0,43 kg/người/ngày ⁽¹⁾	518,1	189.124,7
6	Từ hoạt động sinh hoạt của khách sử dụng dịch vụ và cán bộ, nhân viên làm việc tại Nhà ban quản lý dự án	430 người	0,43 kg/người/ngày ⁽¹⁾	184,9	67.488,5
7	Từ hoạt động sinh hoạt của khách sử dụng dịch vụ và cán bộ, nhân viên làm việc tại Nhà hàng Thủy Tạ	408 nhân viên	0,43 kg/người/ngày ⁽¹⁾	175,44	64.035,6
8	Từ hoạt động sinh hoạt của người dân sống tại 39 khu nhà ở thương mại dịch vụ	156 người	1,3 kg/người/ngày ⁽²⁾	202,8	74.022
9	Từ hoạt động sinh hoạt của khách sử dụng dịch vụ tại 39 khu nhà ở thương mại dịch vụ	6.468 người	0,43 kg/người/ngày ⁽¹⁾	2.781,24	1.015.152,6
II	Chất thải khác				3.985
1	Bùn cặn từ hệ thống xử lý nước thải	-	3.985 kg/năm	-	3.985
Tổng					3.544.602,4

Ghi chú: ⁽¹⁾ Định mức chất thải rắn sinh hoạt theo QCXDVN 01:2021/BXD - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về quy hoạch xây dựng (tính cho 8 giờ/ngày); ⁽²⁾ Định mức chất thải rắn sinh hoạt theo QCXDVN 01:2021/BXD - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về quy hoạch xây dựng (tính cho 24 giờ/ngày).

Như vậy, khối lượng chất thải rắn thông thường phát sinh lớn nhất theo định mức tại Cơ sở là 3.544.602,4 kg/năm.

* Khối lượng chất thải rắn thông thường phát sinh theo thực tế

Căn cứ khối lượng phát sinh theo thực tế của Cơ sở, khối lượng chất thải rắn thông thường phát sinh là 2.238 m³/năm, tương đương **939.960 kg/năm**.

3.3.2. Công trình, biện pháp quản lý, xử lý chất thải rắn thông thường

* **Đối với chất thải rắn sinh hoạt:**

Hiện tại Cơ sở đang thực hiện các biện pháp quản lý chất thải rắn sinh hoạt theo đúng quy định tại Điều 75 Luật Bảo vệ môi trường. Chất thải rắn sinh hoạt được phân thành các loại gồm chất thải rắn có khả năng tái sử dụng, tái chế; chất thải thực phẩm; chất thải rắn sinh hoạt khác. Việc thu gom, lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt cụ thể như sau:

- Đối với khu vực nhà ở thấp tầng, khu nhà ở thương mại: Các hộ dân tại khu thấp tầng tự thu gom rác của từng hộ. Hàng ngày từ 09h00-11h00 và từ 13h00-17h00, đội vệ sinh đẩy xe thu gom rác tại từng hộ, sau đó chuyển ra xe của Công ty Vệ sinh Môi trường vận chuyển đi xử lý.

- Đối với nhà ban quản lý dự án: đặt các thùng rác có dung tích 20 lít. Hàng ngày, nhân viên vệ sinh của Khu đô thị sẽ thu gom rác tại các thùng chứa và vận chuyển về khu vực tập kết diện tích 120 m² của Khu đô thị và chuyển giao cho đơn vị chức năng thu gom, vận chuyển.

- Đối với nhà hàng Thủy Tạ: đặt các thùng rác có dung tích 60 lít. Hàng ngày, nhân viên của nhà hàng sẽ thu gom tại các thùng chứa và vận chuyển về 02 thùng rác có dung tích 240 lít đặt tại cổng nhà hàng để chuyển giao cho đơn vị chức năng thu gom, vận chuyển.

- Đối với khu vực công trình công cộng, đường giao thông: Đặt các thùng rác 50l có nắp đậy kín. Hàng ngày, nhân viên vệ sinh của Khu đô thị sẽ thu gom rác tại các thùng chứa và vận chuyển về khu vực tập kết rác cạnh trạm máy phát điện diện tích 120 m² của Khu đô thị và chuyển giao cho đơn vị chức năng thu gom, vận chuyển ngay trong ngày.

- Tại khu vực lưu chứa bố trí các xe rác 500 lít để lưu giữ chất thải rắn có khả năng tái sử dụng, tái chế; chất thải thực phẩm; chất thải rắn sinh hoạt khác.

- Bố trí nhân viên vệ sinh thu gom, phân loại chất thải rắn sinh hoạt tại mỗi công trình phát sinh chất thải. Đối với khu nhà ở, người dân sẽ có trách nhiệm phân loại rác và chuyển giao cho nhân viên vệ sinh của Công ty Vệ sinh Môi trường vận chuyển đi xử lý.

- Ký hợp đồng số 01012024/HDDV-VHMR/MTDTTP ngày 25/01/2024 với công ty TNHH MTV Môi trường đô thị Hải Phòng để thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt.

- Đối với rác thải công cộng: các chất thải công cộng như giường, tủ, bàn ghế, nệm hỏng,... phát sinh tại ban quản lý dự án, nhà hàng Thủy Tạ và các hộ dân tại khu

BÁO CÁO ĐỀ XUẤT CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG
của Khu đô thị Cầu Rào 2 – Tập đoàn Vingroup – Công ty CP

nhà ở thấp tầng, khu nhà ở thương mại dịch vụ sẽ liên hệ trực tiếp với đơn vị có chức năng hoặc Ban quản lý khu dự án tới thu gom, vận chuyển. Trường hợp, đơn vị có chức năng không thu gom rác trong ngày Cơ sở bố trí khu vực lưu giữ chất thải công kênh tại khu vực tập kết chất thải rắn sinh hoạt tích 120 m² nằm cạnh trạm máy phát điện. Các cá nhân, hộ gia đình, công trình phát sinh chất thải công kênh có trách nhiệm tháo bỏ các phụ liệu đi kèm như gương, kính, mảnh kim loại, bản lề, bảng điều khiển và sắp xếp gọn gàng, đảm bảo vệ sinh môi trường trước khi chuyển giao cho cơ sở thu gom hoặc nơi tiếp nhận theo đúng quy định tại Quyết định số 60/2023/QĐ-UBND của UBND thành phố Hải Phòng. Chủ các công trình và các hộ dân sẽ tự trả phí khi phát sinh rác thải công kênh cho đơn vị thu gom.

*** Đối với chất thải khác:**

- Bùn cặn thải từ hệ thống xử lý nước thải công suất 2.159 m³/ngày đêm được lưu giữ tạm thời tại bể chứa bùn. Định kỳ khoảng 06 tháng/lần kiểm tra mức bùn phát sinh tại bể, nếu vượt mức sẽ thuê đơn vị có chức năng đến thu gom, vận chuyển, xử lý theo quy định.

3.4. Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải nguy hại

3.4.1. Nguồn và khối lượng phát sinh chất thải nguy hại

*** Nguồn phát sinh chất thải nguy hại**

Chất thải nguy hại phát sinh tại Khu đô thị từ các hoạt động sau: (1) hoạt động bảo dưỡng máy móc thiết bị tại hệ thống xử lý nước thải (giẻ lau dính dầu mỡ thải...); (2) hoạt động nhà hàng, hoạt động văn phòng, hoạt động dịch vụ và hoạt động sinh hoạt của 1.153 căn nhà ở thấp tầng, 39 căn thương mại dịch vụ (bóng đèn huỳnh quang thải, pin thải); (3) hoạt động của hệ thống xử lý khí thải (mùi) từ hệ thống xử lý nước thải (than hoạt tính thải).

*** Khối lượng chất thải nguy hại phát sinh**

Căn cứ hoạt động thực tế của Cơ sở, khối lượng chất thải nguy hại phát sinh lớn nhất được liệt kê tại bảng sau:

Bảng 3.12. Khối lượng chất thải nguy hại phát sinh tại Cơ sở

TT	Tên chất thải	Trạng thái	Mã CTNH	Khối lượng (kg/năm)	Ký hiệu phân loại
1	Bóng đèn huỳnh quang	Rắn	16 01 06	152	NH
2	Chất hấp thụ, vật liệu lọc, giẻ lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại	Rắn	18 02 01	55	KS
3	Than hoạt tính thải từ hệ thống xử lý khí thải (mùi) phát sinh từ hệ thống xử lý nước thải			129	

BÁO CÁO ĐỀ XUẤT CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG
của Khu đô thị Cầu Rào 2 – Tập đoàn Vingroup – Công ty CP

4	Hộp mực in thải	Rắn	08 02 04	13	KS
5	Bao bì cứng thải bằng kim loại (thùng phuy đỉnh bóm dầu nhớt, hoá chất,...)	Rắn	18 01 02	36	KS
6	Dầu động cơ, hộp số bôi trơn thải	Lỏng	17 02 03	92	NH
7	Pin thải, ắc quy thải	Rắn	16 01 12	55	NH
Tổng				532	

3.4.2. Công trình, biện pháp quản lý, xử lý chất thải nguy hại

Hiện tại Cơ sở đang thực hiện các biện pháp quản lý chất thải nguy hại theo đúng Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường. Cụ thể:

- Bố trí cán bộ phụ trách quản lý, phân loại chất thải nguy hại. Tại kho chứa CTNH, chất thải sẽ được phân loại và lưu giữ tại các thùng chứa riêng theo đúng quy định.

- Bố trí 01 kho chứa CTNH diện tích 6m² đặt tại tầng hầm của hệ thống xử lý nước thải tập trung. Kho chứa chất thải nguy hại có gờ chống tràn, nền bê tông chống thấm, có cửa ra vào khép kín.

- Bên trong kho chứa CTNH:

- + Bố trí xô đựng cát khô để kịp thời ứng phó trong trường hợp tràn đổ, rò rỉ chất thải nguy hại.

- + Bố trí các thùng chứa có nắp đậy để chứa các CTNH, bên ngoài thùng chứa có ghi tên chất thải và dán mã CTNH được lưu giữ.

- + Trang bị các thiết bị PCCC (bình chữa cháy CO₂).

- + Bố trí dấu hiệu cảnh báo theo quy định.

- Ký hợp đồng số 01012024/HDDV/HA-VHMR ngày 25/01/2024 với Công ty cổ phần Hòa Anh để thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải nguy hại.

3.5. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung

Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung chủ yếu là từ hoạt động của các phương tiện giao thông ra vào Khu đô thị; hoạt động của máy thổi khí tại khu vực đặt hệ thống xử lý nước thải; hoạt động của máy phát điện dự phòng tại khu vực trạm máy phát điện.

*** Công trình, biện pháp giảm thiểu**

- Các phương tiện giao thông ra vào Cơ sở phải giảm tốc độ, đi theo hướng dẫn của bảo vệ và tắt máy khi dừng đỗ.

- Các máy móc, thiết bị được vận hành đúng công suất, yêu cầu kỹ thuật và được thường xuyên vệ sinh, định kỳ bảo dưỡng, kịp thời sửa chữa để đảm bảo luôn hoạt động ở trạng thái ổn định.

- Máy phát điện dự phòng được bố trí tại một khu vực riêng, định kỳ bảo dưỡng theo khuyến cáo của nhà cung cấp.

*** Quy chuẩn, tiêu chuẩn áp dụng**

- Tiếng ồn gây ra bởi Khu đô thị phải đảm bảo không vượt quá giá trị tối đa cho phép được quy định tại QCVN 26:2010/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn.

- Độ rung gây ra bởi Khu đô thị phải đảm bảo không vượt quá giá trị tối đa cho phép được quy định tại QCVN 27:2010/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung.

3.6. Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường

3.6.1. Biện pháp phòng ngừa ứng phó sự cố môi trường đối với nước thải

- Tại khu vực xây lắp hệ thống xử lý nước thải, đã niêm yết sơ đồ quy trình công nghệ và hướng dẫn vận hành.

- Đã bố trí cán bộ được đào tạo, tập huấn về chuyên môn để quản lý, vận hành hệ thống xử lý nước thải và ghi chép đầy đủ nhật ký vận hành.

- Đảm bảo vận hành và thực hiện bảo dưỡng định kỳ hệ thống xử lý, tuân thủ các yêu cầu thiết kế và quy trình vận hành đã xây dựng.

- Thường xuyên kiểm tra bằng cảm quan chất lượng nước thải sau khi xử lý (như màu sắc, mùi, chất rắn lơ lửng....) nếu phát hiện bất thường thì sẽ liên hệ ngay đến đơn vị cung cấp thiết bị để được hướng dẫn.

- Thường xuyên kiểm tra các đường ống công nghệ, máy móc, thiết bị, kịp thời khắc phục các sự cố rò rỉ, tắc.

- Khi hệ thống xử lý nước thải xảy ra sự cố, trong quá trình sửa chữa, khắc phục sự cố sẽ không xả nước thải chưa qua xử lý ra môi trường. Nước thải từ các nguồn phát sinh chảy về hệ thống xử lý nước thải và được lưu giữ tạm thời tại các bể điều hòa, cụm xử lý sinh học ASBR. Khi sự cố của hệ thống xử lý nước thải không thể khắc phục được ngay và các bể điều hòa, cụm xử lý sinh học ASBR không còn khả năng lưu chứa thì sẽ thuê đơn vị có chức năng đến thu gom nước thải từ các bể mang đi xử lý theo quy định.

- Trang bị máy phát điện dự phòng và đảm bảo công suất phục vụ cho việc vận hành hệ thống xử lý nước thải khi điện lưới bị mất.

- Đã trang bị hệ thống thiết bị quan trắc tự động với các thông số là: lưu lượng, pH, TSS, COD, Amoni, nhiệt độ và camera giám sát tại vị trí sau bể khử trùng để kiểm soát chất lượng nước thải đầu ra, tần suất giám sát liên tục 24/24h, thông tin kết quả được truyền trực tiếp đến Sở Tài nguyên và Môi trường Hải Phòng giám sát và quản lý chất lượng.

3.6.2. Biện pháp phòng ngừa ứng phó sự cố môi trường đối với khí thải

- Bố trí cán bộ phụ trách quản lý, vận hành hệ thống xử lý khí thải (mùi).

- Đào tạo đội ngũ công nhân nắm vững quy trình vận hành và có khả năng sửa chữa, khắc phục khi sự cố xảy ra.
- Định kỳ kiểm tra đường ống, quạt hút, tháp hấp thụ, tháp hấp phụ, theo dõi quá trình hoạt động bảo đảm hoạt động ổn định của hệ thống.
- Khi xảy ra sự cố, dừng hoạt động tại khu vực xảy ra sự cố, tìm nguyên nhân sửa chữa, khắc phục kịp thời.

3.6.3. Biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường khác

a. Đối với sự cố cháy nổ

- Hạ tầng khu đô thị Cầu Rào 2 đã được Công an thành phố Hải Phòng cấp giấy chứng nhận thẩm duyệt về phòng cháy và chữa cháy số 03/TD-PCCC ngày 24/09/2018 và biên bản kiểm tra về phòng cháy và chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ, nghiệm thu công trình ngày 20/05/2020.

- Trang bị đầy đủ các thiết bị chữa cháy tại chỗ bao gồm: Các biển báo về an toàn cháy nổ; bình bột chữa cháy, bình CO₂... đặt tại các vị trí thuận tiện.

b. Đối với các rủi ro, sự cố khác

- Sự cố dịch bệnh: Tuyên truyền và phổ biến kiến thức đến các hộ dân, cơ sở kinh doanh dịch vụ trong Khu đô thị về vệ sinh môi trường, phòng chống dịch bệnh. Đề ra các quy định và giám sát việc thực hiện giữ gìn vệ sinh môi trường chung, bỏ rác thải đúng nơi quy định.... Khi phát hiện dịch bệnh phải kịp thời báo ngay đến các đơn vị có liên quan (như Sở Y tế, Trung tâm Y tế dự phòng,...) để có biện pháp xử lý.

- Sự cố thiên tai: Lập kế hoạch chi tiết phòng chống lụt bão và các sự cố thiên tai trong giai đoạn hoạt động của Khu đô thị. Trang bị kiến thức và tổ chức diễn tập ứng cứu sự cố lụt bão và các sự cố thiên tai khác đến các hộ dân, cơ sở kinh doanh dịch vụ trong Khu đô thị. Thường xuyên theo dõi dự báo về lụt bão và các hiện tượng thời tiết bất thường để kịp thời có kế hoạch ứng phó và phân công nhiệm vụ.

3.7. Các nội dung thay đổi so với quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường

Khu đô thị Cầu Rào 2 đã được Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường tại Quyết định số 2843/QĐ-UBND ngày 31/10/2018. Các nội dung thay đổi so với quyết định phê duyệt kết quả thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Khu đô thị được tổng hợp tại bảng sau:

BÁO CÁO ĐỀ XUẤT CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG
của Khu đô thị Cầu Rào 2 – Tập đoàn Vingroup – Công ty CP

Bảng 3.13. Các nội dung thay đổi so với so với quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường

TT	Nội dung thay đổi	Phương án đã được phê duyệt	Phương án thực tế	Lý do thay đổi
I	Quy hoạch sử dụng đất			
1	Giảm diện tích đất xây dựng trường mầm non	Diện tích đất là 5.782 m ²	Diện tích đất là 4.969,3m ²	Việc điều chỉnh này đã được Sở Tài nguyên và Môi trường chấp thuận tại Giấy xác nhận số 06/GXN-STNMT ngày 17/02/2022 hoàn thành công trình bảo vệ môi trường của khu vực phía Đông (khu nhà thấp tầng) thuộc Dự án Khu đô thị Cầu Rào 2 tại phường Vĩnh Niệm, quận Lê Chân (không bao gồm công trình bảo vệ môi trường của trường mầm non và 02 trường liên cấp (tiểu học và trung học cơ sở)
2	Bổ sung công trình nhà hàng Thủy Tạ trên lô đất công trình công cộng nhóm nhà ở	Không có	Diện tích đất là 812,7 m ²	
3	Giảm diện tích khu nhà ở xã hội (Trên khu đất số 2)	Phạm vi khu nhà ở xã hội bao gồm 2.536,2m ² diện tích thuộc nghĩa trang Góc Găng.	Điều chỉnh phần diện tích 2.536,2m ² thuộc nghĩa trang Góc Găng ra khỏi phạm vi khu nhà ở xã hội.	
II	Hạng mục công trình			
1	Công trình thương mại dịch vụ	Xây dựng 8 công trình thương mại dịch vụ	- Xây dựng 39 căn thương mại dịch vụ. - Xây dựng 1 bể bơi ngoài trời 350m ³ . - Nhà ban quản lý vận hành dự án có dịch vụ bể bơi trong nhà 270m ³ .	Việc điều chỉnh này đã được Sở Tài nguyên và Môi trường chấp thuận tại Giấy xác nhận số 06/GXN-STNMT ngày 17/02/2022 hoàn thành công trình bảo vệ môi trường của khu vực phía Đông (khu nhà thấp tầng) thuộc Dự án Khu đô thị
2	Vị trí xây dựng trạm xử lý nước thải tập trung	Phá dỡ miếu Linh Từ, xây dựng trạm xử lý nước thải tập trung tại khu công viên cây xanh ký hiệu CX-01	Giữ lại khu miếu Linh Từ trong khu công viên cây xanh CX-01, thay đổi vị trí trạm xử lý nước thải tập trung từ khu	

BÁO CÁO ĐỀ XUẤT CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG
của Khu đô thị Cầu Rào 2 – Tập đoàn Vingroup – Công ty CP

TT	Nội dung thay đổi	Phương án đã được phê duyệt	Phương án thực tế	Lý do thay đổi
			công viên cây xanh sang khu công trình công cộng	Cầu Rào 2 tại phường Vĩnh Niệm, quận Lê Chân (không bao gồm công trình bảo vệ môi trường của trường mầm non và 02 trường liên cấp (tiểu học và trung học cơ sở)
3	Hồ điều hòa	- Hai hồ điều hòa được kết nối với nhau bởi 2 cống hộp kích thước 3x3m. - Hồ số 1 diện tích 38.939,1m²; Hồ số 2 diện tích 33.150,5m²; H_{tb}=2,7m; Tổng dung tích chứa nước là 194.641,92m³.	- Hai hồ điều hòa được kết nối với nhau bởi cống hộp kích thước 1,5x1,5, dài 24m. - Hồ số 1 diện tích 38.939,1m²; Hồ số 2 diện tích 33.150,5m²; H_{max} = 3,5m, H_{tb} = 2,0m. Tổng dung tích chứa nước tối đa là 252.313,6 m³.	
III	Công trình thu gom và xử lý nước thải sinh hoạt			
1	Công trình thu gom nước thải	Nước thải sinh hoạt sau xử lý sơ bộ → cống D250-D600 → 3 trạm bơm → Hệ thống xử lý nước thải tập trung → Cống thoát nước mưa của dự án → Hồ điều hòa → Cống Đồng Vò → Sông Lạch Tray. Công suất các trạm bơm: - Trạm bơm số 1 công suất 330m³/ngày - Trạm bơm số 1 công suất 233m³/ngày - Trạm bơm số 1 công suất 1.124m³/ngày	Nước thải sinh hoạt sau xử lý sơ bộ → cống D200-D300 → 3 trạm bơm → Hệ thống xử lý nước thải tập trung → Cống D200 → Cống hộp 1,5x1,5 m → Cống Đồng Vò → Sông Lạch Tray. - Công suất các trạm bơm: + Trạm bơm số 1 công suất Q= 15 m³/h, 360m³/ngày, H = 15m, kích thước hố bơm 2x1,5x3,7m. + Trạm bơm số 1 công suất Q= 10 m³/h, 240m³/ngày, H = 15m, kích thước hố bơm 2x1,5x3,6m. + Trạm bơm số 1 công suất Q= 50 m³/h, 1.200m³/ngày, H = 15m, kích thước hố bơm 2,5x2,5x4,1m.	Việc điều chỉnh này đã được Sở Tài nguyên và Môi trường chấp thuận tại Giấy xác nhận số 06/GXN-STNMT ngày 17/02/2022 hoàn thành công trình bảo vệ môi trường của khu vực phía Đông (khu nhà thấp tầng) thuộc Dự án Khu đô thị Cầu Rào 2 tại phường Vĩnh Niệm, quận Lê Chân (không bao gồm công trình bảo vệ môi trường của trường mầm non và 02 trường liên cấp (tiểu học và trung học cơ sở)

BÁO CÁO ĐỀ XUẤT CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG
của Khu đô thị Cầu Rào 2 – Tập đoàn Vingroup – Công ty CP

TT	Nội dung thay đổi	Phương án đã được phê duyệt	Phương án thực tế	Lý do thay đổi
2	Bể tự hoại	- 1.162 bể - Bể tự hoại ba ngăn có ngăn lọc	- 1.195 bể - Bể tự hoại 3 ngăn không có ngăn lọc.	
3	Hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 2.159m ³ /ngày	- Công nghệ xử lý nước thải: Công nghệ xử lý vi sinh dạng mẻ liên tục SBR - Quy trình công nghệ: Nước thải sinh hoạt → Bể điều hòa → Bể SBR → Bể khử trùng → Công thoát nước. - Thông số kỹ thuật các bể: 01 Bể điều hòa, 02 ngăn/bể, thể tích 500m ³ /ngăn; 03 Bể selector, 04 ngăn/bể, thể tích 153m ³ /bể; 02 bể Ctech, thể tích 345m ³ /bể; 01 bể khử trùng, thể tích 281,25m ³ /bể; 01 bể chứa bùn, thể tích 268m ³ /bể.	- Công nghệ xử lý nước thải: Công nghệ xử lý vi sinh dạng mẻ liên tục ASBR - Quy trình công nghệ: Nước thải sinh hoạt → Bể điều hòa → Bể ASBR → Bể trung gian → Bồn lọc áp lực → Bể khử trùng → Công thoát nước. - Thông số kỹ thuật các bể: 01 Bể điều hòa, 01 ngăn/bể, thể tích chứa nước 441,6m ³ /bể; 02 Bể selector, 03 ngăn/bể, thể tích chứa nước 133,2m ³ /bể; 02 bể ASBR, thể tích 976,8m ³ /bể; 01 bể trung gian, thể tích chứa nước 140,34m ³ /bể; 04 bồn lọc áp lực kích thước D1,8x2,4m; 01 bể khử trùng, thể tích 303,6m ³ /bể; 01 bể chứa bùn, thể tích 88,8m ³ /bể.	
4	Hệ thống xử lý mùi phát sinh từ bể điều hòa và bể ASBR	Mùi phát sinh chủ yếu do các khí H ₂ S, NO ₃ gây ra. Sử dụng 2 tháp hấp thụ để xử lý mùi. Dòng khí đi vào tháp thứ nhất và được hấp thụ bởi NaOH loãng , sau đó đi vào tháp thứ 2 và được hấp thụ bởi than hoạt tính. Sau đó dòng khí sạch được thải	Sử dụng 2 tháp hấp thụ để xử lý mùi. Dòng khí đi vào tháp thứ nhất và được hấp thụ bởi than hoạt tính, sau đó đi vào tháp thứ 2 và được hấp thụ bởi chất khử mùi (airsolution 9312) . Sau đó dòng khí sạch được thải ra môi	

BÁO CÁO ĐỀ XUẤT CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG
của Khu đô thị Cầu Rào 2 – Tập đoàn Vingroup – Công ty CP

TT	Nội dung thay đổi	Phương án đã được phê duyệt	Phương án thực tế	Lý do thay đổi
		ra môi trường.	trường.	
5	Hệ thống quan trắc nước thải tự động	- Các thông số quan trắc: BOD₅ , TSS, pH, nhiệt độ và lưu lượng.	- Các thông số quan trắc: COD , TSS, pH, nhiệt độ, amoni và lưu lượng.	
IV	Chương trình giám sát môi trường			
1	Chương trình giám sát nước thải	- Vị trí giám sát: Điểm xả từ hồ điều hòa ra cống Đồng Vò. - Thông số giám sát: Lưu lượng, pH, TSS, BOD₅, COD, Tổng N, Tổng P, tổng chất hoạt động bề mặt, Dầu mỡ, Coliform.	- Vị trí giám sát: Tại điểm thải cuối trước khi xả vào cống 1,5x1,5(m) của khu dân cư bên ngoài dự án. - Thông số giám sát: BOD₅, Tổng chất rắn hòa tan, Sunfua (tính theo H₂S), Nitrat (NO₃⁻) (tính theo N), Tổng chất hoạt động bề mặt, Dầu mỡ động thực vật, Phosphat (PO₄³⁻) (tính theo P), Tổng Coliforms.	Việc điều chỉnh này đã được Sở Tài nguyên và Môi trường chấp thuận tại Giấy xác nhận số 06/GXN-STNMT ngày 17/02/2022 hoàn thành công trình bảo vệ môi trường của khu vực phía Đông (khu nhà thấp tầng) thuộc Dự án Khu đô thị Cầu Rào 2 tại phường Vĩnh Niệm, quận Lê Chân (không bao gồm công trình bảo vệ môi trường của trường mầm non và 02 trường liên cấp (tiểu học và trung học cơ sở)
2	Chương trình giám sát nước hồ cảnh quan	- Vị trí giám sát: Cống Đồng Vò. - Thông số giám sát: Lưu lượng, pH, TSS, BOD₅, COD, tổng chất hoạt động bề mặt, Coliform. - Chỉ tiêu so sánh: QCVN 08-MT:2015/BTNMT (Cột B). - Tần suất giám sát: 06 tháng/lần	Không giám sát nước hồ điều hòa	

CHƯƠNG IV.
NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

4.1. Nội dung đề nghị cấp phép đối với nước thải

4.1.1. Nguồn phát sinh nước thải

- Nguồn số 01: Nước thải sinh hoạt (gồm nước thải từ bồn cầu vệ sinh, bồn chậu rửa mặt, thoát sàn, bếp ăn) từ hoạt động của khu nhà ở thấp tầng loại 1 (gồm 198 căn từ lô TT1-01 đến lô TT1-10).

- Nguồn số 02: Nước thải sinh hoạt (gồm nước thải từ bồn cầu vệ sinh, bồn chậu rửa mặt, thoát sàn, bếp ăn) từ hoạt động của khu nhà ở thấp tầng loại 1 (gồm 24 căn từ lô TT1-11 đến lô TT1-13).

- Nguồn số 03: Nước thải sinh hoạt (gồm nước thải từ bồn cầu vệ sinh, bồn chậu rửa mặt, thoát sàn, bếp ăn) từ hoạt động của khu nhà ở thấp tầng loại 1 (gồm 421 căn từ lô TT1-14 đến lô TT1-42).

- Nguồn số 04: Nước thải sinh hoạt (gồm nước thải từ bồn cầu vệ sinh, bồn chậu rửa mặt, thoát sàn, bếp ăn) từ hoạt động của khu nhà ở thấp tầng loại 2 (gồm 6 căn từ lô TT2-01).

- Nguồn số 05: Nước thải sinh hoạt (gồm nước thải từ bồn cầu vệ sinh, bồn chậu rửa mặt, thoát sàn, bếp ăn) từ hoạt động của khu nhà ở thấp tầng loại 2 (gồm 50 căn từ lô TT2-02 đến lô TT2-06).

- Nguồn số 06: Nước thải sinh hoạt (gồm nước thải từ bồn cầu vệ sinh, bồn chậu rửa mặt, thoát sàn, bếp ăn) từ hoạt động của khu nhà ở thấp tầng loại 2 (gồm 102 căn từ lô TT2-07 đến lô TT2-13).

- Nguồn số 07: Nước thải sinh hoạt (gồm nước thải từ bồn cầu vệ sinh, bồn chậu rửa mặt, thoát sàn, bếp ăn) từ hoạt động của khu nhà ở thấp tầng loại 2 (gồm 59 căn từ lô TT2-14 đến lô TT2-19).

- Nguồn số 08: Nước thải sinh hoạt (gồm nước thải từ bồn cầu vệ sinh, bồn chậu rửa mặt, thoát sàn, bếp ăn) từ hoạt động của khu nhà ở thấp tầng loại 3 (gồm 16 căn từ lô TT3-01 đến lô TT3-02).

- Nguồn số 09: Nước thải sinh hoạt (gồm nước thải từ bồn cầu vệ sinh, bồn chậu rửa mặt, thoát sàn, bếp ăn) từ hoạt động của khu nhà ở thấp tầng loại 3 (gồm 18 căn từ lô TT3-03 đến lô TT3-05).

- Nguồn số 10: Nước thải sinh hoạt (gồm nước thải từ bồn cầu vệ sinh, bồn chậu rửa mặt, thoát sàn, bếp ăn) từ hoạt động của khu nhà ở thấp tầng loại 3 (gồm 18 căn từ lô TT3-06 đến lô TT3-07).

- Nguồn số 11: Nước thải sinh hoạt (gồm nước thải từ bồn cầu vệ sinh, bồn chậu rửa mặt, thoát sàn, bếp ăn) từ hoạt động của khu nhà ở kết hợp TMDV (Shophouse) (gồm 62 căn từ lô TT4-01 đến lô TT4-06).

- Nguồn số 12: Nước thải sinh hoạt (gồm nước thải từ bồn cầu vệ sinh, bồn chậu rửa mặt, thoát sàn, bếp ăn) từ hoạt động của khu nhà ở kết hợp TMDV (Shophouse) (gồm 62 căn từ lô TT4-07 đến lô TT4-19).

- Nguồn số 13: Nước thải sinh hoạt (gồm nước thải từ bồn cầu vệ sinh, bồn chậu rửa mặt, thoát sàn, bếp ăn) từ hoạt động của khu nhà ở kết hợp TMDV (Shophouse) (gồm 117 căn từ lô TT4-20 đến lô TT4-24).

- Nguồn số 14: Nước thải sinh hoạt (gồm nước thải từ bồn cầu vệ sinh, bồn chậu rửa mặt, thoát sàn, bếp ăn) từ hoạt động của 39 căn thương mại dịch vụ.

- Nguồn số 15: Nước thải sinh hoạt (gồm nước thải từ bồn cầu vệ sinh, bồn chậu rửa mặt, thoát sàn) từ hoạt động của nhà ban quản lý dự án.

- Nguồn số 16: Nước thải sinh hoạt (gồm nước thải từ bồn cầu vệ sinh, bồn chậu rửa mặt, thoát sàn, bếp ăn) từ hoạt động của nhà hàng Thủy Tạ.

- Nguồn số 17: Nước thải từ hoạt động súc rửa hệ thống lọc áp lực bể bơi ngoài trời và trong nhà.

4.1.2. Dòng nước xả thải vào nguồn nước tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải

* **Nguồn tiếp nhận nước thải:** Sông lạch Tray, đoạn chảy qua địa bàn phường Vĩnh Niệm, quận Lê Chân.

* **Vị trí xả nước thải:**

+ Dòng nước thải số 01 (nguồn số 01 đến nguồn số 17): Hồ ga trên góc đường phía Đông Bắc khu đô thị (gần Miếu Linh Từ), trước khi đầu nối vào cống hộp 1500 x 1500 (cống thoát nước hiện trạng của khu dân cư lân cận khu đô thị).

+ Toạ độ vị trí xả nước thải: $X = 2303396.880$ m; $Y = 597459.660$ m (Hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực $105^{\circ}45'$, múi chiếu 3°).

+ Phương thức xả thải: Bơm cưỡng bức.

+ Chế độ xả nước thải: Chế độ xả gián đoạn

* **Lưu lượng xả nước thải tối đa đề nghị cấp phép của Cơ sở là: 2.159 m³/ngày đêm** (theo công suất của hệ thống xử lý nước thải tập trung).

4.1.3. Các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm theo dòng nước thải

Các chất ô nhiễm theo dòng nước thải sau xử lý bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và giá trị giới hạn cho phép của QCVN 14:2008/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt (cột A, K=1,0). Cụ thể như sau:

BÁO CÁO ĐỀ XUẤT CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG
của Khu đô thị Cầu Rào 2 – Tập đoàn Vingroup – Công ty CP

Bảng 4.1. Các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm theo dòng nước thải

TT	Các chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
1	pH	-	5-9	03 tháng/lần	Thuộc đối tượng
2	COD	mg/l	-		
3	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/l	50		
4	Amoni (tính theo N)	mg/l	5		
5	BOD ₅ (20°C)	mg/l	30		Không thuộc đối tượng
6	Tổng chất rắn hòa tan	mg/l	500		
7	Sulfua (tính theo H ₂ S)	mg/l	1		
8	Nitrat (NO ₃ ⁻) (tính theo N)	mg/l	30		
9	Dầu, mỡ động thực vật	mg/l	10		
10	Tổng các chất hoạt động bề mặt	mg/l	5		
11	Phosphat (PO ₄ ³⁻) (tính theo P)	mg/l	6		
12	Tổng Coliform	MPN/100ml	3.000		

Ghi chú:

QCVN 14:2008/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt, Cột A - quy định giá trị C của các thông số ô nhiễm làm cơ sở tính toán giá trị tối đa cho phép trong nước thải sinh hoạt khi thải vào các nguồn nước không dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt; K = 1,0 áp dụng cho khu chung cư và khu dân cư có quy mô từ 50 căn hộ trở lên.

4.2. Nội dung đề nghị cấp phép đối với khí thải

Không có

4.3. Nội dung đề nghị cấp phép đối với tiếng ồn, độ rung

4.3.1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung

- Nguồn số 01: Hoạt động của máy thổi khí tại khu xử lý nước thải tập trung công suất 2.159 m³/ngày đêm.

- Nguồn số 02: Hoạt động của máy phát điện dự phòng tại khu vực trạm máy phát.

4.3.2. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung

- Vị trí phát sinh tiếng ồn, rung: Khu đô thị Cầu Rào 2 tại phường Vĩnh Niệm, quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng.

+ Nguồn số 01: Tọa độ: X (m) = 2303221.182 m; Y (m) = 597542.909

+ Nguồn số 02: Tọa độ: X (m) = 2303221.183 m; Y (m) = 597546.013

(Hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực $105^{\circ}45'$, múi chiều 3^0).

4.3.3. Giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung

Tiếng ồn, độ rung phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 26:2010/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn; QCVN 27:2010/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung, cụ thể như sau:

a. Tiếng ồn:

Bảng 4.2. Giá trị giới hạn đối với tiếng ồn

TT	Từ 6 giờ đến 21 giờ (dBA)	Từ 21 giờ đến 6 giờ (dBA)	Ghi chú
1	70	55	Khu vực thông thường

b. Độ rung:

Bảng 4.3. Giá trị giới hạn đối với độ rung

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép (dB)		Ghi chú
	Từ 6 giờ đến 21 giờ	Từ 21 giờ đến 6 giờ	
1	70	60	Khu vực thông thường

4.4. Nội dung đề nghị cấp phép đối với quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường

4.4.1. Quản lý chất thải

a. Nguồn phát sinh chất thải

* Chất thải rắn sinh hoạt: Phát sinh từ hoạt động của người dân sống tại 1.153 căn nhà ở thấp tầng, 39 căn thương mại dịch vụ, khách sử dụng dịch vụ, cán bộ nhân viên làm việc tại Nhà ban quản lý, nhà hàng Thủy Tạ.

* Chất thải khác: Phát sinh từ hệ thống xử lý nước thải tập trung (bùn cặn).

* Chất thải nguy hại: Phát sinh từ hoạt động bảo dưỡng máy móc thiết bị tại hệ thống xử lý nước thải (giẻ lau dính dầu mỡ thải...); hoạt động nhà hàng, hoạt động

BÁO CÁO ĐỀ XUẤT CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG
của Khu đô thị Cầu Rào 2 – Tập đoàn Vingroup – Công ty CP

văn phòng, hoạt động dịch vụ và hoạt động sinh hoạt của 1.153 căn nhà ở thấp tầng, 39 căn thương mại dịch vụ (bóng đèn huỳnh quang thải, pin thải); hoạt động của hệ thống xử lý khí thải (mùi) từ hệ thống xử lý nước thải (than hoạt tính thải).

b. Chủng loại, khối lượng chất thải phát sinh

* Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh:

Bảng 4.4. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại dự kiến phát sinh

TT	Tên chất thải	Trạng thái	Mã CTNH	Khối lượng (kg/năm)	Ký hiệu phân loại
1	Bóng đèn huỳnh quang	Rắn	16 01 06	152	NH
2	Chất hấp thụ, vật liệu lọc, giẻ lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại	Rắn	18 02 01	55	KS
3	Than hoạt tính thải từ hệ thống xử lý khí thải (mùi) phát sinh từ hệ thống xử lý nước thải			129	
4	Hộp mực in thải	Rắn	08 02 04	13	KS
5	Bao bì cứng thải bằng kim loại (thùng phuy đựng bả, dầu nhớt, hoá chất,...)	Rắn	18 01 02	36	KS
6	Dầu động cơ, hộp số bôi trơn thải	Lỏng	17 02 03	92	NH
7	Pin thải, ắc quy thải	Rắn	16 01 12	55	NH
Tổng				532	

* Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh là: **3.540.617,4 kg/năm**.

* Khối lượng, chủng loại chất thải khác phát sinh là:

Bảng 4.5. Khối lượng, chủng loại chất thải khác dự kiến phát sinh

TT	Tên chất thải	Khối lượng (kg/năm)
1	Bùn thải từ hệ thống xử lý nước thải tập trung	3.985
Tổng khối lượng		3.985

c. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải

* Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại

- Thiết bị lưu chứa: Bố trí các thùng chứa có nắp đậy kín, bên ngoài dán nhãn có ghi mã CTNH được lưu giữ.

- Kho lưu chứa chất thải: Kho chứa chất thải nguy hại được bố trí tại các vị trí sau:

+ 01 kho chứa CTNH diện tích 6 m² đặt tại tầng hầm của hệ thống xử lý nước thải tập trung.

Các kho chứa chất thải nguy hại có gờ chống tràn, nền bê tông chống thấm, có cửa ra vào khép kín.

- Ký hợp đồng với đơn vị chức năng để thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải nguy hại.

* Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt

- Thiết bị lưu chứa: Bố trí các thùng lưu chứa có nắp đậy đặt tại các công trình và khu công viên cây xanh, sân đường nội bộ.

- Kho lưu chứa:

+ Khu vực lưu chứa chất thải rắn sinh hoạt diện tích 120 m².

- Ký hợp đồng với Công ty TNHH MTV Môi trường đô thị Hải Phòng để thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn sinh hoạt.

4.4.2. Phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường

- Thực hiện trách nhiệm phòng ngừa sự cố môi trường, chuẩn bị ứng phó sự cố môi trường, tổ chức ứng phó sự cố môi trường, phục hồi môi trường sau sự cố môi trường theo quy định tại Điều 122, Điều 124, Điều 125 và Điều 126 Luật Bảo vệ môi trường.

- Ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường phù hợp với nội dung phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong Giấy phép môi trường này. Trường hợp kế hoạch ứng phó sự cố môi trường được lồng ghép, tích hợp và phê duyệt cùng với kế hoạch ứng phó sự cố khác theo quy định tại điểm b khoản 6 Điều 124 Luật Bảo vệ môi trường thì phải bảo đảm có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 2 Điều 108 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

4.5. Các nội dung đề nghị cấp phép khác về bảo vệ môi trường

4.5.1. Nội dung về cải tạo, phục hồi môi trường

Không thuộc đối tượng phải thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường.

4.5.2. Nội dung về bồi hoàn đa dạng sinh học

Không thuộc đối tượng phải thực hiện bồi hoàn đa dạng sinh học

4.5.3. Các nội dung chủ dự án đầu tư/cơ sở tiếp tục thực hiện theo quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường

Theo quyết định số 2843/QĐ-UBND ngày 31/10/2018 của Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng về việc phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường Dự án đầu tư xây dựng khu đô thị Cầu Rào 2 tại phường Vĩnh Niệm, quận Lê Chân do Tập đoàn Vingroup – Công ty CP làm Chủ đầu tư; các hạng mục công trình còn tiếp tục thực hiện đối với phần diện tích còn lại 64.016,3 m² (trên tổng diện tích 489.264,8 m²), bao gồm:

- + 01 Trường mầm non diện tích 4.969,3 m².
- + 01 Trường liên cấp (Tiểu học và THCS) diện tích 8.107,6 m².
- + 01 Trường liên cấp (Tiểu học và THCS) diện tích 10.956,5 m².
- + Nhà ở xã hội diện tích 39.982,9 m².

Sau khi hoàn thành các công trình nêu trên. Công ty có trách nhiệm thực hiện thủ tục cấp giấy phép môi trường đối với giai đoạn tiếp theo của Dự án theo quy định của pháp luật.

4.5.4. Các nội dung khác về bảo vệ môi trường

- Quản lý các chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động đảm bảo các yêu cầu về vệ sinh môi trường và theo đúng các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường. Thực hiện phân định, phân loại, lưu giữ các loại chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường, Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường. Định kỳ chuyển giao chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại cho đơn vị có đầy đủ năng lực, chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định.

- Tuân thủ các quy định của pháp luật về phòng cháy chữa cháy, vệ sinh an toàn thực phẩm theo quy định hiện hành.

- Máy phát điện dự phòng (sử dụng nhiên liệu dầu DO) không có hệ thống xử lý khí thải, tuy nhiên nhiên liệu sử dụng phải là nhiên liệu sạch, đáp ứng yêu cầu về chất lượng theo quy định của pháp luật về chất lượng sản phẩm, hàng hóa; khí thải phải đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường.

- Thu gom, xử lý mùi phát sinh từ hệ thống xử lý mùi phát sinh từ hệ thống xử lý nước thải, đảm bảo không phát tán mùi khó chịu ra môi trường xung quanh.

- Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hàng năm hoặc đột xuất; công

BÁO CÁO ĐỀ XUẤT CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG
của Khu đô thị Cầu Rào 2 – Tập đoàn Vingroup – Công ty CP

khai thông tin môi trường và kế hoạch ứng phó sự cố môi trường theo quy định của pháp luật.

- Đền bù, khắc phục sự cố môi trường nếu để xảy ra sự cố môi trường trong quá trình hoạt động của cơ sở theo quy định của pháp luật hiện hành.

- Thực hiện đúng, đầy đủ trách nhiệm theo quy định pháp luật về bảo vệ môi trường và các quy định pháp luật khác có liên quan. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật, quy chuẩn kỹ thuật môi trường nêu tại Giấy phép này có sửa đổi, bổ sung hoặc được thay thế thì thực hiện theo quy định tại văn bản mới./.

CHƯƠNG V.
KẾT QUẢ QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ

5.1. Kết quả quan trắc môi trường định kỳ đối với nước thải

Các kết quả quan trắc nước thải định kỳ của khu đô thị Cầu Rào 2 từ tháng 6//2022 đến tháng 06/2024 được tổng hợp tại bảng sau:

BÁO CÁO ĐỀ XUẤT CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG
của Khu đô thị Cầu Rào 2 – Tập đoàn Vingroup – Công ty CP

Bảng 5.1. Bảng tổng hợp kết quả quan trắc nước thải định kỳ của khu đô thị Cầu Rào 2 từ tháng 6/2022 – 6/2024

STT	Kết quả	Thông số										
		pH	TD S	TSS	BOD ₅ (20°C)	Amoni	Nitrat	Phosphat	Dầu mỡ ĐTV	Tổng Coliform	Sunfua (tính theo H ₂ S)	Chất hoạt động bề mặt
1	Tháng 7/2022	6,74	390	21,3	21,1	4,20	17	1,67	2,6	2.300	<0,1	KPH (<MDL=0,02)
2	Tháng 9/2022	6,74	394	20	22	3,8	14,6	1,23	2,3	2.400	<0,1	0,16
3	Tháng 12/2022	6,83	398	23	20	4,7	14,5	1,44	3,7	2.500	0,06	KPH (<MDL=0,03)
4	Tháng 3/2023	6,90	475	11	KPH (<MDL=1)	1,68	1,21	2,65	1,8	1.700	KPH (<MDL=0,016)	KPH (<MDL=0,03)
5	Tháng 6/2023	6,98	478	16	5	KPH (MDL=1)	11,6	2,94	7,5	110	0,075	0,465
6	Tháng 9/2023	6,86	355	6	5	KPH (MDL=1)	10	1,64	KPH (MDL=0,3)	110	KPH (MDL=0,016)	0,293
7	Tháng 12/2023	6,85	395	10	13	2,8	0,448	0,119	2,1	1.700	0,253	0,489
8	Tháng 3/2024	7,61	288	11,8	9,8	0,11	4,9	0,96	0,80	2.700	ND	0,041
9	Tháng 7/2024	7,09	300	25,1	5,1	0,32	4,6	0,75	0,84	2.200	ND	0,079

BÁO CÁO ĐỀ XUẤT CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG
của Khu đô thị Cầu Rào 2 – Tập đoàn Vingroup – Công ty CP

QCVN 14:2008/ BTNMT (Cột A, K=1,0)	5-9	500	50	30	5	30	6	10	3.000	1	5
---	------------	------------	-----------	-----------	----------	-----------	----------	-----------	--------------	----------	----------

*** Ghi chú:**

- KPH: Không phát hiện

- QCVN 14:2008/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt; Cột A - quy định giá trị C của các thông số ô nhiễm làm cơ sở tính toán giá trị tối đa cho phép trong nước thải sinh hoạt khi thải vào các nguồn nước không dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt.

*** Nhận xét:**

So sánh kết quả phân tích nước thải từ tháng 6/2022 đến tháng 6/2024 với QCVN 14:2008/BTNMT (Cột A, K=1,0) nhận thấy các thông số ô nhiễm trong nước thải sau xử lý, trước khi xả vào nguồn tiếp nhận đều nằm trong giới hạn cho phép.

5.2. Kết quả quan trắc môi trường định kỳ đối với bụi, khí thải

Khu đô thị Cầu Rào 2 đã được UBND thành phố Hải Phòng phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường tại Quyết định số 2843/QĐ-UBND ngày 31/10/2018. Tại báo cáo đánh giá tác động môi trường, giai đoạn hoạt động không đưa ra chương trình quan trắc định kỳ đối với bụi, khí thải. Do đó, Khu đô thị Cầu Rào 2 không quan trắc định kỳ đối với bụi, khí thải.

CHƯƠNG VI.
CHƯƠNG TRÌNH QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ

6.1. Kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải

Khu đô thị Cầu Rào 2 của Tập đoàn Vingroup – Công ty CP đã Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng cấp Giấy phép xả nước thải vào nguồn nước số 1748/GP-UBND ngày 23/06/2021. Căn cứ khoản 1 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường, Khu đô thị Cầu Rào 2 không phải vận hành thử nghiệm hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 2.159 m³/ngày đêm.

6.2. Chương trình quan trắc chất thải theo quy định của pháp luật

6.2.1. Chương trình quan trắc môi trường định kỳ

Bảng 6.1. Chương trình quan trắc định kỳ đối với nước thải

STT	Vị trí quan trắc	Tần suất quan trắc	Thông số quan trắc	Quy chuẩn so sánh
1	Hố ga trên góc đường phía Đông Bắc khu đô thị (gần Miếu Linh Từ), trước khi đầu nối vào cống hộp 1500 x 1500 (cống thoát nước hiện trạng của khu dân cư lân cận khu đô thị). Tọa độ: X = 2303396.880m, Y = 597459.660m	03 tháng/lần (bắt đầu từ ngày 01/01/2025 theo quy định tại khoản 4 điều 97 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP)	BOD ₅ (20 ⁰ C); Tổng chất rắn hòa tan; Sunfua (tính theo H ₂ S); Nitrat (NO ₃ ⁻) (tính theo N); Dầu mỡ động, thực vật; Tổng các chất hoạt động bề mặt; Phosphat (PO ₄ ³⁻) (tính theo P); Tổng Coliform.	QCVN 14:2008/BTNMT (cột A; K=1,0)

6.2.2. Chương trình quan trắc tự động, liên tục chất thải

Bảng 6.2. Chương trình quan trắc tự động, liên tục đối với nước thải

TT	Vị trí quan trắc	Tần suất quan trắc	Thông số quan trắc	Quy chuẩn so sánh
1	Sau bể khử trùng của hệ thống xử lý nước thải tập trung	Liên tục (24/24 giờ)	Lưu lượng đầu vào	QCVN 14:2008/BTNMT (cột A; K=1,0)
2			Lưu lượng đầu ra	
3			pH	
4			COD	

BÁO CÁO ĐỀ XUẤT CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG
của Khu đô thị Cầu Rào 2 – Tập đoàn Vingroup – Công ty CP

TT	Vị trí quan trắc	Tần suất quan trắc	Thông số quan trắc	Quy chuẩn so sánh
5			Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	
6			Amoni (tính theo N)	

6.3. Kinh phí thực hiện quan trắc môi trường hàng năm

Khu đô thị Cầu Rào 2 có dự trù khoản kinh phí khoảng 70.000.000 đồng (bằng chữ: Bảy mươi triệu đồng), được sử dụng trong việc quan trắc định kỳ nước thải và lập Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hàng năm.

CHƯƠNG VII.
KẾT QUẢ KIỂM TRA, THANH TRA VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI
CƠ SỞ

Từ tháng 8/2022 đến tháng 8/2024, có 01 đoàn kiểm tra, thanh tra về bảo vệ môi trường của cơ quan có thẩm quyền đối với cơ sở. Cụ thể:

Ngày 21/12/2022, Trung tâm quan trắc môi trường tiến hành quan trắc môi trường phục vụ thực hiện Kế hoạch số 42/KH-STN&MT ngày 10/10/2022 của Sở Tài nguyên và Môi trường về việc giám sát các nguồn thải lớn, các nguồn thải có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường trên địa bàn thành phố, với nội dung như sau: Quan trắc và lấy 01 mẫu nước thải tại điểm xả nước thải. Tọa độ 2303396.880X; 597459.660 (theo giấy phép xả nước thải vào nguồn nước số 1748/GP-UBND ngày 23 tháng 6 năm 2021).

(Biên bản quan trắc môi trường 620/2022/BBQT ngày 21/12/2022 được đính kèm tại phần phụ lục).

CHƯƠNG VIII. CAM KẾT CỦA CHỦ CƠ SỞ

Tập đoàn Vingroup – Công ty CP cam kết các nội dung sau:

- Cam kết về tính chính xác, trung thực của các thông tin, tài liệu, số liệu trong hồ sơ đề nghị cấp giấy phép môi trường.
- Cam kết thực hiện việc thu gom, xử lý, xả nước thải đáp ứng các quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật về môi trường và các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác có liên quan.
- Cam kết thực hiện việc thu gom, phân loại, lưu giữ, chuyển giao chất thải nguy hại, chất thải rắn thông thường đảm bảo các yêu cầu về vệ sinh môi trường và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.
- Cam kết thực hiện các biện pháp, phương án phòng ngừa, ứng phó và khắc phục các sự cố môi trường, sự cố cháy nổ và các rủi ro, sự cố khác. Công khai kế hoạch ứng phó sự cố môi trường theo quy định của pháp luật.
- Cam kết dành khoản kinh phí để thực hiện công tác bảo vệ môi trường và phòng ngừa, ứng phó, khắc phục sự cố môi trường.
- Cam kết thực hiện việc báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hàng năm hoặc đột xuất theo quy định của pháp luật.

PHỤ LỤC BÁO CÁO

1. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên mã số doanh nghiệp 0101245486 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 03/05/2002, đăng ký thay đổi lần thứ 72 ngày 16/08/2022.
2. Văn bản số 2765/STNMT-CCBVMT ngày 18/7/2019 của Sở Tài nguyên và Môi trường về việc bổ sung, điều chỉnh cục bộ dự án Khu đô thị Cầu Rào 2 tại phường Vĩnh Niệm, quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng.
3. Quyết định số 1608/QĐ-UBND ngày 12/7/2021 của UBND quận Lê Chân về việc phê duyệt Đồ án điều chỉnh quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 Khu đô thị Cầu Rào 2 tại phường Vĩnh Niệm, quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng.
4. Quyết định số 2832/QĐ-UBND ngày 30/10/2018 của UBND thành phố Hải Phòng về việc giao đất (đợt 1) cho Tập đoàn Vingroup – Công ty CP và phê duyệt giá đất cụ thể để tính tiền sử dụng đất đối với Dự án đầu tư xây dựng Khu đô thị Cầu Rào 2 tại phường Vĩnh Niệm, quận Lê Chân.
5. Quyết định số 2047/QĐ-UBND ngày 29/8/2019 của UBND thành phố Hải Phòng về việc điều chỉnh Quyết định số 2832/QĐ-UBND ngày 30/10/2018 của UBND thành phố (giao đất đợt 1); giao đất bổ sung (đợt 2) cho Tập đoàn Vingroup – Công ty CP và phê duyệt giá đất cụ thể để tính tiền thuê đất đối với Dự án đầu tư xây dựng Khu đô thị Cầu Rào 2 tại phường Vĩnh Niệm, quận Lê Chân.
6. Quyết định số 3003/QĐ-UBND ngày 03/12/2019 của UBND thành phố Hải Phòng về việc giao đất (đợt 3) cho Tập đoàn Vingroup – Công ty CP để thực hiện dự án đầu tư xây dựng Khu đô thị Cầu Rào 2 tại phường Vĩnh Niệm, quận Lê Chân.
7. Thông báo số 268/TB – UBND ngày 28/7/2020 của UBND thành phố Hải Phòng thông báo kết luận của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố tại cuộc họp nghe báo cáo giải quyết vướng mắc tại các dự án do Tập đoàn Vingroup đầu tư trên địa bàn thành phố
8. Quyết định số 2843/QĐ-UBND ngày 31/10/2018 của Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng về việc phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường Dự án Khu đô thị Cầu Rào 2 tại phường Vĩnh Niệm, quận Lê Chân do Tập đoàn Vingroup – Công ty CP làm Chủ đầu tư.
9. Giấy phép xả nước thải vào nguồn nước số 1748/GP-UBND ngày 23/06/2021 của Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng.
10. Giấy xác nhận số 06/GXN-STNMT ngày 17 tháng 02 năm 2022 của Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng hoàn thành công trình bảo vệ môi trường của khu vực phía Đông (khu nhà thấp tầng) thuộc Dự án Khu đô thị Cầu Rào 2 tại phường Vĩnh

BÁO CÁO ĐỀ XUẤT CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG
của Khu đô thị Cầu Rào 2 – Tập đoàn Vingroup – Công ty CP

Niêm, quận Lê Chân (không bao gồm công trình bảo vệ môi trường của trường mầm non và 02 trường liên cấp (tiểu học và trung học cơ sở).

11. Biên bản nghiệm thu hệ thống xử lý nước thải công suất 2.159m³/ngày đêm.
12. Biên bản kiểm tra về phòng cháy và chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ, nghiệm thu công trình ngày 20/05/2020.
13. Hoá đơn tiền nước.
14. Hợp đồng số 01012024/HDDV-VHMR/MTDTTP ngày 25/01/2024 với công ty TNHH MTV Môi trường đô thị Hải Phòng để thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt.
15. Hợp đồng số 01012024/HDDV/HA-VHMR ngày 25/01/2024 với Công ty cổ phần Hòa Anh để thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải nguy hại.
16. Chứng từ chất thải nguy hại năm 2023.
17. Các phiếu kết quả quan trắc nước thải từ tháng 06/2022 đến tháng 06/2024.
18. Biên bản xác nhận việc tiếp nhận dữ liệu trạm quan trắc tự động.
19. Biên bản quan trắc môi trường 620/2022/BBQT ngày 21/12/2022.
20. Công văn số 2174/STNMT-CCBVMТ ngày 24/06/2021 của Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng về việc kết nối dữ liệu hệ thống quan trắc nước thải tự động, liên tục.
21. Hồ sơ kiểm định, hiệu chuẩn hệ thống quan trắc nước thải tự động, liên tục định kỳ.
23. Các bản vẽ hoàn công hệ thống xử lý nước thải và hệ thống xử lý khí thải (mùi).

SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ
THÀNH PHỐ HÀ NỘI
PHÒNG ĐĂNG KÝ KINH DOANH

VG R. PL. 2. 72
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

**GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP
CÔNG TY CỔ PHẦN**

Mã số doanh nghiệp: 0101245486

Đăng ký lần đầu: ngày 03 tháng 05 năm 2002

Đăng ký thay đổi lần thứ: 72, ngày 16 tháng 08 năm 2022

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: TẬP ĐOÀN VINGROUP - CÔNG TY CP

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: VINGROUP JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt: VINGROUP

2. Địa chỉ trụ sở chính

Số 7, Đường Bằng Lăng 1, khu đô thị Vinhomes Riverside, Phường Việt Hưng, Quận Long Biên, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 84 4 3974 9999

Fax: 84 4 3974 8888

Email: info@vingroup.net

Website: www.vingroup.net

3. Vốn điều lệ

Vốn điều lệ: 38.688.573.060.000 đồng.

Bằng chữ: Ba mươi tám nghìn sáu trăm tám mươi tám tỷ năm trăm bảy mươi ba triệu không trăm sáu mươi nghìn đồng

Mệnh giá cổ phần: 10.000 đồng

Tổng số cổ phần: 3.868.857.306

4. Người đại diện theo pháp luật của công ty

* Họ và tên: NGUYỄN VIỆT QUANG

Giới tính: Nam

Chức danh: Tổng giám đốc

Sinh ngày: 28/11/1968

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 001068008968

Ngày cấp: 20/10/2016

Nơi cấp: Cục cảnh sát ĐKQL Cư trú và DLQG về Dân cư

Địa chỉ thường trú: Số nhà 30, ngõ 2, phố Vương Thừa Vũ, Phường Khương Trung, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: BL 05-14, Khu đô thị sinh thái Vinhomes Riverside, Phường Việt Hưng, Quận Long Biên, Thành phố Hà Nội, Việt Nam



TRƯỞNG PHÒNG
Đỗ Văn Tình

UBND THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG
SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

Số 2765/STNMT-CCBVM

V/v bổ sung, điều chỉnh cục bộ dự án
Khu đô thị Cầu Rào 2 tại phường
Vĩnh Niệm, quận Lê Chân,
thành phố Hải Phòng.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hải Phòng, ngày 18 tháng 7 năm 2019

Kính gửi: Tập đoàn Vingroup – Công ty CP.

Sở Tài nguyên và Môi trường tiếp nhận Văn bản số 387/2019/CV-VGR-PTDA ngày 27/6/2019 của Tập đoàn Vingroup – Công ty CP về việc xin điều chỉnh nội dung báo cáo ĐTM về việc bổ sung, điều chỉnh cục bộ Dự án Khu đô thị Cầu Rào 2 tại phường Vĩnh Niệm, quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng (sau đây gọi là Dự án).

Theo Chủ dự án báo cáo, các nội dung đề nghị thay đổi so với báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được Ủy ban nhân dân thành phố phê duyệt tại Quyết định số 2843/QĐ-UBND ngày 31/10/2018 như sau:

- Điều chỉnh bổ sung công trình nhóm nhà ở (công trình Nhà Thủy Tạ) với diện tích $813m^2$ tại khu vực hồ cảnh quan MN-01, chiều cao 2 tầng, mật độ xây dựng 40%, mục đích cung cấp dịch vụ ăn uống, nghỉ ngơi, thư giãn. Toàn bộ nước thải của công trình Nhà Thủy Tạ ($1,7m^3$ /ngày đêm) được thải về hệ thống xử lý nước thải tập trung của Dự án qua đường ống D300. Chất thải rắn phát sinh tại công trình Nhà Thủy Tạ được thu gom và chuyển giao cho Công ty vệ sinh môi trường tại địa phương vận chuyển, xử lý theo quy định.

- Điều chỉnh giảm diện tích trường mầm non từ $5.782m^2$ xuống $4.969m^2$ (khoảng $813m^2$). Diện tích trường mầm non sau điều chỉnh đảm bảo $21,5m^2$ /học sinh. Lượng nước thải từ trường mầm non không thay đổi và được dẫn về hệ thống xử lý nước thải tập trung của Dự án qua đường ống D300 – D400. Các biện pháp thu gom chất thải rắn tại khu vực trường mầm non không thay đổi so với báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt.

Tại trang 47 báo cáo đánh giá tác động môi trường Dự án dự báo khối lượng nước thải sinh hoạt phát sinh tại khu căn hộ và khu thương mại, công trình công cộng, dịch vụ là $1.610m^3$ /ngày đêm và đề xuất xây dựng hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất $2.159m^3$ /ngày (cho lưu lượng thải lớn nhất ứng với hệ số an toàn $k=1,3$). Như vậy, việc điều chỉnh bổ sung công trình nhóm nhà ở (công trình Nhà Thủy Tạ) làm phát sinh thêm $1,7m^3$ nước thải sinh hoạt/ngày, nằm trong khả năng xử lý của hệ thống xử lý nước thải tập trung đã đề xuất.

Việc bổ sung, điều chỉnh cục bộ Dự án Khu đô thị Cầu Rào 2 tại phường Vĩnh Niệm, quận Lê Chân không làm tăng quy mô, công suất của dự án, không làm phát sinh chất thải vượt quá khả năng xử lý chất thải của các công trình bảo vệ môi trường, không thay đổi công nghệ xử lý chất thải của dự án có khả năng tác động xấu đến môi trường so với phương án trong quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường; do đó không thuộc đối tượng quy định tại Điểm 2, Khoản 6, Điều 1, Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ (sửa đổi, bổ sung Điều 15 Nghị định số 18/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ). Vì vậy, Chủ dự án không phải lập lại báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án.

Mặt khác, Dự án Khu đô thị Cầu Rào 2 tại phường Vĩnh Niệm, quận Lê Chân không thuộc đối tượng quy định tại Phụ lục IIa, Mục I Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ nên Chủ dự án không phải thực hiện báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố việc thay đổi nội dung so với báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt theo quy định tại Điểm 4, Khoản 7, Điều 1, Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ (sửa đổi, bổ sung Điều 16 Nghị định số 18/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ).

Trong quá trình triển khai thực hiện các nội dung thay đổi so với báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt nêu tại Văn bản số 387/2019/CV-VGR-PTDA ngày 27/6/2019, Chủ dự án phải thực hiện quản lý, xử lý chất thải và các nghĩa vụ khác về bảo vệ môi trường theo quy định tại Điều 80 Luật Bảo vệ môi trường.

Sở Tài nguyên và Môi trường thông báo để Tập đoàn Vingroup – Công ty CP biết, thực hiện./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- UBND TP (để b/c);
- GD Sở;
- CVP Sở;
- Chi cục BVMT (02);
- Lưu VT.

**TL. GIÁM ĐỐC
CHÁNH VĂN PHÒNG**



Lê Thị Hồng Nhung

**ỦY BAN NHÂN DÂN
QUẬN LÊ CHÂN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 1608/QĐ-UBND

Quận Lê Chân, ngày 12 tháng 7 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt Đồ án Điều chỉnh quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500
Khu đô thị Cầu Rào 2 tại phường Vĩnh Niệm, quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng
do Tập đoàn Vingroup - Công ty CP làm chủ đầu tư.**

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN LÊ CHÂN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Quy hoạch đô thị ngày 17/6/2009;

Căn cứ Luật Quy hoạch ngày 24/11/2017;

Căn cứ Nghị định số 37/2019/NĐ-CP ngày 07/5/2019 của Chính phủ về quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Quy hoạch;

Căn cứ Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/05/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 72/2019/NĐ-CP ngày 30/08/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2010/NĐ-CP và Nghị định số 44/2015/NĐ-CP;

Căn cứ Thông tư số 12/TT-BXD ngày 29/6/2016 của Bộ Xây dựng quy định về hồ sơ của nhiệm vụ và đồ án quy hoạch xây dựng vùng, quy hoạch đô thị và quy hoạch xây dựng khu chức năng đặc thù;

Căn cứ Thông tư số 22/2019/TT-BXD ngày 31/12/2019 của Bộ Xây dựng về việc ban hành "Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về Quy hoạch xây dựng";

Căn cứ Thông tư số 06/2013/TT-BXD ngày 13/05/2013 của Bộ Xây dựng về hướng dẫn về nội dung Thiết kế đô thị;

Căn cứ Quyết định số 1931/QĐ-UBND ngày 03/10/2013 của Ủy ban nhân dân thành phố về việc phê duyệt Điều chỉnh Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/2000 quận Lê Chân đến năm 2025;

Căn cứ Quyết định số 2690/QĐ-UBND ngày 18/10/2017 của Ủy ban nhân dân thành phố về việc phê duyệt đồ án Điều chỉnh cục bộ Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/2000 quận Lê Chân đến năm 2025;

Căn cứ Quyết định số 2960/QĐ-UBND ngày 19/10/2017 của Ủy ban nhân dân quận Lê Chân về việc phê duyệt Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 Khu đô thị Cầu Rào 2 tại phường Vĩnh Niệm;

Căn cứ Quyết định số 2240/QĐ-UBND ngày 20/8/2018 của Ủy ban nhân dân quận Lê Chân về việc phê duyệt đồ án Điều chỉnh quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 Khu đô thị Cầu Rào 2 tại phường Vĩnh Niệm;

Căn cứ Quyết định số 1424/QĐ-UBND ngày 17/6/2019 của Ủy ban nhân dân quận Lê Chân về việc phê duyệt điều chỉnh cục bộ quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 Khu đô thị Cầu Rào 2 tại phường Vĩnh Niệm;

Căn cứ Thông báo số 268/TB-UBND ngày 28/7/2020 Kết luận của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố tại cuộc họp nghe báo cáo giải quyết vướng mắc các dự án do Tập đoàn Vingroup đầu tư trên địa bàn thành phố;

Căn cứ Công văn số 7687/UBND-ĐT ngày 04/12/2020 của Ủy ban nhân dân thành phố về việc đầu tư xây dựng nhà ở xã hội tại phường Vĩnh Niệm, quận Lê Chân;

Căn cứ Công văn số 2512/SXD-QHKT ngày 14/6/2021 của Sở Xây dựng về việc cho ý kiến vào nội dung Đồ án điều chỉnh quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 Khu đô thị Cầu Rào 2 tại phường Vĩnh Niệm, quận Lê Chân;

Căn cứ Công văn số 608-CV/QU ngày 13/7/2021 của Thường trực Quận ủy về việc cho ý kiến vào nội dung Đồ án điều chỉnh quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 Khu đô thị Cầu Rào 2 tại phường Vĩnh Niệm, quận Lê Chân;

Xét kết quả thẩm định và đề nghị của phòng Quản lý đô thị quận Lê Chân tại Tờ trình số 24/TTr-QLĐT ngày 12/7/2021,

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Phê duyệt đồ án Điều chỉnh quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 Khu đô thị Cầu Rào 2 tại phường Vĩnh Niệm, quận Lê Chân với các nội dung sau:

1. Tên đồ án:

Điều chỉnh quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 Khu đô thị Cầu Rào 2 tại phường Vĩnh Niệm, quận Lê Chân.

2. Vị trí, phạm vi ranh giới khu vực điều chỉnh:

- Vị trí: thuộc địa bàn phường Vĩnh Niệm, quận Lê Chân.

- Phạm vi ranh giới:

+ Phía Đông giáp đường Bùi Viện.

+ Phía Tây giáp ô đất cây xanh theo quy hoạch chi tiết quận Lê Chân.

+ Phía Nam giáp đê tả sông Lạch Tray.

+ Phía Bắc giáp khu đất Dự án bệnh viện đa khoa Quốc tế, khu dân cư hiện trạng và nghĩa trang Gốc Găng.

3. Lý do và nguyên tắc điều chỉnh:

Để giải quyết vướng mắc trong công tác giải phóng mặt bằng, đưa phần diện tích thuộc nghĩa trang Gốc Găng tại Khu 2 ra khỏi phạm vi Dự án Khu đô thị Cầu Rào 2.

Nguyên tắc lập điều chỉnh cục bộ quy hoạch:

- Không làm thay đổi tính chất, chức năng chính của Khu đô thị Cầu Rào 2; phù hợp Thông báo số 268/TB-UBND ngày 28/7/2020 Kết luận của Chủ tịch Ủy

ban nhân dân thành phố tại cuộc họp nghe báo cáo giải quyết vướng mắc các dự án do Tập đoàn Vingroup đầu tư trên địa bàn thành phố.

- Diện tích đất quy hoạch khu nhà ở xã hội (ký hiệu CT-01) phải đảm bảo tối thiểu 20% tổng diện tích đất ở của dự án theo pháp luật về nhà ở.

4. Tổng diện tích: 491.801,3 m².

5. Nội dung quy hoạch:

5.1. Quy hoạch sử dụng đất:

Đồ án quy hoạch lần này điều chỉnh như sau:

- Điều chỉnh giảm diện tích Khu đô thị Cầu Rào 2 tại Khu 2 là 2.536,2 m²;

Tổng diện tích Khu đô thị Cầu Rào 2 giảm từ 491.801,3m² thành 489.265,1m².

Trong đó:

+ Điều chỉnh giảm 1.366,1 m² đất xây dựng nhà ở xã hội (ký hiệu CT-01) từ 39.982,9m² xuống 38.616,8m².

+ Điều chỉnh giảm 1.170,1 m² đất cây xanh nhóm ở (ký hiệu X-39) từ 2.386,4m² xuống 1.216,3m².

- Bảng thống kê diện tích Khu 2:

Stt	Chức năng sử dụng đất	Ký hiệu ô đất	Quy hoạch đã phê duyệt (Quyết định số 1421/QĐ-UBND ngày 17/6/2019)	Quy hoạch điều chỉnh kỳ này	Ghi chú
			Diện tích (m2)	Diện tích (m2)	
1	Đất xây dựng nhà ở xã hội (chung cư cao tầng)	CT-01	39.982,9	38.616,8	-1.366,1
2	Cây xanh nhóm ở	X-39	2.386,4	1.216,3	-1.170,1
3	Đất giao thông Khu 2		8.135,3	8.135,3	
	Tổng diện tích		50.504,6	47.968,4	-2.536,2

- Bảng tổng hợp cơ cấu sử dụng đất tổng thể Khu đô thị Cầu Rào 2:

Stt	Chức năng sử dụng đất	Quy hoạch đã phê duyệt (Quyết định số 1421/QĐ-UBND ngày 17/6/2019)		Quy hoạch điều chỉnh kỳ này		Ghi chú
		Diện tích đất (m2)	Tỷ lệ (%)	Diện tích đất (m2)	Tỷ lệ (%)	
1	Đất nhóm nhà ở	352.626,9	71,7	350.090,7	71,6	-2.536,2
1.1	Đất ở thấp tầng	149.391,24		149.391,24		
1.2	Đất xây dựng nhà ở xã hội (chung cư cao tầng)	39.982,9		38.616,8		-1.366,1
1.3	Đất xây dựng công trình giáo dục	24.033,4		24.033,4		
a	Đất xây dựng trường mầm non	4.969,3		4.969,3		
b	Đất xây dựng trường liên cấp	8.107,6		8.107,6		
c	Đất xây dựng trường liên cấp	10.956,5		10.956,5		
1.4	Đất xây dựng công trình công cộng nhóm nhà ở	2.701,4		2.701,4		
a	Công trình công cộng CC-01	1.888,7		1.888,7		
b	Công trình công cộng CC-02	812,7		812,7		

Stt	Chức năng sử dụng đất	Quy hoạch đã phê duyệt (Quyết định số 1421/QĐ-UBND ngày 17/6/2019)		Quy hoạch điều chỉnh kỳ này		Ghi chú
		Diện tích đất (m ²)	Tỷ lệ (%)	Diện tích đất (m ²)	Tỷ lệ (%)	
1.5	Đất cây xanh nhóm ở	9.412,7		8.242,6		-1.170,1
1.6	Bãi đỗ xe	1.378,1		1.378,1		
1.7	Đất giao thông nhóm nhà ở	125.727,16		125.727,16		
2	Đất xây dựng công trình thương mại - dịch vụ	10.363,0	2,1	10.363,0	2,1	
3	Đất cây xanh đơn vị ở, mặt nước cảnh quan	95.916,7	19,5	95.916,7	19,6	
3.1	Đất cây xanh đơn vị ở	23.827,2		23.827,2		
3.2	Mặt nước cảnh quan kết hợp hồ điều hòa	72.089,6		72.089,6		
4	Đất giao thông đơn vị ở	32.894,7	6,7	32.894,7		
	Tổng diện tích	491.801,3	100,0	489.265,1	100,0	-2.536,2

- Điều chỉnh quy hoạch kỳ này điều chỉnh diện tích tại Khu 2; Các chỉ tiêu sử dụng đất quy hoạch theo từng lô đất trong Khu đô thị Cầu Rào 2 giữ nguyên theo Quyết định số 2240/QĐ-UBND ngày 20/8/2018, số 1424/QĐ-UBND ngày 17/6/2019 và số 3654/QĐ-UBND ngày 17/12/2019 của Ủy ban nhân dân quận Lê Chân.

5.2. Tổ chức không gian, kiến trúc, cảnh quan:

Điều chỉnh tổ chức không gian, kiến trúc, cảnh quan tại Khu 2 trong Khu đô thị Cầu Rào 2 phù hợp với diện tích điều chỉnh theo bản vẽ quy hoạch tổng mặt bằng sử dụng đất. Theo đó ô đất quy hoạch khu nhà ở xã hội (ký hiệu CT-01) với chiều cao công trình 25-30 tầng, mật độ xây dựng 28%, hệ số sử dụng đất 6 lần, hình thức kiến trúc công trình hiện đại, màu sắc phải phù hợp với không gian chung và tính chất sử dụng công trình.

5.3. Các nội dung khác:

Các nội dung khác giữ nguyên theo Quyết định số 2240/QĐ-UBND ngày 20/8/2018, số 1424/QĐ-UBND ngày 17/6/2019 và số 3654/QĐ-UBND ngày 17/12/2019 của Ủy ban nhân dân quận Lê Chân.

Điều 2. Trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị liên quan và tổ chức thực hiện:

- Đơn vị lập hồ sơ điều chỉnh quy hoạch (Công ty cổ phần tư vấn thiết kế và đầu tư xây dựng Lê Chân) chịu trách nhiệm về tính chính xác của các số liệu và chỉ tiêu kinh tế - kỹ thuật thể hiện trong thuyết minh và đồ án điều chỉnh quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 Khu đô thị Cầu Rào 2 được duyệt kèm theo Quyết định này.

- Giao Trung tâm phát triển quỹ đất quận Lê Chân phối hợp với Ủy ban nhân dân phường Vĩnh Niệm, đơn vị tư vấn và các cơ quan liên quan công bố công khai đồ án Điều chỉnh sau khi được phê duyệt.

- Khi cần thiết điều chỉnh quy hoạch, Trung tâm phát triển quỹ đất quận Lê Chân có trách nhiệm lập hồ sơ gửi cơ quan có thẩm quyền thẩm định, báo cáo cấp có thẩm quyền giải quyết theo quy định.

Điều 3. Các ông (bà) Chánh Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân quận, Trưởng các đơn vị: Quản lý đô thị, Tài nguyên và Môi trường, Tài chính và Kế hoạch, Trung tâm phát triển quỹ đất, Ban quản lý các dự án đầu tư xây dựng quận, Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường Vĩnh Niệm, Giám đốc Công ty cổ phần tư vấn thiết kế và đầu tư xây dựng Lê Chân và Thủ trưởng các ngành, cơ quan, đơn vị, tổ chức và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm, căn cứ Quyết định thi hành, Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Nơi nhận:

- UBND TP (để b/c);
- Các Sở: XD, TN&MT, TC, KH&ĐT (để p/h);
- TT QU, TT HĐND quận;
- CT UBND quận;
- Như Điều 2,3;
- Lưu: VT, QLĐT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Văn Phiệt



ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN SAO

Số: 2832 /QĐ-UBND

Hải Phòng, ngày 30 tháng 10 năm 2018

QUYẾT ĐỊNH

Về việc giao đất (đợt 1) cho Tập đoàn Vingroup - Công ty CP và phê duyệt giá đất cụ thể để tính tiền sử dụng đất đối với Dự án đầu tư xây dựng Khu đô thị Cầu Rào 2 tại phường Vĩnh Niệm, quận Lê Chân

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015;

Căn cứ Luật Đất đai năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;

Căn cứ Thông tư số 30/2014/TT-BTNMT ngày 02/6/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về hồ sơ giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất, thu hồi đất;

Căn cứ Quyết định số 1004/QĐ-UBND ngày 09/5/2018 của Ủy ban nhân dân thành phố về việc phê duyệt kế hoạch sử dụng đất năm 2018 quận Lê Chân;

Xét đề nghị của Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 678/TTr-STN&MT ngày 30/10/2018,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1.

1. Giao 412.249,0 m² (Bốn trăm mười hai nghìn, hai trăm bốn mươi chín mét vuông) đất tại phường Vĩnh Niệm, quận Lê Chân (Ủy ban nhân dân quận Lê Chân đã hoàn thành việc thu hồi đất và bồi thường, giải phóng mặt bằng theo quy định) cho Tập đoàn Vingroup - Công ty CP để thực hiện Dự án đầu tư xây dựng Khu đô thị Cầu Rào 2, cụ thể như sau:

- a) Diện tích đất xây dựng nhà ở thương mại: 149.391,24 m²;
- Hình thức sử dụng đất: Nhà nước giao đất có thu tiền sử dụng đất;
- Thời hạn sử dụng đất: Kể từ ngày quyết định giao đất đến ngày 12/12/2067 (Phù hợp với thời hạn 50 năm thực hiện Dự án tại Quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà đầu tư số 3399/QĐ-UBND ngày 12/12/2017 và Công văn số 6673/UBND-XD2 ngày 17/10/2018 của Ủy ban nhân dân thành phố về việc điều chỉnh chấp thuận chủ trương đầu tư Dự án).

b) Diện tích đất thương mại, dịch vụ: 18.627,2.m²;

- Hình thức sử dụng đất: Nhà nước cho thuê đất trả tiền thuê đất hàng năm.

- Thời hạn sử dụng đất: Kể từ ngày quyết định cho thuê đất đến ngày 12/12/2067 (Phù hợp với thời hạn 50 năm thực hiện Dự án tại Quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà đầu tư số 3399/QĐ-UBND ngày 12/12/2017 và Công văn số 6673/UBND-XD2 ngày 17/10/2018 của Ủy ban nhân dân thành phố về việc điều chỉnh chấp thuận chủ trương đầu tư Dự án).

c) Cho phép Tập đoàn Vingroup - Công ty CP được sử dụng 244.230,56 m² đất để xây dựng các công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung (bao gồm đất cây xanh, đất bãi đỗ xe, đất giao thông, đất mặt nước cảnh quan kết hợp hồ điều hoà) theo quy hoạch được duyệt; không phải nộp tiền sử dụng đất. Sau khi hoàn thành việc đầu tư xây dựng bàn giao cho Ủy ban nhân dân quận Lê Chân quản lý để sử dụng chung theo quy định.

Vị trí, chỉ giới khu đất xác định theo Trích lục địa chính số 527/2018-TL tỷ lệ 1/2000 do Trung tâm Kỹ thuật Tài nguyên - Môi trường thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường lập ngày 10/9/2018.

2. Phê duyệt giá đất cụ thể bình quân đối với diện tích 149.391,24 m² đất xây dựng nhà ở để tính tiền sử dụng đất của Dự án là: 8.878.109 đồng/m².

Điều 2.

1. Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm:

a) Chủ trì, cùng Ủy ban nhân dân quận Lê Chân, Ủy ban nhân dân phường Vĩnh Niệm triển khai Quyết định này, bàn giao mốc chỉ giới đất cho Tập đoàn Vingroup - Công ty CP để thực hiện Dự án theo quy định;

b) Chuyên thông tin địa chính đến Cục Thuế thành phố để xác định tiền sử dụng đất của Dự án; thực hiện các thủ tục ký hợp đồng thuê đất, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất cho Tập đoàn Vingroup - Công ty CP; chỉ đạo Văn phòng Đăng ký đất đai chỉnh lý hồ sơ địa chính theo quy định.

2. Giao Cục Thuế thành phố xác định tiền sử dụng đất, tiền thuê đất của Dự án, hướng dẫn và đôn đốc Tập đoàn Vingroup - Công ty CP nộp ngân sách Nhà nước theo quy định.

3. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn có trách nhiệm lập hồ sơ điều chỉnh Dự án đầu tư xây dựng công trình kiên cố hoá và điều chỉnh cục bộ hướng tuyến đề tá sông Lạch Tray từ cầu An Đồng đến cầu Rào đoạn từ Km19+000 đến Km23+160 và Km24+118 đến Km26+130 theo quy định (trong đó bổ sung đoạn đề thay thế tuyến đề cũ trong phạm vi thực hiện Dự án đầu tư xây dựng Khu đô thị Cầu Rào 2).

4. Ủy ban nhân dân quận Lê Chân có trách nhiệm thường xuyên kiểm tra

giám sát việc sử dụng đất của Tập đoàn Vingroup - Công ty CP, trường hợp vi phạm xử lý theo quy định; tiếp tục thực hiện việc thu hồi đất và bồi thường, giải phóng mặt bằng đối với diện tích đất còn lại của Dự án và diện tích đất xây dựng tuyến đề mới thay thế tuyến đề cũ theo quy hoạch được duyệt.

5. Tập đoàn Vingroup - Công ty CP có trách nhiệm:

a) Sử dụng đất đúng mục đích, thực hiện các nghĩa vụ của người sử dụng đất theo quy định của Luật Đất đai và quy định của pháp luật hiện hành có liên quan, nếu vi phạm sẽ bị xử lý theo quy định.

b) Giữ nguyên hiện trạng sử dụng đất thuộc tuyến đề tả (cũ) sông Lạch Tray trong phạm vi Dự án, không làm ảnh hưởng đến công tác phòng chống lụt bão, chỉ được dỡ bỏ tuyến đề cũ sau khi có tuyến đề mới thay thế và có ý kiến chấp thuận của cơ quan có thẩm quyền.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố, Giám đốc các Sở, ngành: Tài nguyên và Môi trường, Tài chính, Xây dựng, Kế hoạch và Đầu tư, Kho bạc Nhà nước Hải Phòng; Cục trưởng Cục Thuế thành phố; Giám đốc Trung tâm Xúc tiến Đầu tư, Thương mại và Du lịch, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận Lê Chân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường Vĩnh Niệm; Tổng Giám đốc Tập đoàn Vingroup - Công ty CP và Thủ trưởng các cơ quan liên quan căn cứ Quyết định thi hành. /

Nơi nhận:

- Chủ tịch, các PCT UBNDTP;
- Như Điều 3;
- CVP, các PCVP;
- CV: ĐC3, XD2, TC;
- Lưu: VT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ
CHỦ TỊCH

CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH
Số chứng thực.....4.1.9.1..... quyển số.....
Nguyễn Văn Tùng

Ngày: 15-05-2020



PHÓ CHỦ TỊCH
Giáp Thị Thanh Nhân

100

ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 2047 /QĐ-UBND

Hải Phòng, ngày 29 tháng 8 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH

Về việc điều chỉnh Quyết định số 2832/QĐ-UBND ngày 30/10/2018 của Ủy ban nhân dân thành phố (giao đất đợt 1); giao đất bổ sung (đợt 2) cho Tập đoàn Vingroup - Công ty CP và phê duyệt giá đất cụ thể để tính tiền thuê đất đối với Dự án đầu tư xây dựng Khu đô thị Cầu Rào 2 tại phường Vĩnh Niệm, quận Lê Chân

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015;

Căn cứ Luật Đất đai năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai; Nghị định số 44/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về giá đất; Nghị định số 46/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về thu tiền thuê đất, thuê mặt nước;

Căn cứ Thông tư số 30/2014/TT-BTNMT ngày 02/6/2014 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về hồ sơ giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất, thu hồi đất; Thông tư số 36/2014/TT-BTNMT ngày 30/6/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết phương pháp định giá đất, xây dựng, điều chỉnh bảng giá đất, định giá đất cụ thể và tư vấn xác định giá đất;

Căn cứ Quyết định số 2832/QĐ-UBND ngày 30/10/2018 của Ủy ban nhân dân thành phố về việc giao đất (đợt 1) cho Tập đoàn Vingroup - Công ty CP và phê duyệt giá đất cụ thể để tính tiền sử dụng đất đối với Dự án Khu đô thị Cầu Rào 2 tại phường Vĩnh Niệm, quận Lê Chân;

Căn cứ Quyết định số 1178/QĐ-UBND ngày 21/5/2019 của Ủy ban nhân dân thành phố về việc phê duyệt Kế hoạch sử dụng đất năm 2019 quận Lê Chân;

Xét đề nghị của Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 392/TTr-STN&MT ngày 22/8/2019,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1.

1. Điều chỉnh Điểm b, c Khoản 1 Điều 1 Quyết định số 2832/QĐ-UBND ngày 30/10/2018 của Ủy ban nhân dân thành phố, cụ thể như sau:

Tại Khoản 1, Điều 1 Quyết định số 2832/QĐ-UBND ngày 30/10/2018	Nội dung điều chỉnh
b) Diện tích đất thương mại, dịch vụ: 18.627,2 m²; - Hình thức sử dụng đất: Nhà nước cho thuê đất trả tiền thuê đất hàng năm. - Thời hạn sử dụng đất: Kể từ ngày quyết định cho thuê đất đến ngày 12/12/2067 (Phù hợp với thời hạn 50 năm thực hiện Dự án tại Quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà đầu tư số 3399/QĐ-UBND ngày 12/12/2017 và Công văn số 6673/UBND-XD2 ngày 17/10/2018 của Ủy ban nhân dân thành phố về việc điều chỉnh chấp thuận chủ trương đầu tư Dự án). c) Cho phép Tập đoàn Vingroup - Công ty CP được sử dụng 244.230,56 m² đất để xây dựng các công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung (bao gồm đất cây xanh, đất bãi đỗ xe, đất giao thông, đất mặt nước cảnh quan kết hợp hồ điều hoà) theo quy hoạch được duyệt; không phải nộp tiền sử dụng đất. Sau khi hoàn thành việc đầu tư xây dựng bàn giao cho Ủy ban nhân dân quận Lê Chân quản lý để sử dụng chung theo quy định.	b) Diện tích đất thương mại, dịch vụ: 18.074,4 m², trong đó: - Diện tích được Nhà nước cho thuê đất theo hình thức trả tiền thuê đất hàng năm là 15.925,8 m²; diện tích được Nhà nước cho thuê đất theo hình thức trả tiền một lần cho cả thời gian thuê là 2.148,6 m². - Thời hạn sử dụng đất: Kể từ ngày quyết định cho thuê đất đến ngày 12/12/2067 (Phù hợp với thời hạn 50 năm thực hiện Dự án tại Quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà đầu tư số 3399/QĐ-UBND ngày 12/12/2017 và Công văn số 6673/UBND-XD2 ngày 17/10/2018 của Ủy ban nhân dân thành phố về việc điều chỉnh chấp thuận chủ trương đầu tư Dự án). c) Cho phép Tập đoàn Vingroup - Công ty CP được sử dụng 244.783,4 m² đất để xây dựng các công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung (bao gồm đất cây xanh, đất bãi đỗ xe, đất giao thông, đất mặt nước cảnh quan kết hợp hồ điều hoà) theo quy hoạch được duyệt; không phải nộp tiền sử dụng đất. Sau khi hoàn thành việc đầu tư xây dựng bàn giao cho Ủy ban nhân dân quận Lê Chân quản lý để sử dụng chung theo quy định.

Các nội dung khác tại Quyết định số 2832/QĐ-UBND ngày 30/10/2018 của Ủy ban nhân dân thành phố không thay đổi.

2. Giao (đợt 2) 27.346,7 m² (Hai mươi bảy nghìn, ba trăm bốn mươi sáu phẩy bảy mét vuông) đất tại phường Vĩnh Niệm, quận Lê Chân (Ủy ban nhân dân quận Lê Chân đã hoàn thành việc thu hồi đất và bồi thường, giải phóng mặt bằng theo quy định) cho Tập đoàn Vingroup - Công ty CP để thực hiện Dự án đầu tư xây dựng Khu đô thị Cầu Rào 2, cụ thể như sau:

a) Diện tích đất thương mại, dịch vụ: 19.023,4 m², trong đó:

- Diện tích được Nhà nước cho thuê đất theo hình thức trả tiền thuê đất hàng năm là 8.107,6 m²; diện tích được Nhà nước cho thuê đất theo hình thức trả tiền một lần cho cả thời gian thuê là 10.915,8 m².

- Thời hạn sử dụng đất: Kể từ ngày có quyết định cho thuê đất đến ngày 12/12/2067 (Phù hợp với thời hạn 50 năm thực hiện Dự án tại Quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà đầu tư số 3399/QĐ-UBND ngày 12/12/2017 và Công văn số 6673/UBND-XD2 ngày 17/10/2018 của Ủy ban nhân dân thành phố về việc điều chỉnh chấp thuận chủ trương đầu tư Dự án).

b) Cho phép Tập đoàn Vingroup - Công ty CP được sử dụng 8.323,3 m² đất để xây dựng các công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung (bao gồm đất cây xanh, đất giao thông, đất mặt nước cảnh quan kết hợp hồ điều hòa) theo quy hoạch được duyệt; không phải nộp tiền sử dụng đất. Sau khi hoàn thành việc đầu tư xây dựng bàn giao cho Ủy ban nhân dân quận Lê Chân quản lý để sử dụng chung theo quy định.

Vị trí, chỉ giới khu đất xác định theo Trích lục địa chính số 92/2019-TL tỷ lệ 1/2000 do Trung tâm Kỹ thuật Tài nguyên - Môi trường thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường lập ngày 25/6/2019.

3. Phê duyệt giá đất cụ thể để tính tiền thuê đất đối với đất thương mại dịch vụ của Dự án, cụ thể như sau:

a) Giá đất cụ thể bình quân để tính tiền thuê đất đối với diện tích đất thuê trả tiền một lần cho cả thời gian thuê là: 10.512.800 đồng/m².

b) Giá đất cụ thể để tính tiền thuê đất đối với diện tích đất thuê trả tiền hàng năm cho chu kỳ ổn định 05 năm đầu tiên như sau:

- Tuyến 1: 18.459.000 đồng/m².

- Tuyến 2: 13.844.250 đồng/m².

- Tuyến 3: 11.075.400 đồng/m².

- Tuyến 4: 8.306.550 đồng/m².

Điều 2.

1. Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm:

a) Chủ trì, cùng Ủy ban nhân dân quận Lê Chân, Ủy ban nhân dân phường Vĩnh Niệm triển khai Quyết định này, bàn giao mốc chỉ giới đất cho Tập đoàn Vingroup - Công ty CP để thực hiện Dự án theo quy định;

b) Chuyển thông tin địa chính đến Cục Thuế thành phố để xác định tiền sử dụng đất của Dự án; thực hiện các thủ tục ký hợp đồng thuê đất, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất cho Tập đoàn Vingroup - Công ty CP; chỉ đạo Văn phòng Đăng ký đất đai chỉnh lý hồ sơ địa chính theo quy định.

2. Giao Cục Thuế thành phố xác định tiền sử dụng đất, tiền thuê đất của Dự án, hướng dẫn và đôn đốc Tập đoàn Vingroup - Công ty CP nộp ngân sách Nhà nước theo quy định.

3. Ủy ban nhân dân quận Lê Chân có trách nhiệm thường xuyên kiểm tra, giám sát việc sử dụng đất của Tập đoàn Vingroup - Công ty CP, trường hợp vi phạm xử lý theo quy định; tiếp tục thực hiện việc thu hồi đất và bồi thường, giải phóng mặt bằng đối với diện tích đất còn lại của Dự án và diện tích đất xây dựng tuyến đề mới thay thế tuyến đề cũ theo quy hoạch được duyệt.

4. Tập đoàn Vingroup - Công ty CP có trách nhiệm sử dụng đất đúng mục đích, thực hiện các nghĩa vụ của người sử dụng đất theo quy định của Luật Đất đai và quy định của pháp luật hiện hành có liên quan, nếu vi phạm sẽ bị xử lý theo quy định.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố, Giám đốc các Sở, ngành: Tài nguyên và Môi trường, Tài chính, Xây dựng, Kế hoạch và Đầu tư, Kho bạc Nhà nước Hải Phòng; Cục trưởng Cục Thuế thành phố; Giám đốc Trung tâm Xúc tiến Đầu tư, Thương mại và Du lịch, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận Lê Chân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường Vĩnh Niệm; Tổng Giám đốc Tập đoàn Vingroup - Công ty CP và Thủ trưởng các cơ quan liên quan căn cứ Quyết định thi hành./

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Chủ tịch, các PCT UBNDTP;
- CVP, các PCVP;
- CV: ĐC3, XD2, TC;
- Lưu: VT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

KT. CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH



CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH
Số chứng thực: 4 1 9 3... quyển số... Nguyễn Đình Chuyên

Ngày: 15-05-2020



PHÓ CHỦ TỊCH

Giáp Thị Thanh Nhàn

ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

Số: 3003 /QĐ-UBND

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hải Phòng, ngày 03 tháng 12 năm 2019

CRao 2.DA.

BẢN SAO

QUYẾT ĐỊNH

Về việc giao đất (đợt 3) cho Tập đoàn Vingroup - Công ty CP để thực hiện Dự án đầu tư xây dựng Khu đô thị Cầu Rào 2 tại phường Vĩnh Niệm, quận Lê Chân

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015;

Căn cứ Luật Đất đai năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;

Căn cứ Thông tư số 30/2014/TT-BTNMT ngày 02/6/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về hồ sơ giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất, thu hồi đất;

Căn cứ Quyết định số 1178/QĐ-UBND ngày 21/5/2019 của Ủy ban nhân dân thành phố về việc phê duyệt kế hoạch sử dụng đất năm 2019 quận Lê Chân;

Xét đề nghị của Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 635/STN&MT ngày 20/11/2019,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1.

1. Giao 48.099,7 m² (Bốn mươi tám nghìn không trăm chín mươi chín phẩy bảy mét vuông) đất (đợt 3) tại phường Vĩnh Niệm, quận Lê Chân (Ủy ban nhân dân quận Lê Chân đã hoàn thành việc bồi thường, giải phóng mặt bằng) cho Tập đoàn Vingroup – Công ty CP để sử dụng vào mục đích để thực hiện Dự án đầu tư xây dựng Khu đô thị Cầu Rào 2, cụ thể như sau:

a) Diện tích đất giao thông thuộc khu nhà ở thấp tầng và các công trình hạ tầng xã hội (khu 1): 131,3 m².

b) Diện tích đất đầu tư xây dựng nhà ở xã hội, đất giao thông, cây xanh (khu 2): 47.968,4 m², bao gồm:

- Diện tích đất xây dựng nhà ở xã hội (chung cư cao tầng): 38.616,8 m²;

- Diện tích đất giao thông: 8.135,3 m²;



- Diện tích đất cây xanh:

1.216,3 m².

2. Tập đoàn Vingroup – Công ty CP có trách nhiệm đầu tư xây dựng các công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung đối với diện tích đất giao trên theo quy hoạch được duyệt, không phải nộp tiền sử dụng đất; sau khi hoàn thành việc đầu tư xây dựng theo quy hoạch và dự án được duyệt, bàn giao cơ quan nhà nước quản lý, cụ thể:

a) Bàn giao 9.482,9 m² đất xây dựng các công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung (bao gồm đất cây xanh, đất giao thông) cho Ủy ban nhân dân quận Lê Chân quản lý để sử dụng chung theo quy định.

b) Bàn giao 38.616,8 m² đất xây dựng nhà ở xã hội cho Trung tâm Phát triển quỹ đất thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường quản lý cho đến khi có quyết định khác của Ủy ban nhân dân thành phố.

Vị trí, chỉ giới khu đất được xác định theo Trích lục địa chính số 215/2019 - TL tỷ lệ 1/500 và Trích lục địa chính số 216/2019 - TL tỷ lệ 1/1000 do Trung tâm Kỹ thuật Tài nguyên môi trường thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường lập 28/10/2019.

Điều 2.

1. Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm chủ trì, cùng Ủy ban nhân dân quận Lê Chân, Ủy ban nhân dân phường Vĩnh Niệm triển khai Quyết định này, bàn giao mốc chỉ giới đất cho Tập đoàn Vingroup - Công ty CP để thực hiện Dự án theo quy định; thường xuyên kiểm tra, theo dõi việc chấp hành các quy định của pháp luật về tài nguyên và môi trường của Chủ đầu tư trong quá trình sử dụng đất; xử lý hoặc đề xuất xử lý các hành vi vi phạm theo thẩm quyền và quy định của pháp luật.

2. Ủy ban nhân dân quận Lê Chân có trách nhiệm thường xuyên kiểm tra, giám sát việc sử dụng đất của Tập đoàn Vingroup - Công ty CP, trường hợp vi phạm xử lý theo quy định; tiếp tục thực hiện việc thu hồi đất và bồi thường, giải phóng mặt bằng đối với diện tích đất còn lại của Dự án và diện tích đất xây dựng tuyến đề mới thay thế tuyến đề cũ theo quy hoạch được duyệt.

3. Tập đoàn Vingroup - Công ty CP có trách nhiệm sử dụng đất đúng mục đích, thực hiện các nghĩa vụ của người sử dụng đất theo quy định của Luật Đất đai và quy định của pháp luật hiện hành có liên quan, nếu vi phạm sẽ bị xử lý theo quy định.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố, Giám đốc các Sở, ngành: Tài nguyên và Môi trường, Tài chính, Xây dựng, Kế hoạch và Đầu tư, Khoa bạc Nhà nước Hải Phòng; Cục trưởng Cục Thuế thành phố; Giám đốc Trung tâm

Xúc tiến Đầu tư, Thương mại và Du lịch, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận Lê Chân,
Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường Vĩnh Niệm; Tổng Giám đốc Tập đoàn Vingroup
- Công ty CP và Thủ trưởng các cơ quan liên quan căn cứ Quyết định thi hành. /

Nơi nhận:

- Chủ tịch, các PCT UBNDTP;
- Như Điều 3;
- CVP, các PCVP;
- CV: ĐC3, XD, TC;
- Lưu: VT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH
Số chứng thực: 4180... quyền số... Nguyễn Đình Chuyền

Ngày: 15-05-2020



PHÓ CHỦ TỊCH

Giáp Thị Thanh Nhân

THÔNG BÁO

**Kết luận của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố tại cuộc họp nghe báo cáo
giải quyết vướng mắc tại các dự án do Tập đoàn Vingroup
đầu tư trên địa bàn thành phố**

Ngày 27/7/2020, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố chủ trì họp nghe báo cáo giải quyết vướng mắc tại các dự án do Tập đoàn Vingroup đầu tư trên địa bàn thành phố. Cùng dự họp có lãnh đạo các Sở, ngành, đơn vị: Xây dựng, Tài nguyên và Môi trường, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Giao thông vận tải, Công Thương, Du lịch, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các quận, huyện: Lê Chân, Hồng Bàng, Hải An, Ngô Quyền, Thủy Nguyên, Tiên Lãng; đại diện Tập đoàn Vingroup - Công ty CP.

Sau khi nghe báo cáo của Tập đoàn Vingroup - Công ty CP, ý kiến của Sở Xây dựng tại các Văn bản số 3577/SXD-QHKT ngày 27/7/2020, số 3585/SXD-QHKT ngày 27/7/2020 và ý kiến của các đại biểu dự họp, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố kết luận như sau:

I. Đối với Dự án Khu đô thị Vinhomes Imperia:

1. Đồng ý chủ trương:

- Tập đoàn Vingroup bỏ kinh phí cải tạo hè đường Cầu Bính đoạn từ Khách sạn Rivera Imperia đến chân cầu Bính (dài khoảng 315m) để làm đường gom và mở cổng trường Trung học phổ thông Vinshool về phía đường gom.

- Điều chỉnh cục bộ lô đất CC-1, CC-2 trong quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 Dự án thành đất thương mại, dịch vụ và hoán đổi các chức năng y tế, hành chính của các khu đất trên về lô CC-3 theo đề xuất của Sở Xây dựng tại văn bản số 3585/SXD-QHKT ngày 27/7/2020.

2. Giao Sở Xây dựng, Sở Giao thông vận tải và Ủy ban nhân dân quận Hồng Bàng hướng dẫn Tập đoàn Vingroup thực hiện theo quy định.

3. Yêu cầu Ủy ban nhân dân quận Hồng Bàng khẩn trương giải quyết thủ tục cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất cho các hộ dân trong Khu đô thị theo đúng thời hạn quy định.

II. Đối với dự án Khu đô thị Cầu Rào 2:

1. Đồng ý chủ trương không giải phóng mặt bằng và điều chỉnh đối với phần diện tích thuộc Nghĩa trang Gốc Găng ra khỏi phạm vi khu nhà ở xã hội;

giữ lại khu miếu Linh Từ trong khu công viên cây xanh CX-01 thuộc Dự án theo đề nghị của Sở Xây dựng tại Văn bản số 3577/SXD-QHKT ngày 27/7/2020.

2. Giao Sở Xây dựng chủ trì, phối hợp cùng Ủy ban nhân dân quận Lê Chân, Tập đoàn Vingroup và các cơ quan đơn vị liên quan rà soát, thực hiện các thủ tục liên quan đến Dự án và việc điều chỉnh các diện tích đất trên theo quy định.

3. Giao Ủy ban nhân dân quận Lê Chân hoàn thành việc bồi thường, hỗ trợ, giải phóng mặt bằng dự án trước ngày 10/8/2020, bàn giao đất và bảo đảm an ninh trật tự để Chủ đầu tư triển khai thi công, hoàn thành Dự án đúng tiến độ theo Hợp đồng đã ký với thành phố; thực hiện quyết toán chi phí giải phóng mặt bằng dự án, hoàn thành trước ngày 15/8/2020.

III. Đối với các Dự án khác do Tập đoàn Vingroup đang thực hiện hoặc đề xuất dự án đầu tư:

1. Giao Sở Xây dựng nghiên cứu việc bổ sung vào Kế hoạch phát triển nhà ở thành phố năm 2020 và giai đoạn 2021 - 2025 phương án điều chỉnh Dự án Khu vui chơi giải trí, nhà ở và công viên sinh thái đảo Vũ Yên và Dự án Khu đô thị và du lịch nghỉ dưỡng nước khoáng nóng Hải Phòng tại huyện Tiên Lãng, trình duyệt theo quy định.

2. Yêu cầu Sở Tài chính, Ủy ban nhân dân huyện Thủy Nguyên và quận Hải An khẩn trương hoàn thành việc quyết toán chi phí giải phóng mặt bằng dự án Khu vui chơi giải trí, nhà ở và công viên sinh thái đảo Vũ Yên, xác nhận việc hoàn thành nghĩa vụ tài chính của Chủ đầu tư theo quy định.

3. Giao Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn rà soát diện tích các loại đất rừng liên quan đến dự án Khu vui chơi giải trí, nhà ở và công viên sinh thái đảo Vũ Yên, dự án Khu vui chơi giải trí, công viên và công trình nghỉ dưỡng đảo Cái Tráp cần chuyển đổi để bổ sung vào quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất theo quy định.

Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố thông báo để các Sở, ngành, đơn vị liên quan thực hiện./.

Nơi nhận:

- Như thành phần dự hợp;
- CT, các PCT UBND TP;
- Các TV và TT TCT theo QĐ số 2232 ngày 28/7/2020 của UBND TP;
- CVP, các PCVP UBND TP;
- Các Phòng: XD GT&CT, TCNS, NN TN&MT, NC KT&GS;
- CV: QH2, QH, ĐC3, TC;
- Lưu: VT.

**TL. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHÁNH VĂN PHÒNG
PHÓ CHÁNH VĂN PHÒNG**



Nguyễn Ngọc Tú

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 2843 /QĐ-UBND

Hải Phòng, ngày 31 tháng 10 năm 2018

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường Dự án Khu đô thị
Cầu Rào 2 tại phường Vĩnh Niệm, quận Lê Chân do Tập đoàn
Vingroup - Công ty CP làm Chủ đầu tư**

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 23/6/2014;

Căn cứ Nghị định số 18/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ quy định về quy hoạch môi trường, đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường, kế hoạch bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 27/2015/TT-BTNMT ngày 29/5/2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường, kế hoạch bảo vệ môi trường;

Căn cứ đề nghị của Hội đồng thẩm định (thành lập tại Quyết định số 2445/QĐ-UBND ngày 18/9/2018 của Ủy ban nhân dân thành phố) họp ngày 21/9/2018 và nội dung Báo cáo đánh giá tác động môi trường Dự án Khu đô thị Cầu Rào 2 tại phường Vĩnh Niệm, quận Lê Chân đã được Tập đoàn Vingroup - Công ty CP chỉnh sửa, hoàn thiện theo ý kiến Hội đồng thẩm định tại Văn bản số 853/2018 ngày 17/10/2018;

Xét đề nghị của Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 653/TTr-STNMT ngày 19/10/2018,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án Khu đô thị Cầu Rào 2 tại phường Vĩnh Niệm, quận Lê Chân do Tập đoàn Vingroup - Công ty CP làm Chủ đầu tư (sau đây gọi tắt là Chủ dự án) với các nội dung chủ yếu sau:

1. Phạm vi, quy mô, công suất:

- Địa điểm thực hiện Dự án: Phường Vĩnh Niệm, quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng.

- Diện tích: 491.801,3 m²

- Mục đích: Xây dựng khu đô thị với hệ thống hạ tầng đồng bộ, phát triển đô thị cửa ngõ phía Nam của thành phố Hải Phòng, phù hợp với quy hoạch chi tiết của thành phố; góp phần đáp ứng nhu cầu nhà ở và nhà ở chất lượng cao trên địa bàn thành phố.

- Quy mô: Đất nhà ở (352.627,1 m²), đất thương mại dịch vụ đô thị (10.363,0 m²), đất cây xanh, mặt nước (95.916,7 m²), đất giao thông đơn vị ở (32.894,5 m²), quy mô dân số là 7.458 người.

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường của Dự án.

- Tổ chức thu gom, phân loại, lưu giữ, vận chuyển và xử lý chất thải rắn, chất thải nguy hại phát sinh trong quá trình thi công xây dựng và vận hành Dự án theo quy định hiện hành.

- Thực hiện các giải pháp chống ồn, chống rung, xử lý các loại khí thải, bụi đảm bảo tuân thủ các quy chuẩn quốc gia về môi trường hiện hành.

- Thu gom, xử lý toàn bộ nước thải phát sinh trong quá trình thi công xây dựng và vận hành Dự án đảm bảo đạt quy chuẩn quốc gia về môi trường hiện hành trước khi xả vào nguồn tiếp nhận.

- Thực hiện các biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường; tuân thủ nghiêm ngặt các quy định về phòng cháy chữa cháy, an toàn lao động và các quy phạm kỹ thuật khác có liên quan trong quá trình thi công và vận hành Dự án nhằm ngăn ngừa, giảm thiểu những rủi ro đối với môi trường.

- Thực hiện chương trình giám sát môi trường và các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường khác đã đề xuất trong Báo cáo đánh giá tác động môi trường được phê duyệt; lưu giữ kết quả quan trắc, giám sát để các cơ quan có thẩm quyền thanh tra, kiểm tra; báo cáo kết quả quan trắc môi trường định kỳ với Sở Tài nguyên và Môi trường.

Điều 2. Chủ dự án có trách nhiệm thực hiện:

- Lập và gửi kế hoạch quản lý môi trường của Dự án để niêm yết công khai theo quy định của pháp luật.

- Thực hiện nghiêm túc các yêu cầu về bảo vệ môi trường nêu tại Điều 1 Quyết định phê duyệt và các nội dung bảo vệ môi trường khác đã đề xuất trong Báo cáo đánh giá tác động môi trường được phê duyệt.

- Thông báo bằng văn bản đến Ủy ban nhân dân thành phố về Kế hoạch vận hành thử nghiệm các công trình xử lý chất thải phục vụ giai đoạn vận hành Dự án theo quy định tại Khoản 4 Điều 16 Nghị định số 18/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ.

- Tuân thủ các quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Luật Xây dựng, Luật Tài nguyên nước và các văn bản pháp luật khác liên quan.

Điều 3. Trách nhiệm của các Sở, ngành, đơn vị liên quan.

1. Trách nhiệm của Sở Tài nguyên và Môi trường:

- Chứng thực vào mặt sau của trang phụ bìa Báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được Ủy ban nhân dân thành phố phê duyệt gửi tới Chủ đầu tư một (01) bản, Ủy ban nhân dân quận Lê Chân một (01) bản, lưu tại Sở Tài nguyên và Môi trường một (01) bản kèm theo một (01) đĩa CD ghi toàn bộ dữ liệu theo quy định; *[chữ ký]*

- Quản lý hồ sơ thẩm định và các tài liệu liên quan đến Báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án theo quy định.

- Chủ trì cùng Ủy ban nhân dân quận Lê Chân và các Sở, ngành liên quan kiểm tra, giám sát việc thực hiện những nội dung bảo vệ môi trường trong Báo cáo đánh giá tác động môi trường được phê duyệt, các yêu cầu tại Quyết định này và các quy định pháp luật có liên quan.

2. Ủy ban nhân dân quận Lê Chân căn cứ thẩm quyền theo quy định của pháp luật để hướng dẫn, kiểm tra, thanh tra, xử lý vi phạm; giải quyết tranh chấp, khiếu nại, tố cáo, kiến nghị về bảo vệ môi trường và các quy định khác có liên quan đối với Chủ dự án. Phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường, các cơ quan liên quan kiểm tra, giám sát những nội dung về bảo vệ môi trường trong Báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt.

Điều 4. Trong quá trình triển khai thực hiện nếu có những thay đổi về nội dung Báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt, Chủ dự án phải có văn bản báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố và chỉ được thực hiện những thay đổi đó sau khi có văn bản chấp thuận của Ủy ban nhân dân thành phố.

Quyết định phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án là căn cứ để cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định các bước tiếp theo của Dự án theo quy định tại Khoản 2 Điều 25 Luật Bảo vệ môi trường ngày 23/6/2014.

Điều 5. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận Lê Chân, Chi Cục trưởng Chi cục Bảo vệ môi trường Hải Phòng, Tổng Giám đốc Tập đoàn Vingroup – Công ty CP và Thủ trưởng các Sở, ngành, đơn vị liên quan căn cứ Quyết định thi hành./.

Nơi nhận:

- Chủ tịch;
- PCT Nguyễn Văn Thành;
- Tổng cục Môi trường;
- Như Điều 5;
- CVP, các PCVP;
- Các phòng NNTNMT, KTGSTĐKT;
- CV: MT, QH;
- Lưu: VT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ

KT. CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Văn Thành

Số: 1748 /GP-UBND

Hải Phòng, ngày 23 tháng 6 năm 2021

GIẤY PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và
Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

Căn cứ Luật Tài nguyên nước ngày 21 tháng 6 năm 2012;

*Căn cứ Nghị định số 201/2013/NĐ-CP ngày 27 tháng 11 năm 2013 của
Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên nước;*

*Căn cứ Nghị định số 80/2014/NĐ-CP ngày 06 tháng 8 năm 2014 của
Chính phủ về thoát nước và xử lý nước thải;*

*Căn cứ Thông tư số 27/2014/TT-BTNMT ngày 30 tháng 5 năm 2014 của
Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định việc đăng ký khai thác nước dưới đất, mẫu
hồ sơ cấp, gia hạn, điều chỉnh, cấp lại giấy phép tài nguyên nước;*

*Căn cứ Thông tư số 76/2017/TT-BTNMT ngày 29 tháng 12 năm 2017 của
Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định đánh giá khả năng tiếp nhận nước thải,
sức chịu tải của nguồn nước sông, hồ;*

*Xét Đơn đề nghị cấp giấy phép xả nước thải vào nguồn nước ngày 20 tháng
5 năm 2021 của Tập đoàn Vingroup - Công ty CP và hồ sơ kèm theo;*

*Theo đề nghị của Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 254/TT-
STN&MT ngày 07 tháng 6 năm 2021.*

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cho phép Tập đoàn Vingroup - Công ty CP, địa chỉ trụ sở chính tại số 7 đường Bằng Lăng 1, Khu đô thị sinh thái Vinhomes Riverside, phường Việt Hưng, quận Long Biên, thành phố Hà Nội được xả nước thải vào nguồn nước sau khi xử lý đạt quy chuẩn, với các nội dung chủ yếu sau:

1. Nguồn nước tiếp nhận nước thải: sông Lạch Tray, đoạn chảy qua địa bàn phường Vĩnh Niệm, quận Lê Chân.

2. Vị trí xả nước thải:

- Cơ sở xả nước thải: Công trình Vinhomes Marina (Khu đô thị Cầu Rào 2) tại phường Vĩnh Niệm, quận Lê Chân.

- Vị trí xả nước thải: Hồ ga trên góc đường phía Đông Bắc khu đô thị (gần Miếu Linh Từ), trước khi đầu nối vào cống hộp 1500x1500 (cống thoát nước hiện trạng của khu dân cư lân cận khu đô thị), có tọa độ: (hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực 105°45', múi chiếu 3°): X (m) = 2303396.880; Y (m) = 597459.660



(Kèm theo Sơ đồ vị trí khu vực xả nước thải vào nguồn nước).

3. Phương thức xả nước thải: Bơm cưỡng bức.

4. Chế độ xả nước thải: Liên tục.

5. Lưu lượng xả nước thải lớn nhất: 2.159 m³/ngày đêm.

6. Chất lượng nước thải: Nồng độ các thông số ô nhiễm phải nằm trong giới hạn cho phép của QCVN 14:2008/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt (hệ số K = 1). Cụ thể:

TT	Thông số	Đơn vị	QCVN 14:2008/BTNMT (cột A)	
			C	$C_{max} = C \times 1$
1	pH	-	5 – 9	5 – 9
2	BOD ₅ (20°C)	mg/l	30	30
3	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/l	50	50
4	Tổng chất rắn hòa tan (TDS)	mg/l	500	500
5	Sunfua (tính theo H ₂ S)	mg/l	1	1
6	Amoni (tính theo N)	mg/l	5	5
7	Nitrat (NO ₃ ⁻) (tính theo N)	mg/l	30	30
8	Dầu mỡ động, thực vật	mg/l	10	10
9	Tổng các chất hoạt động bề mặt	mg/l	5	5
10	Phosphat (PO ₄ ³⁻) (tính theo P)	mg/l	6	6
11	Tổng Coliforms	MPN/100ml	3.000	3.000

7. Thời hạn của Giấy phép: 05 (năm) năm.

Điều 2. Các yêu cầu đối với Tập đoàn Vingroup - Công ty CP:

1. Tuân thủ các nội dung quy định tại Giấy phép.

2. Thực hiện quan trắc nước thải và nguồn nước tiếp nhận nước thải:

a) Theo dõi lưu lượng xả nước thải hàng ngày theo chỉ số đồng hồ đo nước thải, cập nhật vào Nhật ký vận hành hệ thống xử lý nước thải.

b) Quan trắc chất lượng nước thải:

- Vị trí quan trắc: 01 mẫu nước thải tại điểm xả nước thải có tọa độ: X (m) = 2303396.880; Y (m) = 597459.660

- Tần suất giám sát: 03 tháng/lần.

- Quan trắc tự động và truyền số liệu về Sở Tài nguyên và Môi trường theo quy định tại Khoản 20 Điều 3 Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày

13/5/2019 của Chính phủ, đồng thời quan trắc các thông số và quy chuẩn áp dụng theo quy định tại Khoản 6 Điều 1 Giấy phép.

c) Quan trắc chất lượng nguồn nước tiếp nhận nước thải:

- Vị trí quan trắc: 02 mẫu nước mặt trên sông Lạch Tray tại vị trí cách điểm tiếp nhận nước thải 50m về phía thượng lưu và 50m về phía hạ lưu, thuộc địa bàn phường Vĩnh Niệm, quận Lê Chân.

- Tần suất giám sát: 6 tháng/lần.

- Thông số quan trắc theo QCVN 08-MT:2015/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước mặt. Cụ thể:

TT	Thông số	Đơn vị	QCVN 08-MT:2015/BTNMT (Cột B2)
1	pH	-	5,5-9
2	DO	mg/l	≥ 2
3	BOD ₅ (20°C)	mg/l	25
4	COD	mg/l	50
5	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/l	100
6	Amoni (NH ₄ ⁺ tính theo N)	mg/l	0,9
7	Nitrat (NO ₃ tính theo N)	mg/l	15
8	Phosphat (PO ₄ ³⁻ tính theo P)	mg/l	0,5
9	Chất hoạt động bề mặt	mg/l	0,5
10	Tổng Coliform	MPN/100ml	10.000

3. Trước ngày 15/12 hàng năm, lập Báo cáo bằng văn bản về việc thực hiện các quy định của Giấy phép theo quy định tại Điều 10 Thông tư số 31/2018/TT-BTNMT ngày 26/12/2018 của Bộ Tài nguyên và Môi trường, gửi về Sở Tài nguyên và Môi trường và Ủy ban nhân dân quận Lê Chân để theo dõi, giám sát.

4. Thường xuyên nạo vét, duy tu các công trình thu gom, xử lý nước thải, đảm bảo thu gom 100% nước thải phát sinh để xử lý; vận hành hệ thống xử lý nước thải theo đúng quy trình nêu trong hồ sơ, bảo đảm các thông số chất lượng thải luôn đạt quy định tại Giấy phép trước khi xả vào nguồn tiếp nhận; thực hiện đúng các cam kết đã nêu trong hồ sơ đề nghị cấp phép.

Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi có bất kỳ thông số nào trong nước thải không đạt yêu cầu quy định của Giấy phép, đồng thời phải ngừng ngay việc xả nước thải để thực hiện các biện pháp khắc phục.

5. Lưu giữ Giấy phép xả nước thải, Báo cáo xả nước thải, Sơ đồ vị trí khu vực xả nước thải; lưu giữ các thông tin, số liệu quan trắc nước thải, nước nguồn

tiếp nhận định kỳ đúng quy định.

6. Chịu sự kiểm tra, giám sát của Sở Tài nguyên và Môi trường và các cơ quan liên quan; chuẩn bị nhân lực, trang bị các phương tiện, thiết bị cần thiết để sẵn sàng ứng phó, khắc phục sự cố gây ô nhiễm nguồn nước, đồng thời báo cáo kịp thời về Sở Tài nguyên và Môi trường và chính quyền địa phương trong trường hợp có sự cố gây ô nhiễm nguồn nước do việc xả nước thải gây ra.

7. Thực hiện nộp phí bảo vệ môi trường đối với nước thải và các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định tại Khoản 2 Điều 38 Luật Tài nguyên nước và các quy định pháp luật khác.

8. Bị đình chỉ hoặc thu hồi Giấy phép nếu vi phạm hoặc không thực hiện đúng, đầy đủ các cam kết trong hồ sơ đề nghị cấp phép, Luật Tài nguyên nước và các văn bản pháp luật liên quan.

Điều 3. Tập đoàn Vingroup - Công ty CP được hưởng các quyền hợp pháp theo quy định tại Khoản 1 Điều 38 Luật Tài nguyên nước năm 2012 và các quyền lợi hợp pháp khác theo quy định pháp luật hiện hành.

Điều 4. Trách nhiệm của các cơ quan liên quan:

1. Sở Tài nguyên và Môi trường: Kiểm tra, giám sát việc thực hiện Giấy phép xả nước thải và các cam kết của Tập đoàn Vingroup - Công ty CP đã nêu trong hồ sơ đề nghị cấp giấy phép xả nước thải vào nguồn nước.

2. Ủy ban nhân dân quận Lê Chân: Phối hợp với các Sở, ngành, đơn vị liên quan kiểm tra, giám sát việc thực hiện Giấy phép xả nước thải và các cam kết của Tập đoàn Vingroup - Công ty CP đã nêu trong hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép xả nước thải vào nguồn nước.

Điều 5. Giấy phép này có hiệu lực kể từ ngày ký. Chậm nhất 90 (chín mươi) ngày trước khi Giấy phép hết hạn, nếu cơ sở còn tiếp tục xả nước thải với các nội dung quy định tại Điều 1 của Giấy phép thì phải làm thủ tục gia hạn Giấy phép theo quy định. Cơ sở phải lập hồ sơ điều chỉnh Giấy phép đối với các trường hợp quy định tại Khoản 3 Điều 23 Nghị định số 201/2013/NĐ-CP ngày 27/11/2013 của Chính phủ.

Điều 6. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận Lê Chân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường Vĩnh Niệm, Tổng Giám đốc Tập đoàn Vingroup - Công ty CP và Thủ trưởng các cơ quan liên quan căn cứ Giấy phép thực hiện./.

Nơi nhận:

- Như Điều 6;
- Chủ tịch;
- PCT TT Lê Anh Quân;
- CVP, PCVP Trần Huy Kiên;
- Các phòng: NNTNMT, NCKTGS;
- CV: MT;
- Lưu: VT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

KT. CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH



Lê Anh Quân

UBND THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 06 /GXN-STNMT

Hải phòng, ngày 17 tháng 02 năm 2022

**GIẤY XÁC NHẬN
HOÀN THÀNH CÔNG TRÌNH BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

của khu vực phía Đông (khu nhà thấp tầng) thuộc Dự án Khu đô thị Cầu Rào 2
tại phường Vĩnh Niệm, quận Lê Chân (không bao gồm công trình bảo vệ môi
trường của trường mầm non và 02 trường liên cấp (tiểu học và trung học cơ sở)).

SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG XÁC NHẬN:

I. THÔNG TIN CHUNG VỀ DỰ ÁN

Tên chủ dự án: Tập đoàn Vingroup – Công ty CP.

Địa chỉ trụ sở chính: số 7 đường Bằng Lăng 1, Khu đô thị sinh thái Vinhomes
Riverside, phường Việt Hưng, quận Long Biên.

Địa điểm hoạt động: phường Vĩnh Niệm, quận Lê Chân.

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần, mã số doanh nghiệp
0101245486, đăng ký lần đầu ngày 3/5/2002, đăng ký thay đổi lần thứ 69 ngày
31/01/2020. Nơi cấp: Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội.

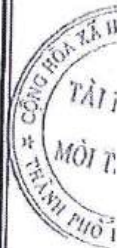
Quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường số 2843/QĐ-UBND
ngày 31/10/2018 của Ủy ban nhân dân thành phố.

II. NỘI DUNG XÁC NHẬN

Xác nhận hoàn thành công trình bảo vệ môi trường của khu vực phía Đông (khu
nhà thấp tầng) thuộc Dự án Khu đô thị Cầu Rào 2 tại phường Vĩnh Niệm, quận Lê Chân
(không bao gồm công trình bảo vệ môi trường của trường mầm non và 02 trường liên
cấp (tiểu học và trung học cơ sở)) (chi tiết tại Phụ lục kèm theo).

III. TRÁCH NHIỆM CỦA CHỦ DỰ ÁN

Tuân thủ nghiêm túc các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường; thường
xuyên vận hành và lập nhật ký vận hành các công trình xử lý chất thải, bảo vệ môi
trường đã nêu tại Mục 1, 2, 3, 4, 5, 6 Phụ lục kèm theo Giấy xác nhận này; thực hiện
chương trình quan trắc môi trường và báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ và đột
xuất theo quy định của pháp luật.



IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Chủ dự án đã hoàn thành công trình bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật. Giấy xác nhận này là căn cứ để cơ quan có thẩm quyền kiểm tra, thanh tra về bảo vệ môi trường trong quá trình hoạt động. /.

Nơi nhận:

- Tập đoàn Vingroup – Công ty Cổ phần;
- GD, PGD P.V.Thuần;
- CC BVMT (02);
- Lưu VT.

KT. GIÁM ĐỐC

PHÓ GIÁM ĐỐC



Phạm Văn Thuận

PHỤ LỤC

(Kèm theo Giấy xác nhận số 06 /GXN-STNMT ngày 17 tháng 02 năm 2022 của Sở Tài nguyên và Môi trường)

1. Công trình thu gom và xử lý nước thải

- Số lượng, quy mô, công suất: 01 hệ thống xử lý nước thải tập trung, công suất $2.159\text{m}^3/\text{ngày đêm}$.

- Quy trình vận hành: Nước thải sinh hoạt phát sinh từ bồn cầu sau thu gom, xử lý sơ bộ tại bể tự hoại + nước thải sinh hoạt khác $\rightarrow$ bể điều hòa $\rightarrow$ 02 bể selector $\rightarrow$ 02 bể ASBR $\rightarrow$ bể trung gian $\rightarrow$ 4 bồn lọc áp lực $\rightarrow$ bể khử trùng $\rightarrow$ Cống Đồng Vò $\rightarrow$ sông Lạch Tray

Khí thải phát sinh từ hoạt động của bể điều hòa và bể ASBR $\rightarrow$ quạt hút $\rightarrow$ hấp phụ bằng than hoạt tính $\rightarrow$ hấp thụ bằng hóa chất Air Solution $\rightarrow$ ống thải.

2. Công trình, thiết bị xử lý bụi, khí thải

Không có.

3. Công trình lưu giữ, xử lý chất thải rắn công nghiệp thông thường

Không có.

4. Công trình, thiết bị lưu giữ, xử lý chất thải nguy hại

- Số lượng, quy mô, công suất: 01 khu vực lưu giữ có diện tích khoảng 6m^2 .

- Quy trình vận hành: Chất thải nguy hại được phân loại, thu gom, lưu giữ tại kho. Khu vực lưu giữ có diện tích khoảng 6m^2 ; Tập đoàn Vingroup – Công ty CP đã ký Hợp đồng cung cấp dịch vụ số 01012022/HDCUDV-HA-VHMR ngày 01/01/2022 với Công ty Cổ phần Hòa Anh để vận chuyển, xử lý chất thải nguy hại (Hợp đồng có hiệu lực kể từ ngày 01/01/2022 đến 31/12/2022).

5. Công trình phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường

Hệ thống quan trắc nước thải tự động, liên tục đã được lắp đặt tại vị trí bể nước thải sau hệ thống xử lý, dữ liệu (các thông số: nhiệt độ, pH, COD, TSS, Amoni, lưu lượng đầu ra, lưu lượng đầu vào) đã được truyền không dây về Sở Tài nguyên và Môi trường (tần suất truyền: 5 phút/lần).

6. Công trình, biện pháp bảo vệ môi trường khác

Chất thải rắn sinh hoạt được thu gom vào các thùng chứa trước khi chuyển giao cho Công ty TNHH MTV Môi trường đô thị Hải Phòng vận chuyển, xử lý theo Hợp đồng cung cấp dịch vụ số 11LC3-2020/HĐ-DVVS ngày 20/6/2020 về việc ký hợp đồng cung ứng dịch vụ thu gom, vận chuyển và xử lý rác thải tại Khu đô thị Vinhomes Marina ngày 20/6/2020 kèm theo Phụ lục Hợp đồng 01 (thời gian thực hiện dịch vụ từ 20/6/2020 đến 30/6/2022).

7. Chương trình quan trắc môi trường

- Giám sát nước thải: giám sát thông số pH, BOD₅, TDS, Sunfua (tính theo H₂S), Nitrat (NO₃⁻) (tính theo N), dầu mỡ động, thực vật, tổng các chất hoạt động bề mặt, Phosphat (PO₄³⁻) (tính theo P), tổng Coniform; vị trí giám sát tại điểm thải cuối trước khi đầu nối vào cống hộp 1500x1500 (cống thoát nước hiện trạng của khu dân cư lân cận khu đô thị) (01 vị trí); tần suất giám sát 3 tháng/lần; Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp QCVN 14:2008/BTNMT (cột B, K = 1).

8. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác

Trường hợp có thay đổi so với nội dung Giấy xác nhận hoàn thành công trình bảo vệ môi trường đã được cấp, Chủ dự án phải báo cáo cơ quan có thẩm quyền xem xét, giải quyết./.

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hải Phòng, ngày...08... tháng...12... năm 2022

BIÊN BẢN SỐ: 01/NTHTHM
NGHIỆM THU HOÀN THÀNH HẠNG MỤC CÔNG TRÌNH
ĐỂ ĐƯA VÀO SỬ DỤNG



Công trình: Vinhomes Marina (Cầu Rào 2 – Hải Phòng).

Hạng mục: Cung cấp lắp đặt hệ thống xử lý nước thải – Dự án Vinhomes Marina (Cầu Rào 2 – Hải Phòng).

Địa điểm xây dựng: Phường Vĩnh Niệm, Quận Lê Chân, TP. Hải Phòng.

1. Đối tượng nghiệm thu:

Hoàn thành hạng mục trạm xử lý nước thải

2. Thành phần tham gia nghiệm thu:

- Đại diện Chủ đầu tư: Tập đoàn Vingroup – Công ty CP

Ông/Bà: Phạm Văn Khudgy Chức vụ: P. Tổng Giám Đốc

Ông/Bà: Chức vụ:

Ông/Bà: Chức vụ:

- Đại diện TVGS: Công ty cổ phần Vinhomes

Ông/Bà: Vũ Quốc Bình Chức vụ: P. G.D Xây Dựng

Ông/Bà: Vũ Đức Hoàn Chức vụ: G.D BQL XD

Ông/Bà: Chức vụ:

- Đại diện nhà thầu thi công: Công ty CP Liên danh Xây lắp và Môi trường MTC-A Châu

Ông/Bà: Hà Văn Hoàn Chức vụ: P. Tổng Giám Đốc

Ông/Bà: Nguyễn Văn Đạt Chức vụ: C.H.T.

Ông/Bà: Chức vụ:

3. Thời gian nghiệm thu :

Bắt đầu: 15/08 ngày...08... tháng...12... năm 2022...

Kết thúc 15/08 ngày...08... tháng...12... năm 2022...

Tại: Trạm xử lý nước thải – Vinhomes Marina (Cầu Rào 2) – Phường Vĩnh Niệm, Quận Lê Chân, TP. Hải Phòng.

4. Đánh giá hạng mục công việc thực hiện

a) Về tài liệu làm căn cứ nghiệm thu:

- Phiếu yêu cầu nghiệm thu của nhà thầu.
- Hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công được chủ đầu tư phê duyệt và những thay đổi thiết kế đã được chấp thuận:

Bản vẽ Shopdrawing

- Tiêu chuẩn, quy phạm xây dựng được áp dụng:



- + Nghị định ND 46/2015/ND/CP Nghị định của chính phủ về quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng;
- + Thông tư TT 10/2013/TT-BXD Hướng dẫn quản lý chất lượng công trình xây dựng do Bộ trưởng bộ xây dựng phát hành;
- + Tiêu chuẩn TCVN 4055-2012 Tiêu chuẩn quốc gia về tổ chức thi công;
- + Tiêu chuẩn TCVN 5308-1991 Tiêu chuẩn quốc gia về quy phạm kỹ thuật an toàn trong xây dựng;
- + Tiêu chuẩn TCVN 4519-1988 Tiêu chuẩn quốc gia về hệ thống cấp thoát nước bên trong nhà và công trình;
- + Và các tiêu chuẩn hiện hành khác có liên quan đến đối tượng nghiệm thu;

- Hợp đồng xây dựng: Số 0609/2019/HĐ/VG – MTC A CHAU Ngày 06 tháng 09 năm 2019
- Hồ sơ tài liệu hoàn thành xây dựng hạng mục theo danh mục đính kèm
- Văn bản chấp thuận của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền về phòng chống cháy, nổ, an toàn môi trường, an toàn vận hành theo quy định.
- Biên bản kiểm tra hồ sơ tài liệu hoàn thành xây dựng hạng mục công trình của cơ quan quản lý nhà nước theo phân cấp.
- Những điều kiện chuẩn bị để đưa hạng mục công trình vào sử dụng

b) Về tiến độ thi công/lắp đặt thiết bị:

- Ngày bắt đầu:/...../20...
- Ngày hoàn thành:/...../20...

c) Về công suất đưa vào vận hành

- Theo thiết kế (hoặc theo hồ sơ dự thầu): Theo thiết kế
- Theo thực tế đạt được: Theo thiết kế

d) Về đặc điểm biện pháp để bảo vệ an toàn lao động, an toàn phòng nổ, phòng cháy, chống ô nhiễm môi trường và an toàn sử dụng:

- Theo thiết kế được duyệt:
- Theo thực tế đạt được:

e) Về khối lượng: Theo thực thể thi công được nghiệm thu

f) Về chất lượng thiết bị chạy thử liên động có tải:

- Đạt yêu cầu: ☒
- Không đạt yêu cầu: ☐

.....

g) Những sửa đổi trong quá trình thi công so với thiết kế được duyệt: Danh mục những sửa đổi thiết kế trong quá trình thi công đính kèm.

.....

h) Các ý kiến khác nếu có.

.....

5486

12762
 3 TY
 4 HẠN
 3 XÂY
 1 TRƯỞNG
 1 Á CHỈ
 1 N - T X

CÓ PHẢN
 * * *

DN: 010267

5. Kết luận :

- Đồng ý nghiệm thu hoàn thành hạng mục công trình để đưa vào sử dụng: ☒
- Không đồng ý nghiệm thu: ☐

.....
.....

ĐƠN VỊ TVGS

(Ký tên, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu)



Vũ Quốc Bình

CHỦ ĐẦU TƯ

(Ký tên, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu)



PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC
Phạm Văn Khương

NHÀ THẦU THI CÔNG

(Ký tên, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu)



PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC
Hà Văn Xuân



CÔNG AN T.P HẢI PHÒNG
PHÒNG CẢNH SÁT PCCC&CNCH
Số 03 /TD - PCCC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Mẫu số PC03
Ban hành kèm theo Thông tư
số 66/2014/TT-BCA
Ngày 16-12-2014

GIẤY CHỨNG NHẬN THẨM DUYỆT VỀ PHÒNG CHÁY VÀ CHỮA CHÁY

- Căn cứ Nghị định số 79/2014/NĐ-CP ngày 31/7/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy.

Căn cứ Điều 7 Thông tư số 66/2014/TT-BCA ngày 16/12/2014 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị định số 79/2014/NĐ-CP ngày 31/7/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy.

Xét hồ sơ và văn bản đề nghị thẩm duyệt về PCCC số 749/2018/CV-VGR-PTDA ngày 06/9/2018 của Tập đoàn Vingroup - Công ty CP.

Người đại diện là bà Nguyễn Mai Hoa. Chức danh: Giám đốc.

CẢNH SÁT PHÒNG CHÁY CHỮA CHÁY THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG CHỨNG NHẬN

Công trình: Hạ tầng khu đô thị cầu Rào 2.

Địa điểm xây dựng: phường Vĩnh Niệm, quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng.

Chủ đầu tư: Tập đoàn Vingroup - Công ty CP.

Đơn vị lập dự án/thiết kế:

- Công ty cổ phần thiết kế kiến trúc xây dựng và tư vấn đầu tư Đông Dương;
- Công ty cổ phần A - Design Việt Nam.

Đã được thẩm duyệt thiết kế về phòng cháy và chữa cháy các nội dung sau:

1. Đường giao thông phục vụ chữa cháy;
 2. Hệ thống cấp nước chữa cháy đô thị ngoài nhà (60 trụ);
- theo các tài liệu, bản vẽ ghi ở trang 2.

Các yêu cầu kèm theo:

Công trình phải được Phòng Cảnh sát PCCC&CNCH - Công an thành phố Hải Phòng kiểm tra nghiệm thu về phòng cháy chữa cháy theo quy định.

Nơi nhận:

- Chủ đầu tư;
- Lưu: Đ1.

Hải Phòng, ngày 24 tháng 9 năm 2018



Đại tá: Hoàng Văn Bình

**DANH MỤC TÀI LIỆU, BẢN VẼ ĐÃ ĐƯỢC
THẨM DUYỆT THIẾT KẾ VỀ PHÒNG CHÁY VÀ CHỮA CHÁY**

SỐ TT	TÊN TÀI LIỆU, BẢN VẼ	KÝ HIỆU	GHI CHÚ
1.	Đường giao thông phục vụ chữa cháy	MBGT-01	
2.	Hệ thống cấp nước chữa cháy đô thị ngoài nhà.	N-MB-01, N-MB-02; CT-02	
3.	Thuyết minh thiết kế		
4.			
5.			
6.			
7.			
8.			
9.			

Số: 98 /NT-PC07

Hải Phòng, ngày 27 tháng 5 năm 2020

Kính gửi: Tập đoàn Vingroup - Công ty CP.

Theo đề nghị tại văn bản số 2802/2020/CV-VGR-PTDA ngày 04/05/2020 về việc nghiệm thu về phòng cháy và chữa cháy của Tập đoàn Vingroup - Công ty CP; Căn cứ kết quả kiểm tra nghiệm thu về phòng cháy và chữa cháy tại Biên bản kiểm tra do Phòng Cảnh sát PCCC&CNCH - Công an thành phố Hải Phòng lập ngày 20/05/2020, hồ sơ nghiệm thu về phòng cháy và chữa cháy của Tập đoàn Vingroup - Công ty CP.

Phòng Cảnh sát PCCC&CNCH - Công an thành phố Hải Phòng đồng ý nghiệm thu về phòng cháy và chữa cháy đối với hạng mục “Đường giao thông phục vụ chữa cháy và 57 trụ cấp nước chữa cháy đô thị” thuộc công trình “Hạ tầng khu đô thị Cầu Rào 2” do Tập đoàn Vingroup - Công ty CP làm chủ đầu tư, xây dựng tại Phường Vĩnh Niệm, quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng theo các nội dung sau:

1. Đường giao thông phục vụ chữa cháy;
2. Hệ thống cấp nước chữa cháy đô thị ngoài nhà (57 trụ).

Để bảo đảm an toàn phòng cháy và chữa cháy cho “Khu đô thị Cầu Rào 2” trong suốt quá trình hoạt động, đề nghị Tập đoàn Vingroup - Công ty CP thực hiện các yêu cầu kèm theo sau đây:

- Trước khi thi công bổ sung hạ tầng kỹ thuật (đường giao thông, trụ nước chữa cháy) khu vực còn lại trong khu đô thị Cầu Rào 2 theo thiết kế đã được thẩm duyệt về PCCC chủ đầu tư phải thông báo về cơ quan Cảnh sát PCCC. Sau khi thi công xong phải tổ chức nghiệm thu về PCCC hạ tầng kỹ thuật khu vực còn lại trước khi đưa vào sử dụng;
- Thực hiện đầy đủ các điều kiện an toàn về phòng cháy và chữa cháy theo quy định tại điều 7 Nghị định số 79/2014/NĐ-CP ngày 31/7/2014;
- Thực hiện đúng quy định, quy trình về vận hành, sử dụng, bảo trì, bảo dưỡng, sửa chữa, thay thế các hệ thống, thiết bị phòng cháy, chữa cháy và các hệ thống kỹ thuật khác có liên quan;
- Duy trì liên tục chế độ hoạt động của các hệ thống, thiết bị phòng cháy và chữa cháy và các hệ thống kỹ thuật khác có liên quan trong suốt quá trình hoạt động như tại thời điểm nghiệm thu về phòng cháy và chữa cháy./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: PC07 (Đ2).



Đại tá Hoàng Văn Bình

BIÊN BẢN KIỂM TRA
VỀ PHÒNG CHÁY, CHỮA CHÁY, CỨU NẠN, CỨU HỘ
Nghiệm thu công trình

Hồi 08 giờ 30 phút, ngày 20 tháng 5 năm 2020 tại công trình Hạ tầng khu đô thị Cầu Rào 2, địa chỉ: Phường Vĩnh Niệm, quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng.

Chúng tôi gồm:

1. Đại diện Phòng Cảnh sát PCCC&CNCH - Công an TP. Hải Phòng:

- Ông Hoàng Văn Bình; Chức vụ: Trưởng phòng; Cấp bậc: Đại tá;

- Ông Vũ Quang Vịnh; Chức vụ: Cán bộ; Cấp bậc: Trung úy;

- Ông Đoàn Duy Long; Chức vụ: Cán bộ; Cấp bậc: Thiếu úy.

Đã tiến hành kiểm tra nghiệm thu về phòng cháy và chữa cháy đối với:

- Công trình: Hạ tầng khu đô thị Cầu Rào 2 (hạng mục: Đường giao thông phục vụ chữa cháy và 57 trụ cấp nước chữa cháy đô thị).

- Chủ đầu tư: Tập đoàn Vingroup - Công ty CP.

- Địa chỉ: Phường Vĩnh Niệm, quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng.

1. Đại diện Chủ đầu tư: Tập đoàn Vingroup - Công ty CP.

- Ông Phạm Văn Khương; Chức vụ: Phó Tổng giám đốc;

- Ông Phạm Văn Đạo; Chức vụ: Trưởng nhóm giám sát;

2. Đại diện Đơn vị tư vấn giám sát: Công ty cổ phần tư vấn công nghệ, thiết bị và kiểm định xây dựng - CONINCO.

- Ông Nguyễn Mạnh Tuấn; Chức vụ: Phó Tổng giám đốc;

- Ông Nguyễn Đức Toàn; chức vụ: Tư vấn giám sát trưởng.

3. Đại diện Nhà thầu chính (thi công hạng mục hạ tầng): Công ty cổ phần liên danh xây lắp và môi trường MTC - Á Châu.

- Ông Nguyễn Thế Minh; Chức vụ: Giám đốc;

- Ông Hà Quý Nhân; chức vụ: Chỉ huy trưởng.

4. Đại diện Nhà thầu phụ (thi công hạng mục PCCC): Công ty cổ phần A-DESIGN Việt Nam.

- Ông Phạm Hoàng Lâm; Chức vụ: Giám đốc.

Tình hình và kết quả kiểm tra như sau:

I. Kiểm tra hồ sơ nghiệm thu về PCCC do chủ đầu tư cung cấp:

1. Hồ sơ thiết kế công trình: "Hạ tầng khu đô thị Cầu Rào 2" đã được Cảnh sát PCCC thành phố Hải Phòng thẩm duyệt về phòng cháy và chữa cháy và cấp giấy



chứng nhận thẩm duyệt về PCCC số 03/TD-PCCC ngày 24/9/2018 với các nội dung thẩm duyệt gồm:

- Đường giao thông phục vụ chữa cháy;
- Hệ thống cấp nước chữa cháy đô thị ngoài nhà (60 trụ);

2. Đơn đề nghị số 2802/2020/CV-VGR-PTDA ghi ngày 04/05/2020 của Tập đoàn Vingroup - Công ty CP gửi Phòng Cảnh sát PCCC&CNCH - Công an thành phố Hải Phòng về việc nghiệm thu PCCC công trình Hạ tầng khu đô thị Cầu Rào 2.

3. Văn bản số 108/CV-CNHP-KT ngày 29/01/2018 của Công ty cổ phần cấp nước Hải Phòng về việc thỏa thuận đấu nối cấp nước cho Dự án Khu đô thị Cầu Rào 2 tại phường Vĩnh Niệm, quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng.

4. Hồ sơ hoàn công công trình, các bản vẽ hoàn công, các biên bản nghiệm thu nội bộ, nghiệm thu hoàn thành giữa Chủ đầu tư và đơn vị thi công, báo cáo thi công.

5. Bản sao giấy chứng nhận kiểm định phương tiện phòng cháy và chữa cháy số 15874/KĐ-PCCC-P7 ghi ngày 18/10/2019 do Cục Cảnh sát PCCC&CNCH cấp đối với trụ nước chữa cháy.

II. Kiểm tra thực tế tại hiện trường:

1. Về giao thông phục vụ chữa cháy:

- Đường giao thông có kết cấu đường trải nhựa asphalt, có chiều rộng lớn hơn 3,5m quanh các khu vực lô đất, xe chữa cháy có thể tiếp cận các hạng mục trong khu đô thị Cầu Rào 2.

2. Về thi công trụ nước chữa cháy:

- Theo hồ sơ thiết kế đã được thẩm duyệt về PCCC, công trình “Hạ tầng khu đô thị Cầu Rào 2” gồm 60 trụ nước chữa cháy đô thị được lắp đặt tại 02 khu vực riêng biệt nhưng hiện tại theo báo cáo của chủ đầu tư và qua kiểm tra thực tế, ở giai đoạn này công trình trên mới thi công được 57 trụ nước chữa cháy phục vụ việc cấp nước chữa cháy cho 01 khu vực. Do nhu cầu sử dụng, chủ đầu tư đề nghị Phòng Cảnh sát PCCC&CNCH nghiệm thu về PCCC hạng mục nêu trên; đối với khu vực chưa xây dựng và sử dụng, chủ đầu tư sẽ tiến hành thi công vào giai đoạn sau.

- 57 trụ nước chữa cháy đã lắp đặt có vị trí, khoảng cách theo bản vẽ được thẩm duyệt thiết kế về PCCC.

- Các trụ nước chữa cháy được lắp vuông góc với mặt đường, trên vỉa hè đường giao thông của khu dự án.

- Khoảng cách từ đỉnh trụ đến cốt vỉa hè là 0,7m, họng lớn đường kính D110 của trụ quay ra phía lòng đường, 02 họng nhỏ đường kính D69.

- Trụ nước cách mép vỉa hè nhỏ hơn 2,5m.

- Nguồn nước để cấp cho các trụ nước chữa cháy được lấy từ nguồn nước thành phố.

- Các khớp nối của trụ nước chữa cháy đồng bộ với họng hút của xe chữa cháy.

III. Tiến hành thử nghiệm các trụ nước chữa cháy:

- Dùng dụng cụ mở van trụ nước chữa cháy và mở nắp họng thấy nước ra đều.

IV. Kết luận đối với hạ tầng kỹ thuật khu vực lắp đặt 57 trụ nước chữa cháy:

- Đường giao thông phục vụ chữa cháy: Đạt yêu cầu;

- Hệ thống cấp nước chữa cháy đô thị ngoài nhà (57 trụ): Đạt yêu cầu.

V. Yêu cầu:

1. Đơn vị thi công phải hướng dẫn và bàn giao quy trình vận hành, sử dụng cho chủ đầu tư sử dụng các phương tiện PCCC đã được trang bị.

2. Đơn vị sử dụng phải thực hiện đúng quy định về bảo quản, bảo dưỡng, sử dụng hệ thống PCCC theo quy định.

3. Chủ đầu tư có trách nhiệm quản lý, duy trì, sửa chữa, bảo dưỡng định kỳ các trụ nước chữa cháy theo quy định.

4. Trước khi thi công bổ sung hạ tầng kỹ thuật (đường giao thông, trụ nước chữa cháy) khu vực còn lại trong khu đô thị Cầu Rào 2 theo thiết kế đã được thẩm duyệt về PCCC chủ đầu tư phải thông báo về cơ quan Cảnh sát PCCC. Sau khi thi công xong phải tổ chức nghiệm thu về PCCC hạ tầng kỹ thuật khu vực còn lại trước khi đưa vào sử dụng.

Biên bản lập xong hồi 10 giờ 20 phút cùng ngày gồm 03 trang, lập thành 05 bản, mỗi bên giữ 01 bản có giá trị ngang nhau, đã được đọc lại cho mọi người cùng nghe, công nhận đúng và nhất trí ký tên dưới đây. *chữ ký*

ĐẠI DIỆN
CHỦ ĐẦU TƯ



PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC

Phạm Văn Khương

ĐẠI DIỆN

NHÀ THẦU CHÍNH



TỔNG GIÁM ĐỐC

Nguyễn Thế Minh

ĐẠI DIỆN
TƯ VẤN GIÁM SÁT



PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC

Nguyễn Mạnh Tuấn

ĐẠI DIỆN
ĐOÀN KIỂM TRA



TRƯỞNG PHÒNG

Đại tá Hoàng Văn Bình

ĐẠI DIỆN
NHÀ THẦU PHỤ



GIÁM ĐỐC

Phạm Hoàng Lâm

BIÊN BẢN KIỂM TRA CÔNG TÁC PCCC&CNCH

Thực hiện Luật phòng cháy và chữa cháy. Căn cứ công văn ngày 15/5/2020 của Tập đoàn Vingroup - Công ty CP gửi Phòng Cảnh sát PCCC & CNCH - Công an thành phố Hải Phòng về việc kiểm tra về PCCC công trình “Bể bơi” thuộc dự án Khu đô thị cầu Rào 2.

Hồi 09 giờ 00 phút, ngày 20 tháng 5 năm 2020 tại Tập đoàn Vingroup - Công ty CP; địa chỉ: Phường Vĩnh Niệm, quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng.

Chúng tôi gồm:

Đại diện Phòng Cảnh sát PCCC & CNCH - Công an thành phố Hải Phòng:

1. Ông Hoàng Văn Bình; Chức vụ: Trưởng phòng; Cấp bậc: Đại tá;
2. Ông Nguyễn Tuấn Mạnh; Chức vụ: Cán bộ; Cấp bậc: Thượng úy;
3. Bà Vũ Thị Trang; Chức vụ: Cán bộ; Cấp bậc: Đại úy;
4. Bà Nguyễn Thị Lan Anh; Chức vụ: Cán bộ; Cấp bậc: Thượng úy;
5. Ông Vũ Trọng Cường; Chức vụ: Cán bộ; Cấp bậc: Thiếu úy;

Đã tiến hành kiểm tra về phòng cháy chữa cháy và cứu nạn cứu hộ đối với Hạng mục: Bể bơi thuộc dự án Khu đô thị cầu Rào 2 của Tập đoàn Vingroup - Công ty CP; Địa chỉ tại: Phường Vĩnh Niệm, quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng.

1. Đại diện Chủ đầu tư: Tập đoàn Vingroup - Công ty CP.
- Ông Phạm Văn Khương; Chức vụ: Phó Tổng Giám đốc.
2. Đại diện Đơn vị thi công: Công ty cổ phần đầu tư và công nghệ HVC.
- Ông Đỗ Huy Cường; Chức vụ: Phó Tổng Giám đốc.
- Ông Lê Văn Tuyền; Chức vụ: Chỉ huy trưởng.

Tình hình và kết quả kiểm tra như sau:

Qua nghe báo cáo của Lãnh đạo cơ sở, kiểm tra hồ sơ và kiểm tra thực tế, thấy:

- I. Kiểm tra nội dung của hồ sơ về PCCC do chủ đầu tư cung cấp:

1. Công văn ngày 15/5/2020 của Tập đoàn Vingroup - Công ty CP gửi Phòng Cảnh sát PCCC & CNCH - Công an thành phố Hải Phòng về việc kiểm tra về PCCC hạng mục “Bể bơi” thuộc dự án Khu đô thị cầu Rào 2.

2. Công văn số 1623/PC07-Đ1 ngày 26/7/2019 của Phòng Cảnh sát PCCC & CNCH về việc chấp thuận về PCCC vị trí xây dựng Bể bơi trong Khu đô thị cầu Rào 2 và đồng ý với phương án thiết kế PCCC đối với hệ thống báo cháy tự động, đèn chiếu sáng sự cố, chỉ dẫn thoát nạn và trang bị bình chữa cháy di động.

3. Hồ sơ hoàn công công trình gồm: Bản vẽ hoàn công, các biên bản nghiệm thu nội bộ giữa chủ đầu tư và đơn vị thi công, báo cáo thi công của chủ đầu tư.

4. Các giấy chứng nhận kiểm định phương tiện PCCC do Cục Cảnh sát PCCC và CNCH cấp: Số 1441/KĐ-PCCC-P7 ngày 17/01/2020 (đối với cửa chống cháy); Số 18509/KĐ-PCCC-P7 ngày 27/12/2020 (đối với tủ trung tâm báo cháy, đầu báo, còi, đèn báo cháy kết hợp, đèn, nút ấn);

- Số 109/KĐ-PCCC-P7 ngày 13/12/2020 (đối với bình chữa cháy) do Phòng Cảnh sát PCCC.PCCC&CNCH - Công an Tỉnh Vĩnh Phúc.

5. Quy trình hướng dẫn, vận hành thiết bị.

6. Kết quả thí nghiệm đo điện trở số DH/BBTN/2704-03/2020 ghi ngày 17/4/2020 do Công ty HH tư vấn đầu tư XLĐ & Dịch vụ kỹ thuật DH.

II. Kiểm tra thực tế tại hiện trường.

1. Đặc điểm kiến trúc công trình và lối thoát nạn:

- Công trình Bể bơi thuộc dự án Khu đô thị cầu Rào 2, xây 02 tầng diện tích khoảng 965m². Tầng 1 có 02 lối thoát nạn; Tầng có 01 lối thoát nạn.

+ Tầng 1: Bố trí làm bể bơi và văn phòng.

+ Tầng 2: Bố trí làm văn phòng.

2. Đèn chiếu sáng sự cố, đèn chỉ dẫn thoát nạn:

- Trong công trình đã bố trí đèn chiếu sáng sự cố, đèn chỉ dẫn thoát nạn tại các lối đi, cửa ra vào. Khoảng cách các đèn cách nhau nhỏ hơn 30 m.

- Các đèn chiếu sáng sự cố là đèn có 02 pha chiếu sáng.

- Các đèn chiếu sáng sự cố chiếu sáng theo đúng chiều thoát nạn, đèn chỉ dẫn thoát nạn có chiều mũi tên theo đúng chiều thoát nạn.

- Dây điện cấp nguồn cho đèn sự cố được đi trong ống bảo vệ.

3. Hệ thống báo cháy tự động.

- Công trình sử dụng tủ trung tâm báo cháy địa chỉ 1 loop (252 địa chỉ) đặt tại phòng an ninh nơi có người thường trực 24/24h, có nổi đất an toàn. Nguồn điện cấp cho trung tâm báo cháy là nguồn điện áp AC 220V và nguồn điện dự phòng Acqui 24V.

- Lắp đặt các đầu báo cháy khói dưới trần giả tại các phòng, khoảng cách giữa các đầu báo cháy, khoảng cách từ đầu báo cháy đến tường đảm bảo theo quy định.

- Dây tín hiệu của hệ thống báo cháy: Là dây 2x0,75mm², được đi trong ống nhựa bảo vệ.

- Tổ hợp nút ấn, chuông, đèn báo cháy: Lắp đặt mỗi tầng nhà 01 tổ hợp chuông, đèn, nút ấn báo cháy cách sàn thao tác khoảng 1,25m.

- Đã niêm yết hướng dẫn sử dụng hệ thống báo cháy tự động, phân vùng khu vực báo cháy.

4. Hệ thống chống sét. 

- Tại công trình sử dụng chung hệ thống chống sét với kim thu sét tia tiên đạo bán kính bảo vệ 146m, chiều cao lắp đặt trên cột cao 25m của khu đô thị. Các thiết bị của hệ thống thu lôi chống sét được liên kết với nhau bằng phương pháp hàn.

5. Phương tiện chữa cháy di động.

Công trình được trang bị 12 bình chữa cháy loại bình bột MFZL4 ABC, 06 bình loại bình khí CO₂ MT3. Công ty bố trí lại vị trí các bình đảm bảo phân tán, dễ thấy, dễ sử dụng.

III. Tiến hành thử nghiệm.

1. Đèn chiếu sáng sự cố, đèn chỉ dẫn thoát hiểm:

- Trong điều kiện bình thường, đèn chỉ dẫn thoát nạn sáng.
- Khi ngắt nguồn điện lưới cấp cho các đèn chiếu sáng sự cố, biển chỉ dẫn thoát nạn thấy ắc quy trong đèn tự khởi động để chiếu sáng.

2. Hệ thống báo cháy tự động:

Thử nghiệm hoạt động thiết bị ở 2 chế độ:

2.1. Chế độ thường trực:

- Kiểm tra tín hiệu báo sự cố (đứt dây, chập mạch, báo nguồn) của tủ trung tâm.
- Chế độ thường trực của các đầu báo cháy, nút ấn, chuông.

2.2. Chế độ báo cháy:

- Đầu báo cháy khói: Tạo đám cháy giả bằng khói tại vị trí lắp đặt đầu báo cháy.
- Kích hoạt các vị trí nút ấn báo cháy trực tiếp tại các đầu báo cháy ở các khu vực của công trình.

* Nhận xét sau thử nghiệm:

- Các đầu báo cháy: Thời gian nhận và truyền tín hiệu báo cháy từ các vị trí thử nghiệm về tủ trung tâm khoảng 30 giây.
- Các nút ấn, chuông báo cháy: Tín hiệu báo động nhanh, rõ và đạt yêu cầu.

3. Phương tiện chữa cháy xách tay:

- Thử phun 01 bình chữa cháy bất kì vào đám cháy có diện tích 1m² (kích thước 1mx1m) thấy đám cháy được dập tắt hoàn toàn sau thời gian khoảng 05 giây.
- Các bình chữa cháy còn lại còn mới, nguyên vẹn chỉ niêm phong và được dán tem kiểm định.

IV. Kết luận.

1. Đèn chiếu sáng sự cố, đèn chỉ dẫn thoát nạn: Đạt yêu cầu;
2. Hệ thống báo cháy tự động: Đạt yêu cầu;
3. Phương tiện chữa cháy xách tay: Đạt yêu cầu;
4. Hệ thống chống sét (kiểm tra thực tế): Đạt yêu cầu.

V. Yêu cầu:

1. Đơn vị thi công phải hướng dẫn, bàn giao cho Chủ đầu tư vận hành, sử dụng thành thạo các hệ thống, thiết bị phòng cháy chữa cháy đã trang bị.

2. Chủ đầu tư phải thực hiện đúng quy trình vận hành, bảo dưỡng hệ thống PCCC theo quy định.

3. Dự án Khu đô thị cầu Rào 2 phải bổ sung hồ sơ theo dõi công tác phòng cháy chữa cháy, ban hành bổ sung nội quy phòng cháy chữa cháy phù hợp với thực tế khu vực xây mới, xây dựng phương án chữa cháy, chính lý và tổ chức thực tập phương án chữa cháy, thành lập và tổ chức tuyên truyền, huấn luyện về PCCC&CNCH cho các đối tượng theo quy định của Luật phòng cháy và chữa cháy.

Biên bản lập xong hồi 10 giờ 30 phút cùng ngày gồm 04 trang được lập thành 03 bản, mỗi bên giữ 01 bản, đã được đọc lại cho mọi người cùng nghe, công nhận đúng và nhất trí ký tên dưới đây. /.

Đại diện
Chủ đầu tư



PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC
Phạm Văn Khương

Đại diện
Đơn vị thi công



PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC
Đỗ Huy Lương

Đại diện
Đoàn kiểm tra



TRƯỞNG PHÒNG
Đại tá Hoàng Văn Bình

**CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC HẢI PHÒNG**

HAI PHONG WATER JOINT STOCK COMPANY

Địa chỉ: Số 54 Đinh Tiên Hoàng - Phường Hoàng Văn Thụ, Quận Hồng Bàng, TP Hải Phòng

Mã số thuế : 0200171274

Số tài khoản: 1120 0000 9342 Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Hải Phòng

Website: www.capnuochaiphong.com.vn E-mail: cnhp@vnn.vn

Trung tâm hỗ trợ khách hàng (Call Center) Tel 0225 3 51 58 58 - Fax: 0225 3 823 748

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG TIỀN NƯỚC

Ngày 23 tháng 12 năm 2022

Ký hiệu: IK22TAA

Số HĐ: 4129900

Tên khách hàng: Công ty Cổ phần Sản xuất và Kinh doanh nước sạch AquaAlpha

Địa chỉ: Tầng 2, Số 27 LK20C khu đô thị Văn Phú, Phường Phú La, Quận Hà Đông, TP Hà Nội, Việt Nam .

Địa chỉ điểm dùng nước: Đường Võ Nguyên Giáp, Phường Vĩnh Niệm, Quận Lê Chân, TP Hải Phòng .

Mã số thuế: 0108449753

Điện thoại: 0978518436

Số tài khoản:

Mã khách hàng: 6866705

Hình thức thanh toán: TM/CK

Kỳ hóa đơn: 12/2022	Từ ngày: 03/11/2022	Chỉ số cũ: 462397	Tuyến: 7801
Mã hóa đơn: 62630430	Đến ngày: 03/12/2022	Chỉ số mới: 474061	Số m ³ tiêu thụ: 22922

STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Số lượng (m ³)	Đơn giá (đ/m ³)	Thành tiền chưa có thuế GTGT (đ)	Thuế suất GTGT (%)	Tiền thuế GTGT (đ)	Thành tiền có thuế GTGT (đ)
1	Nước tiêu thụ			209.112.450		10.455.623	219.568.073
	Bán buôn kinh doanh	737	19.350	14.260.950	5%	713.048	14.973.998
	Bán buôn sản xuất	805	16.300	13.121.500	5%	656.075	13.777.575
	Bán buôn SH đô thị	21.380	8.500	181.730.000	5%	9.086.500	190.816.500
2	Dịch vụ thoát nước			50.179.280		4.014.342	54.193.622
	DVTN Bán buôn KD	589,6	4.300	2.535.280	8%	202.822	2.738.102
	DVTN Bán buôn SX	644	3.600	2.318.400	8%	185.472	2.503.872
	DVTN Bán buôn SHĐT	21.380	2.120	45.325.600	8%	3.626.048	48.951.648

Tổng tiền chưa có thuế GTGT: 259.291.730

Tổng tiền thuế GTGT theo thuế suất 5% 10.455.623

Tổng tiền thuế GTGT theo thuế suất 8% 4.014.342

Tổng tiền thuế GTGT: 14.469.965

Tổng cộng: 273.761.695

Tổng số tiền viết bằng chữ: Hai trăm bảy mươi ba triệu bảy trăm sáu mươi một nghìn sáu trăm chín mươi lăm đồng

Người mua hàng

Ký bởi: Công ty Cổ phần cấp nước Hải Phòng

Ký ngày: 23/12/2022

(Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao nhận hóa đơn)

(Xuất bởi phần mềm EInvoice, ThaiSon Co., Ltd - MST: 0101300842 - www.einvoice.vn)

**CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC HẢI PHÒNG**

HAI PHONG WATER JOINT STOCK COMPANY

Địa chỉ: Số 54 Đinh Tiên Hoàng - Phường Hoàng Văn Thụ, Quận Hồng Bàng, TP Hải Phòng

Mã số thuế : 0200171274

Số tài khoản: 1120 0000 9342 Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Hải Phòng

Website: www.capnuochaiphong.com.vn E-mail: cnhp@vnn.vn

Trung tâm hỗ trợ khách hàng (Call Center) Tel 0225 3 51 58 58 - Fax: 0225 3 823 748

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG TIỀN NƯỚC

Ngày 18 tháng 01 năm 2023

Ký hiệu: 1K23TAA

Số HĐ: 347851

Tên khách hàng: Công ty Cổ phần Sản xuất và Kinh doanh nước sạch AquaAlpha

Địa chỉ: Tầng 2, Số 27 LK20C khu đô thị Văn Phú, Phường Phú La, Quận Hà Đông, TP Hà Nội, Việt Nam .

Địa chỉ điểm dùng nước: Đường Võ Nguyên Giáp, Phường Vĩnh Niệm, Quận Lê Chân, TP Hải Phòng .

Mã số thuế: 0108449753

Điện thoại: 0978518436

Số tài khoản:

Mã khách hàng: 6866705

Hình thức thanh toán: TM/CK

Kỳ hóa đơn: 01/2023	Từ ngày: 03/12/2022	Chỉ số cũ: 474061	Tuyến: 7801
Mã hóa đơn: 62981429	Đến ngày: 03/01/2023	Chỉ số mới: 499972	Số m ³ tiêu thụ: 25911

STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Số lượng (m ³)	Đơn giá (đ/m ³)	Thành tiền chưa có thuế GTGT (đ)	Thuế suất GTGT (%)	Tiền thuế GTGT (đ)	Thành tiền có thuế GTGT (đ)
1	Nước tiêu thụ			234.244.550		11.712.228	245.956.778
	Bán buôn kinh doanh	757	19.350	14.647.950	5%	732.398	15.380.348
	Bán buôn sản xuất	742	16.300	12.094.600	5%	604.730	12.699.330
	Bán buôn SH đô thị	24.412	8.500	207.502.000	5%	10.375.100	217.877.100
2	Dịch vụ thoát nước			56.494.480		5.649.448	62.143.928
	DVTN Bán buôn KD	605,6	4.300	2.604.080	10%	260.408	2.864.488
	DVTN Bán buôn SX	593,6	3.600	2.136.960	10%	213.696	2.350.656
	DVTN Bán buôn SHĐT	24.412	2.120	51.753.440	10%	5.175.344	56.928.784

Tổng tiền chưa có thuế GTGT: 290.739.030

Tổng tiền thuế GTGT theo thuế suất 5% 11.712.228

Tổng tiền thuế GTGT theo thuế suất 10% 5.649.448

Tổng tiền thuế GTGT: 17.361.676

Tổng cộng: 308.100.706

Tổng số tiền viết bằng chữ: Ba trăm linh tám triệu một trăm nghìn bảy trăm linh sáu đồng

Người mua hàng

Ký bởi: Công ty Cổ phần cấp nước Hải Phòng

Ký ngày: 18/01/2023 ✓

(Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao nhận hóa đơn)

(Xuất bởi phần mềm EInvoice, ThaiSon Co., Ltd - MST: 0101300842 - www.einvoice.vn)

**CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC HẢI PHÒNG**

HAI PHONG WATER JOINT STOCK COMPANY

Địa chỉ: Số 54 Đinh Tiên Hoàng - Phường Hoàng Văn Thụ, Quận Hồng Bàng, TP Hải Phòng

Mã số thuế: 0200171274

Số tài khoản: 1120 0000 9342 Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Hải Phòng

Website: www.capnuochaiphong.com.vn E-mail: cnhp@vnn.vn

Trung tâm hỗ trợ khách hàng (Call Center) Tel 0225 3 51 58 58 - Fax: 0225 3 823 748

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG TIỀN NƯỚC

Ngày 23 tháng 02 năm 2023

Ký hiệu: 1K23TAA

Số HD: 697234

Tên khách hàng: Công ty Cổ phần Sản xuất và Kinh doanh nước sạch AquaAlpha

Địa chỉ: Tầng 2, Số 27 LK20C khu đô thị Văn Phú, Phường Phú La, Quận Hà Đông, TP Hà Nội, Việt Nam.

Địa chỉ điểm dùng nước: Đường Võ Nguyên Giáp, Phường Vĩnh Niệm, Quận Lê Chân, TP Hải Phòng.

Mã số thuế: 0108449753

Điện thoại: 0978518436

Số tài khoản:

Mã khách hàng: 6866705

Hình thức thanh toán: TM/CK

Kỳ hóa đơn: 02/2023	Từ ngày: 03/01/2023	Chỉ số cũ: 499972	Tuyến: 7801
Mã hóa đơn: 63332782	Đến ngày: 03/02/2023	Chỉ số mới: 529144	Số m ³ tiêu thụ: 29172

STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Số lượng (m ³)	Đơn giá (đ/m ³)	Thành tiền chưa có thuế GTGT (đ)	Thuế suất GTGT (%)	Tiền thuế GTGT (đ)	Thành tiền có thuế GTGT (đ)
1	Nước tiêu thụ			266.040.050		13.302.003	279.342.053
	Bán buôn kinh doanh	457	19.350	8.842.950	5%	442.148	9.285.098
	Bán buôn sản xuất	1.682	16.300	27.416.600	5%	1.370.830	28.787.430
	Bán buôn SH đô thị	27.033	8.500	229.780.500	5%	11.489.025	241.269.525
2	Dịch vụ thoát nước			63.726.200		6.372.620	70.098.820
	DVTN Bán buôn KD	365,6	4.300	1.572.080	10%	157.208	1.729.288
	DVTN Bán buôn SX	1.345,6	3.600	4.844.160	10%	484.416	5.328.576
	DVTN Bán buôn SHĐT	27.033	2.120	57.309.960	10%	5.730.996	63.040.956

Tổng tiền chưa có thuế GTGT: 329.766.250

Tổng tiền thuế GTGT theo thuế suất 5% 13.302.003

Tổng tiền thuế GTGT theo thuế suất 10% 6.372.620

Tổng tiền thuế GTGT: 19.674.623

Tổng cộng: 349.440.873

Tổng số tiền viết bằng chữ: Ba trăm bốn mươi chín triệu bốn trăm bốn mươi nghìn tám trăm bảy mươi ba đồng

Người mua hàng

Ký bởi: Công ty Cổ phần cấp nước Hải Phòng

Ký ngày: 23/02/2023

(Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao nhận hóa đơn)

Xuất bởi phần mềm EInvoice, ThaiSon Co., Ltd - MST: 0101500842 - www.einvoice.vn

**CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC HẢI PHÒNG**

HAI PHONG WATER JOINT STOCK COMPANY

Địa chỉ: Số 54 Đinh Tiên Hoàng - Phường Hoàng Văn Thụ, Quận Hồng Bàng, TP Hải Phòng

Mã số thuế: 0200171274

Số tài khoản: 1120 0000 9342 Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Hải Phòng

Website: www.capnuochaiphong.com.vn E-mail: cnhp@vnn.vn

Trung tâm hỗ trợ khách hàng (Call Center) Tel 0225 3 51 58 58 - Fax: 0225 3 823 748

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG TIỀN NƯỚC

Ngày 23 tháng 03 năm 2023

Ký hiệu: 1K23TAA

Số HD: 1047051

Tên khách hàng: Công ty Cổ phần Sản xuất và Kinh doanh nước sạch AquaAlpha

Địa chỉ: Tầng 2, Số 27 LK20C khu đô thị Văn Phú, Phường Phú La, Quận Hà Đông, TP Hà Nội, Việt Nam.

Địa chỉ điểm dùng nước: Đường Võ Nguyên Giáp, Phường Vĩnh Niệm, Quận Lê Chân, TP Hải Phòng.

Mã số thuế: 0108449753

Điện thoại: 0978518436

Số tài khoản:

Mã khách hàng: 6866705

Hình thức thanh toán: TM/CK

Kỳ hóa đơn: 03/2023	Từ ngày: 03/02/2023	Chỉ số cũ: 529144	Tuyến: 7801
Mã hóa đơn: 63685509	Đến ngày: 03/03/2023	Chỉ số mới: 549409	Số m ³ tiêu thụ: 20265

STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Số lượng (m ³)	Đơn giá (đ/m ³)	Thành tiền chưa có thuế GTGT (đ)	Thuế suất GTGT (%)	Tiền thuế GTGT (đ)	Thành tiền có thuế GTGT (đ)
1	Nước tiêu thụ			182.102.400		9.105.120	191.207.520
	Bán buôn kinh doanh	378	19.350	7.314.300	5%	365.715	7.680.015
	Bán buôn sản xuất	737	16.300	12.013.100	5%	600.655	12.613.755
	Bán buôn SH đô thị	19.150	8.500	162.775.000	5%	8.138.750	170.913.750
2	Dịch vụ thoát nước			44.020.880		4.402.088	48.422.968
	DVTN Bán buôn KD	302,4	4.300	1.300.320	10%	130.032	1.430.352
	DVTN Bán buôn SX	589,6	3.600	2.122.560	10%	212.256	2.334.816
	DVTN Bán buôn SHĐT	19.150	2.120	40.598.000	10%	4.059.800	44.657.800
Tổng tiền chưa có thuế GTGT:							226.123.280
Tổng tiền thuế GTGT theo thuế suất 5%							9.105.120
Tổng tiền thuế GTGT theo thuế suất 10%							4.402.088
Tổng tiền thuế GTGT:							13.507.208
Tổng cộng:							239.630.488

Tổng số tiền viết bằng chữ: Hai trăm ba mươi chín triệu sáu trăm ba mươi nghìn bốn trăm tám mươi tám đồng

Người mua hàng

Ký bởi: Công ty Cổ phần cấp nước Hải Phòng

Ký ngày: 23/03/2023 ✓

(Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao nhận hóa đơn)

Xuất bởi phần mềm EInvoice, ThaiSon Co., Ltd - MST: 0101300842 - www.einvoice.vn

**CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC HẢI PHÒNG**

HAI PHONG WATER JOINT STOCK COMPANY

Địa chỉ: Số 54 Đinh Tiên Hoàng - Phường Hoàng Văn Thụ, Quận Hồng Bàng, TP Hải Phòng

Mã số thuế: 0200171274

Số tài khoản: 1120 0000 9342 Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Hải Phòng

Website: www.capnuochaiphong.com.vn E-mail: cnhp@vnn.vn

Trung tâm hỗ trợ khách hàng (Call Center) Tel 0225 3 51 58 58 - Fax: 0225 3 823 748

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG TIỀN NƯỚC

Ngày 24 tháng 04 năm 2023

Ký hiệu: 1K23TAA

Số HD: 1397521

Tên khách hàng: Công ty Cổ phần Sản xuất và Kinh doanh nước sạch AquaAlpha

Địa chỉ: Tầng 2, Số 27 LK20C khu đô thị Văn Phú, Phường Phú La, Quận Hà Đông, TP Hà Nội, Việt Nam.

Địa chỉ điểm dùng nước: Đường Võ Nguyên Giáp, Phường Vĩnh Niệm, Quận Lê Chân, TP Hải Phòng.

Mã số thuế: 0108449753

Điện thoại: 0978518436

Số tài khoản:

Mã khách hàng: 6866705

Hình thức thanh toán: TM/CK

Kỳ hóa đơn: 04/2023	Từ ngày: 03/03/2023	Chỉ số cũ: 549409	Tuyến: 7801
Mã hóa đơn: 64039318	Đến ngày: 03/04/2023	Chỉ số mới: 571189	Số m ³ tiêu thụ: 21780

STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Số lượng (m ³)	Đơn giá (đ/m ³)	Thành tiền chưa có thuế GTGT (đ)	Thuế suất GTGT (%)	Tiền thuế GTGT (đ)	Thành tiền có thuế GTGT (đ)
1	Nước tiêu thụ			194.950.000		9.747.500	204.697.500
	Bán buôn kinh doanh	404	19.350	7.817.400	5%	390.870	8.208.270
	Bán buôn sản xuất	697	16.300	11.361.100	5%	568.055	11.929.155
	Bán buôn SH đô thị	20.679	8.500	175.771.500	5%	8.788.575	184.560.075
2	Dịch vụ thoát nước			47.236.600		4.723.660	51.960.260
	DVTN Bán buôn KD	323,2	4.300	1.389.760	10%	138.976	1.528.736
	DVTN Bán buôn SX	557,6	3.600	2.007.360	10%	200.736	2.208.096
	DVTN Bán buôn SHĐT	20.679	2.120	43.839.480	10%	4.383.948	48.223.428

Tổng tiền chưa có thuế GTGT: 242.186.600

Tổng tiền thuế GTGT theo thuế suất 5% 9.747.500

Tổng tiền thuế GTGT theo thuế suất 10% 4.723.660

Tổng tiền thuế GTGT: 14.471.160

Tổng cộng: 256.657.760

Tổng số tiền viết bằng chữ: Hai trăm năm mươi sáu triệu sáu trăm năm mươi bảy nghìn bảy trăm sáu mươi đồng

Người mua hàng

Ký bởi: Công ty Cổ phần cấp nước Hải Phòng

Ký ngày: 24/04/2023 ✓

(Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao nhận hóa đơn)

Xuất bởi phần mềm EInvoice, ThaiSon Co., Ltd - MST: 0101300842 - www.einvoice.vn

**CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC HẢI PHÒNG**

HAI PHONG WATER JOINT STOCK COMPANY

Địa chỉ: Số 54 Đinh Tiên Hoàng - Phường Hoàng Văn Thụ, Quận Hồng Bàng, TP Hải Phòng

Mã số thuế : 0200171274

Số tài khoản: 1120 0000 9342 Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Hải Phòng

Website: www.capnuochaiphong.com.vn E-mail: cnhp@vnn.vn

Trung tâm hỗ trợ khách hàng (Call Center) Tel 0225 3 51 58 58 - Fax: 0225 3 823 748

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG TIỀN NƯỚC

Ngày 22 tháng 05 năm 2023

Ký hiệu: 1K23TAA

Số HD: 1748129

Tên khách hàng: Công ty Cổ phần Sản xuất và Kinh doanh nước sạch AquaAlpha

Địa chỉ: Tầng 2, Số 27 LK20C khu đô thị Văn Phú, Phường Phú La, Quận Hà Đông, TP Hà Nội, Việt Nam .

Địa chỉ điểm dùng nước: Đường Võ Nguyên Giáp, Phường Vĩnh Niệm, Quận Lê Chân, TP Hải Phòng .

Mã số thuế: 0108449753

Điện thoại: 0978518436

Số tài khoản:

Mã khách hàng: 6866705

Hình thức thanh toán: TM/CK

Kỳ hóa đơn: 05/2023	Từ ngày: 03/04/2023	Chỉ số cũ: 571189	Tuyến: 7801
Mã hóa đơn: 64392235	Đến ngày: 03/05/2023	Chỉ số mới: 591956	Số m ³ tiêu thụ: 20767

STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Số lượng (m ³)	Đơn giá (đ/m ³)	Thành tiền chưa có thuế GTGT (đ)	Thuế suất GTGT (%)	Tiền thuế GTGT (đ)	Thành tiền có thuế GTGT (đ)
1	Nước tiêu thụ			186.388.600		9.319.430	195.708.030
	Bán buôn kinh doanh	438	19.350	8.475.300	5%	423.765	8.899.065
	Bán buôn sản xuất	656	16.300	10.692.800	5%	534.640	11.227.440
	Bán buôn SH đô thị	19.673	8.500	167.220.500	5%	8.361.025	175.581.525
2	Dịch vụ thoát nước			45.102.760		4.510.276	49.613.036
	DVTN Bán buôn KD	350,4	4.300	1.506.720	10%	150.672	1.657.392
	DVTN Bán buôn SX	524,8	3.600	1.889.280	10%	188.928	2.078.208
	DVTN Bán buôn SHĐT	19.673	2.120	41.706.760	10%	4.170.676	45.877.436

Tổng tiền chưa có thuế GTGT: 231.491.360

Tổng tiền thuế GTGT theo thuế suất 5% 9.319.430

Tổng tiền thuế GTGT theo thuế suất 10% 4.510.276

Tổng tiền thuế GTGT: 13.829.706

Tổng cộng: 245.321.066

Tổng số tiền viết bằng chữ: Hai trăm bốn mươi lăm triệu ba trăm hai mươi một nghìn không trăm sáu mươi sáu đồng

Người mua hàng

Ký bởi: Công ty Cổ phần cấp nước Hải Phòng

Ký ngày: 22/05/2023

(Cần kiểm tra, đối chiếu khi lắp, giao nhận hóa đơn)

[Xuất bởi phần mềm EInvoice, ThaiSon Co., Ltd - MST: 0101300842 - www.einvoice.vn]

**CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC HẢI PHÒNG**

HAI PHONG WATER JOINT STOCK COMPANY

Địa chỉ: Số 54 Đinh Tiên Hoàng - Phường Hoàng Văn Thụ, Quận Hồng Bàng, TP Hải Phòng

Mã số thuế : 0200171274

Số tài khoản: 1120 0000 9342 Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Hải Phòng

Website: www.capnuochaiphong.com.vn E-mail: cnhp@vnn.vn

Trung tâm hỗ trợ khách hàng (Call Center) Tel 0225 3 51 58 58 - Fax: 0225 3 823 748

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG TIỀN NƯỚC

Ngày 28 tháng 06 năm 2023

Ký hiệu: IK23TAA

Số HĐ: 2099852

Tên khách hàng: Công ty Cổ phần Sản xuất và Kinh doanh nước sạch AquaAlpha

Địa chỉ: Tầng 2, Số 27 LK20C khu đô thị Văn Phú, Phường Phú La, Quận Hà Đông, TP Hà Nội, Việt Nam .

Địa chỉ điểm dùng nước: Đường Võ Nguyên Giáp, Phường Vĩnh Niệm, Quận Lê Chân, TP Hải Phòng .

Mã số thuế: 0108449753

Điện thoại: 0978518436

Số tài khoản:

Mã khách hàng: 6866705

Hình thức thanh toán: TM/CK

Kỳ hóa đơn: 06/2023	Từ ngày: 03/05/2023	Chỉ số cũ: 591956	Tuyến: 7801
Mã hóa đơn: 64745985	Đến ngày: 03/06/2023	Chỉ số mới: 615064	Số m ³ tiêu thụ: 23108

STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Số lượng (m ³)	Đơn giá (đ/m ³)	Thành tiền chưa có thuế GTGT (đ)	Thuế suất GTGT (%)	Tiền thuế GTGT (đ)	Thành tiền có thuế GTGT (đ)
1	Nước tiêu thụ			207.255.150		10.362.758	217.617.908
	Bán buôn kinh doanh	359	19.350	6.946.650	5%	347.333	7.293.983
	Bán buôn sản xuất	890	16.300	14.507.000	5%	725.350	15.232.350
	Bán buôn SH đô thị	21.859	8.500	185.801.500	5%	9.290.075	195.091.575
2	Dịch vụ thoát nước			50.139.240		5.013.924	55.153.164
	DVTN Bán buôn KD	287,2	4.300	1.234.960	10%	123.496	1.358.456
	DVTN Bán buôn SX	712	3.600	2.563.200	10%	256.320	2.819.520
	DVTN Bán buôn SHĐT	21.859	2.120	46.341.080	10%	4.634.108	50.975.188

Tổng tiền chưa có thuế GTGT: 257.394.390

Tổng tiền thuế GTGT theo thuế suất 5% 10.362.758

Tổng tiền thuế GTGT theo thuế suất 10% 5.013.924

Tổng tiền thuế GTGT: 15.376.682

Tổng cộng: 272.771.072

Tổng số tiền viết bằng chữ: Hai trăm bảy mươi hai triệu bảy trăm bảy mươi một nghìn không trăm bảy mươi hai đồng

Người mua hàng

Ký bởi: Công ty Cổ phần cấp nước Hải Phòng

Ký ngày: 28/06/2023

(Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao nhận hóa đơn)

(Xuất bởi phần mềm EInvoice, ThaiSon Co., Ltd - MST: 0101300842 - www.einvoice.vn)

**CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC HẢI PHÒNG**

HAI PHONG WATERJOINT STOCK COMPANY

Địa chỉ: Số 54 Đinh Tiên Hoàng - Phường Hoàng Văn Thụ, Quận Hồng Bàng, TP Hải Phòng

Mã số thuế : 0200171274

Số tài khoản: 1120 0000 9342 Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Hải Phòng

Website: www.capnuochaiphong.com.vn E-mail: cnhp@vnn.vn

Trung tâm hỗ trợ khách hàng (Call Center) Tel 0225 3 51 58 58 - Fax: 0225 3 823 748

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG TIỀN NƯỚC

Ngày 21 tháng 07 năm 2023

Ký hiệu: 1K23TAA

Số HD: 2451199

Tên khách hàng: Công ty Cổ phần Sản xuất và Kinh doanh nước sạch AquaAlpha

Địa chỉ: Tầng 2, Số 27 LK20C khu đô thị Văn Phú, Phường Phú La, Quận Hà Đông, TP Hà Nội, Việt Nam .

Địa chỉ điểm dùng nước: Đường Võ Nguyên Giáp, Phường Vĩnh Niệm, Quận Lê Chân, TP Hải Phòng .

Mã số thuế: 0108449753

Điện thoại: 0978518436

Số tài khoản:

Mã khách hàng: 6866705

Hình thức thanh toán: TM/CK

Kỳ hóa đơn: 07/2023	Từ ngày: 03/06/2023	Chỉ số cũ: 615064	Tuyến: 7801
Mã hóa đơn: 65099354	Đến ngày: 03/07/2023	Chỉ số mới: 637101	Số m ³ tiêu thụ: 22037

STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Số lượng (m ³)	Đơn giá (đ/m ³)	Thành tiền chưa có thuế GTGT (đ)	Thuế suất GTGT (%)	Tiền thuế GTGT (đ)	Thành tiền có thuế GTGT (đ)
1	Nước tiêu thụ			199.094.750		9.954.738	209.049.488
	Bán buôn kinh doanh	525	19.350	10.158.750	5%	507.938	10.666.688
	Bán buôn sản xuất	780	16.300	12.714.000	5%	635.700	13.349.700
	Bán buôn SH đô thị	20.732	8.500	176.222.000	5%	8.811.100	185.033.100
2	Dịch vụ thoát nước			48.004.240		3.840.339	51.844.579
	DVTN Bán buôn KD	420	4.300	1.806.000	8%	144.480	1.950.480
	DVTN Bán buôn SX	624	3.600	2.246.400	8%	179.712	2.426.112
	DVTN Bán buôn SHĐT	20.732	2.120	43.951.840	8%	3.516.147	47.467.987
Tổng tiền chưa có thuế GTGT:							247.098.990
Tổng tiền thuế GTGT theo thuế suất 5%							9.954.738
Tổng tiền thuế GTGT theo thuế suất 8%							3.840.339
Tổng tiền thuế GTGT:							13.795.077
Tổng cộng:							260.894.067

Tổng số tiền viết bằng chữ: Hai trăm sáu mươi triệu tám trăm chín mươi tư nghìn không trăm sáu mươi bảy đồng

Người mua hàng

Ký bởi: Công ty Cổ phần cấp nước Hải Phòng

Ký ngày: 21/07/2023

(Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao nhận hóa đơn)

Xuất bởi phần mềm Invoice, ThaiSon Co., Ltd - MST: 0101300842 - www.einvoice.vn

**CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC HẢI PHÒNG**

HAI PHONG WATER JOINT STOCK COMPANY

Địa chỉ: Số 54 Đinh Tiên Hoàng - Phường Hoàng Văn Thụ, Quận Hồng Bàng, TP Hải Phòng

Mã số thuế : 0200171274

Số tài khoản: 1120 0000 9342 Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Hải Phòng

Website: www.capnuochaiphong.com.vn E-mail: cnhp@vnn.vn

Trung tâm hỗ trợ khách hàng (Call Center) Tel 0225 3 51 58 58 - Fax: 0225 3 823 748

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG TIỀN NƯỚC

Ngày 25 tháng 08 năm 2023

Ký hiệu: IK23TAA

Số HD: 2803605

Tên khách hàng: Công ty Cổ phần Sản xuất và Kinh doanh nước sạch AquaAlpha

Địa chỉ: Tầng 2, Số 27 LK20C khu đô thị Văn Phú, Phường Phú La, Quận Hà Đông, TP Hà Nội, Việt Nam .

Địa chỉ điểm dùng nước: Đường Võ Nguyên Giáp, Phường Vĩnh Niệm, Quận Lê Chân, TP Hải Phòng .

Mã số thuế: 0108449753

Điện thoại: 0978518436

Số tài khoản:

Mã khách hàng: 6866705

Hình thức thanh toán: TM/CK

Kỳ hóa đơn: 08/2023	Từ ngày: 03/07/2023	Chỉ số cũ: 637101	Tuyến: 7801
Mã hóa đơn: 65454324	Đến ngày: 03/08/2023	Chỉ số mới: 660987	Số m ³ tiêu thụ: 23886

STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Số lượng (m ³)	Đơn giá (đ/m ³)	Thành tiền chưa có thuế GTGT (đ)	Thuế suất GTGT (%)	Tiền thuế GTGT (đ)	Thành tiền có thuế GTGT (đ)
1	Nước tiêu thụ			221.032.050		11.051.603	232.083.653
	Bán buôn kinh doanh	957	19.350	18.517.950	5%	925.898	19.443.848
	Bán buôn sản xuất	967	16.300	15.762.100	5%	788.105	16.550.205
	Bán buôn CQ HCSN	15	13.500	202.500	5%	10.125	212.625
	Bán buôn SH đô thị	21.947	8.500	186.549.500	5%	9.327.475	195.876.975
2	Dịch vụ thoát nước			52.640.680		4.211.254	56.851.934
	DVTN Bán buôn KD	765,6	4.300	3.292.080	8%	263.366	3.555.446
	DVTN Bán buôn SX	773,6	3.600	2.784.960	8%	222.797	3.007.757
	DVTN BB CQHCSN	12	3.000	36.000	8%	2.880	38.880
	DVTN Bán buôn SHĐT	21.947	2.120	46.527.640	8%	3.722.211	50.249.851

Tổng tiền chưa có thuế GTGT: 273.672.730

Tổng tiền thuế GTGT theo thuế suất 5% 11.051.603

Tổng tiền thuế GTGT theo thuế suất 8% 4.211.254

Tổng tiền thuế GTGT: 15.262.857

Tổng cộng: 288.935.587

Tổng số tiền viết bằng chữ: Hai trăm tám mươi tám triệu chín trăm ba mươi lăm nghìn năm trăm tám mươi bảy đồng

Người mua hàng

Ký bởi: Công ty Cổ phần cấp nước Hải Phòng

Ký ngày: 25/08/2023 ✓

(Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao nhận hóa đơn)

Xuất bởi phần mềm EInvoice, ThaiSon Co., Ltd - MST: 0101300842 - www.einvoice.vn

**CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC HẢI PHÒNG**

HAI PHONG WATER JOINT STOCK COMPANY

Địa chỉ: Số 54 Đinh Tiên Hoàng - Phường Hoàng Văn Thụ, Quận Hồng Bàng, TP Hải Phòng

Mã số thuế : 0200171274

Số tài khoản: 1120 0000 9342 Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Hải Phòng

Website: www.capnuochaiphong.com.vn E-mail: cnhp@vnn.vn

Trung tâm hỗ trợ khách hàng (Call Center) Tel 0225 3 51 58 58 - Fax: 0225 3 823 748

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG TIỀN NƯỚC

Ký hiệu: 1K23TAA

Ngày 27 tháng 09 năm 2023

Số HD: 3156182

Tên khách hàng: Công ty Cổ phần Sản xuất và Kinh doanh nước sạch AquaAlpha

Địa chỉ: Tầng 2, Số 27 LK20C khu đô thị Văn Phú, Phường Phú La, Quận Hà Đông, TP Hà Nội, Việt Nam .

Địa chỉ điểm dùng nước: Đường Võ Nguyên Giáp, Phường Vĩnh Niệm, Quận Lê Chân, TP Hải Phòng .

Mã số thuế: 0108449753

Điện thoại: 0978518436

Số tài khoản:

Mã khách hàng: 6866705

Hình thức thanh toán: TM/CK

Kỳ hóa đơn: 09/2023	Từ ngày: 03/08/2023	Chỉ số cũ: 660987	Tuyến: 7801
Mã hóa đơn: 65809325	Đến ngày: 03/09/2023	Chỉ số mới: 683344	Số m ³ tiêu thụ: 22357

STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Số lượng (m ³)	Đơn giá (đ/m ³)	Thành tiền chưa có thuế GTGT (đ)	Thuế suất GTGT (%)	Tiền thuế GTGT (đ)	Thành tiền có thuế GTGT (đ)
1	Nước tiêu thụ			206.205.200		10.310.260	216.515.460
	Bán buôn kinh doanh	882	19.350	17.066.700	5%	853.335	17.920.035
	Bán buôn sản xuất	820	16.300	13.366.000	5%	668.300	14.034.300
	Bán buôn CQ HCSN	41	13.500	553.500	5%	27.675	581.175
	Bán buôn SH đô thị	20.614	8.500	175.219.000	5%	8.760.950	183.979.950
2	Dịch vụ thoát nước			49.195.760		3.935.660	53.131.420
	DVTN Bán buôn KD	705,6	4.300	3.034.080	8%	242.726	3.276.806
	DVTN Bán buôn SX	656	3.600	2.361.600	8%	188.928	2.550.528
	DVTN BB CQHCSN	32,8	3.000	98.400	8%	7.872	106.272
	DVTN Bán buôn SHĐT	20.614	2.120	43.701.680	8%	3.496.134	47.197.814
Tổng tiền chưa có thuế GTGT:							255.400.960
Tổng tiền thuế GTGT theo thuế suất 5%							10.310.260
Tổng tiền thuế GTGT theo thuế suất 8%							3.935.660
Tổng tiền thuế GTGT:							14.245.920
Tổng cộng:							269.646.880

Tổng số tiền viết bằng chữ: Hai trăm sáu mươi chín triệu sáu trăm bốn mươi sáu nghìn tám trăm tám mươi đồng

Người mua hàng

Ký bởi: Công ty Cổ phần cấp nước Hải Phòng

Ký ngày: 27/09/2023

(Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao nhận hóa đơn)

(Xuất bởi phần mềm EInvoice, ThaiSon Co., Ltd - MST: 0101300842 - www.einvoice.vn)

**CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC HẢI PHÒNG**

HAI PHONG WATER JOINT STOCK COMPANY

Địa chỉ: Số 54 Đinh Tiên Hoàng - Phường Hoàng Văn Thụ, Quận Hồng Bàng, TP Hải Phòng

Mã số thuế : 0200171274

Số tài khoản: 1120 0000 9342 Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Hải Phòng

Website: www.capnuochaiphong.com.vn E-mail: cnhp@vnn.vn

Trung tâm hỗ trợ khách hàng (Call Center) Tel 0225 3 51 58 58 - Fax: 0225 3 823 748

THÔNG BÁO TIỀN NƯỚC

Tên khách hàng: Công ty Cổ phần Sản xuất và Kinh doanh nước sạch AquaAlpha

Địa chỉ: Tầng 2, Số 27 LK20C khu đô thị Văn Phú, Phường Phú La, Quận Hà Đông, TP Hà Nội, Việt Nam .

Địa chỉ điểm dùng nước: Đường Võ Nguyên Giáp, Phường Vĩnh Niệm, Quận Lê Chân, TP Hải Phòng .

Mã số thuế: 0108449753

Điện thoại: 0978518436

Số tài khoản:

Mã khách hàng: 6866705

Ký hóa đơn: 10/2023	Từ ngày: 03/09/2023	Chỉ số cũ: 683344	Tuyến: 7801
Mã hóa đơn: 66165607	Đến ngày: 03/10/2023	Chỉ số mới: 705648	Số m ³ tiêu thụ: 22304

STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Số lượng (m ³)	Đơn giá (đ/m ³)	Thành tiền chưa có thuế GTGT (đ)	Thuế suất GTGT (%)	Tiền thuế GTGT (đ)	Thành tiền có thuế GTGT (đ)
1	Nước tiêu thụ			206.960.950		10.348.048	217.308.998
	Bán buôn kinh doanh	1.039	19.350	20.104.650	5%	1.005.233	21.109.883
	Bán buôn sản xuất	771	16.300	12.567.300	5%	628.365	13.195.665
	Bán buôn CQ HCSN	18	13.500	243.000	5%	12.150	255.150
	Bán buôn SH đô thị	20.476	8.500	174.046.000	5%	8.702.300	182.748.300
2	Dịch vụ thoát nước			49.246.960		3.939.757	53.186.717
	DVTN Bán buôn KD	831,2	4.300	3.574.160	8%	285.933	3.860.093
	DVTN Bán buôn SX	616,8	3.600	2.220.480	8%	177.638	2.398.118
	DVTN BB CQHCSN	14,4	3.000	43.200	8%	3.456	46.656
	DVTN Bán buôn SHĐT	20.476	2.120	43.409.120	8%	3.472.730	46.881.850

Tổng tiền chưa có thuế GTGT: 256.207.910

Tổng tiền thuế GTGT theo thuế suất 5% 10.348.048

Tổng tiền thuế GTGT theo thuế suất 8% 3.939.757

Tổng tiền thuế GTGT: 14.287.805

Tổng cộng: 270.495.715

Tổng số tiền viết bằng chữ: Hai trăm bảy mươi triệu bốn trăm chín mươi lăm nghìn bảy trăm mười lăm đồng

**CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC HẢI PHÒNG**

HAI PHONG WATER JOINT STOCK COMPANY

Địa chỉ: Số 54 Đinh Tiên Hoàng - Phường Hoàng Văn Thụ, Quận Hồng Bàng, TP Hải Phòng

Mã số thuế : 0200171274

Số tài khoản: 1120 0000 9342 Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Hải Phòng

Website: www.capnuochaiphong.com.vn

E-mail: cnhp@vnn.vn

Trung tâm hỗ trợ khách hàng (Call Center) Tel 0225 3 51 58 58 - Fax: 0225 3 823 748

THÔNG BÁO TIỀN NƯỚC

Tên khách hàng: Công ty Cổ phần Sản xuất và Kinh doanh nước sạch AquaAlpha

Địa chỉ: Tầng 2, Số 27 LK20C khu đô thị Văn Phú, Phường Phú La, Quận Hà Đông, TP Hà Nội, Việt Nam .

Địa chỉ điểm dùng nước: Đường Võ Nguyên Giáp, Phường Vĩnh Niệm, Quận Lê Chân, TP Hải Phòng .

Mã số thuế: 0108449753

Điện thoại: 0978518436

Số tài khoản:

Mã khách hàng: 6866705

Kỳ hóa đơn: 11/2023	Từ ngày: 03/10/2023	Chỉ số cũ: 705648	Tuyến: 7801
Mã hóa đơn: 66521206	Đến ngày: 03/11/2023	Chỉ số mới: 730549	Số m ³ tiêu thụ: 24901

STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Số lượng (m ³)	Đơn giá (đ/m ³)	Thành tiền chưa có thuế GTGT (đ)	Thuế suất GTGT (%)	Tiền thuế GTGT (đ)	Thành tiền có thuế GTGT (đ)
1	Nước tiêu thụ			235.940.150		11.797.008	247.737.158
	Bán buôn kinh doanh	1.533	19.350	29.663.550	5%	1.483.178	31.146.728
	Bán buôn sản xuất	862	16.300	14.050.600	5%	702.530	14.753.130
	Bán buôn CQ HCSN	185	13.500	2.497.500	5%	124.875	2.622.375
	Bán buôn SH đô thị	22.321	8.500	189.728.500	5%	9.486.425	199.214.925
2	Dịch vụ thoát nước			55.520.600		4.441.649	59.962.249
	DVTN Bán buôn KD	1.226,4	4.300	5.273.520	8%	421.882	5.695.402
	DVTN Bán buôn SX	689,6	3.600	2.482.560	8%	198.605	2.681.165
	DVTN BB CQHCSN	148	3.000	444.000	8%	35.520	479.520
	DVTN Bán buôn SHĐT	22.321	2.120	47.320.520	8%	3.785.642	51.106.162

Tổng tiền chưa có thuế GTGT: 291.460.750

Tổng tiền thuế GTGT theo thuế suất 5% 11.797.008

Tổng tiền thuế GTGT theo thuế suất 8% 4.441.649

Tổng tiền thuế GTGT: 16.238.657

Tổng cộng: 307.699.407

Tổng số tiền viết bằng chữ: Ba trăm linh bảy triệu sáu trăm chín mươi chín nghìn bốn trăm linh bảy đồng

**CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC HẢI PHÒNG**

HAI PHONG WATER JOINT STOCK COMPANY

Địa chỉ: Số 54 Đinh Tiên Hoàng - Phường Hoàng Văn Thụ, Quận Hồng Bàng, TP Hải Phòng

Mã số thuế : 0200171274

Số tài khoản: 1120 0000 9342 Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Hải Phòng

Website: www.capnuochaiphong.com.vn E-mail: cnhp@vnn.vn

Trung tâm hỗ trợ khách hàng (Call Center) Tel 0225 3 51 58 58 - Fax: 0225 3 823 748

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG TIỀN NƯỚC

Ký hiệu: 1K23TAA

Ngày 26 tháng 12 năm 2023

Số HD: 4215871

Tên khách hàng: Công ty Cổ phần Sản xuất và Kinh doanh nước sạch AquaAlpha

Địa chỉ: Tầng 2, Số 27 LK20C khu đô thị Văn Phú, Phường Phú La, Quận Hà Đông, TP Hà Nội, Việt Nam .

Địa chỉ điểm dùng nước: Đường Võ Nguyên Giáp, Phường Vĩnh Niệm, Quận Lê Chân, TP Hải Phòng .

Mã số thuế: 0108449753

Điện thoại: 0978518436

Số tài khoản:

Mã khách hàng: 6866705

Hình thức thanh toán: TM/CK

Kỷ hóa đơn: 12/2023	Từ ngày: 03/11/2023	Chỉ số cũ: 730549	Tuyến: 7801
Mã hóa đơn: 66878317	Đến ngày: 03/12/2023	Chỉ số mới: 754605	Số m ³ tiêu thụ: 24056

STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Số lượng (m ³)	Đơn giá (đ/m ³)	Thành tiền chưa có thuế GTGT (đ)	Thuế suất GTGT (%)	Tiền thuế GTGT (đ)	Thành tiền có thuế GTGT (đ)
1	Nước tiêu thụ			228.819.250		11.440.963	240.260.213
	Bán buôn kinh doanh	1.337	19.350	25.870.950	5%	1.293.548	27.164.498
	Bán buôn sản xuất	1.131	16.300	18.435.300	5%	921.765	19.357.065
	Bán buôn CQ HCSN	203	13.500	2.740.500	5%	137.025	2.877.525
	Bán buôn SH đô thị	21.385	8.500	181.772.500	5%	9.088.625	190.861.125
2	Dịch vụ thoát nước			53.679.960		4.294.396	57.974.356
	DVTN Bán buôn KD	1.069,6	4.300	4.599.280	8%	367.942	4.967.222
	DVTN Bán buôn SX	904,8	3.600	3.257.280	8%	260.582	3.517.862
	DVTN BB CQHCSN	162,4	3.000	487.200	8%	38.976	526.176
	DVTN Bán buôn SHĐT	21.385	2.120	45.336.200	8%	3.626.896	48.963.096
Tổng tiền chưa có thuế GTGT:							282.499.210
Tổng tiền thuế GTGT theo thuế suất 5%							11.440.963
Tổng tiền thuế GTGT theo thuế suất 8%							4.294.396
Tổng tiền thuế GTGT:							15.735.359
Tổng cộng:							298.234.569

Tổng số tiền viết bằng chữ: Hai trăm chín mươi tám triệu hai trăm ba mươi tư nghìn năm trăm sáu mươi chín đồng

Người mua hàng

Ký bởi: Công ty Cổ phần cấp nước Hải Phòng

Ký ngày: 26/12/2023

(Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao nhận hóa đơn)

[Xuất bởi phần mềm EInvoice.ThaiSon Co., Ltd - MST: 0101300842 - www.einvoice.vn]

**CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC HẢI PHÒNG**

HAI PHONG WATER JOINT STOCK COMPANY

Địa chỉ: Số 54 Đinh Tiên Hoàng - Phường Hoàng Văn Thụ, Quận Hồng Bàng, TP Hải Phòng

Mã số thuế: 0200171274

Số tài khoản: 1120 0000 9342 Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Hải Phòng

Website: www.capnuochaiphong.com.vn

E-mail: cnhp@vnn.vn

Trung tâm hỗ trợ khách hàng (Call Center) Tel 0225 3 51 58 58 - Fax: 0225 3 823 748

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG TIỀN NƯỚC

Ngày 25 tháng 01 năm 2024

Ký hiệu: 1K24TAA

Số HĐ: 354409

Tên khách hàng: Công ty Cổ phần Sản xuất và Kinh doanh nước sạch AquaAlpha

Địa chỉ: Tầng 2, Số 27 LK20C khu đô thị Văn Phú, Phường Phú La, Quận Hà Đông, TP Hà Nội, Việt Nam.

Địa chỉ điểm dùng nước: Đường Võ Nguyên Giáp, Phường Vĩnh Niệm, Quận Lê Chân, TP Hải Phòng.

Mã số thuế: 0108449753

Điện thoại: 0978518436

Số tài khoản:

Mã khách hàng: 6866705

Hình thức thanh toán: TM/CK

Kỳ hóa đơn: 01/2024	Từ ngày: 03/12/2023	Chỉ số cũ: 754605	Tuyến: 7801
Mã hóa đơn: 67234937	Đến ngày: 03/01/2024	Chỉ số mới: 778975	Số m ³ tiêu thụ: 24370

STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Số lượng (m ³)	Đơn giá (đ/m ³)	Thành tiền chưa có thuế GTGT (đ)	Thuế suất GTGT (%)	Tiền thuế GTGT (đ)	Thành tiền có thuế GTGT (đ)
1	Nước tiêu thụ			216.924.950		10.846.248	227.771.198
	Bán buôn kinh doanh	499	19.350	9.655.650	5%	482.783	10.138.433
	Bán buôn sản xuất	486	16.300	7.921.800	5%	396.090	8.317.890
	Bán buôn CQ HCSN	115	13.500	1.552.500	5%	77.625	1.630.125
	Bán buôn SH đô thị	23.270	8.500	197.795.000	5%	9.889.750	207.684.750
2	Dịch vụ thoát nước			52.724.640		4.217.971	56.942.611
	DVTN Bán buôn KD	399,2	4.300	1.716.560	8%	137.325	1.853.885
	DVTN Bán buôn SX	388,8	3.600	1.399.680	8%	111.974	1.511.654
	DVTN BB CQHCSN	92	3.000	276.000	8%	22.080	298.080
	DVTN Bán buôn SHĐT	23.270	2.120	49.332.400	8%	3.946.592	53.278.992

Tổng tiền chưa có thuế GTGT: 269.649.590

Tổng tiền thuế GTGT theo thuế suất 5% 10.846.248

Tổng tiền thuế GTGT theo thuế suất 8% 4.217.971

Tổng tiền thuế GTGT: 15.064.219

Tổng cộng: 284.713.809

Tổng số tiền viết bằng chữ: Hai trăm tám mươi tư triệu bảy trăm mười ba nghìn tám trăm linh chín đồng

Người mua hàng

Ký bởi: Công ty Cổ phần cấp nước Hải Phòng

Ký ngày: 25/01/2024

(Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao nhận hóa đơn)

[Xuất bởi phần mềm EInvoice, ThaiSon Co., Ltd - MST: 0101300842 - www.einvoice.vn]

**CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC HẢI PHÒNG**

HAI PHONG WATER JOINT STOCK COMPANY

Địa chỉ: Số 54 Đinh Tiên Hoàng - Phường Hoàng Văn Thụ, Quận Hồng Bàng, TP Hải Phòng

Mã số thuế : 0200171274

Số tài khoản: 1120 0000 9342 Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Hải Phòng

Website: www.capnuochaiphong.com.vn E-mail: cnhp@vnn.vn

Trung tâm hỗ trợ khách hàng (Call Center) Tel 0225 3 51 58 58 - Fax: 0225 3 823 748

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG TIỀN NƯỚC

Ký hiệu: 1K24TAA

Ngày 26 tháng 02 năm 2024

Số HĐ: 709118

Tên khách hàng: Công ty Cổ phần Sản xuất và Kinh doanh nước sạch AquaAlpha

Địa chỉ: Tầng 2, Số 27 LK20C khu đô thị Văn Phú, Phường Phú La, Quận Hà Đông, TP Hà Nội, Việt Nam.

Địa chỉ điểm dùng nước: Đường Võ Nguyên Giáp, Phường Vĩnh Niệm, Quận Lê Chân, TP Hải Phòng.

Mã số thuế: 0108449753

Điện thoại: 0978518436

Số tài khoản:

Mã khách hàng: 6866705

Hình thức thanh toán: TM/CK

Kỳ hóa đơn: 02/2024	Từ ngày: 03/01/2024	Chỉ số cũ: 778975	Tuyến: 7801
Mã hóa đơn: 67591616	Đến ngày: 01/02/2024	Chỉ số mới: 800314	Số m ³ tiêu thụ: 21339

STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Số lượng (m ³)	Đơn giá (đ/m ³)	Thành tiền chưa có thuế GTGT (đ)	Thuế suất GTGT (%)	Tiền thuế GTGT (đ)	Thành tiền có thuế GTGT (đ)
1	Nước tiêu thụ			202.570.450		10.128.523	212.698.973
	Bán buôn kinh doanh	1.199	19.350	23.200.650	5%	1.160.033	24.360.683
	Bán buôn sản xuất	1.016	16.300	16.560.800	5%	828.040	17.388.840
	Bán buôn CQ HCSN	51	13.500	688.500	5%	34.425	722.925
	Bán buôn SH đô thị	19.073	8.500	162.120.500	5%	8.106.025	170.226.525
2	Dịch vụ thoát nước			47.607.800		3.808.624	51.416.424
	DVTN Bán buôn KD	959,2	4.300	4.124.560	8%	329.965	4.454.525
	DVTN Bán buôn SX	812,8	3.600	2.926.080	8%	234.086	3.160.166
	DVTN BB CQHCSN	40,8	3.000	122.400	8%	9.792	132.192
	DVTN Bán buôn SHĐT	19.073	2.120	40.434.760	8%	3.234.781	43.669.541
Tổng tiền chưa có thuế GTGT:							250.178.250
Tổng tiền thuế GTGT theo thuế suất 5%							10.128.523
Tổng tiền thuế GTGT theo thuế suất 8%							3.808.624
Tổng tiền thuế GTGT:							13.937.147
Tổng cộng:							264.115.397

Tổng số tiền viết bằng chữ: Hai trăm sáu mươi tư triệu một trăm mười lăm nghìn ba trăm chín mươi bảy đồng

Người mua hàng

Ký bởi: Công ty Cổ phần cấp nước Hải Phòng

Ký ngày: 26/02/2024 ✓

(Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao nhận hóa đơn)

[Xuất bởi phần mềm EInvoice, ThaiSon Co., Ltd - MST: 0101300842 - www.einvoice.vn]

**CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC HẢI PHÒNG**

HAI PHONG WATER JOINT STOCK COMPANY

Địa chỉ: Số 54 Đinh Tiên Hoàng - Phường Hoàng Văn Thụ, Quận Hồng Bàng, TP Hải Phòng

Mã số thuế: 0200171274

Số tài khoản: 1120 0000 9342 Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Hải Phòng

Website: www.capnuochaiphong.com.vn E-mail: cnhp@vnn.vn

Trung tâm hỗ trợ khách hàng (Call Center) Tel 0225 3 51 58 58 - Fax: 0225 3 823 748

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG TIỀN NƯỚC

Ký hiệu: 1K24TAA

Ngày 26 tháng 03 năm 2024

Số HD: 1064027

Tên khách hàng: Công ty Cổ phần Sản xuất và Kinh doanh nước sạch AquaAlpha

Địa chỉ: Tầng 2, Số 27 LK20C khu đô thị Văn Phú, Phường Phú La, Quận Hà Đông, TP Hà Nội, Việt Nam .

Địa chỉ điểm dùng nước: Đường Võ Nguyên Giáp, Phường Vĩnh Niệm, Quận Lê Chân, TP Hải Phòng .

Mã số thuế: 0108449753

Điện thoại: 0978518436

Số tài khoản:

Mã khách hàng: 6866705

Hình thức thanh toán: TM/CK

Kỳ hóa đơn: 03/2024	Từ ngày: 01/02/2024	Chỉ số cũ: 800314	Tuyến: 7801
Mã hóa đơn: 67949011	Đến ngày: 03/03/2024	Chỉ số mới: 822722	Số m ³ tiêu thụ: 22408

STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Số lượng (m ³)	Đơn giá (đ/m ³)	Thành tiền chưa có thuế GTGT (đ)	Thuế suất GTGT (%)	Tiền thuế GTGT (đ)	Thành tiền có thuế GTGT (đ)
1	Nước tiêu thụ			209.136.165		10.456.809	219.592.974
	Bán buôn kinh doanh	834,5	19.350	16.147.575	5%	807.379	16.954.954
	Bán buôn kinh doanh	57,5	19.600	1.127.000	5%	56.350	1.183.350
	Bán buôn sản xuất	785,8	16.300	12.808.540	5%	640.427	13.448.967
	Bán buôn sản xuất	54,2	16.400	888.880	5%	44.444	933.324
	Bán buôn CQ HCSN	102,9	13.500	1.389.150	5%	69.458	1.458.608
	Bán buôn CQ HCSN	7,1	15.000	106.500	5%	5.325	111.825
	Bán buôn SH đô thị	19.239,2	8.500	163.533.200	5%	8.176.660	171.709.860
	Bán buôn SH đô thị	1.326,8	9.900	13.135.320	5%	656.766	13.792.086
2	Dịch vụ thoát nước			49.134.480		3.930.758	53.065.238
	DVTN Bán buôn KD	667,6	4.300	2.870.680	8%	229.654	3.100.334
	DVTN Bán buôn KD	46	3.920	180.320	8%	14.426	194.746
	DVTN Bán buôn SX	628,6	3.600	2.262.960	8%	181.037	2.443.997
	DVTN Bán buôn SX	43,4	3.280	142.352	8%	11.388	153.740
	DVTN BB CQHCSN	82,3	3.000	246.900	8%	19.752	266.652
	DVTN BB CQHCSN	5,7	3.000	17.100	8%	1.368	18.468
	DVTN Bán buôn SHĐT	19.239,2	2.120	40.787.104	8%	3.262.968	44.050.072
	DVTN Bán buôn SHĐT	1.326,8	1.980	2.627.064	8%	210.165	2.837.229

Tổng tiền chưa có thuế GTGT:	258.270.645
Tổng tiền thuế GTGT theo thuế suất 5%	10.456.809
Tổng tiền thuế GTGT theo thuế suất 8%	3.930.758
Tổng tiền thuế GTGT:	14.387.567
Tổng cộng:	272.658.212

Tổng số tiền viết bằng chữ: Hai trăm bảy mươi hai triệu sáu trăm năm mươi tám nghìn hai trăm mười hai đồng

Người mua hàng

Ký bởi: Công ty Cổ phần cấp nước Hải Phòng

Ký ngày: 26/03/2024 ✓

(Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao nhận hóa đơn)

**CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC HẢI PHÒNG**

HAI PHONG WATER JOINT STOCK COMPANY

Địa chỉ: Số 54 Đinh Tiên Hoàng - Phường Hoàng Văn Thụ, Quận Hồng Bàng, TP Hải Phòng

Mã số thuế: 0200171274

Số tài khoản: 1120 0000 9342 Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Hải Phòng

Website: www.capnuochaiphong.com.vn E-mail: cnhp@vnn.vn

Trung tâm hỗ trợ khách hàng (Call Center) Tel 0225 3 51 58 58 - Fax: 0225 3 823 748

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG TIỀN NƯỚC

Ngày 25 tháng 04 năm 2024

Ký hiệu: 1K24TAA

Số HD: 1420473

Tên khách hàng: Công ty Cổ phần Sản xuất và Kinh doanh nước sạch AquaAlpha

Địa chỉ: Tầng 2, Số 27 LK20C khu đô thị Văn Phú, Phường Phú La, Quận Hà Đông, TP Hà Nội, Việt Nam.

Địa chỉ điểm dùng nước: Đường Võ Nguyên Giáp, Phường Vĩnh Niệm, Quận Lê Chân, TP Hải Phòng.

Mã số thuế: 0108449753

Điện thoại: 0978518436

Số tài khoản:

Mã khách hàng: 6866705

Hình thức thanh toán: TM/CK

Kỷ hóa đơn: 04/2024	Từ ngày: 03/03/2024	Chỉ số cũ: 822722	Tuyến: 7801
Mã hóa đơn: 68307573	Đến ngày: 03/04/2024	Chỉ số mới: 846170	Số m ³ tiêu thụ: 23448

STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Số lượng (m ³)	Đơn giá (đ/m ³)	Thành tiền chưa có thuế GTGT (đ)	Thuế suất GTGT (%)	Tiền thuế GTGT (đ)	Thành tiền có thuế GTGT (đ)
1	Nước tiêu thụ			238.822.400		11.941.120	250.763.520
	Bán buôn kinh doanh	388	19.600	7.604.800	5%	380.240	7.985.040
	Bán buôn sản xuất	296	16.400	4.854.400	5%	242.720	5.097.120
	Bán buôn CQ HCSN	196	15.000	2.940.000	5%	147.000	3.087.000
	Bán buôn SH đô thị	22.568	9.900	223.423.200	5%	11.171.160	234.594.360
2	Dịch vụ thoát nước			47.148.512		3.771.880	50.920.392
	DVTN Bán buôn KD	310,4	3.920	1.216.768	8%	97.341	1.314.109
	DVTN Bán buôn SX	236,8	3.280	776.704	8%	62.136	838.840
	DVTN BB CQHCSN	156,8	3.000	470.400	8%	37.632	508.032
	DVTN Bán buôn SHĐT	22.568	1.980	44.684.640	8%	3.574.771	48.259.411

Tổng tiền chưa có thuế GTGT: 285.970.912

Tổng tiền thuế GTGT theo thuế suất 5% 11.941.120

Tổng tiền thuế GTGT theo thuế suất 8% 3.771.880

Tổng tiền thuế GTGT: 15.713.000

Tổng cộng: 301.683.912

Tổng số tiền viết bằng chữ: Ba trăm linh một triệu sáu trăm tám mươi ba nghìn chín trăm mười hai đồng

Người mua hàng

Ký bởi: Công ty Cổ phần cấp nước Hải Phòng

Ký ngày: 25/04/2024 ✓

(Cần kiểm tra, đối chiếu khi tập, giao nhận hóa đơn)

(Xuất bởi phần mềm EInvoice.ThaiSon Co., Ltd - MST: 0101300842 - www.einvoice.vn)

HỢP ĐỒNG CUNG CẤP DỊCH VỤ

GIỮA

CHI NHÁNH TẠI HẢI PHÒNG - CÔNG TY CỔ PHẦN VINHOMES

VÀ

CÔNG TY TNHH MTV MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ HẢI PHÒNG

Ngày 25 tháng 01 năm 2024



Handwritten signatures

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
---o0o---

HỢP ĐỒNG CUNG CẤP DỊCH VỤ
(Số: 01012024/HDDV - VHMR/MTDTTP)

Căn cứ:

- Căn cứ Bộ Luật Dân sự số 91/2015/QH13 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 24 tháng 11 năm 2015;
- Căn cứ Luật Thương mại số 36/2005/QH11 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 14 tháng 06 năm 2005;
- Căn cứ vào nhu cầu và khả năng của Các Bên.

Hợp Đồng Cung Cấp Dịch Vụ này ("**Hợp Đồng**") được lập vào ngày 25 tháng 01 năm 2024, tại BQL Vinhomes Imperia Hải Phòng giữa và bởi Các Bên dưới đây:

Bên Sử Dụng Dịch Vụ: CHI NHÁNH TẠI HẢI PHÒNG – CÔNG TY CỔ PHẦN VINHOMES ("Bên A")

GCN ĐKKD : Số 0102671977-005 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hải Phòng cấp lần đầu ngày 04/04/2018
Địa chỉ : Số 1 đường Hà Nội, Phường Thượng Lý, Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng
Đại diện : **Tạ Thị Thanh Huyền**
Chức vụ : Phó Tổng Giám Đốc Vận Hành
theo Văn bản ủy quyền số 015/2023GUQ-TGD-VHM ngày 10/07/2023
Mã số thuế : 0102671977-005
Điện thoại : 0225.7300888

Bên Cung Cấp Dịch Vụ : CÔNG TY TNHH MTV MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ HẢI PHÒNG ("Bên B")

GCN ĐKKD : Do sở kế hoạch và đầu tư thành phố Hải Phòng cấp lần 4 ngày 24/07/2017
Địa chỉ : Số 1 Lý Tự Trọng, phường Minh Khai, quận Hồng Bàng, TP Hải Phòng
Đại diện : **Phạm Thị Thu An**
Chức vụ : Phó Tổng Giám Đốc
Tài khoản : 2112201022230 tại Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển Nông thôn – Chi nhánh Đông Hải Phòng
Mã số thuế : 0200149536
Điện thoại : 02253.550.277

(Bên A và Bên B được gọi riêng là “Bên” và gọi chung là “Các Bên”)

NAY, TẠI ĐÂY, sau khi bàn bạc, Các Bên thống nhất ký kết Hợp Đồng này với các điều khoản và điều kiện sau đây:

ĐIỀU 1: PHẠM VI DỊCH VỤ

1.1. Bên A tại đây đồng ý chỉ định và Bên B đồng ý nhận sự chỉ định của Bên A để làm đơn vị cung cấp dịch vụ Thu gom, vận chuyển và xử lý rác thải sinh hoạt (Không chứa thành phần nguy hại) (Sau đây gọi tắt là “Dịch Vụ”) tại Khu Đô Thị Vinhomes Marina Hải Phòng, Phường Vĩnh Niệm, Quận Lê Chân, Thành phố Hải Phòng (“Địa Điểm Cung Cấp Dịch Vụ”).

1.2. Thời gian thực hiện dịch vụ từ 01/01/2024 – 31/12/2024

ĐIỀU 2: PHƯƠNG THỨC CUNG CẤP DỊCH VỤ VÀ YÊU CẦU CHẤT LƯỢNG

2.1. Phương thức cung cấp Dịch Vụ:

Bên B có nghĩa vụ cung cấp Dịch Vụ cho Bên A theo phương thức sau đây:

(a) Bên B có trách nhiệm thu gom rác hàng ngày theo giờ được 2 bên thống nhất sau khi ký hợp đồng.

(b) Bên B chủ động bố trí sắp xếp nhân sự, trang thiết bị phục vụ cho công tác thu gom rác theo tiêu chuẩn.

2.2. Yêu cầu về chất lượng Dịch Vụ:

(a) Bên B tại đây cam kết và đảm bảo rằng Dịch Vụ do Bên B cung cấp cho Bên A theo quy định của Hợp Đồng này phải đảm bảo các tiêu chuẩn, yêu cầu sau đây:

Thu gom xử lý rác thải đảm bảo theo đúng quy trình chung của Thành Phố. Trong quá trình xe rác di chuyển trên các tuyến đường nội đô Khu Đô Thị cần đảm bảo sạch sẽ, có che phủ miệng cầu rác.

(b) Bên B cam kết sẽ chịu hoàn toàn về chất lượng, tiêu chuẩn, phương pháp cung cấp Dịch Vụ bao gồm cả việc trực tiếp giải quyết các sự cố, sự kiện, công việc và bồi thường thiệt hại (nếu có) liên quan đến chất lượng, tiêu chuẩn, phương pháp cung cấp Dịch Vụ.

2.3. Bên B cam kết và tự chịu trách nhiệm đối với tất cả các hoạt động cung cấp Dịch Vụ của mình, có trách nhiệm đảm bảo nghiêm ngặt an toàn lao động, tránh xảy ra sự kiện tai nạn lao động. Trong trường hợp xảy ra sự kiện tai nạn lao động, Bên B sẽ tự chịu trách nhiệm và trực tiếp làm việc, giải quyết các vấn đề phát sinh, đảm bảo sự kiện này không làm ảnh hưởng đến uy tín, thương hiệu của Bên A. Bên B có nghĩa vụ bồi thường toàn bộ các thiệt hại phát sinh cho Bên A nếu làm ảnh hưởng đến uy tín, thương hiệu của Bên A.

2.4. Các Bên đồng ý rằng, Bên B có nghĩa vụ thực hiện và hoàn thành toàn bộ các công việc của Dịch Vụ; theo đó, Bên A sẽ không có nghĩa vụ tham gia vào bất kỳ công đoạn nào của Dịch Vụ, trừ trường hợp Bên A có quyết định khác.

ĐIỀU 3: THỜI GIAN VÀ TIẾN ĐỘ THỰC HIỆN

3.1. Các Bên tại đây đồng ý, Bên B có nghĩa vụ cung cấp, hoàn thành Dịch Vụ theo quy định của Hợp Đồng này trước ngày 30 hàng tháng (“Ngày Hoàn Thành”), hoàn thành Dịch Vụ theo quy định của Hợp Đồng từ ngày 01/01/2024 đến ngày 31/12/2024.

3.2. Bên B sẽ cung cấp Dịch Vụ vào tất cả các ngày trong tuần, kể cả ngày lễ, chủ nhật và theo tiến độ đã được Bên A phê duyệt.

ĐIỀU 4: NGHIỆM THU DỊCH VỤ

4.1. Các Bên tại đây đồng ý rằng không muộn hơn Ngày Hoàn Thành, Bên B có nghĩa vụ gửi cho bên A một thông báo bằng văn bản/ sẽ thông báo cho bên A về tình trạng hoàn thành Dịch Vụ và đề xuất ngày dự kiến tiến hành nghiệm thu.

4.2. Trường hợp Bên B đã hoàn thành việc cung cấp Dịch Vụ chậm nhất vào Ngày Hoàn Thành, căn cứ vào thông báo của Bên B nêu trên và như được Bên A chấp nhận, Các Bên sẽ tiến hành nghiệm thu và lập biên bản nghiệm thu ("**Biên Bản Nghiệm Thu**") để xác nhận Bên B đã hoàn thành Dịch Vụ theo Hợp Đồng. Để làm rõ, Bên A có quyền không ký kết Biên Bản Nghiệm Thu nếu Bên B không cung cấp Dịch Vụ, cung cấp Dịch Vụ không đảm bảo chất lượng, yêu cầu hoặc cung cấp Dịch Vụ không đáp ứng tiến độ quy định tại Điều 3.1. của Hợp Đồng này.

4.3. Biên Bản Nghiệm Thu được quy định tại Điều 4 này phải có chữ ký của các Bên (đối với tổ chức thì phải có chữ ký của người đại diện có thẩm quyền).

4.4. Biên Bản Nghiệm Thu là cơ sở để Bên A thanh toán Phí Dịch Vụ cho Bên B theo Hợp Đồng này.

4.5. Trường hợp Bên B cung cấp Dịch Vụ không đúng chất lượng, tiêu chuẩn, quy cách theo yêu cầu của Bên A, Bên A có quyền từ chối sử dụng Dịch Vụ và không phải thanh toán cho Bên B bất kỳ khoản tiền nào cho phần Dịch Vụ này. Theo đó, Bên B có nghĩa vụ sửa chữa, khắc phục, thực hiện lại Dịch Vụ và hoàn thành việc nghiệm thu như được quy định tại Hợp Đồng này, trừ trường hợp Bên A có quyết định khác. Việc sửa chữa, khắc phục, thực hiện lại Dịch Vụ được tính vào Thời Gian Hoàn Thành.

ĐIỀU 5: PHÍ DỊCH VỤ VÀ THANH TOÁN

5.1. Phí Dịch Vụ

(a) Chi phí thu gom, vận chuyển và xử lý rác thải sinh hoạt là: 294.000 đồng/m³ (Bằng chữ: Hai trăm chín mươi tư ngàn đồng) (chưa bao gồm VAT).

(b) Chi phí thu gom rác thải sau thuế VAT 8 % là: 317.520 đồng/m³ (Bằng chữ: Ba trăm mười bảy ngàn năm trăm hai mươi đồng)

(c) Giá trị hợp đồng: Khối lượng thực tế (m³) x 294.000 đồng/m³ (chưa bao gồm VAT) và giá trị sau VAT là: Khối lượng thực tế (m³) x 317.520 đồng/m³.

(d) Thuế suất thuế giá trị gia tăng sẽ được áp dụng theo quy định và chính sách của Nhà nước ở từng thời điểm. Trường hợp thuế giá trị gia tăng được điều chỉnh thì giá trị Hợp đồng sẽ được điều chỉnh tương ứng.

(e) Khối lượng rác thải thực tế (KLTT) được thu gom, vận chuyển hàng tháng là khối lượng rác đã được hai bên xác nhận từng đợt thi công bằng biên bản xác nhận khối lượng. Căn cứ vào khối lượng thống nhất hàng tháng trong biên bản, bên B sẽ xuất hoá đơn tháng đó cho bên A.

(f) Giá thỏa thuận trong Hợp Đồng này là giá cố định và không thay đổi trong suốt quá trình thực hiện Hợp Đồng này cho dù có bất kỳ thay đổi nào về giá cả thị trường trừ khi có thỏa thuận khác của Các Bên.

(g) Để làm rõ, giá trị thanh/quyết toán thực tế sẽ dựa trên phần Dịch Vụ đã được thực hiện thực tế và có xác nhận của Bên A căn cứ vào Biên Bản Nghiệm Thu nhân với đơn giá đã thỏa thuận tại Hợp Đồng này. Bên B có nghĩa vụ hoàn trả lại phần thanh toán đã nhận nhưng chưa hoàn thành phần Dịch Vụ tương ứng cho Bên A ngay khi có yêu cầu. Nếu hoàn trả chậm, Bên B có trách nhiệm trả lãi cho Bên A với lãi suất như quy định tại Điều 5.2 của Hợp Đồng này tính trên số tiền và thời gian chậm hoàn trả.

5.2. Thanh toán

(a) Hình thức thanh toán:

Phí Dịch Vụ được Bên A thanh toán bằng Đồng Việt Nam dưới hình thức chuyển khoản vào tài khoản ngân hàng của Bên B như nêu tại phần đầu của Hợp Đồng hoặc vào tài khoản khác theo thông báo bằng văn bản của Bên B tùy từng thời điểm.

(b) Phương thức thanh toán:

Bên A có trách nhiệm thanh toán Phí Dịch Vụ hàng tháng cho Bên B trong vòng 15 (mười lăm) ngày làm việc kể từ ngày Các Bên ký Bản Tổng Hợp Cuối Cùng và Bên A nhận được đầy đủ hồ sơ thanh toán (bản gốc) như quy định dưới đây:

- (i) 01 bản chính Để nghị thanh toán được ký bởi đại diện thẩm quyền Bên B.
- (ii) 01 bản chính Hóa đơn tài chính hợp lệ sẽ xuất về địa chỉ:
- (iii) Công ty: **CHI NHÁNH TẠI HẢI PHÒNG- CÔNG TY CỔ PHẦN VINHOMES**

MST: 0102671977-005

(iv) Đ/c: Số 01 đường Hà Nội, phường Thượng Lý, quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng.

(v) 01 Bản Biên bản nghiệm thu toàn bộ công việc với đầy đủ chữ ký của hai bên.

(vi) 01 Biên bản chốt khối lượng rác sinh hoạt theo tháng

(c) Nguyên tắc thanh toán

- Mọi thay đổi làm tăng Phí Dịch Vụ theo yêu cầu của Bên A và được Bên A xác nhận sẽ được Bên A thanh toán vào đợt quyết toán.

- Trong bất kỳ trường hợp nào, Bên A sẽ không thực hiện việc thanh toán bất kỳ khoản tiền nào cho Bên B nếu các tài liệu của hồ sơ thanh toán không đầy đủ, không thống nhất và/hoặc không hợp lệ, Bên B không thực hiện đúng bất kỳ nghĩa vụ, cam kết nào theo Hợp Đồng.

- Bên A có quyền cản trở các khoản phạt vi phạm và/hoặc bồi thường thiệt hại, giá trị phần Dịch Vụ không hoàn thành hoặc không được thực hiện, thực hiện không đúng hoặc các nghĩa vụ tài chính khác mà Bên B phải thanh toán cho Bên A liên quan đến hoặc phát sinh từ Hợp Đồng này hoặc bất kỳ hợp đồng, giao dịch nào khác giữa Bên A và Bên B, bất kể các khoản thanh toán đó đến hạn hay chưa đến hạn vào giá trị thanh toán trước khi thực hiện thanh toán cho Bên B.

ĐIỀU 6: QUYỀN VÀ TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC BÊN

6.1. Quyền và trách nhiệm của Bên A:

- (a) Yêu cầu Bên B cung cấp Dịch Vụ theo đúng quy trình, phương thức, quy cách, tiêu chuẩn, chất lượng và thời gian như được quy định trong Hợp Đồng này;
- (b) Giám sát chất lượng, tiến độ, phương pháp cung cấp Dịch Vụ của Bên B;
- (c) Bên A chuẩn bị địa điểm lưu chứa rác, chứa đựng chất thải vào dụng cụ chứa rác hợp vệ sinh (xe gom rác) và có trách nhiệm hỗ trợ bên B đẩy rác từ xe gom vào xe ép rác chuyên dụng của bên B
- (d) Thanh toán các khoản tiền cho Bên B theo đúng thời gian như được quy định tại Điều 5.2 trên đây sau khi các điều kiện thanh toán đã được đáp ứng;

(e) Tạo điều kiện để Bên B (các nhân viên, người lao động của Bên B) cung cấp Dịch Vụ theo Hợp Đồng;

(f) Kiểm tra, giám sát việc thực hiện Dịch Vụ của Bên B theo Hợp Đồng này trong suốt thời gian thực hiện Dịch Vụ.

(g) Được quyền khấu trừ từ các khoản tiền Bên A phải thanh toán cho Bên B theo Hợp Đồng để thanh toán các khoản tiền phạt, bồi thường và các khoản phải thanh toán khác của Bên B đối với Bên A theo Hợp Đồng này (nếu có).

(h) Thực hiện các nghĩa vụ khác theo quy định của Hợp Đồng này và pháp luật.

6.2. Quyền và trách nhiệm của Bên B:

(a) Yêu cầu Bên A cung cấp thông tin, tài liệu cần thiết để thực hiện Dịch Vụ;

(b) Yêu cầu Bên A thanh toán các khoản tiền được quy định trong Hợp Đồng này cho Bên B theo đúng lịch biểu như được quy định tại Điều 5.2 trên đây;

(c) Cung cấp Dịch Vụ cho Bên A đúng phương thức, quy trình, đúng thời gian, chất lượng và địa điểm theo yêu cầu của Bên B;

(d) Chịu trách nhiệm đóng các khoản thuế liên quan đến thu nhập phát sinh từ Hợp Đồng này theo quy định của pháp luật liên quan;

(e) Chịu trách nhiệm đăng ký với Bên A số lượng cán bộ, công nhân cung cấp Dịch Vụ tại Địa Điểm Cung Cấp Dịch Vụ và đảm bảo các cán bộ, công nhân này đã được phổ biến đầy đủ nội dung các nội quy, quy định của Bên A khi làm việc. Trang bị đầy đủ trang thiết bị bảo hộ lao động cho cán bộ, công nhân của Bên B theo quy định của pháp luật và theo yêu cầu của Bên A. Bên B tự chịu trách nhiệm về các vấn đề, sự kiện, sự cố liên quan đến an toàn lao động của các bộ, công nhân viên, người lao động của mình khi thực hiện Dịch Vụ;

(f) Máy móc, thiết bị, vật tư sử dụng để thực hiện Dịch Vụ phải phù hợp với yêu cầu của công việc, tự bảo quản và phải được xếp đặt đúng nơi quy định, không được gây cản trở cho Bên A, người của Bên A, cư dân, người cư ngụ khác và khách thăm quan, làm việc tại Địa Điểm Cung Cấp Dịch Vụ; Cung cấp dịch vụ theo đúng nội dung đã thỏa thuận trong Hợp Đồng, đảm bảo có đầy đủ điều kiện tiến hành hoạt động kinh doanh, các giấy phép/phê duyệt cần thiết và tuân thủ các quy định của pháp luật có liên quan khi cung cấp dịch vụ theo Hợp Đồng này và cung cấp đầy đủ các văn bản, hồ sơ chứng minh việc đáp ứng các điều kiện này ngay khi ký Hợp Đồng và/hoặc thời hạn khác theo yêu cầu của Bên A.

(g) Đảm bảo công tác an ninh, vệ sinh, an toàn lao động cho nhân sự của mình trong quá trình thi công và lắp đặt các trang thiết bị cũng như trong suốt quá trình thực hiện Dịch Vụ. Bảo đảm các nhân viên có phong thái lịch sự, chuyên nghiệp và luôn có ý thức giữ gìn hình ảnh tốt đẹp của Bên A.

(h) Bảo quản và phải giao lại cho Bên A tài liệu, phương tiện được giao (nếu có) sau khi hoàn thành công việc.

(i) Mua các khoản bảo hiểm như được quy định tại Điều 9 dưới đây;

(j) Không chuyển giao, chuyển nhượng Hợp Đồng này cho bất kỳ bên thứ ba nào, trừ khi có đồng ý trước bằng văn bản của Bên A.

(k) Không đơn phương chấm dứt Hợp Đồng này, trừ trường hợp do Bên A vi phạm nghĩa vụ thanh toán như quy định tại Điều 9.2. của Hợp Đồng này.

(l) Thực hiện các nghĩa vụ khác theo quy định của Hợp Đồng này và pháp luật.

ĐIỀU 7: BẤT KHẢ KHÁNG

7.1. Các Bên nhất trí thỏa thuận rằng các sự kiện xảy ra một cách khách quan không thể lường trước được và không thể khắc phục được mặc dù đã áp dụng mọi biện pháp cần thiết và khả năng cho phép sẽ được coi là sự kiện bất khả kháng có thể bao gồm nhưng không giới hạn các sự kiện như: chiến tranh, bạo loạn, biểu tình, bệnh dịch, hỏa hoạn, lũ lụt, động đất, bão tố, các thảm họa tự nhiên khác, tình trạng khẩn cấp quốc gia, đình công; thay đổi chính sách pháp luật của Nhà nước hoặc do phải thực hiện qui tắc, qui định, quyết định, lệnh hay chỉ thị của cơ quan chính quyền hay cơ quan chức năng hoặc lệnh của bất kỳ tòa án có thẩm quyền nào không do lỗi của Các Bên hoặc các trường hợp khác do pháp luật quy định.

7.2. Khi xuất hiện sự kiện bất khả kháng thì Bên bị tác động bởi sự kiện bất khả kháng phải thông báo bằng văn bản cho Bên còn lại biết trong thời gian sớm nhất có thể, kể từ ngày xảy ra sự kiện bất khả kháng cùng giấy tờ chứng minh hợp lý, hợp lệ. Việc Bên bị tác động bởi sự kiện bất khả kháng không thực hiện được nghĩa vụ của mình sẽ không bị coi là vi phạm nghĩa vụ theo Hợp Đồng và cũng không phải là cơ sở để Bên còn lại có quyền chấm dứt Hợp Đồng, trừ trường hợp quy định tại Điều 10.2 của Hợp Đồng.

7.3. Việc thực hiện nghĩa vụ theo Hợp Đồng của Bên bị ảnh hưởng bởi sự kiện bất khả kháng sẽ được kéo dài thêm một khoảng thời gian tương ứng với thời gian xảy ra sự kiện bất khả kháng và thời gian hợp lý để khắc phục hậu quả của sự kiện bất khả kháng.

ĐIỀU 8: VI PHẠM VÀ CHẤM DỨT HỢP ĐỒNG

8.1 Bên B sẽ bị coi là vi phạm Hợp Đồng nếu Bên B không thực hiện hoặc thực hiện không đúng và/hoặc không đầy đủ hoặc chậm thực hiện bất kỳ nghĩa vụ nào quy định trong Hợp Đồng này.

8.2 Trường hợp Bên B (i) không khắc phục vi phạm và/hoặc không hoàn thành việc khắc phục vi phạm trong vòng 07 (bảy) ngày kể từ khi nhận được văn bản thông báo về vi phạm của Bên A hoặc một thời hạn khác ghi trên thông báo này; hoặc (ii) vi phạm đó là không thể khắc phục được theo đánh giá/quyết định của Bên A; hoặc (iii) vi phạm đó vẫn tái diễn hoặc (iv) vi phạm về tiến độ thực hiện Dịch Vụ theo quy định tại Điều 3.1 của Hợp Đồng, Bên A sẽ được quyền thực hiện thêm biện pháp xử lý vi phạm như quy định dưới đây:

(a) Buộc Bên B khắc phục vi phạm hoặc tự mình khắc phục vi phạm bằng chi phí và phí tổn của Bên B; và/hoặc

(b) Từ chối nghiệm thu phần Dịch Vụ được thực hiện không đúng quy định của Hợp Đồng hoặc chưa thực hiện; và/hoặc

(c) Chấm dứt Hợp Đồng này bằng một văn bản thông báo trước 07 ngày

(d) Phạt vi phạm đối với Bên B theo quy định sau:

(i) Nếu Bên A không chấm dứt Hợp Đồng, Bên B phải trả cho Bên A số tiền phạt tương đương 8% (tám phần trăm) Giá trị hợp đồng. Để làm rõ, trường hợp Bên B chậm thực hiện và/hoặc không hoàn thành Dịch Vụ theo đúng thời hạn quy định tại Điều 3.1 của Hợp Đồng, Bên B phải chịu phạt 01% Tổng phí dịch vụ cho 01 ngày chậm và bồi thường mọi thiệt hại phát sinh cho Bên A. Trong trường hợp phải bổ sung hoặc đổi lại Dịch Vụ theo quy định của Hợp Đồng này dẫn đến chậm tiến độ thì cũng áp dụng quy định này để giải quyết.

(ii) Nếu Bên A chấm dứt Hợp Đồng do vi phạm của Bên B, Bên B phải chịu phạt vi phạm và bồi thường thiệt hại theo Điều 8.3 của Hợp Đồng.

(e) Các biện pháp khác theo quyết định của Bên A và/hoặc quy định của pháp luật.

8.3 Trường hợp Bên A đơn phương chấm dứt Hợp Đồng do Bên B vi phạm Hợp Đồng như quy định tại Điều 8.2, Bên B có trách nhiệm thanh toán cho Bên A khoản tiền phạt bằng 8% (tám phần trăm) Giá trị hợp đồng và bồi thường toàn bộ thiệt hại phát sinh cho Bên A theo thông báo và thời hạn của Bên A. Để làm rõ, Bên A chỉ có trách nhiệm thanh toán cho Bên B số tiền cho phần công việc Bên B đã thực tế thực hiện và đã được Các Bên nghiệm thu, xác nhận tính đến thời điểm Hợp Đồng chấm dứt.

8.4 Với điều kiện Bên B đã tuân thủ đầy đủ các nghĩa vụ của mình theo quy định tại Hợp Đồng này, Bên B có quyền đơn phương chấm dứt Hợp Đồng bằng một văn bản thông báo trước 07 ngày trong các trường hợp Bên A vi phạm nghĩa vụ thanh toán quá 60 ngày kể từ ngày đến hạn theo quy định của Hợp Đồng và không hoàn thành khắc phục trong vòng 30 ngày kể từ ngày nhận được thông báo nhắc nhở của Bên B. Trong trường hợp này Bên B có quyền yêu cầu Bên A trả cho Bên B một khoản tiền phạt tương đương 8% (tám phần trăm) Giá trị hợp đồng trong vòng 07 ngày kể từ ngày nhận được yêu cầu của Bên B. Để làm rõ, ngoài số tiền phạt này, Bên A chỉ có trách nhiệm thanh toán cho Bên B số tiền cho phần Dịch Vụ Bên B đã thực tế bàn giao và đã được Các Bên nghiệm thu, xác nhận tính đến thời điểm Hợp Đồng chấm dứt.

8.5 Hợp Đồng này sẽ chấm dứt khi phát sinh một trong các trường hợp sau đây (tùy trường hợp nào đến trước):

(a) Các Bên đã hoàn thành toàn bộ các nghĩa vụ của mình theo Hợp Đồng và đã ký Biên bản/văn bản thanh lý Hợp Đồng;

(b) Một trong Các Bên bị giải thể/phá sản mà không có bất kỳ bên thứ ba nào kế thừa/tiếp nhận quyền, nghĩa vụ của bên đó; hoặc

(c) Trong trường hợp Bên bị tác động bởi sự kiện bất khả kháng không thể khắc phục được để tiếp tục thực hiện nghĩa vụ của mình trong thời hạn 90 (chín mươi) ngày, kể từ ngày xảy ra sự kiện bất khả kháng và Các Bên cũng không có thỏa thuận khác thì một trong hai Bên có quyền đơn phương chấm dứt Hợp Đồng. Trường hợp này Bên A chỉ có trách nhiệm thanh toán cho Bên B phần Dịch Vụ đã thực hiện và đã được Các Bên nghiệm thu, xác nhận. Các Bên không phải thanh toán cho nhau bất kỳ khoản tiền phạt, bồi thường nào;

(d) Bên A chấm dứt Hợp Đồng do Bên B vi phạm nghĩa vụ như quy định tại Điều 8.2 của Hợp Đồng; hoặc

(e) Bên A đơn phương chấm dứt Hợp Đồng trước hạn bằng cách thông báo trước cho Bên B 30 (ba mươi) ngày. Trường hợp này Bên A chỉ có trách nhiệm thanh toán cho Bên B số tiền cho phần Dịch Vụ Bên B đã thực hiện và đã được Các Bên nghiệm thu, xác nhận tính đến thời điểm Hợp Đồng chấm dứt.

(f) Bên B đơn phương chấm dứt Hợp Đồng do Bên A vi phạm nghĩa vụ thanh toán như quy định tại Điều 8.3 của Hợp Đồng.

(g) Theo thỏa thuận của Các Bên và/hoặc theo quy định của pháp luật.

ĐIỀU 9: BẢO HIỂM

9.1 Bên B, trong suốt Thời Gian Hoàn Thành như được quy định tại Điều 3 trên đây, có nghĩa vụ mua và duy trì:

(a) bảo hiểm bồi thường cho công nhân/người lao động trực tiếp thực hiện các công việc cung cấp Dịch Vụ cho Bên A như được quy định trong Hợp Đồng này theo qui định của pháp luật hiện hành;

(b) bảo hiểm trách nhiệm công cộng và trách nhiệm chung về thương mại với một công ty bảo hiểm có đăng ký hoạt động trong lĩnh vực này.

9.2 Cho mục đích như được quy định tại Điều 9.1 trên đây, Bên B sẽ có nghĩa vụ cung cấp các tài liệu, văn bản xác nhận, các bằng chứng về việc tham gia các danh mục bảo hiểm như được quy định tại Điều 9.1 trên đây cho Bên A chậm nhất vào ngày ký kết Hợp Đồng này.

ĐIỀU 10: CAM KẾT KHÔNG HỐI LỘ

10.1. Bên B cam kết và đảm bảo rằng người quản lý, nhân viên, đại lý hoặc bất kỳ người nào thuộc Bên B trực tiếp hoặc gián tiếp liên lạc, giao dịch, làm việc với Bên A ("Người Bên B") sẽ không (i) hối lộ và/hoặc hứa hẹn đưa các khoản hối lộ, quà tặng, trích thưởng hoặc bất kỳ các tài sản bằng tiền hoặc hiện vật hoặc lợi ích nào (gọi chung là "Hối Lộ"), cho bất kỳ người quản lý, nhân viên hoặc bất kỳ người nào thuộc Bên A (gọi chung là "Người Bên A") hoặc thông qua bất kỳ bên thứ ba nào để Hối Lộ Người Bên A nhằm được ưu tiên ký Hợp Đồng/Thỏa thuận với Bên A hoặc được miễn trừ (các) nghĩa vụ quy định tại Hợp Đồng/Thỏa thuận với Bên A, và/hoặc các lợi ích không minh bạch, không công bằng khác.

Các hành vi Hối Lộ theo quy định tại điều này sẽ bao gồm cả các hành vi thực hiện trước, trong khi và sau khi thực hiện Hợp Đồng/Thỏa thuận với Bên A.

Trường hợp Bên B và/hoặc bất kỳ Người Bên B nào nhận thấy bất cứ Người Bên A nào có biểu hiện, hành vi đòi Hối Lộ thì Bên B có trách nhiệm thông báo ngay lập tức cho Bên A theo chi tiết sau:

- Số điện thoại hotline: 0988428787
- Email: gopy@vingroup.net

10.2. Nếu Bên B vi phạm quy định tại Điều này Bên A có quyền, tại bất kỳ thời điểm nào, áp dụng một hoặc đồng thời một số biện pháp sau:

(a) Hủy kết quả đánh giá lựa chọn Bên B trong trường hợp Bên B ký kết hợp đồng thông qua việc đấu thầu; và/hoặc Bên B không được tiếp tục tham gia chào thầu cung cấp dịch vụ/hàng hóa/đồ đạc cho các gói thầu khác của Bên A; và/hoặc

(b) Hủy bỏ tất cả các phê duyệt, chấp thuận, sự cho phép, lợi ích Bên B có được hoặc sự chấp thuận, thông qua của Bên A đối với những vấn đề về ký kết và thực hiện Hợp Đồng mà bị ảnh hưởng bởi hành vi Hối Lộ; và/hoặc

(c) Tùy vào mức độ nghiêm trọng của hành vi Hối Lộ, phạt Bên B một khoản tiền tương đương với 150.000.000 VNĐ (một trăm năm mươi triệu đồng) đối với một lần vi phạm và/hoặc chấm dứt Hợp Đồng/Thỏa thuận ngay lập tức mà không phải chịu bất cứ một khoản phạt hay bồi thường nào. Ngoài ra, Bên B có trách nhiệm bồi thường cho Bên A mọi thiệt hại phát sinh (nếu có) do việc chấm dứt Hợp Đồng, hoàn trả cho Bên A các khoản tiền Bên A đã tạm ứng/thanh toán trước cho Bên B và chịu các chế tài phạt khác quy định tại Hợp Đồng/Thỏa thuận như trường hợp Hợp Đồng bị chấm dứt do lỗi vi phạm của Bên B; và/hoặc

(d) Chuyển hồ sơ cho cơ quan điều tra nếu hành vi Hối Lộ có dấu hiệu vi phạm Luật Hình Sự.

10.3. Bên B sẽ miễn trừ cho Bên A mọi trách nhiệm liên quan đến hành vi Hối Lộ của Bên B và phải bồi thường cho Bên A các thiệt hại phát sinh, bao gồm cả các thiệt hại do phát sinh chi phí

hành chính, chi phí luật sư và các chi phí khác để xử lý các vấn đề liên đới đến hành vi Hối Lộ của Bên B.

ĐIỀU 11: BẢO MẬT THÔNG TIN

11.1 Nghĩa Vụ Bảo Mật:

Bên B cam kết rằng, trong thời gian hiệu lực của Hợp Đồng này và sau khi Hợp Đồng này chấm dứt, Bên B sẽ tuyệt đối bảo mật các thông tin mật ("Thông Tin Mật") của Bên A. Theo đó, Bên B không được tiết lộ Thông Tin Mật cho bất kỳ bên thứ ba nào, dù là trực tiếp hay gián tiếp, trong bất kỳ tình huống nào, khi không có sự đồng ý bằng văn bản của Bên A trừ trường hợp quy định tại Điều 11.2 dưới đây.

Cho mục đích quy định tại đây, Thông Tin Mật được hiểu là các thông tin bao gồm nhưng không giới hạn các điều khoản của Hợp Đồng này và/hoặc các thông tin, dữ liệu, văn bản được tạo ra do liên quan đến hoặc phát sinh từ việc thực hiện Hợp Đồng, các thông tin, dữ liệu, văn bản được Bên A cung cấp cho Bên B cho dù dưới bất kỳ hình thức nào để thực hiện Hợp Đồng này. Ngoài ra, Thông Tin Mật còn bao gồm nhưng không giới hạn các thông tin liên quan đến bí mật kinh doanh, bí mật công nghệ, bí quyết thương mại, kiến thức hoặc các thông tin khác về hoặc phục vụ cho tiếp thị tài chính, kinh doanh của Bên A.

11.2 Nghĩa Vụ Bảo Mật sẽ được loại trừ nếu nếu Thông Tin Mật:

- (a) đã được phổ biến rộng rãi trong công chúng bởi Bên A;
- (b) được Bên B, cung cấp cho nhân viên, chuyên gia tư vấn tài chính, pháp lý hoặc nhà thầu của Bên B vì mục đích thực hiện các nghĩa vụ của Bên đó theo Hợp Đồng này, với điều kiện là Bên đó phải chịu trách nhiệm và đảm bảo các đối tượng được tiết lộ Thông Tin Mật phải tuân thủ quy định bảo mật như nội dung của Điều 12.1 trên đây;
- (c) do Bên B nhận được từ một bên thứ ba độc lập với việc thực hiện Hợp Đồng này mà không chịu bất kỳ nghĩa vụ bảo mật nào; hoặc.
- (d) được yêu cầu tiết lộ bởi cơ quan có thẩm quyền hoặc bất kỳ toà án có thẩm quyền xét xử thích hợp nào đối với Bên B.

11.3 Bên B đồng ý rằng bất cứ vi phạm nào đối với Nghĩa Vụ Bảo Mật thông tin này có thể gây ra những tổn hại không thể khôi phục được với Bên A, theo đó Bên A sẽ có quyền tìm kiếm các biện pháp để giảm nhẹ thiệt hại và buộc Bên B bồi thường toàn bộ thiệt hại là một khoản tiền không thấp hơn tổng Phí Dịch Vụ.

ĐIỀU 12: CHUYỂN NHƯỢNG

12.1 Bên B đồng ý rằng Bên A không phải xin thêm bất kỳ chấp thuận nào của Bên B khi thực hiện việc chuyển nhượng, chuyển giao, ủy quyền hoặc chỉ định thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Bên A theo Hợp Đồng cho bên thứ ba ("Bên Nhận Chuyển Giao") và Bên B vẫn có trách nhiệm tiếp tục cung cấp Dịch Vụ theo các điều kiện quy định tại Hợp Đồng. Theo đó, Bên Nhận Chuyển Giao sẽ đương nhiên trở thành Bên A theo quy định tại Hợp Đồng và sẽ thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Bên A theo quy định Hợp Đồng kể từ thời điểm chuyển giao quyền cho Bên Nhận Chuyển Giao hoặc thời điểm khác theo thỏa thuận giữa Bên A và Bên Nhận Chuyển Giao.

12.2 Trong trường hợp một trong các Bên tiến hành tái cơ cấu, tổ chức lại doanh nghiệp mà có một Bên thứ ba ("Pháp Nhân Mới") tiếp nhận, kế thừa toàn bộ các quyền và nghĩa vụ của Bên đó theo Hợp Đồng này thì Hợp Đồng này mặc nhiên được tiếp tục thực hiện bởi Pháp Nhân Mới với cùng các điều khoản và điều kiện như quy định tại Hợp Đồng này trừ khi hai Bên có thỏa thuận khác bằng văn bản.

ĐIỀU 13: LUẬT ĐIỀU CHỈNH VÀ XỬ LÝ TRANH CHẤP

13.1. Hợp Đồng này được điều chỉnh theo luật pháp của Việt Nam.

13.2. Các Bên cùng cam kết thực hiện theo đúng các điều khoản và điều kiện quy định tại Hợp Đồng này. Trường hợp có phát sinh tranh chấp trong quá trình thực hiện Hợp Đồng này, Các Bên sẽ cùng nhau thương lượng giải quyết trên tinh thần tôn trọng và đảm bảo các quyền lợi hợp lý của Các Bên. Trong trường hợp Các Bên không đạt được sự thỏa thuận chung thông qua thương lượng, hòa giải thì mâu thuẫn, tranh chấp hay khiếu kiện sẽ được đưa ra Tòa án nhân dân có thẩm quyền để yêu cầu phân xử tranh chấp. Phán quyết của Tòa án có giá trị bắt buộc thi hành đối với Các Bên.

ĐIỀU 14: THÔNG BÁO

14.1. Thông tin và địa chỉ để các Bên nhận thông báo của Bên kia:

1.3. Thông tin và địa chỉ nhận thông báo của Bên A: Khu Đô Thị Vinhomes Marina Hải Phòng, Phường Vĩnh Niệm, Quận Lê Chân, Thành phố Hải Phòng ("Địa Điểm Cung Cấp Dịch Vụ").

(a) **Thông tin và địa chỉ nhận thông báo của Bên B:** Vũ Duy Quỳnh - Trưởng phòng Kinh Doanh. Hình thức thông báo giữa các Bên: phải được lập thành văn bản và gửi trực tiếp hoặc gửi qua fax hoặc gửi qua thư bảo đảm hoặc gửi bằng thư điện tử, trừ trường hợp các Bên có thỏa thuận khác hoặc Bên Bán có yêu cầu khác.

14.2. Hình thức thông báo giữa các Bên: phải được lập thành văn bản và gửi trực tiếp hoặc gửi qua fax hoặc gửi qua thư bảo đảm hoặc gửi bằng thư điện tử, trừ trường hợp các Bên có thỏa thuận khác hoặc Bên A có yêu cầu khác.

14.3. Các thông báo, yêu cầu, khiếu nại được coi là đã nhận nếu được gửi theo chi tiết nêu tại Điều 14.1 và trong thời gian như sau (nếu ngày là ngày nghỉ theo quy định của pháp luật thì được tính là ngày liền kề sau đó):

(a) Vào ngày gửi trong trường hợp thư giao tận tay và có chữ ký của người nhận thông báo; hoặc ngày thư từ giao dịch được nhập thành công vào hệ thống thông tin do mỗi Bên đăng ký hợp lệ trong Hợp Đồng trong trường hợp gửi bằng thư điện tử; hoặc ngày Bên gửi nhận được thông báo chuyển fax thành công trong trường hợp gửi thông báo bằng fax;

(b) Vào ngày thứ ba kể từ ngày đóng dấu bưu điện trong trường hợp gửi thông báo bằng thư chuyển phát nhanh (không phụ thuộc vào thông tin người ký nhận tại phần ký nhận của Bên B (người nhận) trên giấy báo phát).

14.4. Các Bên phải thông báo bằng văn bản cho nhau biết nếu có đề nghị thay đổi về địa chỉ, hình thức và/hoặc tên người nhận thông báo; nếu khi đã có thay đổi về địa chỉ, hình thức và/hoặc tên người nhận thông báo mà bên có thay đổi không thông báo lại cho bên kia biết thì bên gửi thông báo không chịu trách nhiệm về việc bên có thay đổi không nhận được các văn bản thông báo.

ĐIỀU 15: ĐIỀU KHOẢN TUÂN THỦ CÁC BIỆN PHÁP TRỪNG PHẠT

15.1. Bên B cam kết rằng không và không có ai trong số các cán bộ quản lý, nhân viên của mình và những đại diện của mình:

(a) Vi phạm, hoặc là đối tượng của bất kỳ thủ tục, tranh tụng, khởi kiện hoặc cuộc điều tra nào liên quan đến bất kỳ Luật Trừng Phạt nào; hoặc

(b) Là Người Bị Trừng Phạt.

15.2. Cho mục đích của Điều này:

(a) “**Luật Trừng Phạt**” có nghĩa là bất kỳ biện pháp trừng phạt nào về thương mại hoặc tài chính được ban hành hoặc thực thi bởi Văn Phòng Kiểm Soát Tài Sản Nước Ngoài thuộc Bộ Tài Chính Hoa Kỳ (“OFAC”), Bộ Ngoại Giao Hoa Kỳ, Vương Quốc Anh, Liên Hợp Quốc, Liên Minh Châu Âu, hoặc bất kỳ cơ quan quản lý quốc gia khác về trừng phạt kinh tế.

(b) “**Người Bị Trừng Phạt**” có nghĩa là một chủ thể:

(i) Bị ghi nhận trong danh sách “Các Công Dân Bị Trừng Phạt Đặc Biệt và Người Bị Ngăn Chặn” của OFAC, hoặc trong bất kỳ danh sách người bị trừng phạt nào theo quy định của bất kỳ Luật Trừng Phạt nào;

(ii) Là, hoặc là một bộ phận của, chính phủ một Lãnh Thổ Bị Trừng Phạt;

(iii) Thuộc sở hữu hoặc chịu sự kiểm soát bởi, hoặc hành động nhân danh, bất kỳ chủ thể nào quy định tại đoạn (a) và (b) nêu trên; hoặc

(iv) Cư trú tại hoặc hoạt động từ Lãnh Thổ Bị Trừng Phạt;

(c) “**Lãnh Thổ Bị Trừng Phạt**” có nghĩa là bất kỳ quốc gia, khu vực hoặc vùng lãnh thổ khác là đối tượng của một biện pháp cấm vận xuất khẩu, nhập khẩu, tài chính hoặc đầu tư toàn phần theo quy định của Luật Trừng Phạt.

ĐIỀU 16: ĐIỀU KHOẢN CHUNG

16.1. Hợp Đồng này và tất cả các tài liệu liên quan như bản báo giá, maket ...do Bên A đã phê duyệt, và các phụ lục Hợp Đồng (nếu có) được xem như một phần không thể tách rời của Hợp Đồng này.

16.2. Bất kỳ phần, khoản hay điều khoản nào của Hợp Đồng này mà bị coi là bất hợp pháp, vô hiệu hoặc không thể thực thi được theo luật pháp Việt Nam, sẽ không làm mất hiệu lực và giá trị của các điều khoản còn lại của Hợp Đồng, và Các Bên sẽ thỏa thuận để thay thế điều khoản vô hiệu đó bằng một điều khoản khác phù hợp với pháp luật Việt Nam để quyền và lợi ích của Các Bên theo Hợp Đồng được đảm bảo.

16.3. Hợp Đồng này có hiệu lực kể từ ngày ký và được lập thành 04 (bốn) bản gốc bằng tiếng Việt, có giá trị pháp lý như nhau, mỗi Bên giữ 02 (hai) bản.

ĐỂ LÀM BẰNG, Hợp Đồng này được ký kết bởi Các Bên và có hiệu lực từ ngày ghi ở trên. Các Bên đã hiểu rõ quyền, nghĩa vụ, lợi ích hợp pháp của mình và hậu quả pháp lý của việc giao kết Hợp Đồng này.



HỢP ĐỒNG CUNG CẤP DỊCH VỤ

GIỮA

CHI NHÁNH TẠI HẢI PHÒNG - CÔNG TY CỔ PHẦN VINHOMES

VÀ

CÔNG TY CỔ PHẦN HÒA ANH

Ngày 25 tháng 01 năm 2024

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
---o0o---

HỢP ĐỒNG CUNG CẤP DỊCH VỤ
(Số: 01012024/HDDV/HA-VHMR)

Căn cứ:

- Căn cứ Bộ Luật Dân sự số 91/2015/QH13 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 24 tháng 11 năm 2015;
- Căn cứ Luật Thương mại số 36/2005/QH11 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 14 tháng 06 năm 2005;
- Căn cứ vào nhu cầu và khả năng của Các Bên.

Hợp Đồng Cung Cấp Dịch Vụ này ("Hợp Đồng") được lập vào Ngày 25 tháng 01 năm 2024, tại Hải Phòng giữa và bởi Các Bên dưới đây:

Bên Sử Dụng Dịch Vụ: CHI NHÁNH TẠI HẢI PHÒNG – CÔNG TY CỔ PHẦN VINHOMES ("Bên A")

GCN DKKD : Số 0102671977-005 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hải Phòng cấp lần đầu ngày 04/04/2018

Địa chỉ : Số 01 đường Hà Nội, Phường Thượng Lý, Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng

Đại diện : **Tạ Thị Thanh Huyền**

Chức vụ : Phó Tổng Giám Đốc Vận Hành

theo Văn bản ủy quyền số 015/2023GUQ-TGD-VHM ngày 10/07/2023

Mã số thuế : 0102671977-005

Điện thoại : 0225.7300888

Bên Cung Cấp Dịch Vụ :

CÔNG TY CỔ PHẦN HÒA ANH ("Bên B")

GCN DKKD : 0200431395 do Sở kế hoạch và đầu tư Hải Phòng cấp ngày 19/11/2018

Địa chỉ : Số 37/33 Ngô Quyền, phường Máy Chai, quận Ngô Quyền, Thành phố Hải Phòng.

Đại diện : **Ông Nguyễn Bá Cường**

Chức vụ : Giám đốc

Tài khoản : 3211.0000.215919 tại Ngân hàng BIDV Chi nhánh Hải Phòng
0031.0000.53654 tại ngân hàng Vietcombank – CN Hải Phòng

Mã số thuế : 0200431395
Điện thoại : 02253.765.109

(Bên A và Bên B được gọi riêng là "Bên" và gọi chung là "Các Bên")

NAY, TẠI ĐÂY, sau khi bàn bạc, Các Bên thống nhất ký kết Hợp Đồng này với các điều khoản và điều kiện sau đây:

ĐIỀU 1: PHẠM VI DỊCH VỤ

- 1.1. Bên A đồng ý chỉ định và Bên B đồng ý nhận sự chỉ định của Bên A để làm đơn vị cung cấp dịch vụ Thu gom rác thải nguy hại như được quy định tại Phụ lục 01 của Hợp Đồng (Sau đây gọi tắt là "Dịch Vụ") tại Khu Đô Thị Vinhomes Marina Hải Phòng, Đường Võ Nguyên Giáp, Phường Vĩnh Niệm, Quận Lê Chân, TP Hải Phòng ("Địa Điểm Cung Cấp Dịch Vụ").
- 1.2. Bên B cam kết và đảm bảo rằng Bên B sẽ cung cấp Dịch Vụ theo đúng quy trình, tiêu chuẩn, quy cách, phương thức và chất lượng được quy định tại Hợp Đồng này. Để làm rõ, Bên B cam kết sẽ chịu hoàn toàn về chất lượng, tiêu chuẩn, quy trình, quy cách cung cấp Dịch Vụ do mình cung cấp, bao gồm nhưng không giới hạn việc trực tiếp giải quyết các sự cố, sự kiện, công việc và bồi thường thiệt hại (nếu có) liên quan đến chất lượng, tiêu chuẩn, quy cách, quy trình cung cấp Dịch Vụ.
- 1.3. Bên B đảm bảo và xác nhận sẽ cung cấp Dịch Vụ theo đúng thời gian, địa điểm và các yêu cầu khác của Bên A tùy từng thời điểm.

ĐIỀU 2: PHƯƠNG THỨC CUNG CẤP DỊCH VỤ VÀ YÊU CẦU CHẤT LƯỢNG

- 2.1. Phương thức cung cấp Dịch Vụ:
Bên B có nghĩa vụ cung cấp Dịch Vụ cho Bên A theo phương thức sau đây:
 - (a) Bên B chịu trách nhiệm bố trí phương thức vận chuyển chuyên dụng, sắp xếp người cho hàng hóa lên xe.
 - (b) Bên B có trách nhiệm thông báo cho Bên A kế hoạch thực hiện công việc theo các phương thức được Các Bên thỏa thuận tại Hợp Đồng này. Trừ trường hợp Bên A có quyết định khác, Bên B có nghĩa vụ thực hiện và hoàn thành toàn bộ các công việc của Dịch Vụ, Bên A sẽ không có nghĩa vụ tham gia vào bất kỳ công đoạn nào của Dịch Vụ, trừ trường hợp Bên A có quyết định khác.
- 2.2. Yêu cầu về chất lượng Dịch Vụ:
 - a) Bên B tại đây cam kết và đảm bảo rằng Dịch Vụ do Bên B cung cấp cho Bên A theo quy định của Hợp Đồng này phải đảm bảo các tiêu chuẩn, yêu cầu sau đây:
 - (i) Nhanh chóng bố trí nhân lực và phương tiện vận chuyển khi có sự cố yêu cầu bàn giao chất thải và thông báo cho Bên A thời gian đến nhận chất thải.
 - (ii) Vận chuyển đúng khối lượng và chủng loại chất thải nguy hại của chủ nguồn thải bàn giao cho chủ xử lý. Có trách nhiệm giải quyết các sự cố xảy ra

trên đường vận chuyển - xử lý và ngay lập tức thông báo cho Bên A cùng phối hợp giải quyết sự cố xảy ra (nếu có).

(iii) Xử lý triệt để và chịu trách nhiệm đến cùng với chất thải nguy hại của Bên A.

(iv) Xác nhận chứng từ chất thải nguy hại và xuất hóa đơn giá trị gia tăng cho Bên A sau khi hoàn thành trách nhiệm của mình.

(v) Cử cán bộ, nhân viên kỹ thuật phối hợp cùng Bên A thực hiện các hoạt động chuyên môn để triển khai công việc cũng như giám sát trong quá trình bốc dỡ, vận chuyển xử lý chất thải nguy hại.

(vi) Nếu có bất kỳ vấn đề gì phát sinh trong quá trình thực hiện đều phải có thông báo bằng văn bản cho Bên A để cùng phối hợp giải quyết.

b) Bên B cam kết sẽ chịu hoàn toàn trách nhiệm về chất lượng, tiêu chuẩn, phương pháp cung cấp Dịch Vụ bao gồm cả việc trực tiếp giải quyết các sự cố, sự kiện, công việc và bồi thường thiệt hại (nếu có) liên quan đến chất lượng, tiêu chuẩn, phương pháp cung cấp Dịch Vụ.

2.3. Bên B cam kết và chịu trách nhiệm đối với tất cả các hoạt động cung cấp Dịch Vụ của mình, có trách nhiệm đảm bảo nghiêm ngặt an toàn lao động, tránh xảy ra sự kiện tai nạn lao động. Trong trường hợp xảy ra sự kiện tai nạn lao động, Bên B sẽ tự chịu trách nhiệm và trực tiếp làm việc, giải quyết các vấn đề phát sinh, đảm bảo sự kiện này không làm ảnh hưởng đến uy tín, thương hiệu của Bên A. Bên B có nghĩa vụ bồi thường toàn bộ các thiệt hại cho Bên A nếu làm ảnh hưởng đến uy tín, thương hiệu của Bên A.

2.4. Các Bên đồng ý rằng, Bên A sẽ chỉ định người của Bên A giám sát và ký xác nhận vào tài liệu khi Bên B hoàn thành dịch vụ, xác nhận công việc ("**Xác Nhận Công Việc**") do Bên B cung cấp. Các Xác Nhận Công Việc này là căn cứ để Bên A thanh toán Phí Dịch Vụ cho Bên B theo quy định của Hợp Đồng này.

Để tránh hiểu nhầm, trường hợp Bên B cung cấp Dịch Vụ không đúng chất lượng, tiêu chuẩn, quy cách theo yêu cầu của Bên A, Bên A có quyền không nhận/trả lại Dịch Vụ và trừ Phí Dịch Vụ của ngày đó trong khoản thanh toán tương ứng và các quy định tại Điều 9.2 của Hợp Đồng này sẽ được áp dụng.

2.5. Thống kê và đối soát số liệu:

Danh mục chất thải theo Phụ lục 01. Khối lượng chất thải không vượt quá 600kg/năm. Nếu số lượng phát sinh vượt quá 600kg/năm hoặc có phát sinh thêm bất kỳ mã chất thải nào ngoài các mã chất thải tại Phụ lục 01 của Hợp Đồng này thì số lượng chất thải sẽ được tính theo đơn giá thỏa thuận giữa hai bên (theo Phụ lục Hợp Đồng).

ĐIỀU 3: THỜI GIAN VÀ TIẾN ĐỘ THỰC HIỆN

3.1. Các Bên tại đây đồng ý, Bên B có nghĩa vụ cung cấp, hoàn thành Dịch Vụ theo quy định của Hợp Đồng này, Bên B đến nhận chất thải định kỳ 2 lần/ năm (Theo sự thỏa thuận thống nhất giữa hai bên) ("**Tháng Hoàn Thành**"). Bên B sẽ bố trí phương tiện đến thu gom chất thải nguy hại tại địa điểm giao nhận chất thải của bên A.

Lần 1: Tháng 5/2024.

Lần 2: Tháng 11/2024.

- 3.2. Bên B sẽ cung cấp Dịch Vụ vào tất cả các ngày trong tuần, kể cả ngày lễ, chủ nhật và theo tiến độ đã được Bên A phê duyệt.

ĐIỀU 4: NGHIỆM THU DỊCH VỤ

- 4.1. Các Bên tại đây đồng ý rằng không muộn hơn Tháng Hoàn Thành, Bên B có nghĩa vụ gửi cho Bên A một thông báo bằng văn bản/sẽ thông báo cho Bên A về tình trạng hoàn thành Dịch Vụ và đề xuất ngày dự kiến tiến hành nghiệm thu.
- 4.2. Trường hợp Bên B hoàn thành việc cung cấp Dịch Vụ chậm, căn cứ vào thông báo của Bên B nêu trên và như được Bên A chấp nhận, Các Bên sẽ tiến hành nghiệm thu và lập biên bản nghiệm thu ("**Biên Bản Nghiệm Thu**") để xác nhận Bên B đã hoàn thành Dịch Vụ theo Hợp Đồng. Để làm rõ, Bên A có quyền không ký kết Biên Bản Nghiệm Thu nếu Bên B không cung cấp Dịch Vụ, cung cấp Dịch Vụ không đảm bảo chất lượng, yêu cầu hoặc cung cấp Dịch Vụ không đáp ứng tiến độ quy định tại Điều 3.1. của Hợp Đồng này.
- 4.3. Biên Bản Nghiệm Thu được quy định tại Điều 4 này phải có chữ ký của các Bên (đối với tổ chức thì phải có chữ ký của người đại diện có thẩm quyền).
- 4.4. Biên Bản Nghiệm Thu là cơ sở để Bên A thanh toán Phí Dịch Vụ cho Bên B theo Hợp Đồng này.
- 4.5. Trường hợp Bên B cung cấp Dịch Vụ không đúng chất lượng, tiêu chuẩn, quy cách theo yêu cầu của Bên A, Bên A có quyền từ chối sử dụng Dịch Vụ và không phải thanh toán cho Bên B bất kỳ khoản tiền nào cho phần Dịch Vụ này. Theo đó, Bên B có nghĩa vụ sửa chữa, khắc phục, thực hiện lại Dịch Vụ và hoàn thành việc nghiệm thu như được quy định tại Hợp Đồng này, trừ trường hợp Bên A có quyết định khác. Việc sửa chữa, khắc phục, thực hiện lại Dịch Vụ được tính vào Thời Gian Hoàn Thành.

5. ĐIỀU 5: PHÍ DỊCH VỤ VÀ THANH TOÁN

5.1. Phí Dịch Vụ

- Tổng Giá trị Dịch Vụ mà Bên A phải thanh toán cho Bên B theo Hợp Đồng này là **12.000.000 VNĐ/năm** (Chưa bao gồm VAT) (*Bằng chữ: Mười hai triệu đồng/năm*).
- Thuế suất thuế giá trị gia tăng sẽ được áp dụng theo quy định và chính sách của Nhà nước ở từng thời điểm. Trường hợp thuế giá trị gia tăng được điều chỉnh thì giá trị Hợp đồng sẽ được điều chỉnh tương ứng.
- Giá trị hợp đồng sẽ thanh toán đủ với điều kiện Bên B đã thực hiện/cung cấp đầy đủ Dịch Vụ theo thỏa thuận trong năm.
- Tổng Phí Dịch Vụ nêu trên được quy định chi tiết các danh mục dịch vụ tại Phụ Lục 01 của Hợp Đồng và là trọn gói, đã bao gồm toàn bộ các khoản thuế, phí, lệ phí, chi phí vận chuyển, nhân sự, và các chi phí khác kèm theo (nếu có). Để làm rõ, ngoài Tổng Phí Dịch Vụ nêu trên, Bên A không có trách nhiệm phải thanh toán cho Bên B thêm bất kỳ khoản tiền, phí, chi phí nào khác cho việc Bên B

cung cấp Dịch Vụ theo Hợp Đồng này.

- Giá thỏa thuận trong Hợp Đồng này là giá cố định và không thay đổi trong suốt quá trình thực hiện Hợp Đồng này cho dù có bất kỳ thay đổi nào về giá cả thị trường trừ khi có thỏa thuận khác của Các Bên.
- Để làm rõ, giá trị thanh/quyết toán thực tế sẽ dựa trên phần Dịch Vụ đã được thực hiện thực tế và có xác nhận của Bên A căn cứ vào Biên Bản Nghiệm Thu và đơn giá đã thỏa thuận tại Hợp Đồng này. Bên B có nghĩa vụ hoàn trả lại phần thanh toán đã nhận nhưng chưa hoàn thành phần Dịch Vụ tương ứng cho Bên A ngay khi có yêu cầu. Nếu hoàn trả chậm, Bên B có trách nhiệm trả lãi cho Bên A với lãi suất như quy định tại Điều 6.2 của Hợp Đồng này tính trên số tiền và thời gian chậm hoàn trả.

5.2. Thanh toán

a) *Hình thức thanh toán:*

Phí Dịch Vụ được Bên A thanh toán bằng Đồng Việt Nam dưới hình thức chuyển khoản vào tài khoản ngân hàng của Bên B như nêu tại phần đầu của Hợp Đồng hoặc vào tài khoản khác theo thông báo bằng văn bản của Bên B tùy từng thời điểm.

b) *Phương thức thanh toán:*

Bên A có trách nhiệm thanh toán 100% Phí Dịch Vụ cho Bên B trong vòng 15 (mười lăm) ngày làm việc kể từ ngày Bên B hoàn tất các nghĩa vụ theo Hợp Đồng và Bên A nhận được đầy đủ hồ sơ thanh toán (bản gốc) như quy định dưới đây:

- (i) *01 bản chính Đề nghị thanh toán được ký bởi đại diện thẩm quyền Bên B.*
- (ii) *01 bản chính Hóa đơn tài chính hợp lệ sẽ xuất về địa chỉ:*
- (iii) *Công ty: CHI NHÁNH TẠI HẢI PHÒNG - CÔNG TY CỔ PHẦN VINHOMES*
MST: 0102.671.977-005
- (iv) *Đ/c: Số 01 đường Hà Nội, Phường Thượng Lý, Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng.*
- (v) *01 Biên bản bàn giao chất thải nguy hại có đủ chữ ký đại diện 2 Bên*
- (vi) *01 Bản Biên Bản Nghiệm Thu toàn bộ công việc với đầy đủ chữ ký của hai bên.*

Hoặc:

Bên A thanh toán cho Bên B thành hai lần trên năm.

- Lần 01: Thanh toán vào tháng 05/2024 với số tiền: 6.000.000 VNĐ (chưa bao gồm VAT) sau khi Bên B thực hiện thu gom, cung cấp đầy đủ chứng từ lần 01 cho Bên A.
- Lần 02: Thanh toán vào tháng 11/2024 với số tiền: 6.000.000 VNĐ (chưa bao gồm VAT) sau khi Bên B thực hiện thu gom, cung cấp đầy đủ chứng từ lần 02 cho

c) Nguyên tắc thanh toán:

- Mọi thay đổi làm tăng Phí Dịch Vụ theo yêu cầu của Bên A và được Bên A xác nhận sẽ được Bên A thanh toán vào đợt quyết toán.
- Trong bất kỳ trường hợp nào, Bên A sẽ không thực hiện việc thanh toán bất kỳ khoản tiền nào cho Bên B nếu các tài liệu của hồ sơ thanh toán không đầy đủ, không thống nhất và/hoặc không hợp lệ, Bên B không thực hiện đúng bất kỳ nghĩa vụ, cam kết nào theo Hợp Đồng.
- Bên A có quyền cản trở các khoản phạt vi phạm và/hoặc bồi thường thiệt hại, giá trị phần Dịch Vụ không hoàn thành hoặc không được thực hiện, thực hiện không đúng hoặc các nghĩa vụ tài chính khác mà Bên B phải thanh toán cho Bên A liên quan đến hoặc phát sinh từ Hợp Đồng này hoặc bất kỳ hợp đồng, giao dịch nào khác giữa Bên A và Bên B, bất kể các khoản thanh toán đó đến hạn hay chưa đến hạn vào giá trị thanh toán trước khi thực hiện thanh toán cho Bên B.

ĐIỀU 6: QUYỀN VÀ TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC BÊN

6.1. Quyền và trách nhiệm của Bên A:

- (a) Yêu cầu Bên B cung cấp Dịch Vụ theo đúng quy trình, phương thức, quy cách, tiêu chuẩn, chất lượng và thời gian như được quy định trong Hợp Đồng này.
- (b) Kiểm tra, giám sát chất lượng, tiến độ, phương pháp cung cấp Dịch Vụ của Bên B theo Hợp Đồng này.
- (c) Chuẩn bị địa điểm, mặt bằng để bàn giao cho Bên B thực hiện Dịch Vụ, thông báo thời gian bàn giao dự kiến cho Bên B và cử cán bộ cùng Bên B kiểm tra tiến độ thực hiện Dịch Vụ.
- (d) Hỗ trợ cung cấp cho Bên B thông tin, tài liệu và các phương tiện cần thiết khác để thực hiện Dịch Vụ, nếu có.
- (e) Tạo điều kiện để Bên B (các nhân viên, người lao động của Bên B) cung cấp Dịch Vụ theo Hợp Đồng.
- (f) Thanh toán các khoản tiền cho Bên B theo đúng thời gian như được quy định tại Điều 6.2 trên đây sau khi các điều kiện thanh toán đã được đáp ứng.
- (g) Được quyền khấu trừ từ các khoản tiền Bên A phải thanh toán cho Bên B theo Hợp Đồng để thanh toán các khoản tiền phạt, bồi thường và các khoản phải thanh toán khác của Bên B đối với Bên A theo Hợp Đồng này (nếu có).
- (h) Đơn phương chấm dứt Hợp Đồng và không phải bồi thường, thanh toán cho Bên B bất kỳ khoản tiền nào nếu Bên B không đủ năng lực hoặc vi phạm Hợp Đồng này.
- (i) Từ chối sử dụng Dịch Vụ và không phải thanh toán cho Bên B bất kỳ khoản tiền nào cho bất kỳ phần Dịch Vụ nào đã được thực hiện trong trường hợp Bên B cung cấp Dịch Vụ không đúng chất lượng, tiêu chuẩn, quy cách theo yêu cầu của Hợp Đồng này và Bên A.
- (j) Thực hiện các nghĩa vụ khác theo quy định của Hợp Đồng này và pháp luật.

6.2. Quyền và trách nhiệm của Bên B:

- (a) Yêu cầu Bên A cung cấp thông tin, tài liệu cần thiết để thực hiện Dịch Vụ.
- (b) Cung cấp Dịch Vụ cho Bên A đúng phương thức, quy trình, đúng thời gian, địa điểm và đảm bảo chất lượng của Dịch Vụ theo yêu cầu của Bên A.
- (c) Có trách nhiệm sửa chữa, khắc phục, thực hiện lại Dịch Vụ trong trường hợp Bên B cung cấp Dịch Vụ không đáp ứng theo đúng yêu cầu, trừ khi Bên A có quyết định khác. Việc sửa chữa, khắc phục, thực hiện lại Dịch Vụ nêu trên không được ảnh hưởng tới tiến độ thực hiện Dịch Vụ quy định tại Điều 3 của Hợp Đồng này.
- (d) Chịu trách nhiệm nói chung và trực tiếp giải quyết các sự việc, sự kiện, công việc, sự cố phát sinh liên quan tới chất lượng, tiêu chuẩn, phương thức cung cấp Dịch Vụ và bồi thường thiệt hại mà Bên A hoặc bên thứ 3 khác phải gánh chịu do các sự cố, sự việc, sự kiện, công việc đó, nếu có.
- (e) Yêu cầu Bên A thanh toán các khoản tiền được quy định trong Hợp Đồng này cho Bên B theo đúng lịch biểu như được quy định tại Điều 6.2 trên đây.
- (f) Đóng các khoản thuế liên quan đến thu nhập phát sinh từ Hợp Đồng này theo quy định của pháp luật liên quan.
- (g) Đăng ký với Bên A số lượng cán bộ, công nhân cung cấp Dịch Vụ tại Địa Điểm Cung Cấp Dịch Vụ và đảm bảo các cán bộ, công nhân này đã được phổ biến đầy đủ nội dung các nội quy, quy định của Bên A khi làm việc.
- (h) Bảo đảm Bên B (bao gồm cả các nhân viên, người lao động của Bên B) luôn có phong thái lịch sự, chuyên nghiệp và luôn có ý thức giữ gìn hình ảnh tốt đẹp của Bên A.
- (i) Tự chịu trách nhiệm đối với tất cả các hoạt động cung cấp Dịch Vụ của mình, bao gồm và không hạn chế ở việc đảm bảo công tác an ninh, vệ sinh, an toàn lao động trong quá trình thực hiện Dịch Vụ. Trang bị đầy đủ trang thiết bị bảo hộ lao động cho cán bộ, công nhân của Bên B theo quy định của pháp luật và theo yêu cầu của Bên A.

Bên B tự chịu trách nhiệm về các vấn đề, sự kiện, sự cố liên quan đến an toàn lao động của các bộ, công nhân viên, người lao động của mình khi thực hiện Dịch Vụ. Trong trường hợp xảy ra sự kiện tai nạn lao động, Bên B sẽ tự chịu trách nhiệm và trực tiếp làm việc, giải quyết các vấn đề phát sinh, đảm bảo sự kiện này không làm ảnh hưởng đến uy tín, thương hiệu của Bên A. Bên B có nghĩa vụ bồi thường toàn bộ các thiệt hại phát sinh cho Bên A nếu làm ảnh hưởng đến uy tín, thương hiệu của Bên A.

- (j) Máy móc, thiết bị, vật tư sử dụng để thực hiện Dịch Vụ (nếu có) phải phù hợp với yêu cầu của công việc, do Bên B tự bảo quản và phải được xếp đặt đúng nơi quy định, không được gây cản trở cho Bên A, người của Bên A, cư dân, người cư ngụ khác và khách thăm quan, làm việc tại Địa Điểm Cung Cấp Dịch Vụ.
- (k) Cung cấp dịch vụ theo đúng nội dung đã thỏa thuận trong Hợp Đồng, đảm bảo có đầy đủ điều kiện tiến hành hoạt động kinh doanh, các giấy phép/phê duyệt cần thiết và tuân thủ các quy định của pháp luật có liên quan khi cung cấp dịch vụ theo Hợp Đồng này và cung cấp đầy đủ các văn bản, hồ sơ chứng minh việc đáp ứng các điều kiện này ngay khi ký Hợp Đồng và/hoặc thời hạn khác theo yêu cầu của Bên A.

- (l) Bảo quản và phải giao lại cho Bên A tài liệu, phương tiện được giao sau khi hoàn thành công việc (nếu có).
- (m) Mua các khoản bảo hiểm như được quy định tại Điều 10 dưới đây.
- (n) Tháo dỡ các vật liệu, thiết bị, vệ sinh và bàn giao lại mặt bằng như tình trạng ban đầu nhận từ Bên A trong vòng tối đa 1 ngày kể từ ngày kết thúc Dịch Vụ hoặc thời hạn khác theo thông báo của Bên A. Trường hợp chậm tháo dỡ, Bên B có trách nhiệm trả cho Bên A khoản tiền lãi trên số tiền Bên A đã thanh toán với lãi suất 0,05%/ngày cho thời gian chậm tháo dỡ. Ngoài ra, trong suốt quá trình thực hiện Hợp Đồng, bao gồm cả quá trình tháo dỡ này, nếu Bên B có vi phạm và/hoặc gây thiệt hại cho Bên A hoặc bên thứ ba thì Bên B có trách nhiệm bồi thường toàn bộ thiệt hại này theo xác định và thông báo của Bên A. Trường hợp Bên B chậm thực hiện việc tháo dỡ và vệ sinh nêu trên, Bên A có quyền chỉ định bên thứ ba khác thực hiện việc tháo dỡ các vật liệu, thiết bị, vệ sinh mặt bằng với chi phí do Bên B chịu.
- (o) Không chuyển giao, chuyển nhượng Hợp Đồng này cho bất kỳ bên thứ ba nào, trừ khi có đồng ý trước bằng văn bản của Bên A.
- (p) Không đơn phương chấm dứt Hợp Đồng này, trừ trường hợp do Bên A vi phạm nghĩa vụ thanh toán như quy định tại Điều 9.4 của Hợp Đồng này.
- (q) Thực hiện các nghĩa vụ khác theo quy định của Hợp Đồng này và pháp luật.

ĐIỀU 7: BẤT KHẢ KHÁNG

- 7.1. Các Bên nhất trí thỏa thuận rằng các sự kiện xảy ra một cách khách quan không thể lường trước được và không thể khắc phục được mặc dù đã áp dụng mọi biện pháp cần thiết và khả năng cho phép sẽ được coi là sự kiện bất khả kháng có thể bao gồm nhưng không giới hạn các sự kiện như: chiến tranh, bạo loạn, biểu tình, bệnh dịch, hỏa hoạn, lũ lụt, động đất, bão tố, các thảm họa tự nhiên khác, tình trạng khẩn cấp quốc gia, đình công; thay đổi chính sách pháp luật của Nhà nước hoặc do phải thực hiện qui tắc, qui định, quyết định, lệnh hay chỉ thị của cơ quan chính quyền hay cơ quan chức năng hoặc lệnh của bất kỳ tòa án có thẩm quyền nào không do lỗi của Các Bên hoặc các trường hợp khác do pháp luật quy định.
- 7.2. Khi xuất hiện sự kiện bất khả kháng thì Bên bị tác động bởi sự kiện bất khả kháng phải thông báo bằng văn bản cho Bên còn lại biết trong thời gian sớm nhất có thể, kể từ ngày xảy ra sự kiện bất khả kháng cùng giấy tờ chứng minh hợp lý, hợp lệ. Việc Bên bị tác động bởi sự kiện bất khả kháng không thực hiện được nghĩa vụ của mình sẽ không bị coi là vi phạm nghĩa vụ theo Hợp Đồng và cũng không phải là cơ sở để Bên còn lại có quyền chấm dứt Hợp Đồng, trừ trường hợp quy định tại Điều 11.2 của Hợp Đồng.
- 7.3. Việc thực hiện nghĩa vụ theo Hợp Đồng của Bên bị ảnh hưởng bởi sự kiện bất khả kháng sẽ được kéo dài thêm một khoảng thời gian tương ứng với thời gian xảy ra sự kiện bất khả kháng và thời gian hợp lý để khắc phục hậu quả của sự kiện bất khả kháng.

ĐIỀU 8: VI PHẠM VÀ CHẤM DỨT HỢP ĐỒNG

Handwritten signature

- 8.1. Bên B sẽ bị coi là vi phạm Hợp Đồng nếu Bên B không thực hiện hoặc thực hiện không đúng và/hoặc không đầy đủ hoặc chậm thực hiện bất kỳ nghĩa vụ nào quy định trong Hợp Đồng này.
- 8.2. Trường hợp Bên B không khắc phục vi phạm và/hoặc không hoàn thành việc khắc phục vi phạm trong vòng 07 (bảy) ngày kể từ khi nhận được văn bản thông báo về vi phạm của Bên A hoặc một thời hạn khác ghi trên thông báo này; hoặc vi phạm đó là không thể khắc phục được theo đánh giá/quyết định của Bên A; hoặc vi phạm đó vẫn tái diễn hoặc vi phạm về tiến độ thực hiện Dịch Vụ theo quy định tại Điều 3.1 của Hợp Đồng, Bên A sẽ được quyền thực hiện thêm biện pháp xử lý vi phạm như quy định dưới đây:
- a) Buộc Bên B khắc phục vi phạm hoặc tự mình khắc phục vi phạm bằng chi phí và phí tổn của Bên B; và/hoặc
 - b) Từ chối nghiệm thu phần Dịch Vụ được thực hiện không đúng quy định của Hợp Đồng hoặc chưa thực hiện; và/hoặc
 - c) Chấm dứt Hợp Đồng này bằng một văn bản thông báo trước [07] ngày; và/hoặc
 - d) Phạt vi phạm đối với Bên B theo quy định sau:
 - (i) Nếu Bên A không chấm dứt Hợp Đồng, Bên B phải trả cho Bên A số tiền phạt tương đương 8% (tám phần trăm) Giá Trị Hợp Đồng.
Để làm rõ, trường hợp Bên B chậm thực hiện và/hoặc không hoàn thành Dịch Vụ theo đúng thời hạn quy định tại Điều 3.1 của Hợp Đồng, Bên B phải chịu phạt 01% Tổng Phí Dịch Vụ cho 01 ngày chậm và bồi thường mọi thiệt hại phát sinh cho Bên A. Trong trường hợp phải bổ sung hoặc đổi lại Dịch Vụ theo quy định của Hợp Đồng này dẫn đến chậm tiến độ thì cũng áp dụng quy định này để giải quyết.
 - (ii) Nếu Bên A chấm dứt Hợp Đồng do vi phạm của Bên B, Bên B phải chịu phạt vi phạm và bồi thường thiệt hại theo Điều 9.3 của Hợp Đồng.
 - e) Các biện pháp khác theo quyết định của Bên A và/hoặc quy định của pháp luật.
- 8.3. Trường hợp Bên A đơn phương chấm dứt Hợp Đồng do Bên B vi phạm Hợp Đồng như quy định tại Điều 9.2, Bên B có trách nhiệm thanh toán cho Bên A khoản tiền phạt bằng 8% (tám phần trăm) Giá Trị Hợp Đồng và bồi thường toàn bộ thiệt hại phát sinh cho Bên A theo thông báo và thời hạn của Bên A. Để làm rõ, Bên A chỉ có trách nhiệm thanh toán cho Bên B số tiền cho phần công việc Bên B đã thực tế thực hiện và đã được Các Bên nghiệm thu, xác nhận tính đến thời điểm Hợp Đồng chấm dứt.
- 8.4. Với điều kiện Bên B đã tuân thủ đầy đủ các nghĩa vụ của mình theo quy định tại Hợp Đồng này, Bên B có quyền đơn phương chấm dứt Hợp Đồng bằng một văn bản thông báo trước [07] ngày trong các trường hợp Bên A vi phạm nghĩa vụ thanh toán quá [60] ngày kể từ ngày đến hạn theo quy định của Hợp Đồng và không hoàn thành khắc phục trong vòng 30 ngày kể từ ngày nhận được thông báo nhắc nhở của Bên B. Trong trường hợp này Bên B có quyền yêu cầu Bên A trả cho Bên B một khoản tiền phạt tương đương 8% (tám phần trăm) Giá Trị Hợp Đồng trong vòng 07 ngày kể từ ngày nhận được yêu cầu của Bên B. Để làm rõ, ngoài số tiền phạt này, Bên A chỉ có trách nhiệm thanh toán cho Bên B số tiền cho phần Dịch Vụ Bên B đã thực tế bàn giao và đã được Các Bên nghiệm thu,

xác nhận tính đến thời điểm Hợp Đồng chấm dứt.

- 8.5. Hợp Đồng này sẽ chấm dứt khi phát sinh một trong các trường hợp sau đây (tùy trường hợp nào đến trước):
- a) Các Bên đã hoàn thành toàn bộ các nghĩa vụ của mình theo Hợp Đồng và đã ký Biên bản/văn bản thanh lý Hợp Đồng;
 - b) Một trong Các Bên bị giải thể/phá sản mà không có bất kỳ bên thứ ba nào kế thừa/tiếp nhận quyền, nghĩa vụ của bên đó; hoặc
 - c) Trong trường hợp Bên bị tác động bởi sự kiện bất khả kháng không thể khắc phục được để tiếp tục thực hiện nghĩa vụ của mình trong thời hạn 90 (chín mươi) ngày, kể từ ngày xảy ra sự kiện bất khả kháng và Các Bên cũng không có thỏa thuận khác thì một trong hai Bên có quyền đơn phương chấm dứt Hợp Đồng. Trường hợp này Bên A chỉ có trách nhiệm thanh toán cho Bên B phần Dịch Vụ đã thực hiện và đã được Các Bên nghiệm thu, xác nhận. Các Bên không phải thanh toán cho nhau bất kỳ khoản tiền phạt, bồi thường nào;
 - d) Bên A chấm dứt Hợp Đồng do Bên B vi phạm nghĩa vụ như quy định tại Điều 9.2 của Hợp Đồng; hoặc
 - e) Bên A đơn phương chấm dứt Hợp Đồng trước hạn bằng cách thông báo trước cho Bên B 30 (ba mươi) ngày. Trường hợp này Bên A chỉ có trách nhiệm thanh toán cho Bên B số tiền cho phần Dịch Vụ Bên B đã thực hiện và đã được Các Bên nghiệm thu, xác nhận tính đến thời điểm Hợp Đồng chấm dứt.
 - f) Bên B đơn phương chấm dứt Hợp Đồng do Bên A vi phạm nghĩa vụ thanh toán như quy định tại Điều 9.3 của Hợp Đồng.
 - g) Theo thỏa thuận của Các Bên và/hoặc theo quy định của pháp luật.

ĐIỀU 9: BẢO HIỂM

- 9.1. Bên B, trong suốt Thời Gian Hoàn Thành như được quy định tại Điều 3 trên đây, có nghĩa vụ mua và duy trì:
- (a) bảo hiểm bồi thường cho công nhân/người lao động trực tiếp thực hiện các công việc cung cấp Dịch Vụ cho Bên A như được quy định trong Hợp Đồng này theo qui định của pháp luật hiện hành;
 - (b) bảo hiểm trách nhiệm công cộng và trách nhiệm chung về thương mại với một công ty bảo hiểm có đăng ký hoạt động trong lĩnh vực này.
- 9.2. Cho mục đích như được quy định tại Điều 10.1 trên đây, Bên B sẽ có nghĩa vụ cung cấp các tài liệu, văn bản xác nhận, các bằng chứng về việc tham gia các danh mục bảo hiểm như được quy định tại Điều 10.1 trên đây cho Bên A trong vòng 15 (mười lăm) ngày trước ngày ký kết Hợp Đồng này.

ĐIỀU 10: CAM KẾT KHÔNG HỐI LỘ

- 10.1. Bên B cam kết và đảm bảo rằng người quản lý, nhân viên, đại lý hoặc bất kỳ người nào thuộc Bên B trực tiếp hoặc gián tiếp liên lạc, giao dịch, làm việc với Bên A ("Người Bên B") sẽ không (i) hối lộ và/hoặc hứa hẹn đưa các khoản hối lộ, quà tặng, trích thưởng hoặc bất kỳ các tài sản bằng tiền hoặc hiện vật hoặc

lợi ích nào (gọi chung là "Hối Lộ"), cho bất kỳ người quản lý, nhân viên hoặc bất kỳ người nào thuộc Bên A (gọi chung là "Người Bên A") hoặc (ii) thông qua bất kỳ bên thứ ba nào để Hối Lộ Người Bên A nhằm được ưu tiên ký Hợp Đồng/Thỏa thuận với Bên A hoặc được miễn trừ (các) nghĩa vụ quy định tại Hợp Đồng/Thỏa thuận với Bên A, và/hoặc hưởng các lợi ích không minh bạch, không công bằng khác.

Các hành vi Hối Lộ theo quy định tại điều này sẽ bao gồm cả các hành vi thực hiện trước, trong khi và sau khi thực hiện Hợp Đồng/Thỏa thuận với Bên A.

Trường hợp Bên B và/hoặc bất kỳ Người Bên B nào nhận thấy bất cứ Người Bên A nào có biểu hiện, hành vi đòi Hối Lộ thì Bên B có trách nhiệm thông báo ngay lập tức cho Bên A theo chi tiết sau:

- Số điện thoại hotline: 0988428787

- Email: gopy@vingroup.net

10.2. Nếu Bên B vi phạm quy định tại Điều này Bên A có quyền, tại bất kỳ thời điểm nào, áp dụng một hoặc đồng thời một số biện pháp sau:

- (a) Hủy kết quả đánh giá lựa chọn Bên B trong trường hợp Bên B ký kết hợp đồng thông qua việc đấu thầu; và/hoặc Bên B không được tiếp tục tham gia chào thầu cung cấp dịch vụ/hàng hóa/đồ đạc cho các gói thầu khác của Bên A; và/hoặc
- (b) Hủy bỏ tất cả các phê duyệt, chấp thuận, sự cho phép, lợi ích Bên B có được hoặc sự chấp thuận, thông qua của Bên A đối với những vấn đề về ký kết và thực hiện Hợp Đồng mà bị ảnh hưởng bởi hành vi Hối Lộ; và/hoặc
- (c) Tùy vào mức độ nghiêm trọng của hành vi Hối Lộ, phạt Bên B một khoản tiền tương đương với 150.000.000 VNĐ (một trăm năm mươi triệu đồng) đối với một lần vi phạm và/hoặc chấm dứt Hợp Đồng/Thỏa thuận ngay lập tức mà không phải chịu bất cứ một khoản phạt hay bồi thường nào. Ngoài ra, Bên B có trách nhiệm bồi thường cho Bên A mọi thiệt hại phát sinh (nếu có) do việc chấm dứt Hợp Đồng, hoàn trả cho Bên A các khoản tiền Bên A đã tạm ứng/thanh toán trước cho Bên B và chịu các chế tài phạt khác quy định tại Hợp Đồng/Thỏa thuận như trường hợp Hợp Đồng bị chấm dứt do lỗi vi phạm của Bên B; và/hoặc
- (d) Chuyển hồ sơ cho cơ quan điều tra nếu hành vi Hối Lộ có dấu hiệu vi phạm Luật Hình Sự.

10.3. Bên B sẽ miễn trừ cho Bên A mọi trách nhiệm liên quan đến hành vi Hối Lộ của Bên B và phải bồi thường cho Bên A các thiệt hại phát sinh, bao gồm cả các thiệt hại do phát sinh chi phí hành chính, chi phí luật sư và các chi phí khác để xử lý các vấn đề liên quan đến hành vi Hối Lộ của Bên B.

ĐIỀU 11: BẢO MẬT THÔNG TIN

11.1. Nghĩa Vụ Bảo Mật:

Bên B cam kết rằng, trong thời gian hiệu lực của Hợp Đồng này và sau khi Hợp Đồng này chấm dứt, Bên B sẽ tuyệt đối bảo mật các thông tin mật ("Thông Tin Mật") của Bên A. Theo đó, Bên B không được tiết lộ Thông Tin Mật cho bất kỳ bên thứ ba nào, dù là trực tiếp hay gián tiếp, trong bất kỳ tình huống nào, khi

không có sự đồng ý bằng văn bản của của Bên A trừ trường hợp quy định tại Điều 11.2 dưới đây.

Cho mục đích quy định tại đây, Thông Tin Mật được hiểu là các thông tin bao gồm nhưng không giới hạn các điều khoản của Hợp Đồng này và/hoặc các thông tin, dữ liệu, văn bản được tạo ra do liên quan đến hoặc phát sinh từ việc thực hiện Hợp Đồng, các thông tin, dữ liệu, văn bản được Bên A cung cấp cho Bên B cho dù dưới bất kỳ hình thức nào để thực hiện Hợp Đồng này. Ngoài ra, Thông Tin Mật còn bao gồm nhưng không giới hạn các thông tin liên quan đến bí mật kinh doanh, bí mật công nghệ, bí quyết thương mại, kiến thức hoặc các thông tin khác về hoặc phục vụ cho tiếp thị tài chính, kinh doanh của Bên A.

11.2. Nghĩa Vụ Bảo Mật sẽ được loại trừ nếu nếu Thông Tin Mật:

- (a) Đã được phổ biến rộng rãi trong công chúng bởi Bên A.
- (b) Được Bên B, cung cấp cho nhân viên, chuyên gia tư vấn tài chính, pháp lý hoặc nhà thầu của Bên B vì mục đích thực hiện các nghĩa vụ của Bên đó theo Hợp Đồng này, với điều kiện là Bên đó phải chịu trách nhiệm và đảm bảo các đối tượng được tiết lộ Thông Tin Mật phải tuân thủ quy định bảo mật như nội dung của Điều 12.1 trên đây.
- (c) Do Bên B nhận được từ một bên thứ ba độc lập với việc thực hiện Hợp Đồng này mà không chịu bất kỳ nghĩa vụ bảo mật nào; hoặc.
- (d) Được yêu cầu tiết lộ bởi cơ quan có thẩm quyền hoặc bất kỳ toà án có thẩm quyền xét xử thích hợp nào đối với Bên B.

11.3. Bên B đồng ý rằng bất cứ vi phạm nào đối với Nghĩa Vụ Bảo Mật thông tin này có thể gây ra những tổn hại không thể khôi phục được với Bên A, theo đó Bên A sẽ có quyền tìm kiếm các biện pháp để giảm nhẹ thiệt hại và buộc Bên B bồi thường toàn bộ thiệt hại là một khoản tiền không thấp hơn tổng Phí Dịch Vụ.

ĐIỀU 12: CHUYỂN NHƯỢNG

12.1. Bên B đồng ý rằng Bên A không phải xin thêm bất kỳ chấp thuận nào của Bên B khi thực hiện việc chuyển nhượng, chuyển giao, ủy quyền hoặc chỉ định thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Bên A theo Hợp Đồng cho bên thứ ba ("**Bên Nhận Chuyển Giao**") và Bên B vẫn có trách nhiệm tiếp tục cung cấp Dịch Vụ theo các điều kiện quy định tại Hợp Đồng. Theo đó, Bên Nhận Chuyển Giao sẽ đương nhiên trở thành Bên A theo quy định tại Hợp Đồng và sẽ thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Bên A theo quy định Hợp Đồng kể từ thời điểm chuyển giao quyền cho Bên Nhận Chuyển Giao hoặc thời điểm khác theo thỏa thuận giữa Bên A và Bên Nhận Chuyển Giao.

12.2. Trong trường hợp một trong các Bên tiến hành tái cơ cấu, tổ chức lại doanh nghiệp mà có một Bên thứ ba ("**Pháp Nhân Mới**") tiếp nhận, kế thừa toàn bộ các quyền và nghĩa vụ của Bên đó theo Hợp Đồng này thì Hợp Đồng này mặc nhiên được tiếp tục thực hiện bởi Pháp Nhân Mới với cùng các điều khoản và điều kiện như quy định tại Hợp Đồng này trừ khi hai Bên có thỏa thuận khác bằng văn bản.

ĐIỀU 13: LUẬT ĐIỀU CHỈNH VÀ XỬ LÝ TRANH CHẤP

13.1. Hợp Đồng này được điều chỉnh theo luật pháp của Việt Nam.

13.2. Các Bên cùng cam kết thực hiện theo đúng các điều khoản và điều kiện quy định tại Hợp Đồng này. Trường hợp có phát sinh tranh chấp trong quá trình thực hiện Hợp Đồng này, Các Bên sẽ cùng nhau thương lượng giải quyết trên tinh thần tôn trọng và đảm bảo các quyền lợi hợp lý của Các Bên. Trong trường hợp Các Bên không đạt được sự thỏa thuận chung thông qua thương lượng, hòa giải thì mâu thuẫn, tranh chấp hay khiếu kiện sẽ được đưa ra Tòa án nhân dân có thẩm quyền để yêu cầu phân xử tranh chấp. Phán quyết của Tòa án có giá trị bắt buộc thi hành đối với Các Bên.

ĐIỀU 14: THÔNG BÁO

14.1. Thông tin và địa chỉ để các Bên nhận thông báo của Bên kia:

- Thông tin và địa chỉ nhận thông báo của Bên A: : Khu Đô Thị Vinhomes Marina Hải Phòng, Đường Võ Nguyên Giáp, Phường Vĩnh Niệm, Quận Lê Chân, TP Hải Phòng.
- Thông tin và địa chỉ nhận thông báo của Bên B: Số 37/33 Ngô Quyền, phường Máy Chai, quận Ngô Quyền, Thành phố Hải Phòng.

14.2. Hình thức thông báo giữa các Bên: phải được lập thành văn bản và gửi trực tiếp hoặc gửi qua fax hoặc gửi qua thư bảo đảm hoặc gửi bằng thư điện tử, trừ trường hợp các Bên có thỏa thuận khác hoặc Bên A có yêu cầu khác.

14.3. Các thông báo, yêu cầu, khiếu nại được coi là đã nhận nếu được gửi theo chi tiết nêu tại Điều 14.1 và trong thời gian như sau (nếu ngày là ngày nghỉ theo quy định của pháp luật thì được tính là ngày liền kề sau đó):

- a) Vào ngày gửi trong trường hợp thư giao tận tay và có chữ ký của người nhận thông báo; hoặc ngày thư từ giao dịch được nhập thành công vào hệ thống thông tin do mỗi Bên đăng ký hợp lệ trong Hợp Đồng trong trường hợp gửi bằng thư điện tử; hoặc ngày Bên gửi nhận được thông báo chuyển fax thành công trong trường hợp gửi thông báo bằng fax;
- b) Vào ngày thứ ba kể từ ngày đóng dấu bưu điện trong trường hợp gửi thông báo bằng thư chuyển phát nhanh (không phụ thuộc vào thông tin người ký nhận tại phần ký nhận của Bên B (người nhận) trên giấy báo phát).

14.4. Các Bên phải thông báo bằng văn bản cho nhau biết nếu có đề nghị thay đổi về địa chỉ, hình thức và/hoặc tên người nhận thông báo; nếu khi đã có thay đổi về địa chỉ, hình thức và/hoặc tên người nhận thông báo mà bên có thay đổi không thông báo lại cho bên kia biết thì bên gửi thông báo không chịu trách nhiệm về việc bên có thay đổi không nhận được các văn bản thông báo.

ĐIỀU 15: ĐIỀU KHOẢN TUÂN THỦ CÁC BIỆN PHÁP TRỪNG PHẠT

15.1. Bên B cam kết rằng không và không có ai trong số các cán bộ quản lý, nhân viên của mình và những đại diện của mình:

(i) Vi phạm, hoặc là đối tượng của bất kỳ thủ tục, tranh tụng, khởi kiện hoặc cuộc điều tra nào liên quan đến bất kỳ Luật Trừng Phạt nào; hoặc

(ii) Là Người Bị Trừng Phạt.

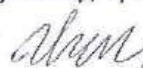
15.2. Cho mục đích của Điều này:

- (i) "**Luật Trừng Phạt**" có nghĩa là bất kỳ biện pháp trừng phạt nào về thương mại hoặc tài chính được ban hành hoặc thực thi bởi Văn Phòng Kiểm Soát Tài Sản Nước Ngoài thuộc Bộ Tài Chính Hoa Kỳ ("OFAC"), Bộ Ngoại Giao Hoa Kỳ, Vương Quốc Anh, Liên Hợp Quốc, Liên Minh Châu Âu, hoặc bất kỳ cơ quan quản lý quốc gia khác về trừng phạt kinh tế.
- (ii) "**Người Bị Trừng Phạt**" có nghĩa là một chủ thể:
 - (a) Bị ghi nhận trong danh sách "Các Công Dân Bị Trừng Phạt Đặc Biệt và Người Bị Ngăn Chặn" của OFAC, hoặc trong bất kỳ danh sách người bị trừng phạt nào theo quy định của bất kỳ Luật Trừng Phạt nào;
 - (b) Là, hoặc là một bộ phận của, chính phủ một Lãnh Thổ Bị Trừng Phạt;
 - (c) Thuộc sở hữu hoặc chịu sự kiểm soát bởi, hoặc hành động nhân danh, bất kỳ chủ thể nào quy định tại đoạn (a) và (b) nêu trên; hoặc
 - (d) Cư trú tại hoặc hoạt động từ Lãnh Thổ Bị Trừng Phạt;
- (iii) "**Lãnh Thổ Bị Trừng Phạt**" có nghĩa là bất kỳ quốc gia, khu vực hoặc vùng lãnh thổ khác là đối tượng của một biện pháp cấm vận xuất khẩu, nhập khẩu, tài chính hoặc đầu tư toàn phần theo quy định của Luật Trừng Phạt.

ĐIỀU 16: ĐIỀU KHOẢN CHUNG

- 16.1. Hợp Đồng này và tất cả các tài liệu liên quan như bản báo giá, maket ...do Bên A đã phê duyệt, và các phụ lục Hợp Đồng (nếu có) được xem như một phần không thể tách rời của Hợp Đồng này.
- 16.2. Bất kỳ phần, khoản hay điều khoản nào của Hợp Đồng này mà bị coi là bất hợp pháp, vô hiệu hoặc không thể thực thi được theo luật pháp Việt Nam, sẽ không làm mất hiệu lực và giá trị của các điều khoản còn lại của Hợp Đồng, và Các Bên sẽ thỏa thuận để thay thế điều khoản vô hiệu đó bằng một điều khoản khác phù hợp với pháp luật Việt Nam để quyền và lợi ích của Các Bên theo Hợp Đồng được đảm bảo.
- 16.3. Hợp Đồng này có hiệu lực kể từ ngày ký và được lập thành 04 (bốn) bản gốc bằng tiếng Việt, có giá trị pháp lý như nhau, mỗi Bên giữ 02 (hai) bản.

ĐỂ LÀM BẰNG, Hợp Đồng này được ký kết bởi Các Bên và có hiệu lực từ ngày ghi ở trên. Các Bên đã hiểu rõ quyền, nghĩa vụ, lợi ích hợp pháp của mình và hậu quả pháp lý của việc giao kết Hợp Đồng này.



ĐẠI DIỆN BÊN A



ĐẠI DIỆN BÊN B
Nguyễn Bá Cường

PHỤ LỤC SỐ 01
DANH MỤC DỊCH VỤ

TT	Tên chất thải nguy hại	Trạng thái tồn tại	Mã CTNH
1	Giẻ lau máy dính dầu	Rắn	180201
2	Bóng đèn huỳnh quang thải	Rắn	160106
3	Hộp mực in thải	Rắn	080204
4	Bao bì cứng thải bằng kim loại	Rắn	180102
5	Dầu động cơ, hộp số bôi trơn thải	Lỏng	170203
6	Pin thải, ắc quy thải	Rắn	160112

TỈNH/THÀNH PHỐ
Hải Phòng

CHỨNG TỪ CHẤT THẢI NGUY HẠI
Số: 192/2023/1-2-3-4-5-6.046.VX

1. Chủ hành nghề QLCTNH 1: Công ty Cổ phần Hòa Anh
Địa chỉ văn phòng: Số 37, ngõ 33, đường Ngô Quyền, P. Máy Chai, Q. Ngô Quyền, TP. Hải Phòng
Địa chỉ cơ sở/dại lý: Số 37, ngõ 33, đường Ngô Quyền, P. Máy Chai, Q. Ngô Quyền, TP. Hải Phòng

Mã số QLCTNH: 1-2-3-4-5-6.046.VX
ĐT: 0225.3765109
ĐT: 0225.3765109

2. Chủ CS DV XLCTNH 2:Số Giấy phép môi trường/Mã số QLCTNH (nếu có):

Địa chỉ văn phòng:

ĐT:

Địa chỉ cơ sở:

ĐT:

3. Chủ nguồn thải: CÔNG TY CỔ PHẦN VINHOMES

Mã số QLCTNH:

Địa chỉ văn phòng: Tòa nhà văn phòng Symphony, đường Chu Huy Mân, Khu đô thị sinh thái

ĐT: 024 3974 9999

Vinhomes Riverside, Phường Phúc Lợi, quận Long Biên, thành phố Hà Nội, Việt Nam.

ĐT: 024 3974 9999

Địa chỉ cơ sở: Khu Đô Thị Vinhomes Marina Hải Phòng, Đường Võ Nguyên Giáp, phường Vĩnh Niệm, quận Lê Chân, Hải Phòng.

4. Khai khai CTNH chuyển giao (sử dụng thêm trang phụ lục cho bảng dưới đây nếu không ghi đủ)

STT	Tên CTNH	Trạng thái tồn tại			Mã CTNH	Số lượng (kg)	Phương pháp xử lý (hoặc tái sử dụng) ^a
		Rắn	Lỏng	Bùn			
1	Giẻ lau dính dầu mỡ	X			18 02 01	30	TĐ
2	Bóng đèn huỳnh quang thải	X			16 01 06	142	Nghiên, HR
3	Hộp mực in	X			08 02 04	08	TĐ
4	Dầu nhớt bảo trì thải		X		17 02 03	42	TC
5	Bao bì cứng thải bằng kim loại	X			18 01 02	21	Tẩy rửa
6	Pin thải, ắc quy	X			16 01 12	52	Súc rửa, Phá dỡ

^aGhi lần lượt ký hiệu của phương pháp xử lý đã áp dụng đối với từng CTNH: TC (Tận thu/tái chế); TH (Trung Hòa); PT (Phân tách/chiết/ lọc/kết tủa); OH (Oxy hóa); Sinh học (SH); ĐX (Đồng xử lý); TĐ (Thiếu đốt); HR (Hóa rắn); CL (Cố lập/đóng kén); C (Chôn lấp); SC (Sơ chế); Khác (ghi rõ tên phương pháp): Trường hợp tái sử dụng thì ghi: TSD

5. Xuất khẩu CTNH (nếu có):

Nước nhập khẩu:

Cửa khẩu nhập:

Số hiệu phương tiện:

Ngày xuất cảng:

Cửa khẩu xuất:

7. Xác nhận việc tiếp nhận đủ số lượng và loại CTNH như kê khai ở mục 4

Số hiệu phương tiện vận chuyển: 15C-240.61

7.1. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 1/Đơn vị vận chuyển: Cao Văn Trung

Ký: 

Ngày: 17/06/2023

7.2. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 2:

Ký:

Ngày:

6. Chủ nguồn thải xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-4 (hoặc 5)

Hải Phòng, ngày 17 tháng 06 năm 2023



P. TỔNG GIÁM ĐỐC VẬN HÀNH

Trần Thị Thanh Huyền

(ký, ghi họ tên, chức danh, đóng dấu)

8. Chủ hành nghề QLCTNH (cuối cùng) xác nhận đã hoàn thành việc xử lý an toàn tất cả CTNH bằng các phương pháp như kê khai ở mục 4 (hoặc chủ tái sử dụng xác nhận đã tái sử dụng CTNH đúng mục đích ban đầu)

Hải Phòng, ngày 17 tháng 06 năm 2023



GIÁM ĐỐC

Nguyễn Bá Cường

(ký, ghi họ tên, chức danh, đóng dấu)

@Liên số:

1 ☐

2 ☐

3 ☐

4 ☐

TỈNH/THÀNH PHỐ Hải Phòng		CHỨNG TỪ CHẤT THẢI NGUY HẠI Số: 493/2023/1-2-3-4-5-6.046.VX					
1. Chủ hành nghề QLCTNH 1: Công ty Cổ phần Hòa Anh Địa chỉ văn phòng: Số 37, ngõ 33, đường Ngô Quyền, P. Máy Chai, Q. Ngô Quyền, TP. Hải Phòng Địa chỉ cơ sở/dại lý: Số 37, ngõ 33, đường Ngô Quyền, P. Máy Chai, Q. Ngô Quyền, TP. Hải Phòng		Mã số QLCTNH: 1-2-3-4-5-6.046.VX ĐT: 0225.3765109 ĐT: 0225.3765109					
2. Chủ CS DV XLCTNH 2 :Số Giấy phép môi trường/Mã số QLCTNH (nếu có): Địa chỉ văn phòng: Địa chỉ cơ sở:		ĐT: ĐT:					
3. Chủ nguồn thải: CÔNG TY CỔ PHẦN VINHOMES Địa chỉ văn phòng: Tòa nhà văn phòng Symphony, đường Chu Huy Mân, Khu đô thị sinh thái Vinhomes Riverside, Phường Phúc Lợi, quận Long Biên, thành phố Hà Nội, Việt Nam. Địa chỉ cơ sở: Khu Đô Thị Vinhomes Marina Hải Phòng, Đường Võ Nguyên Giáp, phường Vĩnh Niệm, quận Lê Chân, Hải Phòng.		Mã số QLCTNH: ĐT: 024 3974 9999 ĐT: 024 3974 9999					
4. Kê khai CTNH chuyển giao (sử dụng thêm trang phụ lục cho bảng dưới đây nếu không ghi đủ)							
STT	Tên CTNH	Trạng thái tồn tại			Mã CTNH	Số lượng (kg)	Phương pháp xử lý (hoặc tái sử dụng) ^f
		Rắn	Lỏng	Bùn			
1	Giẻ lau dính dầu mỡ	X			18 02 01	25	TĐ
2	Bóng đèn huỳnh quang thải	X			16 01 06	10	Nghiên, HR
3	Hộp mực in	X			08 02 04	05	TĐ
4	Dầu nhớt bảo trì thải		X		17 02 03	50	TC
5	Bao bì cứng thải bằng kim loại	X			18 01 02	15	Tẩy rửa
6	Pin thải, ắc quy	X			16 01 12	3	Súc rửa, Phá dỡ
^f Ghi lần lượt ký hiệu của phương pháp xử lý đã áp dụng đối với từng CTNH: TC (Tận thu/tái chế); TH (Trung Hòa); PT (Phân tách/chiết/loọc/kết tủa); OH (Oxy hóa); Sinh học (SH); ĐX (Đồng xử lý); TĐ (Thiêu đốt); HR (Hóa rắn); CL (Cố lập/dóng kén); C (Chôn lấp); SC (Sơ chế); Khác (ghi rõ tên phương pháp): Trường hợp tái sử dụng thì ghi: TSD							
5. Xuất khẩu CTNH (nếu có):		Nước nhập khẩu:		Cửa khẩu nhập:			
Số hiệu phương tiện:		Ngày xuất cảng:		Cửa khẩu xuất:			
7. Xác nhận việc tiếp nhận đủ số lượng và loại CTNH như kê khai ở mục 4				Số hiệu phương tiện vận chuyển: 16N-4257			
7.1. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 1/Đơn vị vận chuyển: Cao Văn Trung		Ký:		Ngày: 18/11/2023			
7.2. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 2:		Ký:		Ngày:			
6. Chủ nguồn thải xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-4 (hoặc 5) P. TỔNG GIÁM ĐỐC VẬN HÀNH (ký, ghi họ tên, chức danh, đóng dấu)				8. Chủ hành nghề QLCTNH (cuối cùng) xác nhận đã hoàn thành việc xử lý an toàn tất cả CTNH bằng các phương pháp như kê khai ở mục 4 (hoặc chủ tái sử dụng xác nhận đã tái sử dụng CTNH đúng mục đích ban đầu) GIÁM ĐỐC (ký, ghi họ tên, chức danh, đóng dấu)			
②Liên số: 1 ☐				- 2 ☐			
				- 3 ☐			
				- 4 ☐			



CÔNG TY TNHH E.U.C

VIMCERT
261



QUAN TRÁC
MÔI TRƯỜNG LAO ĐỘNG
NGHỊ ĐỊNH 11/2016/NĐ-CP

Địa chỉ: Số 41/24 Lê Hồng Phong, Khu Phố 4, P. Phú Lợi, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương

VP Đà Nẵng: Số 43 Đỗ Bì, Phường Mỹ An, Quận Ngũ Hành Sơn, Thành Phố Đà Nẵng

VP Hà Nội: Số 3 Ngõ 6 Phố Sa Dổi, Phường Đại Mỗ, Quận Nam Từ Liêm, Thành Phố Hà Nội

Hotline: 0933.42.52.39

Email: eucvina@gmail.com

Web: www.eucvina.com

Số: 2022.612/KQ-EUC

Bình Dương, ngày 01 tháng 07 năm 2022

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

- Tên khách hàng: VINHOMES MARINA HẢI PHÒNG
Địa chỉ: Khu đô thị Vinhomes Marina, đường Võ Nguyên Giáp, phường Vĩnh Niệm, quận Lê Chân, Hải Phòng.
- Loại mẫu: Nước thải
- Mã số mẫu: 2206.138NT

Số lượng: 01

Mã số mẫu	Tên mẫu	Vị trí lấy mẫu	Tình trạng mẫu/ thể tích mẫu
2206.138NT	Nước thải	Sau hệ thống xử lý (Tọa độ: 5 303 396; 597 459)	Mẫu nước trong/ 2L

4. Ngày gửi mẫu: 21/06/2022

Ngày nhận mẫu: 21/06/2022

5. Kết quả thử nghiệm:

Stt	Thông số	Đơn vị	Phương pháp thử nghiệm	Kết quả thử nghiệm 2206.138NT	QCVN 14:2008/ BTNMT (Cột A)
1.	pH ⁽¹⁾	--	TCVN 6492 - 2011	6,74	5 - 9
2.	TDS ⁽¹⁾	mg/L	HD-HI 99300	390	500
3.	TSS ⁽¹⁾	mg/L	SMEWW 2540D: 2017	21,3	50
4.	BOD ₅ ⁽¹⁾	mgO ₂ /L	SMEWW 5210B:2017	21,1	30
5.	NH ₄ ⁺ - N ⁽¹⁾	mg/L	TCVN 5988:1995	4,20	5
6.	NO ₃ ⁻ - N ⁽¹⁾	mg/L	SMEWW 4500-NO ₃ .E:2017	17,0	30
7.	PO ₄ ³⁻ - P ⁽¹⁾	mg/L	SMEWW 4500-P.E:2017	1,67	6
8.	Dầu mỡ ĐTV ⁽¹⁾	mg/L	SMEWW 5520B&F:2017	2,6	10
9.	Coliform ⁽¹⁾	CFU/ 100ml	TCVN 6187 - 1:2019	2.300	3.000
10.	Sunfua ^(a)	mg/L	SMEWW 4500-S ² .B&D:2017	<0,1	1
11.	Chất hoạt động bề mặt ^(a)	mg/L	SMEWW 5540B&C:2017	KPH (<MDL=0,02)	5

Ghi chú: - ⁽¹⁾: Thông số được Bộ Tài nguyên và môi trường công nhận;

- ^(a): Thông số liên kết Vincerts 292;

- Kết quả chỉ có giá trị trên mẫu thử;

- KPH: Không phát hiện; MDL: ngưỡng giới hạn phát hiện của phương pháp;

- Thời gian lưu mẫu: 5 ngày (mẫu nước) kể từ ngày trả kết quả. Hết thời gian lưu mẫu, Công ty TNHH E.U.C không chịu trách nhiệm về việc khiếu nại kết quả thử nghiệm của khách hàng;

- Các nội dung thông tin mẫu được ghi theo yêu cầu của khách hàng.

PHÒNG THỬ NGHIỆM

HOÀNG ANH TRÚC ĐOÀN



GIÁM ĐỐC

NGUYỄN HIỂN THUẬN



CÔNG TY TNHH E.U.C

VIMCERT
261



QUAN TRẮC
MÔI TRƯỜNG LAO ĐỘNG
NGHỊ ĐỊNH 44/2016/NĐ-TP

Địa chỉ: Số 41/24 Lê Hồng Phong, Khu Phố 4, P. Phú Lợi, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương

CN Đà Nẵng: Số 43 Đỗ Bí, Phường Mỹ An, Quận Ngũ Hành Sơn, Tp. Đà Nẵng.

VP Hà Nội: Số 3 Ngõ 6 Phố Sa Đôi, Phường Đại Mỗ, Quận Nam Từ Liêm, TP. Hà Nội

Hotline: 0933.42.52.39

Email: euevina@gmail.com

Website: www.euevina.com

Số: 2022.872/KQ-EUC

Ngày 22 tháng 09 năm 2022.

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

- Tên khách hàng: **VINHOMES MARINA HẢI PHÒNG**
Địa chỉ: Khu đô thị Vinhomes Marina, đường Võ Nguyên Giáp, phường Vĩnh Niệm, quận Lê Chân, Hải Phòng.
- Loại mẫu: Nước thải
- Mã số mẫu: 2209.065NT

Số lượng: 01

Mã số mẫu	Tên mẫu	Vị trí lấy mẫu	Phương pháp lấy và bảo quản mẫu	Tình trạng mẫu
2209.065NT	Nước thải	Sau hệ thống xử lý (Tọa độ: 5 303 396; 597 459)	TCVN 5999:1995; TCVN 6663-14:2008; TCVN 6663-3:2016; TCVN 6663-1:2011; TCVN 8880:2011	Mẫu do khách gửi/ Mẫu đã bảo quản trong chai nhựa kín

4. Ngày nhận mẫu: 14/09/2022

5. Kết quả thử nghiệm:

Stt	Thông số	Đơn vị	Phương pháp thử nghiệm	Kết quả thử nghiệm	QCVN 14:2008/ BTNMT (Cột A)
				2209.065NT	
1.	pH ⁽¹⁾⁽²⁾	--	TCVN 6492 - 2011	6,74	5 - 9
2.	TDS ⁽¹⁾	mg/L	HD-HI 99300	394	500
3.	TSS ⁽¹⁾⁽²⁾	mg/L	SMEWW 2540D: 2017	20	50
4.	BOD ₅ ⁽¹⁾⁽²⁾	mg/L	SMEWW 5210B:2017	22	30
5.	NH ₄ ⁺ - N ⁽¹⁾	mg/L	TCVN 5988:1995	3,8	5
6.	NO ₃ ⁻ - N ⁽¹⁾	mg/L	SMEWW 4500-NO ₃ -E:2017	14,6	30
7.	PO ₄ ³⁻ - P ⁽¹⁾	mg/L	SMEWW 4500-P-E:2017	1,23	6
8.	Dầu mỡ ĐTV ⁽¹⁾	mg/L	SMEWW 5520B&F:2017	2,3	10
9.	Coliform ⁽¹⁾	CFU/ 100ml	TCVN 6187-1:2019	2.400	3.000
10.	Sunfua ^(a)	mg/L	SMEWW 4500-S ₂ -B&D:2017	<0,1	1
11.	Chất hoạt động bề mặt ^(a)	mg/L	SMEWW 5540B&C:2017	0,16	5

Ghi chú: - ⁽¹⁾: Thông số được Bộ Tài nguyên và môi trường công nhận;

- ⁽²⁾: Thông số được công nhận ISO/IEC 17025:2017;

- ^(a): Thông số liên kết Vincerts 292;

- Kết quả chỉ có giá trị trên mẫu thử;

- KPH: Không phát hiện; MDL: ngưỡng giới hạn phát hiện của phương pháp;

- Thời gian lưu mẫu: 5 ngày (mẫu nước) kể từ ngày trả kết quả. Hết thời gian lưu mẫu, Công ty TNHH E.U.C không chịu trách nhiệm về việc khiếu nại kết quả thử nghiệm của khách hàng;

- Các nội dung thông tin mẫu được ghi theo yêu cầu của khách hàng.

PHÒNG THỬ NGHIỆM

(Chữ ký)

HOÀNG ANH TRÚC ĐOÀN



GIÁM ĐỐC

NGUYỄN HIẾN THUẬN



CÔNG TY TNHH E.U.C

VIMCERT
261



QUAN TRÁC
MÔI TRƯỜNG LAO ĐỘNG
NGHỆ NGHIỆP HỮU NGHỊ

Địa chỉ: Số 41/24 Lê Hồng Phong, Khu Phố 4, P. Phú Lợi, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương
VP Đà Nẵng: Số 43 Đỗ Bì, Phường Mỹ An, Quận Ngũ Hành Sơn, Thành Phố Đà Nẵng
VP Hà Nội: Số 3 Ngõ 6 Phố Sa Đới, Phường Đại Mỗ, Quận Nam Từ Liêm, Thành Phố Hà Nội

Hotline: 0933.42.52.39

Email: eucvina@gmail.com

Web: www.eucvina.com

Số: 2022.1140/KQ-EUC

Ngày 01 tháng 12 năm 2022

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

- Tên khách hàng: VINHOMES MARINA HẢI PHÒNG
Địa chỉ: Khu đô thị Vinhomes Marina, đường Võ Nguyên Giáp, phường Vĩnh Niệm, quận Lê Chân, Hải Phòng.
- Loại mẫu: Nước thải
- Mã số mẫu: Số lượng: 01

Mã số mẫu	Tên mẫu	Vị trí lấy mẫu	Phương pháp lấy và bảo quản mẫu	Tình trạng mẫu
2211.103NT	Nước thải	Sau hệ thống xử lý (Tọa độ: 5 303 396; 597 459)	TCVN 5999:1995; TCVN 6663-14:2008; TCVN 6663-3:2016; TCVN 6663-1:2011; TCVN 8880:2011	Mẫu đã được bảo quản tại hiện trường

- Ngày gửi mẫu: 22/11/2022
- Ngày nhận mẫu: 23/11/2022
- Kết quả thử nghiệm:

Stt	Thông số	Đơn vị	Phương pháp thử nghiệm	Kết quả thử nghiệm	QCVN 14:2008/ BTNMT (Cột A)
				2211.103NT	
1.	pH ⁽¹⁾⁽²⁾	--	TCVN 6492 – 2011	6,83	5 – 9
2.	TDS ⁽¹⁾⁽²⁾	mg/L	HD-HI 99300	398	500
3.	TSS ⁽¹⁾⁽²⁾	mg/L	SMEWW 2540D: 2017	23	50
4.	BOD ₅ ⁽¹⁾⁽²⁾	mg/L	SMEWW 5210B:2017	20	30
5.	NH ₄ ⁺ - N ⁽¹⁾	mg/L	TCVN 5988:1995	4,7	5
6.	NO ₃ ⁻ - N ⁽¹⁾⁽²⁾	mg/L	SMEWW 4500-NO ₃ ⁻ .E:2017	14,5	30
7.	PO ₄ ³⁻ - P ⁽¹⁾	mg/L	SMEWW 4500-P.E:2017	1,44	6
8.	Dầu mỡ ĐTV ⁽¹⁾	mg/L	SMEWW 5520B&F:2017	3,7	10
9.	Coliform ⁽¹⁾	CFU/ 100ml	TCVN 6187 – 1:2019	2.500	3.000
10.	Sunfua ⁽¹⁾	mg/L	SMEWW 4500-S ²⁻ .B&D:2017	0,06	1
11.	Chất hoạt động bề mặt ⁽¹⁾	mg/L	SMEWW 5540B&C:2017	KPH (<MDL=0,03)	5

Ghi chú: - ⁽¹⁾: Thông số được Bộ Tài nguyên và môi trường công nhận;
 - ⁽²⁾: Thông số được công nhận ISO/IEC 17025;
 - Kết quả chỉ có giá trị trên mẫu thử;
 - KPH: Không phát hiện; MDL: ngưỡng giới hạn phát hiện của phương pháp;
 - Thời gian lưu mẫu: 5 ngày (mẫu nước) kể từ ngày trả kết quả. Hết thời gian lưu mẫu, Công ty TNHH E.U.C không chịu trách nhiệm về việc khiếu nại kết quả thử nghiệm của khách hàng;
 - Các nội dung thông tin mẫu được ghi theo yêu cầu của khách hàng.

GIÁM ĐỐC
NGUYỄN HIẾN THUẬN



CÔNG TY TNHH E.U.C

VIMCERT

261



QUAN TRÁC
MÔI TRƯỜNG LAO ĐỘNG

Địa Chỉ: Số 41/24 Lê Hồng Phong, Khu Phố 4, P. Phú Lợi, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương
CN Đà Nẵng: Số 80 Phạm Hữu Kính, Phường Mỹ An, Quận Ngũ Hành Sơn, Tp. Đà Nẵng.
VP Hà Nội: Số 3 Ngõ 6 Phố Sa Đồi, Phường Đại Mỗ, Quận Nam Từ Liêm, TP. Hà Nội
Hotline: 0933.42.52.39 Email: eucvina@gmail.com Website: www.eucvina.com

Số: 2023.169/KQ-EUC

Ngày 28 tháng 03 năm 2023

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

- Tên khách hàng: VINHOMES MARINA HẢI PHÒNG
Địa chỉ: Khu đô thị Cầu Rào 2, phường Vĩnh Niệm, quận Lê Chân, Thành phố Hải Phòng
- Loại mẫu: Nước thải
- Mã số mẫu:

Mã số mẫu	Tên mẫu	Vị trí lấy mẫu	Phương pháp lấy và bảo quản mẫu	Tình trạng mẫu
2303.095NT	Nước thải	Vị trí lấy mẫu xả thải Vinhomes Marina (5303396;597459)	TCVN 5999:1995; TCVN 6663-14:2008; TCVN 6663-3:2016; TCVN 6663-1:2011; TCVN 8880:2011	Mẫu đã được bảo quản tại hiện trường

- Ngày gửi mẫu: 16/03/2023 Ngày nhận mẫu: 17/03/2023
- Kết quả thử nghiệm:

Stt	Thông số	Đơn vị	Phương pháp thử nghiệm	Kết quả thử nghiệm 2303.095NT	QCVN 14:2008/ BTNMT (Cột A)
1.	pH ⁽¹⁾	-	TCVN 6492-2011	6,90	5-9
2.	TDS ⁽¹⁾	mg/L	HD-HI 99300	475	500
3.	TSS ⁽¹⁾	mg/L	SMEWW 2540D: 2017	11	50
4.	BOD ₅ ⁽¹⁾	mg/L	TCVN 6001-1:2008	KPH(<MDL=1)	30
5.	NH ₄ ⁺ - N ⁽¹⁾	mg/L	TCVN 5988:1995	1,68	5
6.	NO ₃ ⁻ - N ⁽¹⁾	mg/L	US EPA Method 352.1	1,21	30
7.	PO ₄ ³⁻ - P ⁽¹⁾	mg/L	SMEWW 4500-P-E:2017	2,65	6
8.	Dầu mỡ ĐTV ⁽¹⁾	mg/L	SMEWW 5520B&F:2017	1,8	10
9.	Coliform ⁽¹⁾	MPN/100ml	SMEWW 9221B:2017	1.700	3.000
10.	S ²⁻ ⁽¹⁾	mg/L	SMEWW 4500-S ²⁻ -B&D:2017	KPH (<MDL=0,016)	1
11.	Chất hoạt động bề mặt ⁽¹⁾	mg/L	SMEWW 5540B&C:2017	KPH (<MDL=0,03)	5

Ghi chú: - ⁽¹⁾: Thông số được Bộ Tài nguyên và môi trường công nhận;
- Kết quả chỉ có giá trị trên mẫu thử;
- KPH: Không phát hiện; MDL: ngưỡng giới hạn phát hiện của phương pháp;
- Thời gian lưu mẫu: 5 ngày (mẫu nước) kể từ ngày trả kết quả. Hết thời gian lưu mẫu, Công ty TNHH E.U.C không chịu trách nhiệm về việc khiếu nại kết quả thử nghiệm của khách hàng;
- Các nội dung thông tin mẫu được ghi theo yêu cầu của khách hàng

TRƯỞNG PHÒNG THỬ NGHIỆM

NGUYỄN MINH THIÊN



NGUYỄN HIỂN THUẬN



CÔNG TY TNHH EUC

VIMCERT
261



QUAN TRẮC
MÔI TRƯỜNG LAO ĐỘNG

Địa Chỉ: Số 41/24 Lê Hồng Phong, Khu Phố 4, P. Phú Lợi, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương
CN Đà Nẵng: Số 80 Phạm Hữu Kính, Phường Mỹ An, Quận Ngũ Hành Sơn, Tp. Đà Nẵng
VP Hà Nội: Số 3 Ngõ 6 Phố Sa Đồi, Phường Đại Mỗ, Quận Nam Từ Liêm, TP. Hà Nội
Hotline: 0933.42.52.39 Email: eucvina@gmail.com Website: www.eucvina.com



Số: 2023.684/KQ-EUC

Ngày 20 tháng 06 năm 2023

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

1. Tên khách hàng: VINHOMES MARINA HẢI PHÒNG
Địa chỉ: Khu đô thị Cầu Rào 2, phường Vĩnh Niệm, quận Lê Chân, Thành phố Hải Phòng
2. Loại mẫu: Nước thải
3. Mã số mẫu:

Mã số mẫu	Tên mẫu	Vị trí lấy mẫu	Phương pháp lấy và bảo quản mẫu	Tình trạng mẫu
2306.078NT	Nước thải	Vị trí lấy mẫu xả thải Vinhomes Marina (5303396,597459)	TCVN 5999:1995; TCVN 6663-14:2008; TCVN 6663-3:2016; TCVN 6663-1:2011; TCVN 8880:2011	Mẫu đã được bảo quản tại hiện trường

4. Ngày gửi mẫu: 09/06/2023
5. Kết quả thử nghiệm:

Stt	Thông số	Đơn vị	Phương pháp thử nghiệm	Kết quả thử nghiệm	QCVN 14:2008/ BTNMT (Cột A)
				2306.078NT	
1.	pH ⁽¹⁾	—	TCVN 6492-2011	6,98	5-9
2.	TDS ⁽¹⁾	mg/L	HD-HI 99300	478	500
3.	TSS ⁽¹⁾	mg/L	SMEWW 2540D:2017	16	50
4.	BOD ₅ ⁽¹⁾	mg/L	TCVN 6001-1:2008	5	30
5.	NH ₄ ⁺ - N ⁽¹⁾	mg/L	TCVN 5988:1995	KPH (MDL=1)	5
6.	NO ₃ ⁻ - N ⁽¹⁾	mg/L	US EPA Method 352.1	11,6	30
7.	PO ₄ ³⁻ - P ⁽¹⁾	mg/L	SMEWW 4500-P:E:2017	2,94	6
8.	Dầu mỡ ĐTV ⁽¹⁾	mg/L	SMEWW 5520B&F:2017	7,5	10



CÔNG TY TNHH E.U.C

VIMCERT
261



QUẢN TRẮC
MÔI TRƯỜNG LAO ĐỘNG
NGHỊ ĐỊNH 48/2016/NĐ-CP

EUC

Địa Chỉ: Số 41/24 Lê Hồng Phong, Khu Phố 4, P. Phú Lợi, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương
CN Đà Nẵng: Số 80 Phạm Hữu Kinh, Phường Mỹ An, Quận Ngũ Hành Sơn, Tp. Đà Nẵng.
VP Hà Nội: Số 3 Ngõ 6 Phố Sa Đới, Phường Đại Mỗ, Quận Nam Từ Liêm, TP. Hà Nội
Hotline: 0933.42.52.39 Email: eucvina@gmail.com Website: www.eucvina.com

Stt	Thông số	Đơn vị	Phương pháp thử nghiệm	Kết quả thử nghiệm	QCVN 14:2008/ BTNMT (Cột A)
				2306.078NT	
9.	Coliform ⁽¹⁾	MPN/100ml	SMEWW 9221B:2017	110	3.000
10.	S ² -(1)	mg/L	SMEWW 4500-S ² -B&D:2017	0,075	1
11.	Chất hoạt động bề mặt ⁽¹⁾	mg/L	SMEWW 5540B&C:2017	0,465	5

Ghi chú: - ⁽¹⁾: Thông số được Bộ Tài nguyên và môi trường công nhận;

- Kết quả chỉ có giá trị trên mẫu thử;

- KPH: Không phát hiện; MDL: ngưỡng giới hạn phát hiện của phương pháp;

- Thời gian lưu mẫu: 5 ngày (mẫu nước) kể từ ngày tra kết quả. Hết thời gian lưu mẫu, Công ty TNHH E.U.C không chịu trách nhiệm về việc khiếu nại kết quả thử nghiệm của khách hàng;

- Các nội dung thông tin mẫu được ghi theo yêu cầu của khách hàng.

PHÒNG THỬ NGHIỆM

GIÁM ĐỐC

PHẠM THÁI SƠN

CÔNG TY
TNHH

E. NGUYỄN HIỂN THUẬN

EUC



CÔNG TY TNHH E.U.C

VIMCERT
261



QUAN TRÁC
MÔI TRƯỜNG LAO ĐỘNG
SCIENTIFIC LABORATORY FOR

Địa Chỉ: Số 41/24 Lê Hồng Phong, Khu Phố 4, P. Phú Lợi, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương
CN Đà Nẵng: Số 80 Phạm Hữu Kinh, Phường Mỹ An, Quận Ngũ Hành Sơn, Tp. Đà Nẵng.
VP Hà Nội: Số 3 Ngõ 6 Phố Sa Đới, Phường Đại Mỗ, Quận Nam Từ Liêm, TP. Hà Nội
Hotline: 0933.42.52.39 Email: eucvina@gmail.com Website: www.eucvina.com

Số: 2023.1250/KQ-EUC

Ngày 28 tháng 09 năm 2023

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

1. Tên khách hàng: VINHOMES MARINA HẢI PHÒNG
Địa chỉ: Khu đô thị Cầu Rào 2, phường Vĩnh Niệm, quận Lê Chân, Thành phố Hải Phòng
2. Loại mẫu: Nước thải
3. Mã số mẫu:

Mã số mẫu	Tên mẫu	Vị trí lấy mẫu	Phương pháp lấy và bảo quản mẫu	Tình trạng mẫu
2309.130NT	Nước thải	Vị trí lấy mẫu xả thải Vinhomes Marina (5303396;597459)	TCVN 5999:1995; TCVN 6663-14:2008; TCVN 6663-3:2016; TCVN 6663-1:2011; TCVN 8880:2011	Mẫu đã được bảo quản tại hiện trường

4. Ngày gửi mẫu: 20/09/2023
5. Kết quả thử nghiệm:

Stt	Thông số	Đơn vị	Phương pháp thử nghiệm	Kết quả thử nghiệm 2309.130NT	QCVN 14:2008/ BTNMT (Cột A)
1.	pH ⁽¹⁾	---	TCVN 6492-2011	6,86	5-9
2.	TDS ⁽¹⁾	mg/L	HD-HI 99300	355	500
3.	TSS ⁽¹⁾	mg/L	SMEWW 2540D:2017	6	50
4.	BOD ₅ ⁽¹⁾	mg/L	TCVN 6001-1:2008	5	30
5.	NH ₄ ⁺ - N ⁽¹⁾	mg/L	TCVN 5988:1995	KPH (MDL=1)	5
6.	NO ₃ ⁻ - N ⁽¹⁾	mg/L	US EPA Method 352.1	10	30
7.	PO ₄ ³⁻ - P ⁽¹⁾	mg/L	SMEWW 4500-P-E:2017	1,64	6
8.	Dầu mỡ ĐTV ⁽¹⁾	mg/L	SMEWW 5520B&F:2017	KPH (MDL=0,3)	10
9.	Coliform ⁽¹⁾	MPN/100ml	SMEWW 9221B:2017	110	3.000
10.	S ²⁻ ⁽¹⁾	mg/L	SMEWW 4500-S ₂ -B&D:2017	KPH (MDL=0,016)	1
11.	Chất hoạt động bề mặt ⁽¹⁾	mg/L	SMEWW 5540B&C:2017	0,293	5

Ghi chú: -⁽¹⁾: Thông số được Bộ Tài nguyên và môi trường công nhận.

- Kết quả chỉ có giá trị trên mẫu thử.

- KPH: Không phát hiện; MDL: ngưỡng giới hạn phát hiện của phương pháp.

- Thời gian lưu mẫu: 5 ngày (mẫu nước) kể từ ngày trả kết quả. Hệ thống lưu mẫu của Công ty TNHH E.U.C không chịu trách nhiệm về việc khiếu nại kết quả thử nghiệm của khách hàng.

- Các nội dung thông tin mẫu được ghi theo yêu cầu của khách hàng.

PHÒNG THỬ NGHIỆM

PHẠM THÁI SON



NGUYỄN HIẾN THUẬN



CÔNG TY TNHH E.U.C

VIMCERT
261



QUAN TRẮC
MÔI TRƯỜNG LAO ĐỘNG
NGHỊ ĐỊNH 44/2016/NĐ-CP

Địa Chỉ: Số 41/24 Lê Hồng Phong, Khu Phố 4, P. Phú Lợi, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương
CN Đà Nẵng: Số 80 Phạm Hữu Kính, Phường Mỹ An, Quận Ngũ Hành Sơn, Tp. Đà Nẵng.
VP Hà Nội: Số 3 Ngõ 6 Phố Sa Đới, Phường Đại Mỗ, Quận Nam Từ Liêm, TP. Hà Nội
Hotline: 0933.42.52.39 Email: euevina@gmail.com Website: www.euevina.com

Số: 2023.1825/KQ-EUC

Ngày 23 tháng 12 năm 2023

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

- Tên khách hàng: VINHOMES MARINA HẢI PHÒNG
Địa chỉ: Khu đô thị Cầu Rào 2, phường Vĩnh Niệm, quận Lê Chân, Thành phố Hải Phòng
- Loại mẫu: Nước thải
- Thời gian thử nghiệm: 13/12/2023 – 22/12/2023
- Mã số mẫu:

Mã số mẫu	Vị trí lấy mẫu	Phương pháp lấy và bảo quản mẫu	Tình trạng mẫu
2312.169NT	Vị trí lấy mẫu xả thải Vinhomes Marina (5303396;597459)	TCVN 5999:1995; TCVN 6663-14:2008; TCVN 6663-3:2016; TCVN 6663-1:2011; TCVN 8880:2011	Mẫu đã được bảo quản tại hiện trường

5. Ngày gửi mẫu: 13/12/2023

6. Kết quả thử nghiệm:

Stt	Thông số	Đơn vị	Phương pháp thử nghiệm	Kết quả thử nghiệm 2312.169NT	QCVN 14:2008/ BTNMT (Cột A)
1.	pH ⁽¹⁾	--	TCVN 6492 – 2011	6,85	5 – 9
2.	TDS ⁽¹⁾	mg/L	HD-HI 99300	395	500
3.	TSS ⁽¹⁾	mg/L	SMEWW 2540D: 2017	10	50
4.	BOD ₅ ⁽¹⁾	mg/L	TCVN 6001-1:2008	13	30
5.	NH ₄ ⁺ - N ⁽¹⁾	mg/L	TCVN 5988:1995	2,8	5
6.	NO ₃ ⁻ - N ⁽¹⁾	mg/L	US EPA Method 352.1	0,448	30
7.	PO ₄ ³⁻ - P ⁽¹⁾	mg/L	SMEWW 4500-P.E:2017	0,119	6
8.	Dầu mỡ ĐTV ⁽¹⁾	mg/L	SMEWW 5520B&F:2017	2,1	10
9.	Coliform ⁽¹⁾	MPN/100ml	SMEWW 9221B:2017	1.700	3.000
10.	S ²⁻ ⁽¹⁾	mg/L	SMEWW 4500-S ²⁻ .B&D:2017	0,253	1
11.	Chất hoạt động bề mặt ⁽¹⁾	mg/L	SMEWW 5540B&C:2017	0,489	5

Ghi chú:

- ⁽¹⁾: Thông số được Bộ Tài nguyên và môi trường công nhận;
- Kết quả chỉ có giá trị đối với mẫu tại thời điểm lấy;
- KPH: Không phát hiện; MDL: ngưỡng giới hạn phát hiện của phương pháp;
- Thời gian lưu mẫu: 5 ngày (mẫu nước) kể từ ngày trả kết quả. Hết thời gian lưu mẫu, Công ty TNHH E.U.C không chịu trách nhiệm về việc khiến lại kết quả thử nghiệm của khách hàng;
- Các nội dung thông tin mẫu được ghi theo yêu cầu của khách hàng.

PHÒNG THÍ NGHIỆM

PHẠM THÁI SƠN



NGUYỄN HIẾN THUẬN

Số: 284 /2024/KQQT

PHIẾU KẾT QUẢ PHÂN TÍCH MẪU NƯỚC
RESULT OF WATER ANALYSIS

Tên mẫu/
Name of sample : Mẫu nước thải.
Tên khách hàng/
Name of clients : Chi nhánh tại Hải Phòng – Công ty Cổ phần Vinhomes.
Địa điểm lấy mẫu/
Place of sample : Khu đô thị Vinhomes Marina – đường Võ Nguyên Giáp, phường Vĩnh Niệm, quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng.

Ngày lấy mẫu/
Date of sampling : 29/3/2024
Ngày phân tích/
Date of test : 29/3/2024
VILAS 245

TT/ No.	Tên mẫu/ Name of sample	Mã số mẫu/ Sample ID
1	Mẫu nước thải tại hố ga cuối trên góc đường phía Đông Bắc khu đô thị (gần Miếu Linh Từ), trước khi đầu nối vào cống hộp 1500x1500 (công thoát nước hiện trạng của khu dân cư lân cận khu đô thị). Tọa độ: 2303396.880X; 597459.660Y. (NT1)	0329348

Kết quả phân tích được thể hiện tại trang sau (trang 2/2).

Hải Phòng, ngày 15 tháng 4 năm 2024.

TM. NHÓM PHÂN TÍCH

PHÒNG QT&PT MT

GIÁM ĐỐC

Nguyễn Thị Hải Âu

Nguyễn Văn Tiếp

Đàm Văn Quỳnh

(*): Những phép thử đã được VILAS công nhận/The methods were approved by VILAS; (**): Những phép thử thực hiện bởi nhà thầu phụ/The methods are performing by subcontractors; (#) Phương pháp do PTN xây dựng/ Laboratory – developed methods.
Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu phân tích/ The test result is valid for analysed sample only.
Kết quả này không được sao chép từng phần, ngoại trừ toàn bộ, nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của HACEM/ The test result shall not be reproduced except in full, without the written approval of HACEM

SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG HẢI PHÒNG
TRUNG TÂM QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG

DEPARTMENT OF NATURAL RESOURCES AND ENVIRONMENT
HAIPHONG CENTRE FOR ENVIRONMENTAL MONITORING - HACEM



Địa: 275 Lạch Tray - Ngõ Quỳ - Hải Phòng;
Tel/Fax (84-225)3733.493, Email: achung@hacem.com.vn

Số: 284 /2024/KQQT

KẾT QUẢ PHÂN TÍCH
RESULTS OF ANALYSIS

TT/ No.	Thông số/ Parameters	Phương pháp/ Methods	Đơn vị/ Unit	KẾT QUẢ/ RESULTS	QCVN 14:2008/ BTNMT (Cột A, K=1) ⁽¹⁾
				0329348	
1	pH	TCVN 6492:2011	-	7,61	5-9
2	BOD ₅ (20°C) ^(*)	TCVN 6001-1:2008	mg/l	9,8	30
3	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS) ^(*)	SMEWW 2540D:2023	mg/l	11,8	50
4	Tổng chất rắn hòa tan	QT-HIT.02 ^(#)	mg/l	288,0	500
5	Sunfua (tính theo H ₂ S)	SMEWW 4500-S2-B&D:2023 MDL = 0,032mg/l	mg/l	ND	1
6	Amoni (tính theo N) ^(*)	TCVN 6179-1:1996	mg/l	0,11	5
7	Nitrat (NO ₃ ⁻) (tính theo N)	SMEWW 4500-NO ₃ -E:2023	mg/l	4,9	30
8	Dầu mỡ động, thực vật	SMEWW 5520B&F:2023	mg/l	0,80	10
9	Tổng các chất hoạt động bề mặt	SMEWW 5540B&C:2023	mg/l	0,041	5
10	Phosphat (PO ₄ ³⁻) (tính theo P) ^(*)	TCVN 6202:2008	mg/l	0,96	6
11	Tổng Coliforms	SMEWW 9221B:2023	mg/l	2700	3000

- MDL: Giới hạn phát hiện của phương pháp/ Method Detection Limit.
- SMEWW: Standard Method for the Examination of Water and Wastewater.
- ND: Không phát hiện/ Not detected.
- ⁽¹⁾ QCVN 14:2008/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt/ National technical regulation on domestic wastewater.
- (-): Không quy định trong quy chuẩn.

(*): Những phép thử đã được VILAS công nhận/ The methods were approved by VILAS; (**): Những phép thử thực hiện bởi nhà thầu phụ/ The methods are performing by subcontractors; (#) Phương pháp do PTN xây dựng/ Laboratory – developed methods.
Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu phân tích/ The test result is valid for analysed sample only.
Kết quả này không được sao chép từng phần, ngoại trừ toàn bộ, nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của HACEM/ The test result shall not be reproduced except in full, without the written approval of HACEM



Số: 528 /2024/KQQT

PHIẾU KẾT QUẢ PHÂN TÍCH MẪU NƯỚC
RESULT OF WATER ANALYSIS

Tên mẫu/
Name of sample : Mẫu nước thải.
Tên khách hàng/
Name of clients : Chi nhánh tại Hải Phòng – Công ty Cổ phần Vinhomes.
Địa điểm lấy mẫu/
Place of sample : Khu đô thị Vinhomes Marina – đường Võ Nguyên Giáp, phường Vĩnh Niệm, quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng. (xả thải)

Ngày lấy mẫu : 20/6/2024
Ngày phân tích : 20/6 – 01/7/2024
Date of analysis : 01/7/2024

TT/ No.	Tên mẫu/ Name of sample	Mã số mẫu/ Sample ID
1	Mẫu nước thải tại vị trí xả thải. Tọa độ: 2303396.880X; 597459.660Y. (NT1)	0620807

Kết quả phân tích được thể hiện tại trang sau (trang 2/2).

Hải Phòng, ngày 03 tháng 7 năm 2024.

TM. NHÓM PHÂN TÍCH

PHÒNG QT&PT MT

GIÁM ĐỐC

Nguyễn Thị Hải Âu

Nguyễn Văn Tiếp

Đàm Văn Quỳnh

(*) : Những phép thử đã được VILAS công nhận/ The methods were approved by VILAS; (**) : Những phép thử thực hiện bởi nhà thầu phụ/ The methods are performing by subcontractors; (#) Phương pháp do PTN xây dựng/ Laboratory – developed methods.
Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu phân tích/ The test result is valid for analysed sample only.
Kết quả này không được sao chép từng phần, ngoại trừ toàn bộ, nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của HACEM/ The test result shall not be reproduced except in full, without the written approval of HACEM

SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG HẢI PHÒNG
TRUNG TÂM QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG

DEPARTMENT OF NATURAL RESOURCES AND ENVIRONMENT
HAIPHONG CENTRE FOR ENVIRONMENTAL MONITORING - HACEM



Địa: 275 Lêch Tray - Ngõ Quyn - Hải Phòng
Tel/Fax (84-225) 3733.493; Email: aibuh@hacem.com.vn

Số: 528 /2024/KQQT

KẾT QUẢ PHÂN TÍCH
RESULTS OF ANALYSIS

TT/ No.	Thông số/ Parameters	Phương pháp/ Methods	Đơn vị/ Unit	KẾT QUẢ/ RESULTS	QCVN 14:2008/ BTNMT (Cột A, K=1) ⁽¹⁾
				0620807	
1	pH	TCVN 6492:2011	-	7,09	5-9
2	BOD ₅ (20°C) ^(*)	TCVN 6001-1:2008	mg/l	5,1	30
3	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS) ^(*)	SMEWW 2540D:2023	mg/l	25,1	50
4	Tổng chất rắn hòa tan	QT-HIT.02 ^(#)	mg/l	300,0	500
5	Sulfua (tính theo H ₂ S)	SMEWW 4500-S2-.B&I:2023 MDL = 0,032mg/l	mg/l	ND	1
6	Amoni (tính theo N) ^(*)	TCVN 6179-1:1996	mg/l	0,32	5
7	Nitrat (NO ₃ ⁻) (tính theo N)	SMEWW 4500-NO ₃ -E:2023	mg/l	4,6	30
8	Dầu mỡ động, thực vật	SMEWW 5520B&F:2023	mg/l	0,84	10
9	Tổng các chất hoạt động bề mặt	SMEWW 5540B&C:2023	mg/l	0,079	5
10	Phosphat (PO ₄ ³⁻) (tính theo P) ^(*)	TCVN 6202:2008	mg/l	0,75	6
11	Tổng Coliforms	SMEWW 9221B:2023	mg/l	2200	3000

- MDL: Giới hạn phát hiện của phương pháp/ Method Detection Limit.
- SMEWW: Standard Method for the Examination of Water and Wastewater.
- ND: Không phát hiện/ Not detected.
- ⁽¹⁾ QCVN 14:2008/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt/ National technical regulation on domestic wastewater.

(*): Những phép thử đã được VILAS công nhận/ The methods were approved by VILAS; (**): Những phép thử thực hiện bởi nhà thầu phụ/ The methods are performing by subcontractors; (#) Phương pháp do PTN xây dựng/ Laboratory – developed methods.
Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu phân tích/ The test result is valid for analysed sample only.
Kết quả này không được sao chép từng phần, ngoại trừ toàn bộ, nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của HACEM/ The test result shall not be reproduced except in full, without the written approval of HACEM

SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG HẢI PHÒNG
TRUNG TÂM QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG

HAIPHONG DEPARTMENT OF NATURAL RESOURCES AND ENVIRONMENT
HAIPHONG CENTRE FOR ENVIRONMENTAL MONITORING HACEM



HAIPHONG

HAIPHONG

Ngô Quý Yên - Hải Phòng

Điện thoại: 031.354.11.111 Email: hacem@hacem.com.vn

Số: 620/2022/BBQT

BIÊN BẢN

Quan trắc môi trường

Hôm nay, vào hồi 8... giờ 25... phút, ngày 21... tháng 12... năm 2022

Tại: Khu đô thị Cầu Kênh 2 - Tập Đoàn King Group Công ty CP...
Địa chỉ: Phường Vĩnh Niệm, Quận Lê Chân, Hải Phòng

Loại hình sản xuất:

Sản phẩm chính (sản lượng/tháng):

Trung tâm Quan trắc môi trường tiến hành quan trắc môi trường khu vực:

Thực hiện Kế hoạch số 42/KH-STN&MT ngày 12 của Sở

Tài nguyên và Môi trường về việc giám sát các nguồn thải lớn, các nguồn thải có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường trên địa bàn thành phố

Theo những nội dung sau:

Quan trắc tại tầng 01 (mặt đất) của nhà máy sản xuất Xà...
Mặt thải: Tọa độ: 2303396.880 X; 593459.660 Y Theo giấy phép
Xả thải: vào nguồn nước số 1240-100-10-10 ngày 23 tháng
6 năm 2021

Điều kiện thời tiết/khí tượng:

Ngày 21/12/2022: T_{đm} M_{đm}

Hướng gió Đ_m B_m, tốc độ gió 1,8 m/s;

Nhiệt độ trung bình 19,5 °C, độ ẩm tương đối 58 %, áp suất 101,2 kPa.

Tình trạng hoạt động (đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh dịch vụ và cơ sở đang hoạt động khác):

Trong thời gian tiến hành quan trắc và lấy mẫu Hệ thống Xử lý nước thải đang hoạt động;

Lượng nước sử dụng bình quân m³/tháng (theo hóa đơn tiền nước tháng (từ tháng đến tháng)

tháng 12 năm 2022 là 343,75 m³/tháng

Việc quan trắc kết thúc vào hồi: 8... giờ... 40... phút, ngày 11.. tháng 11 năm 2022, có sự chứng kiến của:

1. Bà Nguyễn Thị Thanh Hương: Chuyên Viên Lưu Dữ Liệu về môi trường

2. Ông Phạm Đăng Khoa: Nhân Viên Tổng Hành Chính Công Ty

3. Bà Nguyễn Thị Hồng Bích: Giám Đốc Công Ty

Biên bản được lập xong vào hồi 8... giờ 40 phút, ngày 11 tháng 11 năm 2022, các bên tham dự nhất trí thông qua./.

Đại diện nhân dân
(nếu cần)

Đại diện Cơ sở

Đại diện cơ quan
quản lý (nếu cần)

Trung tâm QTMT



Nguyễn Thị Hồng Bích ký và Thanh Hương

Phạm Đăng Khoa



Các thông số quan trắc hiện trường và phân tích môi trường do Trung tâm Quan trắc môi trường thực hiện theo Quyết định 1434/QĐ-BTNMT ngày 13 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài nguyên và Môi trường (VIMCERT 008) hoặc những nhà thầu phụ thực hiện đã được Bộ Tài nguyên và Môi trường chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường theo Nghị định 127/2014/NĐ-CP của Chính phủ. Chi tiết phương pháp thử, giới hạn phát hiện của các thông số được trình bày kèm theo các Quyết định được phê duyệt.

Danh sách các nhà thầu phụ:

1. Trung tâm Quan trắc môi trường – Tổng cục Môi trường (VIMCERT 027).
2. Viện Công nghệ môi trường thuộc Viện Hàn lâm và Khoa học Công nghệ Việt Nam (VIMCERT 079).
3. Viện Khoa học và Công nghệ môi trường – Trường Đại học Bách Khoa Hà Nội (VIMCERT 055).
4. Công ty Cổ phần Kỹ thuật và Phân tích môi trường (VIMCERT 006).
5. Công ty Cổ phần quan trắc và xử lý môi trường Thái Dương (VIMCERT 163).

...

BIÊN BẢN XÁC NHẬN

Hôm nay, ngày 17. tháng 12 năm 2021, tại Trung tâm Quan trắc Môi trường – Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Hải Phòng, chúng tôi gồm:

1. Đại diện Sở Tài nguyên và Môi trường:

Bà Lê Thị Hồng Nhung

Chức vụ: Chánh Văn phòng Sở

Ông Đàm Văn Quỳnh

Chức vụ: Giám đốc Trung tâm QTMT.

2. Đại diện đơn vị chủ nguồn thải:

Ông Phạm Văn Khương

Chức vụ: Phó tổng giám đốc

Ông \

Chức vụ: \

- Thông tin liên hệ:

+ Tên đơn vị: Tập đoàn Vingroup – Công ty CP;

+ Địa chỉ: Số 7 đường Bằng Lăng 1, khu đô thị sinh thái Vinhomes

Riverside, Phường Phúc Lợi, Quận Long Biên, Thành phố Hà Nội, Việt Nam;

- Đơn vị vận hành:

+ Tên đơn vị vận hành: Công ty cổ phần Vinhomes;

+ Địa chỉ: Tòa nhà văn phòng Symphony, đường Chu Huy Mân, khu đô thị sinh thái Vinhomes Riverside, Phường Phúc Lợi, Quận Long Biên, Thành phố Hà Nội, Việt Nam;

+ Email: v.kythuat-vhmarina@vinhomes.vn;

+ Số điện thoại: 0917.010.022 (hotline)

3. Đại diện đơn vị lắp đặt hệ thống quan trắc tự động, dẫn truyền dữ liệu: Công ty Cổ phần Liên danh Xây lắp và Môi trường MTC-Á Châu

Ông Hà Văn Huân

Chức vụ: Phó Tổng giám đốc

Ông \

Chức vụ: \

Cùng nhau xác nhận việc tiếp nhận dữ liệu quan trắc tự động của trạm quan trắc nước thải tự động, liên tục thuộc dự án “Khu đô thị Cầu Rào 2 - Vinhomes Marina”. Cụ thể như sau:

a. Thông số đo, tần suất truyền dữ liệu:

- Giám sát tự động, liên tục các thông số: Nhiệt độ, pH, COD, TSS, Amoni, Lưu lượng đầu ra, Lưu lượng đầu vào.

- Tần suất truyền số liệu: 5 phút/lần

b. Vị trí lắp đặt và cách thức lấy tín hiệu:

- Hệ thống quan trắc nước thải tự động, liên tục được lắp đặt tại vị trí bề nước thải sau hệ thống xử lý.

- Toạ độ đặt các đầu đo (theo VN 2000): X=2303085.559; Y=571503.856 (m)

c. Cách truyền:

Dữ liệu đã được truyền không dây về Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Hải Phòng.



Chủ nguồn thải cam kết duy trì hoạt động của hệ thống giám sát nêu trên và đảm bảo việc truyền dẫn dữ liệu giám sát nguồn thải về Sở Tài nguyên và Môi trường được liên tục và thông suốt 24/24 giờ.

Biên bản được lập xong vào hồi 16 giờ 00 phút cùng ngày. Các bên tham dự nhất trí thông qua. Biên bản được lập thành 04 bản, có giá trị như nhau, mỗi bên giữ 01 bản./.

Sở Tài nguyên và Môi trường

TL. Giám đốc

Trung tâm QTMT



CHÁNH VĂN PHÒNG

Lê Thị Hồng Nhung



GIÁM ĐỐC

Đàm Văn Quỳnh

Chủ nguồn thải

OL



PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC

Phạm Văn Khương

Đơn vị lắp đặt

OL



PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC

Hà Văn Hoàn



UBND THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG
SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số ~~2174~~ 2174/STNMT-CCBVM
V/v kết nối dữ liệu hệ thống quan trắc
nước thải tự động, liên tục

Hải Phòng, ngày ~~24~~ 24 tháng 6 năm 2021

Kính gửi: Tập đoàn Vingroup - Công ty CP

Sở Tài nguyên và Môi trường tiếp nhận Công văn số 2473/2021/CV-Vingroup ngày 03/6/2021 của Tập đoàn Vingroup - Công ty CP (địa chỉ trụ sở chính: tòa nhà văn phòng Symphony, đường Chu Huy Mẫn, khu đô thị sinh thái Vinhomes Riverside, phường Phúc Lợi, quận Long Biên, Hà Nội) về việc đề nghị kết nối dữ liệu hệ thống quan trắc nước thải tự động về Sở Tài nguyên và Môi trường cho Dự án khu đô thị Cầu Rào 2-Vinhomes Marina tại phường Vĩnh Niệm, quận Lê Chân, Hải Phòng.

Căn cứ Điều 39 Nghị định số 38/2015/NĐ-CP ngày 24/4/2015 của Chính phủ về quản lý chất thải và phế liệu được sửa đổi, bổ sung tại khoản 20 Điều 3 Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường; Thông tư số 24/2017/TT-BTNMT ngày 01/9/2017 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về quy định kỹ thuật quan trắc môi trường (Thông tư số 24/2017/TT-BTNMT), Sở Tài nguyên và Môi trường có ý kiến như sau:

1. Yêu cầu Tập đoàn Vingroup - Công ty CP lắp đặt đầy đủ thiết bị quan trắc tự động đối với 07 thông số gồm: lưu lượng (đầu vào và đầu ra), nhiệt độ, pH, TSS, COD, ammonia (theo Công văn số 2473/2021/CV-Vingroup ngày 03/6/2021 của Tập đoàn Vingroup - Công ty CP mới lắp đặt 06 thông số bao gồm: lưu lượng, nhiệt độ, pH, TSS, COD, ammonia).

2. Thông tin truyền dữ liệu về Sở Tài nguyên và Môi trường cấp cho Tập đoàn Vingroup - Công ty CP như sau:

Stt	Vị trí	Địa chỉ nhận dữ liệu	User	Password
1	Trạm XLNT	FTP://118.70.184.124	vhmarinahp	vhmarinahp@123

3. Các yêu cầu cơ bản và đặc tính kỹ thuật của hệ thống quan trắc nước thải tự động cần đảm bảo theo quy định tại Mục 1 Chương IV Thông tư số 24/2017/TT-BTNM ngày 01/9/2017 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

4. Yêu cầu đối với hệ thống nhận, truyền và quản lý dữ liệu tại cơ sở (data logger) cần đảm bảo quy định tại Điều 56 Thông tư số 24/2017/TT-BTNMT ngày 01/9/2017 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

5. Trước khi hệ thống quan trắc nước thải tự động, liên tục đưa vào vận hành chính thức, đề nghị Tập đoàn Vingroup - Công ty CP gửi hồ sơ, tài liệu liên quan theo quy định tại Khoản 5 Điều 50 Thông tư số 24/2017/TT-BTNMT ngày 01/9/2017 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về Sở Tài nguyên và Môi trường.

Sở Tài nguyên và Môi trường thông báo để Tập đoàn Vingroup - Công ty CP đề biết, thực hiện./. 

Nơi nhận:

- Như trên;
- GD Sở;
- PGD Sở P.V.Thuần;
- CC BVMT (02); TTQTMT;
- Lưu: VT. 

**KT.GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**




Phạm Văn Thuận

UBND THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG
SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số ~~2174~~ STNMT-CCBVM
V/v kết nối dữ liệu hệ thống quan trắc
nước thải tự động, liên tục

Hải Phòng, ngày ~~24~~ tháng 6 năm 2021

Kính gửi: Tập đoàn Vingroup - Công ty CP

Sở Tài nguyên và Môi trường tiếp nhận Công văn số 2473/2021/CV-Vingroup ngày 03/6/2021 của Tập đoàn Vingroup - Công ty CP (địa chỉ trụ sở chính: tòa nhà văn phòng Symphony, đường Chu Huy Mẫn, khu đô thị sinh thái Vinhomes Riverside, phường Phúc Lợi, quận Long Biên, Hà Nội) về việc đề nghị kết nối dữ liệu hệ thống quan trắc nước thải tự động về Sở Tài nguyên và Môi trường cho Dự án khu đô thị Cầu Rào 2-Vinhomes Marina tại phường Vĩnh Niệm, quận Lê Chân, Hải Phòng.

Căn cứ Điều 39 Nghị định số 38/2015/NĐ-CP ngày 24/4/2015 của Chính phủ về quản lý chất thải và phế liệu được sửa đổi, bổ sung tại khoản 20 Điều 3 Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường; Thông tư số 24/2017/TT-BTNMT ngày 01/9/2017 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về quy định kỹ thuật quan trắc môi trường (Thông tư số 24/2017/TT-BTNMT), Sở Tài nguyên và Môi trường có ý kiến như sau:

1. Yêu cầu Tập đoàn Vingroup - Công ty CP lắp đặt đầy đủ thiết bị quan trắc tự động đối với 07 thông số gồm: lưu lượng (đầu vào và đầu ra), nhiệt độ, pH, TSS, COD, ammonia (theo Công văn số 2473/2021/CV-Vingroup ngày 03/6/2021 của Tập đoàn Vingroup - Công ty CP mới lắp đặt 06 thông số bao gồm: lưu lượng, nhiệt độ, pH, TSS, COD, ammonia).

2. Thông tin truyền dữ liệu về Sở Tài nguyên và Môi trường cấp cho Tập đoàn Vingroup - Công ty CP như sau:

Stt	Vị trí	Địa chỉ nhận dữ liệu	User	Password
1	Trạm XLNT	FTP://118.70.184.124	vhmarinahp	vhmarinahp@123

3. Các yêu cầu cơ bản và đặc tính kỹ thuật của hệ thống quan trắc nước thải tự động cần đảm bảo theo quy định tại Mục 1 Chương IV Thông tư số 24/2017/TT-BTNM ngày 01/9/2017 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

4. Yêu cầu đối với hệ thống nhận, truyền và quản lý dữ liệu tại cơ sở (data logger) cần đảm bảo quy định tại Điều 56 Thông tư số 24/2017/TT-BTNMT ngày 01/9/2017 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

5. Trước khi hệ thống quan trắc nước thải tự động, liên tục đưa vào vận hành chính thức, đề nghị Tập đoàn Vingroup - Công ty CP gửi hồ sơ, tài liệu liên quan theo quy định tại Khoản 5 Điều 50 Thông tư số 24/2017/TT-BTNMT ngày 01/9/2017 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về Sở Tài nguyên và Môi trường.

Sở Tài nguyên và Môi trường thông báo để Tập đoàn Vingroup - Công ty CP để biết, thực hiện./. 

Nơi nhận:

- Như trên;
- GD Sở;
- PGD Sở P.V.Thuấn;
- CC BVMT (02); TTQTMT;
- Lưu: VT, 

**KT.GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**




Phạm Văn Thuấn

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

-----o0o-----

Hải Phòng, ngày 12 tháng 12 năm 2023

**BIÊN BẢN KIỂM TRA CÁC ĐẶC TÍNH VÀ ĐỘ CHÍNH XÁC TƯƠNG ĐỐI
CỦA HỆ THỐNG QUAN TRẮC NƯỚC THẢI TỰ ĐỘNG, LIÊN TỤC
KHU ĐÔ THỊ VINHOMES MARINA HẢI PHÒNG**

I. Thông tin cơ sở

- Tên cơ sở: Chi nhánh tại Hải Phòng - Công ty Cổ phần Vinhomes
- Địa điểm hệ thống quan trắc nước thải: Khu đô thị Vinhomes Marina, đường Võ Nguyên Giáp, phường Vĩnh Niệm, quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng

II. Thông tin đơn vị thực hiện kiểm tra

- Tên đơn vị kiểm tra: Trung tâm Phân tích và Môi trường
- Địa chỉ: 7A/25 Láng Hạ, Ba Đình, Hà Nội
- Đại diện đơn vị: Đặng Ngọc Long
- Thời gian kiểm tra: 01/12/2023

III. Mục đích của việc kiểm tra

- ☐ Kiểm tra trước khi hệ thống đi vào hoạt động chính thức
- ☒ Kiểm tra định kỳ (1 lần/năm)
- ☐ Kiểm tra, thanh tra đột xuất

IV. Hạng mục kiểm tra

1. Thông số quan trắc: pH, TSS, COD, Amoni, Nhiệt độ, Lưu lượng đầu ra, Lưu lượng đầu vào.

2. Vị trí quan trắc: Trạm xử lý nước thải khu đô thị Vinhomes Marina Hải Phòng.

- Sau hệ thống xử lý nước thải và trước khi xả ra nguồn tiếp nhận	Đạt ☒ Không đạt ☐
---	--

3. Phương án lắp đặt thiết bị quan trắc

a) Phương án trực tiếp:

Các thông số quan trắc sử dụng phương án trực tiếp: Lưu lượng đầu ra, Lưu lượng đầu vào.

- Các thiết bị quan trắc được đặt trực tiếp trong bể nước thải sau hệ thống xử lý, vị trí đặt các đầu đo phải cách ít nhất 10 cm từ bề mặt nước thải và ít nhất 15 cm từ đáy	Đạt ☒ Không đạt ☐
--	--

b) Phương án gián tiếp

Các thông số quan trắc sử dụng phương án gián tiếp: pH, TSS, COD, Nhiệt độ, Amoni

4. Thiết bị quan trắc

a	Vận hành liên tục, ổn định 24/24h (có bằng chứng kèm theo: bảng kết quả quan trắc)	Có ☒ Không ☐
b	Đo và trả kết quả theo đơn vị mg/L (có bằng chứng kèm theo: chụp ảnh màn hình hiển thị hoặc bảng kết quả quan trắc dữ liệu gốc)	Có ☒ Không ☐
c	Kết quả kiểm soát độ chính xác tương đối của các thiết bị quan trắc	
c1	Các thiết bị được hiệu chuẩn theo quy định (kèm theo giấy chứng nhận hiệu chuẩn thiết bị)	Có ☒ Không ☐
c2	Quan trắc đối chứng	
-	Phương pháp quan trắc đối chứng đối với thông số cụ thể	+ pH: TCVN 6492:2011 + COD: SMEWW 5220C:2017 + Lưu lượng: EPA-600/4-82-029 + TSS: TCVN 6625:2000 + Amoni: TCVN 6179-1:1996 + Nhiệt độ: SMEWW 2550B:2017
-	Số lần quan trắc đối chứng Kết quả tính toán từ hai bộ số liệu quan trắc đối chứng đối với từng thông số Kết luận: thiết bị đạt tiêu chuẩn để hoạt động Đạt ☒ Không đạt ☐	01 lần (06 mẫu/thông số/1 lần) + pH: Độ sai khác: 0,06 Độ lệch tiêu chuẩn: 0,12 Hệ số tin cậy: 0,13 Độ chính xác tương đối (RA): 2,8% + Nhiệt độ: Độ sai khác: 0,48 Độ lệch tiêu chuẩn: 0,04 Hệ số tin cậy: 0,04 Độ chính xác tương đối (RA): 1,8% + TSS: Độ sai khác: 1,44 Độ lệch tiêu chuẩn: 0,70 Hệ số tin cậy: 0,74 Độ chính xác tương đối (RA): 8,9% + COD: Độ sai khác: 1,80 Độ lệch tiêu chuẩn: 1,19 Hệ số tin cậy: 1,24 Độ chính xác tương đối (RA): 8,7% + Amoni: Độ sai khác: 0,01 Độ lệch tiêu chuẩn: 0,01 Hệ số tin cậy: 0,01

	Độ chính xác tương đối(RA):14,3% + Lưu lượng đầu vào: Độ sai khác: 7,39 Độ lệch tiêu chuẩn: 0,97 Hệ số tin cậy: 1,02 Độ chính xác tương đối(RA):5,6% + Lưu lượng đầu ra: Độ sai khác: 9,08 Độ lệch tiêu chuẩn: 1,84 Hệ số tin cậy: 1,93 Độ chính xác tương đối(RA): 6,1%
--	--

5. Hệ thống khác

a.	- Thiết bị có khả năng thu thập, lưu giữ và truyền dữ liệu liên tục, tự động. Kết luận: thiết bị thu thập, lưu giữ và truyền dữ liệu đạt tiêu chuẩn để hoạt động	Có ☒ Không ☐ Đạt ☒ Không đạt ☐
b.	- Các chất chuẩn đối với các thông số quan trắc (liệt kê tên các chất chuẩn). - Số lượng chất chuẩn/ số lượng thông số môi trường được quan trắc - Chất chuẩn còn hạn sử dụng - Chất chuẩn có độ chính xác tối thiểu $\pm 5\%$ (đối với pH là $\pm 0,1$ pH) - Chất chuẩn được liên kết chuẩn theo quy định của pháp luật về đo lường Kết luận: Chất chuẩn đạt tiêu chuẩn để hoạt động (Có giấy chứng nhận về chất chuẩn kèm theo)	pH, COD, TSS, Amoni 04/04 Thông số Còn ☒ Không ☐ Có ☒ Không ☐ Có ☒ Không ☐ Đạt ☒ Không đạt ☐

V. Kết luận

- Điều kiện hoạt động của hệ thống quan trắc nước thải tự động, liên tục:

Đủ điều kiện ☒

Không đủ điều kiện ☐

Hệ thống quan trắc nước thải tự động, liên tục của cơ sở đáp ứng yêu cầu các điều khoản của Thông tư 10/2021/TT-BTNMT. Vì vậy, hệ thống quan trắc nước thải tự động của cơ sở đủ điều kiện vận hành và tiếp tục hoạt động.

Đại diện đơn vị kiểm tra
(Ký và ghi rõ họ tên)

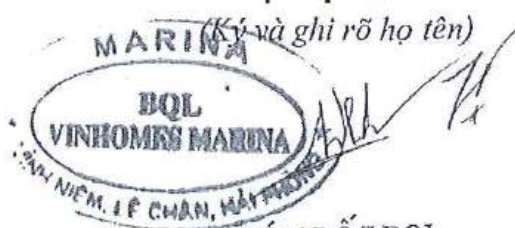


PHÓ GIÁM ĐỐC

Dặng Ngọc Long

Đại diện cơ sở

(Ký và ghi rõ họ tên)



GIÁM ĐỐC BQL

Nguyễn Thị Hồng Bích

KẾT QUẢ HIỆU CHUẨN

(Calibration Results)

Kèm theo giấy chứng nhận hiệu chuẩn số: CAE23HC02787
(Attached to certificate N^o):

Chỉ tiêu/ Parameter	Đơn vị/ Unit	Giá trị chuẩn/ Reference Value	Giá trị đọc/ Reading Value	Số hiệu chỉnh/ Correction Value	Độ không đảm bảo đo/ Uncertainty (k = 2; P = 0,95)
Nhiệt độ	°C	30,017	30,1	-0,083	0,8
		40,014	40,2	-0,186	
		50,018	50,2	-0,182	

Điều kiện môi trường

Environmental conditions

Địa điểm thực hiện

Place of calibration

Ngày hiệu chuẩn

Date of calibration

Nhiệt độ/Temperature 25 °C

Độ ẩm/Relative humidity 67 %RH

Trạm XLNT Vinhomes Marina Hải Phòng

Phường Vĩnh Niệm, quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng
01-12-23

Ghi chú:

(*) Phương tiện đo này không được sử dụng để định lượng hàng hóa, dịch vụ trong mua bán, thanh toán, bảo đảm an toàn, bảo vệ sức khỏe cộng đồng, bảo vệ môi trường, trong thanh tra, kiểm tra, giám định tư pháp và trong các hoạt động công vụ khác
(**) Phương tiện đo này không được sử dụng làm chuẩn đo lường để kiểm định phương tiện đo nhóm 2

Người thực hiện
(Calibrated by)

Bùi Hoàng Dũng



Since 1999

ĐK 332 - VILAS 501

TRUNG TÂM PHÂN TÍCH VÀ MÔI TRƯỜNG (Center of Analysis and Environment)

Trụ sở (Add): Nhà số 7, lô A, Số 25 Láng Hạ, Phường Thành Công, Q. Ba Đình, TP. Hà Nội

Văn phòng (office): Lô 47 + 48, dự án khu nhà ở thấp tầng The Premier tại lô E2/21,

khu ĐTM Cầu Giấy, đường Tôn Thất Thuyết, phường Dịch Vọng Hậu, Q. Cầu Giấy, TP. Hà Nội

Điện thoại (Tel): 024 3203 8666 - Hotline: 0902 05 05 76 - Fax: 024.3856 1279

GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN (Calibration Certificate)

Số (Nº): CAE23HC02310

Tên đối tượng:
(Object):

Phương tiện đo lưu lượng nước

Kiểu:
(Type):

FEV 121

Số: 21010796
(Serial Nº)

Nơi sản xuất:
(Manufacturer):

ABB

Đặc trưng kỹ thuật đo lường:
(Specification):

Kiểu: DN200 mm

Giá trị độ chia:

Phạm vi đo: $(57 \div 1130) \text{ m}^3/\text{h}$

0,1 m^3/h

Cơ sở sử dụng:
(Customer):

Chi nhánh tại Hải Phòng – Công ty Cổ phần Vinhomes
Số 1 đường Hà Nội, phường Thượng Lý, quận Hồng Bàng,
thành phố Hải Phòng

Phương pháp thực hiện:
(Method of calibration):

TTPTMT.HC-104

Chuẩn được sử dụng:
(Standard used):

Mã QL/ Code Nº	Mô tả/ Description	LKC/ Traceability	Thời hạn GCN/ Due date
CAE-TBC-55	Lưu lượng kế siêu âm; Độ KĐB: 2%t.d	SM	04-2023

Kết quả:
(Results):

Xem trang 2/2

Ngày hiệu chuẩn khuyến nghị:
(Recalibration recommended):

30-09-24

Quản lý phòng thí nghiệm
(Laboratory Manager)

Giáp Ngọc Lập

Hà Nội, ngày 08 tháng 09 năm 2023
Date of issue

TUQ. GIÁM ĐỐC
(DOA. Director)



PHÓ GIÁM ĐỐC

Trang: 1/2
(Nº of pages)

Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang
nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Phân tích và Môi trường
(This certificate shall not be reproduced except in full, without the written approval of CAE)

KẾT QUẢ HIỆU CHUẨN

(Calibration Results)

Kèm theo giấy chứng nhận hiệu chuẩn số: CAE23HC02310
(Attached to certificate N^o):

Chỉ tiêu/ Parameter	Giá trị chuẩn/ Reference Value	Giá trị đọc/ Reading Value	Hệ số hiệu chỉnh/ Correction Factor*	Sai số/ Error (%)	Độ không đảm bảo đo/Uncertainty (k = 2; P = 0,95) (%t.đ)
	(m³/h)				
Lưu lượng	74,56	73,2	1,02	-1,82	2,5

Chú ý: (*): Giá trị chuẩn = Giá trị đọc × Hệ số hiệu chỉnh

(Note): Các kết quả trên phù hợp với điều kiện lắp đặt, sử dụng tôn trọng kỹ thuật của nhà sản xuất.

Điều kiện môi trường

Environmental conditions

Địa điểm thực hiện

Place of calibration

Ngày hiệu chuẩn

Date of calibration

Nhiệt độ/Temperature : 27 °C

Độ ẩm/ Relative humidity : 72 %RH

Trạm XLNT Vinhomes Marina Hải Phòng

Phường Vĩnh Niệm, quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng

08-09-23

Ghi chú:

(*) Phương tiện đo này không được sử dụng để định lượng hàng hóa, dịch vụ trong mua bán, thanh toán, bảo đảm an toàn, bảo vệ sức khỏe cộng đồng, bảo vệ môi trường, trong:

thanh tra, kiểm tra, giám định tư pháp và trong các hoạt động công vụ khác

(**) Phương tiện đo này không được sử dụng làm chuẩn đo lường để kiểm định phương tiện đo nhóm 2

Người thực hiện
(Calibrated by)

Nguyễn Tuấn Anh



Since 1999

DK 332 - VILAS 501

TRUNG TÂM PHÂN TÍCH VÀ MÔI TRƯỜNG (Center of Analysis and Environment)

Trụ sở (Add): Nhà số 7, lô A, Số 25 Láng Hạ, Phường Thành Công, Q. Ba Đình, TP. Hà Nội

Văn phòng (office): Lô 47 + 48, dự án khu nhà ở thấp tầng The Premier tại lô E2/21,

khu ĐTM Cầu Giấy, đường Tôn Thất Thuyết, phường Dịch Vọng Hậu, Q. Cầu Giấy, TP. Hà Nội

Điện thoại (Tel): 024 3203 8666 - Hotline: 0902 05 05 76 - Fax: 024.3856 1279

GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN (Calibration Certificate)

Số (N^o): CAE23HC02311

Tên đối tượng:
(Object):

Phương tiện đo lưu lượng nước

Kiểu:
(Type):

Flomag 3001

Số: 2019/11949

(Serial N^o)

Nơi sản xuất:
(Manufacturer):

Flomag

Đặc trưng kỹ thuật đo lường:
(Specification):

Kiểu: DN150 mm

Giá trị độ chia:

Phạm vi đo: (10 ÷ 250) m³/h

0,1 m³/h

Cơ sở sử dụng:
(Customer):

Chi nhánh tại Hải Phòng – Công ty Cổ phần Vinhomes
Số 1 đường Hà Nội, phường Thượng Lý, quận Hồng Bàng,
thành phố Hải Phòng

Phương pháp thực hiện:
(Method of calibration):

TTPTMT.HC-104

Chuẩn được sử dụng:
(Standard used):

Mã QL/ Code N ^o	Mô tả/ Description	LKC/ Traceability	Thời hạn GCN/ Due date
CAE-TBC-55	Lưu lượng kế siêu âm; Độ KĐB: 2%t.đ	SM	04-2023

Kết quả:
(Results):

Xem trang 2/2

Ngày hiệu chuẩn khuyến nghị:
(Recalibration recommended):

30-09-24

Quản lý phòng thí nghiệm
(Laboratory Manager)

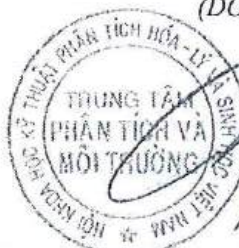
Lập

Giáp Ngọc Lập

Hà Nội, ngày 08 tháng 09 năm 2023

Date of issue

TRƯỞNG PHÒNG
(DOA. Director)



PHÓ GIÁM ĐỐC

Đặng Ngọc Long

Trang: 1/2
(N^o of pages)

Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang
nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Phân tích và Môi trường
(This certificate shall not be reproduced except in full, without the written approval of CAE)

KẾT QUẢ HIỆU CHUẨN (Calibration Results)

Kèm theo giấy chứng nhận hiệu chuẩn số: CAE23HC02311
(Attached to certificate N^o):

Chỉ tiêu/ Parameter	Giá trị chuẩn/ Reference Value	Giá trị đọc/ Reading Value	Hệ số hiệu chỉnh/ Correction Factor*	Sai số/ Error (%)	Độ không đảm bảo đo/Uncertainty (k = 2; P = 0,95) (%t.d)
	(m³/h)				
Lưu lượng	125,28	127,4	0,98	1,69	2,5

Chú ý: (*) : Giá trị chuẩn = Giá trị đọc × Hệ số hiệu chỉnh

(Note): Các kết quả trên phù hợp với điều kiện lắp đặt, sử dụng tôn trọng kỹ thuật của nhà sản xuất.

Điều kiện môi trường

Nhiệt độ/Temperature : 27 °C

Environmental conditions

Độ ẩm/ Relative humidity : 72 %RH

Địa điểm thực hiện

Trạm XLNT Vinhomes Marina Hải Phòng

Place of calibration

Phường Vĩnh Niệm, quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng

Ngày hiệu chuẩn

08-09-23

Date of calibration

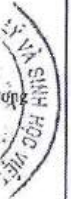
Ghi chú:

(*) Phương tiện đo này không được sử dụng để định lượng hàng hóa, dịch vụ trong mua bán, thanh toán, bảo đảm an toàn, bảo vệ sức khỏe cộng đồng, bảo vệ môi trường, trọng
thanh tra, kiểm tra, giám định tư pháp và trong các hoạt động công vụ khác

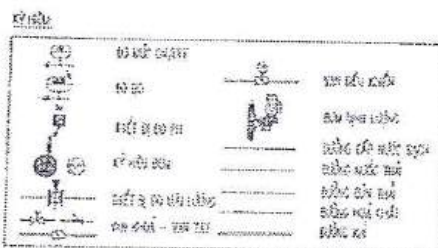
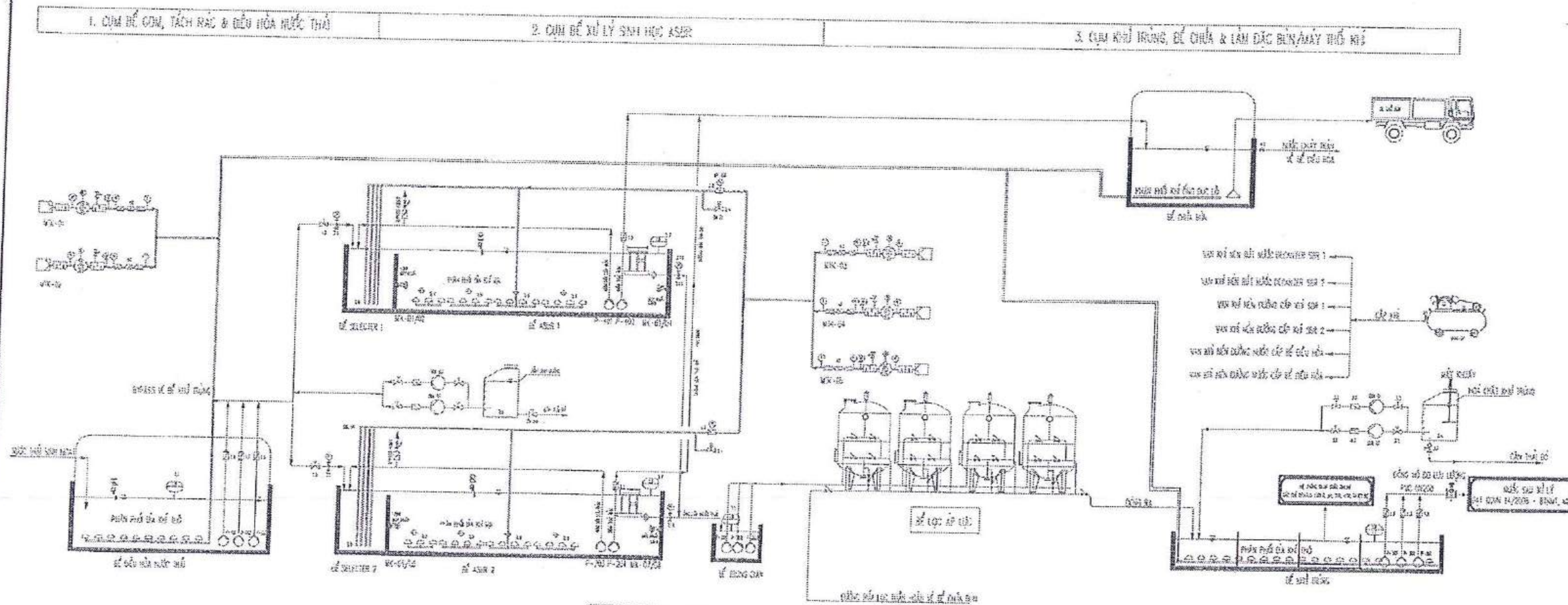
(**) Phương tiện đo này không được sử dụng làm chuẩn đo lường để kiểm định phương tiện đo nhóm 2

Người thực hiện
(Calibrated by)

Nguyễn Tuấn Anh



SƠ ĐỒ CÔNG NGHỆ

[illegible]

ĐC T0 1700 THANH LIEN DANH XÂY LẮP VÀ MÔI TRƯỜNG MTC - Á CHÂU

1. 100 2. 100 3. 100 4. 100 5. 100
 6. 100 7. 100 8. 100 9. 100 10. 100
 11. 100 12. 100 13. 100 14. 100 15. 100
 16. 100 17. 100 18. 100 19. 100 20. 100
 21. 100 22. 100 23. 100 24. 100 25. 100
 26. 100 27. 100 28. 100 29. 100 30. 100
 31. 100 32. 100 33. 100 34. 100 35. 100
 36. 100 37. 100 38. 100 39. 100 40. 100
 41. 100 42. 100 43. 100 44. 100 45. 100
 46. 100 47. 100 48. 100 49. 100 50. 100
 51. 100 52. 100 53. 100 54. 100 55. 100
 56. 100 57. 100 58. 100 59. 100 60. 100
 61. 100 62. 100 63. 100 64. 100 65. 100
 66. 100 67. 100 68. 100 69. 100 70. 100
 71. 100 72. 100 73. 100 74. 100 75. 100
 76. 100 77. 100 78. 100 79. 100 80. 100
 81. 100 82. 100 83. 100 84. 100 85. 100
 86. 100 87. 100 88. 100 89. 100 90. 100
 91. 100 92. 100 93. 100 94. 100 95. 100
 96. 100 97. 100 98. 100 99. 100 100. 100

NGÀY 10. THÁNG 7. NĂM 2020

113 TÊN CÔNG VIÊN ĐƠN VỊ

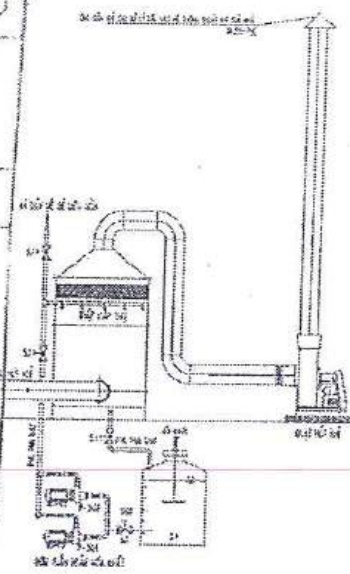
CHỈ DẪY THƯỜNG
(HỌ TÊN, CHỖ BÝ)

TU VẤN GIÁM SÁT VÀ QUẢN LÝ TÀI CHÍNH, QUẢN LÝ THUẾ, QUẢN LÝ HẠNG MỤC

Mark Lee

Lưu Thôn Lân

Pham Van Dao



4. Hệ thống tài và kế hoạch

CÔNG TRÌNH:

HỆ THỐNG XLNT KHU ĐÔ THỊ CẦU RÀO 2
CÔNG SUẤT 2159M3/NGÀY ĐÊM

ĐỊA ĐIỂM XÂY DỰNG :
PHƯỜNG VINH NIỆM, QUẬN LÊ CHÂN, TP HẢI PHÒNG

CHỦ ĐẦU TƯ:

TẬP ĐOÀN VINGROUP
CÔNG TY CP

ĐC: Số 07 đường Hàng Lãng 1, Khu đô thị sinh thái Vinhomes
 Riverside, phường Việt Hưng, quận Long Biên, thành phố Hà Nội
 TEL: +84 4 32748999 FAX: +84 4 36748663

TỰ VẤN GIÁM SÁT:
CÔNG TY CỔ PHẦN VINHOMES

ĐC: Số 07 đường Bằng Lăng 1, Khu 35 thị xã Thủ Đức, phường Việt Hưng, quận Long Biên, thành phố Hà Nội
TEL: +84 4 39749999 FAX: +84 4 35746888

BAN QUXD;

TƯ VẤN GIÁM SÁT:

NHÀ THẦU THI CÔNG :
 CÔNG TY CP LIÊN DANH XÂY LẮP
 VÀ MÔI TRƯỜNG MTC - Á CHÂU

ĐC: Số 146 Đường Cổ Linh, Phường Xuân, Quận Bình Tân, TP HCM
Tel: (846) 754 0062/259 0246 Email: bach-an@gmail.com

CY HUY TRƯỞNG:

NGUYỄN VĂN ĐẠI

ACD/VE-

BẢN VẼ HOÀN CÔNG

HỌ TÊN:	NGUYỄN VĂN AN
HỌNG MỤC:	HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI

TÊN ĐƠN VỊ :	SƠ ĐỒ CÔNG NGHỆ
--------------	-----------------

SỐ HIỆU BẢN VẼ: TXL.CN-02

NGÀY LẬP BƯ: Tháng 07/2020

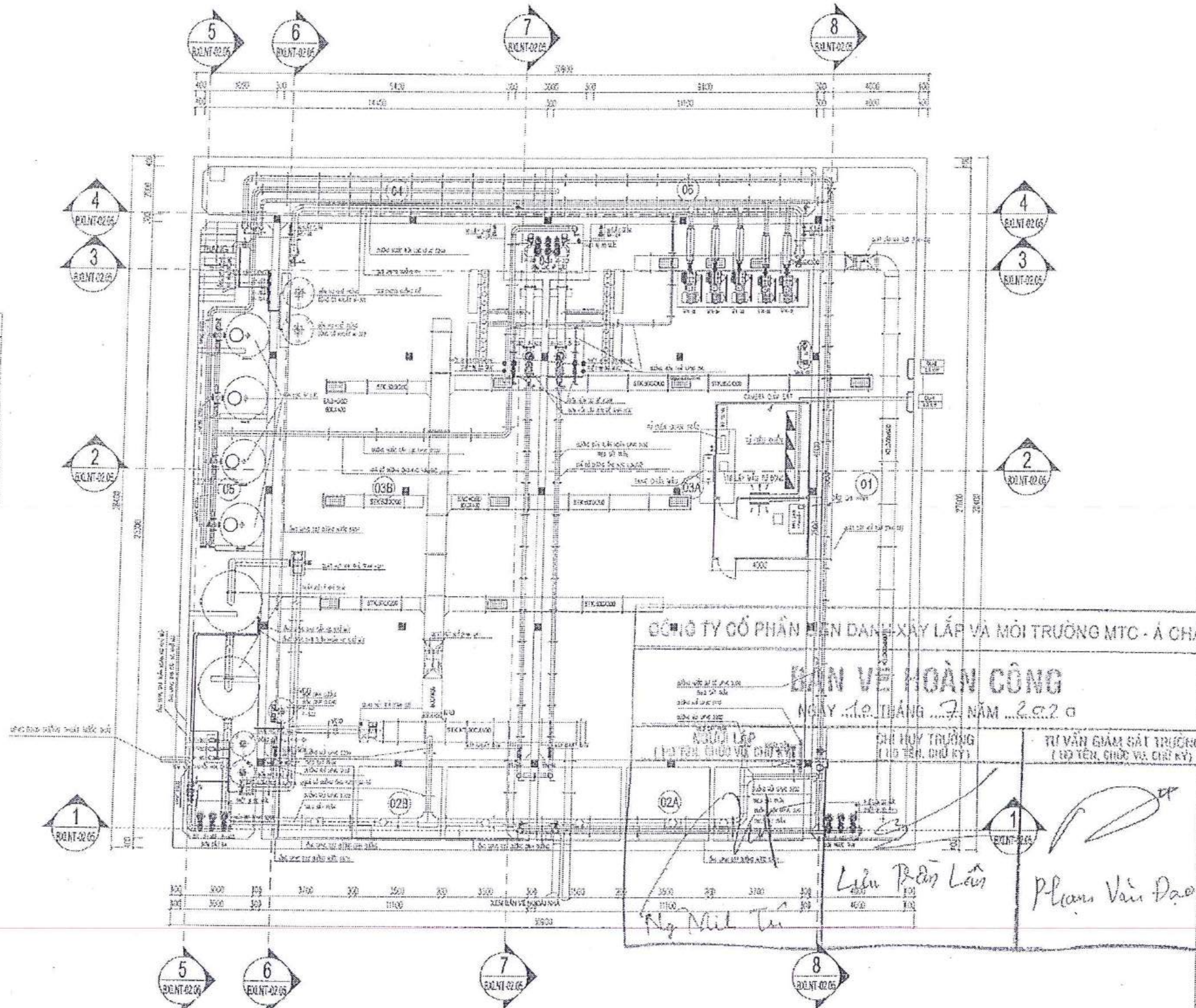
TIME:

CHÍNH SÁCH:

MẶT BẰNG LẮP ĐẶT TỔNG THỂ TXLNT

GHI CHÚ:

01	: BỂ ĐIỀU HÒA
02A	: BỂ SELECTOR 01
02B	: BỂ SELECTOR 02
03A	: BỂ ASBR 01
03B	: BỂ ASBR 02
04	: BỂ TRUNG GIAN
05	: BỂ KHỬ TRÙNG
06	: BỂ CHỨA BÙN



CÔNG TRÌNH:

HỆ THỐNG XLNT KHU ĐÔ THỊ CẦU RÀO 2
CÔNG SUẤT 2150M3/NGÀY ĐÊM

ĐỊA ĐIỂM XÂY DỰNG:
PHƯỜNG VINH NIỆM, QUẬN LÊ CHÂN, TP HÀ NỘI

CHỦ ĐẦU TƯ:

TẬP ĐOÀN VINGROUP
CÔNG TY CP

ĐC: Số 07 đường Bưởi Lãng 1, khu đô thị sinh thái Vinhomes
Riverside, phường Việt Hưng, quận Long Biên, thành phố Hà Nội
TEL: +84 4 39749805 FAX: +84 4 39748838

TƯ VẤN GIÁM SÁT:

CÔNG TY CỔ PHẦN VINHOMES

ĐC: Số 07 đường Bưởi Lãng 1, khu đô thị sinh thái Vinhomes
Riverside, phường Việt Hưng, quận Long Biên, thành phố Hà Nội
TEL: +84 4 39749805 FAX: +84 4 39748838

BẢN QLXD:

TƯ VẤN GIÁM SÁT:

NHÀ THẦU THI CÔNG:

CÔNG TY CP LIÊN DANH XÂY LẮP VÀ MÔI TRƯỜNG MTC - Á CHÂU

ĐC: Số 140 Đường Cổ Linh, Phường Bắc, Quận Bắc, Hà Nội
Tel: (+84) 244 00.000.000 Email: achau@achau.com

CHỈ TRUY TRƯỞNG:

NGUYỄN VĂN ĐAI

NGƯỜI VẼ:

NGUYỄN MINH TỬ

BẢN VẼ HOÀN CÔNG

HẠNG MỤC: HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI

TÊN BẢN VẼ: MẶT TỔNG THỂ TRẠM XLNT

SỐ HỘ BẢN VẼ: TXL-CN-05

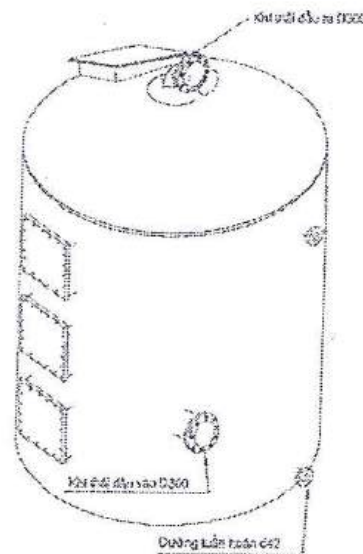
NGÀY LẬP BẰNG: Tháng 07/2020

TITLE:

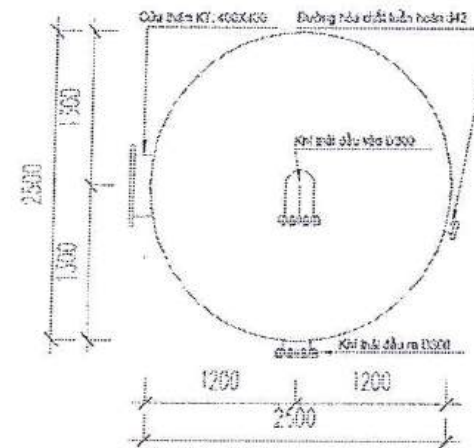
CHỖ THÌ SỬA:

CHI TIẾT THÁP HẤP THỤ

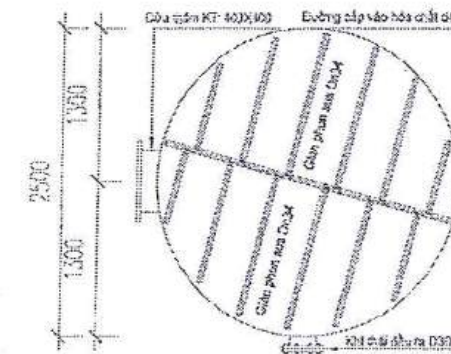
THÁP HẤP THỤ



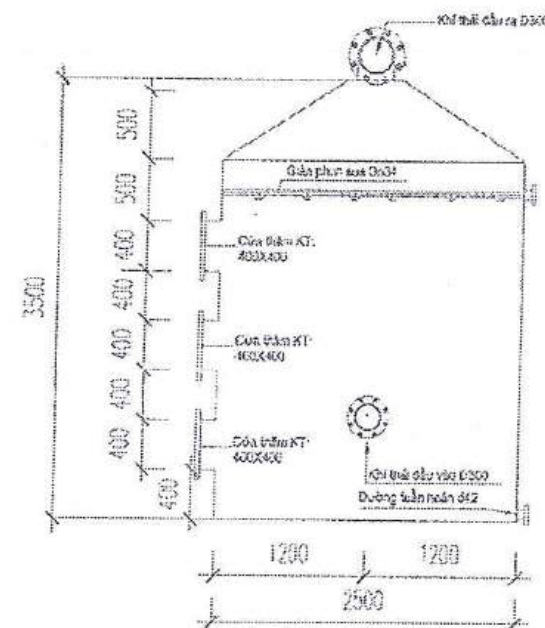
TOP VIEW



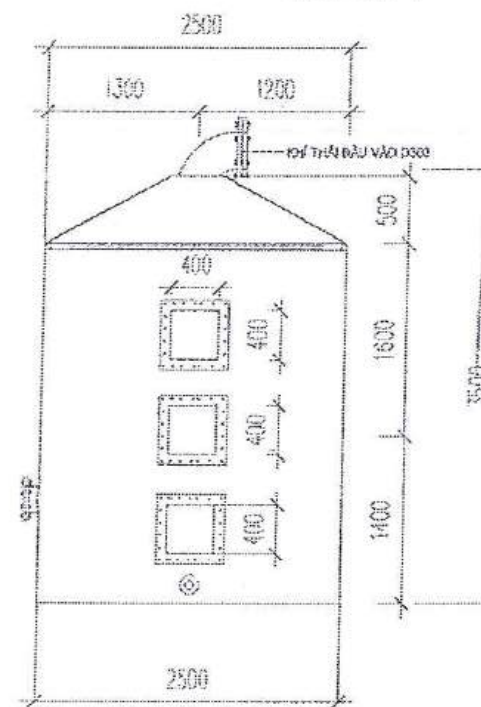
MẶT CẮT



MẶT CẮT 1



MẶT CẮT 2



BHƯU CHÚ

- THÁP HẤP THỤ:
- SỐ LƯỢNG: 01 ĐỢ
- KÍCH THƯỚC: D=2500x3500MM

CÔNG TRÌNH:

HỆ THỐNG XỬ LÝ KHU ĐÔ THỊ CẦU RÀO 2
CÔNG SUẤT 2150M3/NGÀY ĐÊM

ĐỊA ĐIỂM XÂY DỰNG:

PHƯỜNG VĨNH NIỆM, QUẬN LÊ CHÂN, TP HẢI PHÒNG

CHỦ ĐẦU TƯ:

TẬP ĐOÀN VINGROUP
CÔNG TY CP

ĐC: Số 07 đường Bàng Lãng 1, khu đô thị sinh thái Vinhomes
Riverline, phường Việt Hưng, quận Long Biên, thành phố Hà Nội

TEL: +84 4 39745999

FAX: +84 4 39745999

TƯ VẤN GIÁM SÁT:

CÔNG TY CỔ PHẦN VINHOMES

ĐC: Số 07 đường Bàng Lãng 1, khu đô thị sinh thái Vinhomes
Riverline, phường Việt Hưng, quận Long Biên, thành phố Hà Nội

TEL: +84 4 39745999

FAX: +84 4 39745999

BẢN GIẤY:

CÔNG TY CỔ PHẦN LIÊN DANH XÂY LẮP VÀ MÔI TRƯỜNG MTC - Á CHÂU		
BẢN VẼ HOÀN CÔNG		
NGÀY 1.8. THÁNG 7. NĂM 2020		
NGƯỜI LẬP (HỌ TÊN, CHỨC VỤ, CHỮ KÝ)	CHỈ HUY TRƯỞNG (HỌ TÊN, CHỮ KÝ)	TƯ VẤN GIÁM SÁT TRƯỞNG (HỌ TÊN, CHỨC VỤ, CHỮ KÝ)
Nguyen Minh Tin	Le Tran Lan	Phan Van Dao
NHÀ THẦU THÍ CÔNG:		
CÔNG TY CP LIÊN DANH XÂY LẮP VÀ MÔI TRƯỜNG MTC - Á CHÂU		
ĐC: Số 140 Đường Cổ Linh, P Long Biên, Q Long Biên, Hà Nội		
Tic: (245) 294 0060/250 0246 Email: scthu@mtc.vn		

CHỈ HUY TRƯỞNG:

NGUYỄN VĂN ĐẠI

NGƯỜI VẼ:

NGUYỄN MINH TÚ

BẢN VẼ HOÀN CÔNG

HẠNG MỤC:

HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI

TÊN BẢN VẼ:

CHI TIẾT THÁP HẤP THỤ

SỐ HIỆU BẢN VẼ:

TXL-CYLD-03

NGÀY LẬP BẰ:

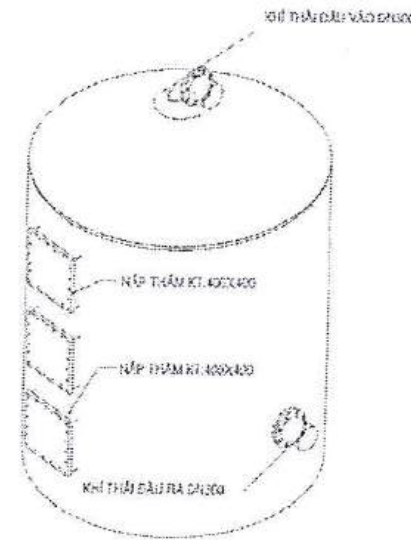
Tháng 07/2020

TITLE:

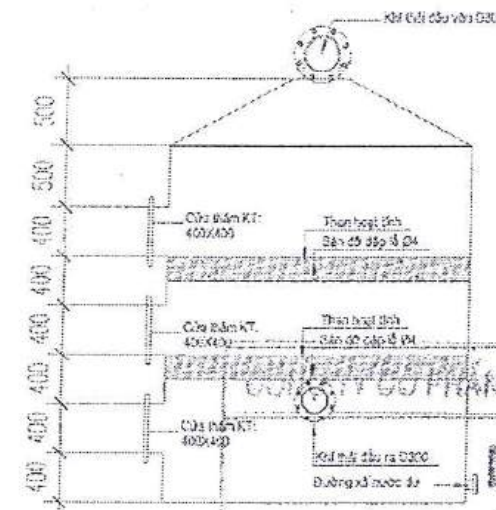
CHÍNH SỬA:

CHI TIẾT THÁP HẤP PHỤ

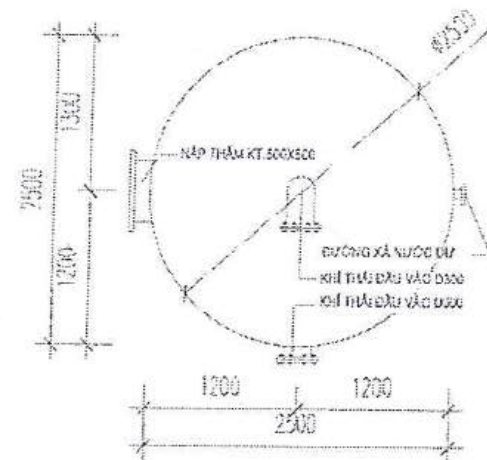
THÁP HẤP PHỤ



MẶT CẮT 1



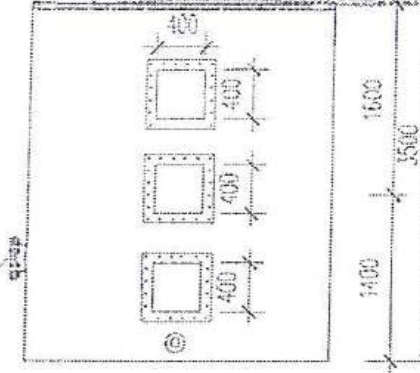
TOP VIEW



BẢN VẼ HOÀN CÔNG

NGÀY 19 THÁNG 7 NĂM 2020

NGƯỜI LẬP (HỌ TÊN, CHỨC VỤ, CHỮ KÝ)	CHỈ HUY TRƯỞNG (HỌ TÊN, CHỮ KÝ)	TƯ VẤN GIÁM SÁT (HỌ TÊN, CHỨC VỤ, CHỮ KÝ)
MẶT CẮT 2 <i>Ng Minh Tuấn</i>	<i>Liêu Trần Lân</i>	<i>Phạm Văn Đạo</i>



CHI TIẾT

- THÁP HẤP PHỤ:
- SỐ LƯỢNG: 01 BỘ
- KÍCH THƯỚC: ØNH=2500x3500MM

CÔNG TRÌNH:

HỆ THỐNG XỬ LÝ KHU ĐÔ THỊ CẦU RÀO 2
CÔNG SUẤT 2160M3/NGÀY ĐÊM

ĐỊA ĐIỂM XÂY DỰNG:
PHƯỜNG VINH NIỆM, QUẬN LÊ CHÂN, TP. HẢI PHÒNG

CHỦ ĐẦU TƯ:

TẬP ĐOÀN VINGROUP
CÔNG TY CP

ĐC: Số 07 đường Bằng Lăng 1, Khu đô thị sinh thái Vinhomes
Riverside, phường Việt Hưng, quận Long Biên, thành phố Hà Nội
TEL: +84 4 39749990 FAX: +84 4 39748893

TƯ VẤN GIÁM SÁT:

CÔNG TY CỔ PHẦN VINHOMES

ĐC: Số 07 đường Bằng Lăng 1, Khu đô thị sinh thái Vinhomes
Riverside, phường Việt Hưng, quận Long Biên, thành phố Hà Nội
TEL: +84 4 39749990 FAX: +84 4 39748893

BAN QLXD:

TƯ VẤN GIÁM SÁT:

NHÀ THẦU THI CÔNG:
CÔNG TY CP LIÊN DANH XÂY LẮP
VÀ MÔI TRƯỜNG MTC - A CHÂU

ĐC: Số 140 Đường Cổ Linh, P. Long Biên, Q. Long Biên, Hà Nội
Tel: (04) 291 9662/291 0210 Email: sonu@mtg.com.vn

CHỈ HUY TRƯỞNG:

NGUYỄN VĂN ĐẠI

NGƯỜI VẼ:

NGUYỄN MINH TỐ

BẢN VẼ HOÀN CÔNG

HẠNG MỤC:	HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI
TÊN BẢN VẼ:	CHI TIẾT THÁP HẤP PHỤ
SỐ BIỆU BẢN VẼ:	TXL.CTLD-01
NGÀY LẬP BỐ:	Tháng 07/2020
TITLE:	
CHỮ SẴN:	